

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN HỒNG SAO

**SO SÁNH NGÔN NGỮ BÁO CHÍ
TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH
QUA MỘT SỐ THỂ LOẠI**

**CHUYÊN NGÀNH : NGÔN NGỮ HỌC SO SÁNH – ĐỐI CHIẾU
MÃ SỐ : 62.22.01.10**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN



Người hướng dẫn khoa học :

- 1. PGS. TS. LÊ KHẮC CƯỜNG**
- 2. TS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRANG**

Thành phố HỒ CHÍ MINH - 2010

***Phản biện độc lập :**

Phản biện độc lập 1: GS.TS.Nguyễn Đức Dân

Phản biện độc lập 2: GS.TSKH. Trần Ngọc Thêm

Phản biện độc lập 3: PGS.TS. Nguyễn Hồng Cẩn

***Phản biện:**

Phản biện 1 : GS.TS. Nguyễn Đức Dân

Phản biện 2 : GS.TS. Lê Quang Thiêm

Phản biện 3 : PGS.TS. Nguyễn Hồng Cẩn

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận án này là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu và kết quả phát hiện nêu trong luận án này là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kì công trình nào khác.

TP. Hồ Chí Minh, tháng 11/2010

Người thực hiện

NGUYỄN HỒNG SAO

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	10
1. Lý do chọn đề tài.....	10
2. Lịch sử vấn đề.....	12
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	19
4. Mục đích - nhiệm vụ nghiên cứu:	19
5. Phương pháp nghiên cứu và nguồn ngữ liệu.....	20
6. Đóng góp của luận án.....	21
7. Bố cục của luận án.....	22
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA LUẬN ÁN.....	24
1.1 Các ý nghĩa liên nhân và tương tác	24
1.2. Lý thuyết thẩm định:.....	26
1.3. Ngôn ngữ báo chí với tính “chủ quan” – “khách quan”	33
1.4. Vị thế liên chủ quan (<i>inter – subjective positioning</i>) với Ngữ pháp thẩm định.....	36
1.5. Thể loại qua cái nhìn của Ngữ học chức năng hệ thống.....	39
1.6. Tính liên văn bản và kiến tạo diễn ngôn mang tính xã hội.....	40
1.7. Mô hình hóa tin và phóng sự.....	43
1.8. Diễn ngôn truyền thông mang tính toàn cầu.....	50
1.9. Tiểu kết.....	52
CHƯƠNG 2: NGÔN NGỮ TIN QUỐC TẾ TRÊN BÁO TIẾNG VIỆT VÀ BÁO TIẾNG ANH.....	55
2.1. Cấu trúc Tin quốc tế trên báo tiếng Việt.....	55
2.1.1. Tin quốc tế.....	55

2.2 Ngôn ngữ của Tin quốc tế trên báo tiếng Việt qua lăng kính của Bộ khung thẩm định	60
2.2.1. Phạm trù Thái độ trong ngôn ngữ Tin quốc tế trên báo tiếng Việt.....	60
2.2.2. Phạm trù Thang độ và Thỏa hiệp trong ngôn ngữ Tin quốc tế trên báo tiếng Việt...69	
2.2.3. Phạm trù Thỏa hiệp trong ngôn ngữ Tin quốc tế trên báo tiếng Việt	81
2.3. Cấu trúc tiểu loại Tin quốc tế trên báo tiếng Anh	94
2.3.1. Đoạn mở đầu	95
2.3.2. Nguyên lý quỹ đạo.....	102
2.3.3. Ranh giới giữa hạt nhân và vệ tinh.....	106
2.4 Ngôn ngữ của tiểu thể loại Tin quốc tế trên báo tiếng Anh qua lăng kính của Bộ khung thẩm định.....	106
2.4.1. Phạm trù Thái độ trong một số văn bản Tin quốc tế trên báo tiếng Anh.....	106
2.4.2. Phạm trù Thang độ và Thỏa hiệp trong ngôn ngữ Tin quốc tế trên báo tiếng Anh.115	
2.5 Tiểu kết	125
2.5.1 Về mặt cấu trúc.....	125
2.5.2 Về mặt ngôn ngữ	127

CHƯƠNG 3: NGÔN NGỮ PHÓNG SỰ TRÊN BÁO TIẾNG VIỆT VÀ BÁO TIẾNG ANH 129

3.1. Cấu trúc thể loại Phóng sự trên báo tiếng Việt	129
3.1.1 Quan điểm của một số tác giả Việt Nam về Phóng sự	129
3.1.2. Cấu trúc về thời gian và không gian.....	132
3.1.3. Cấu trúc về nội dung.....	133
3.2. Ngôn ngữ Phóng sự trên báo tiếng Việt qua lăng kính của Bộ khung thẩm định.....	138
3.2.1. Phạm trù Thái độ trong ngôn ngữ Phóng sự trên báo tiếng Việt.....	138
3.2.2. Phạm trù Thang độ và Thỏa hiệp trong ngôn ngữ Phóng sự trên báo tiếng Việt....	142

3.3. Cấu trúc thể loại Phóng sự trên báo Tiếng Anh	143
3.3.1 Tính văn học trong Phóng sự trên báo tiếng Anh.....	147
3.3.2 Phân loại Phóng sự theo quan niệm của Cộng đồng báo chí tiếng Anh.....	147
3.3.3. Bố cục và cấu trúc một bài Phóng sự trên báo tiếng Anh.....	148
3.4. Ngôn ngữ thể loại Phóng sự trên báo tiếng Anh qua lăng kính của Bộ khung thẩm định	157_Toc310775348
3.4.1. Phạm trù Thái độ trong ngôn ngữ Phóng sự trên báo tiếng Anh	157
3.4.2. Phạm trù Thang độ và Thỏa hiệp trong ngôn ngữ Phóng sự trên báo tiếng Anh	166
3.5. Tiểu kết	175
KẾT LUẬN	179
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	187
TÀI LIỆU THAM KHẢO	189
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC GIẢN ĐỒ, BẢNG BIỂU VÀ HÌNH VẼ ĐƯỢC MINH HOẠ TRONG LUẬN ÁN

Chương 1: Cơ sở Lý luận	Trang
+Bảng 1.1: Các chức năng của ngôn từ và các hiện thực hóa phù hợp (Guijarro, A.J.M.)	25
+Bảng 1.2: Chức năng tương tác trong hình ảnh. (Guijarro, A.J.M.)	26
+Giản đồ 1.1: Hệ thống thẩm định (Martin, J.R.)	29
+Bảng 1.3: Tóm tắt tính chất khách quan đối chiếu với tính chất chủ quan ...	36
+Bảng 1.4: Một cách phân loại loại hình các thể loại (Martin, J.R.)	40
+Giản đồ 1.2: Cấu trúc một mẫu tin (van Dijk, T.A.)	46
+Giản đồ 1.3: Mô hình tin theo cấu trúc quỹ đạo (White, P.R.R.).....	47
+Giản đồ 1.4: Mô hình một bài Phóng sự theo bánh xe Rama (Conley, D.).....	50
Chương 2: Ngôn ngữ tiểu thể loại Tin quốc tế	
+Giản đồ 2.1: Mô hình văn bản tin (Trịnh Sâm)	57
+Giản đồ 2.2: Minh họa mẫu tin theo mô hình quỹ đạo	59
+Bảng 2.1: Bảng từ viết tắt các từ ngữ và kí hiệu dùng trong phạm trù Thái độ	63
+Bảng 2.2: Phân tích mẫu tin VD13V theo giá trị Tác động	64
+Bảng 2.3: Phân tích mẫu tin VD14V theo giá trị Đánh giá	65
+Bảng 2.4: Phân tích mẫu tin VD15V theo giá trị Phán xét	68
+Giản đồ 2.3: Tóm tắt sơ lược về Thang độ	72
+Giản đồ 2.4: Lược: Cường độ - Chất lượng và quá trình	75
+Bảng 2.5: Kết hợp các đặc trưng chỉ sự tăng cường chất lượng	76
+Bảng 2.6: Kết hợp các đặc trưng chỉ sự tăng cường quá trình	76
+Giản đồ 2.5: Sự lượng hóa về lược	80
+Bảng 2.7: Các kết hợp đặc trưng để lượng hóa	80
+Giản đồ 2.6: Các thuật ngữ thương thảo	83
+Giản đồ 2.7: Thoả hiệp: Các điều kiện về mục từ và các môi trường thuộc	

ngữ cảnh	85
+Giản đồ 2.8: Dòng thời gian của mẫu tin “ <i>Independence..</i> ”	99
+Bảng 2.8: Phân tích thủ pháp tăng cường	102
+Giản đồ 2.9: (Cơ cấu) khiến cách là sự lệ thuộc mang tính quỹ đạo	105
+Giản đồ 2.10: Minh họa mẫu tin “ <i>Kosovo</i> ” theo mô hình quỹ đạo.....	106
+Bảng 2.9: Phân tích mẫu tin “ <i>Taiwan.....</i> ” theo phạm trù Thái độ	107
+Bảng 2.10: Phân tích mẫu tin “ <i>Fidel Castro...</i> ” theo phạm trù Thái độ.....	109
Chương 3: Ngôn ngữ thể loại Phóng sự	
+Giản đồ 3.1: Sơ đồ bậc thang	133
+Giản đồ 3.2: Sơ đồ hình tháp ngược.....	133
+Giản đồ 3.3: Mô hình bố cục kết hợp	134
+Giản đồ 3.4: Minh họa Phóng sự “ <i>Đời không bến đậu</i> ” theo mô hình bánh xe Wheel-O-Rama.....	135
+Giản đồ 3.5: Mô hình Phóng sự” <i>Đời không bến đậu</i> ” qua các Biện pháp chuyên biệt.....	137
+Bảng 3.1: Phân tích Phóng sự “ <i>Hà Khẩu, đằng sau sự bình yên</i> ” qua giá trị Tác động.....	138
+Bảng 3.2: Phân tích Phóng sự “ <i>Săn hàng sách đờ</i> ” qua giá trị Phán xét	139
+Bảng 3.3: Phân tích Phóng sự “ <i>Trở lại Phong Nha, Kẻ Bàng</i> ” qua giá trị Đánh giá	140
+Giản đồ 3.6: Thống kê chi tiết và Biện pháp chuyên biệt trong Phóng sự “ <i>Pearls before Breakfast</i> ”	152
+Giản đồ 3.7: Tác phẩm Phóng sự “ <i>Pearls before Breakfast</i> ” theo mô hình bánh xe Wheel -O-Rama.....	157
+Bảng 3.4: Phân tích đoạn 5 Phóng sự “ <i>Pearls before Breakfast</i> ’ theo giá trị Tác động.....	157
+Bảng 3.5: Phân tích đoạn 8 Phóng sự“ <i>Pearls before Breakfast</i> ” theo giá trị Phán xét.....	159
+Bảng 3.6: Phân tích đoạn 13 Phóng sự “ <i>Pearls before Breakfast</i> ” theo	

	giá trị Đánh giá	161
+Bảng 3.7:	Phân tích đoạn 4 Phóng sự “ <i>Pearls before Breakfast</i> ” theo phạm trù Thái độ	165

NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN NÀY

at	An toàn
bh	Bất hạnh
bttđ	Bị thể thẩm định
BPCB	Biện pháp chuyên biệt
bth	Bình thường
BKTĐ	Bộ khung thẩm định
chth	Chân thật
CĐBC	Cộng đồng báo chí
đg	Đánh giá
khng	Khả năng
kph	Khuôn phép
ktr	Kiên trì
LTTĐ	Lí Thuyết Thẩm Định
LATO	Los Angeles Times online
lg	Lượng giá
mm	Mong muốn
NNBC	Ngôn ngữ báo chí
NHCNHT	Ngữ học chức năng hệ thống
NNDN	Ngữ nghĩa diễn ngôn
NPCNHT	Ngữ pháp chức năng hệ thống
NPTV	Ngữ pháp – Từ vựng
phug	Phản ứng
phx	Phán xét
PS	Phóng sự
PSBC	Phóng sự báo chí
PSĐT	Phóng sự điều tra
pttth	Phương tiện truyền thông
SGGPO	Sài Gòn Giải Phóng online
tđ	Tác động
TP	Tác phẩm
ttd	Tác thể thẩm định
+thđ	Thái độ tích cực
-thđ	Thái độ tiêu cực
TNO	Thanh Niên online
thl	Thẻ loại
NYO	The New York Times online
thm	Thỏa mãn
TQT	Tin Quốc Tế
th	Tổng hợp
TTO	Tuổi Trẻ online

USAO
VD
VD...A
VD...V
WPO

TO USA Today online
Ví dụ
Ví dụ.... tiếng Anh
V Ví dụtiếng Việt
Washington Post online

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa như hiện nay thì báo chí có một vai trò cực kỳ quan trọng. Nó là một trong những công cụ hữu hiệu giúp chúng ta tiếp cận với thế giới và làm cho thế giới biết đến chúng ta qua nhiều lĩnh vực khác nhau từ kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục đến thể thao, du lịch... đặc biệt giúp chúng ta bày tỏ chính kiến, bộc lộ công khai và chính thức các quan điểm, thái độ chính trị của mình đối với các vấn đề thời sự quốc tế, quốc nội nóng hổi đang diễn ra từng giờ, từng phút quanh ta.

Theo Dương Xuân Sơn [28] nếu chỉ đề cập đến báo in thì Việt nam hiện có 553 cơ quan báo, tạp chí với 713 ấn phẩm báo chí và hơn 1.000 bản tin với một đội ngũ làm báo chuyên nghiệp và không chuyên lên đến trên 12.000 người. Trong số này không ít tờ báo đã phát hành được ấn bản bằng tiếng Anh dưới hình thức báo in hoặc báo trực tuyến qua mạng Internet. Đội ngũ những người làm báo có bước phát triển nhanh cả về số lượng lẫn chất lượng. Ngày càng có nhiều nhà báo được đào tạo cơ bản, được qua các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ ở trong nước và nước ngoài.

Nhưng một điều mà có lẽ ai cũng phải thừa nhận là viết báo bằng tiếng Việt là một việc làm không dễ còn viết báo bằng tiếng Anh thì lại càng khó hơn, đặc biệt là viết thế nào để được cho là đúng phong cách diễn đạt của người bản ngữ. Để làm được điều đó có lẽ chúng ta không những phải tiếp cận với các yếu tố cấu trúc thể loại – hình thức – mà một yếu tố khác cực kỳ quan trọng là ngôn ngữ – nội dung – của một số thể loại được xem là quan trọng nhất của loại hình báo viết là Tin quốc tế và Phóng sự cũng cần phải được quan tâm đúng mức.

Do đó, trong luận án này chúng tôi sẽ tập trung vào:

+ Khía cạnh liên nhân (*inter-personal*) của ngôn ngữ với sự hiện diện mang tính chủ quan của người viết trong các văn bản báo chí mà họ xem là những lập trường đối với những cứ liệu mà họ trình bày cũng như đối với những cá nhân mà họ giao tiếp.

+ Cách mà người viết chấp nhận và không chấp nhận, tán dương và căm ghét, tán thành và chỉ trích và cái cách mà người viết đặt người đọc của mình vào các vị thế tương tự.

+ Việc Cộng đồng báo chí (CĐBC) xây dựng các văn bản để chia sẻ các cảm nhận và giá trị qua các cơ chế ngôn ngữ về mặt cảm xúc, thị hiếu và sự đánh giá được tiêu chuẩn hóa.

+ Cách mà người viết tự khỏa cho mình nhân dạng của tác giả hay nói khác hơn là tự bộc lộ cá tính bằng cách tự đánh đồng (*align*) hoặc không tự đánh đồng (*disalign*) mình với những người hồi đáp tiềm năng.

+ Cách mà người viết xây dựng văn bản cho số độc giả dự kiến hoặc độc giả thực thụ.

Trong khi những vấn đề nêu trên hầu như chưa được giới ngữ học Việt nam, đặc biệt là giới nghiên cứu về ngôn ngữ báo chí đề cập đến nhiều thì từ khá lâu chúng đã được giới ngữ học phương Tây quan tâm, đặc biệt là các mặt tiếp cận được định hướng như chức năng, kí hiệu học, các tác dụng của diễn ngôn, tu từ và giao tiếp.

Ở đây, chúng tôi đề cập đến một hướng tiếp cận mới đối với những vấn đề còn bỏ ngõ dựa trên siêu chức năng liên nhân của Ngữ học chức năng hệ thống (NHCNHT) qua lăng kính của Bộ khung thẩm định (BKTĐ) để có cái nhìn toàn diện hơn về các diễn ngôn của tiểu loại Tin quốc tế (TQT) và Phóng sự (PS) trên báo tiếng Việt và báo tiếng Anh.

Qua lý thuyết thẩm định (LTTĐ) chúng ta có thể xem Thẩm định (*Appraisal*) là một hệ thống liên nhân ở cấp độ ngữ nghĩa diễn ngôn, kết hợp ý nghĩa liên nhân với hai hệ thống khác là – Liên quan (*involvement*) và Đàm phán (*negotiation*). Thẩm định tự mình “cát cứ” ba lĩnh vực tương tác là – “thái độ” (*attitude*); “thỏa hiệp” (*engagement*) và “thang độ” (*graduation*). Thái độ liên quan đến các cảm nhận của nhà báo bao gồm các phản ứng về mặt cảm xúc, các phê phán về hành vi và đánh giá các sự vật. Thỏa hiệp liên quan đến các thái độ phát sinh và đóng vai trò các loại tiếng nói của biên tập viên, của tác giả, của phóng viên... chung quanh các ý kiến trong diễn ngôn. Thang

độ tham gia vào việc phân loại các hiện tượng mà ở đó các cảm xúc/ cảm nhận được phóng đại và các phạm trù chưa rõ ràng.

Đó chính là những lý do chủ yếu khiến chúng tôi chọn cấu trúc thể loại và ngôn ngữ của tiểu loại Tin quốc tế và Phóng sự trên báo tiếng Việt và tiếng Anh qua lăng kính của Bộ khung thẩm định (BKTĐ) làm đề tài nghiên cứu.

2. Lịch sử vấn đề

2.1. Các tác giả với các công trình nghiên cứu bằng tiếng Việt:

Khi nghiên cứu về các lĩnh vực có liên quan đến báo chí, chúng tôi nhận thấy rằng các tác giả người Việt sau đây đã có những đóng góp ít nhiều cho Cộng đồng báo chí (CĐBC) nói chung và lực lượng nghiên cứu chuyên sâu về ngôn ngữ báo chí nói riêng. Có thể tạm phân chia thành các khuynh hướng sau:

2.1.1. Lịch sử - lý luận về báo chí và đào tạo nghiệp vụ

Hà Minh Đức [6], [7] giới thiệu về các bản chất và đặc trưng của báo chí Việt Nam. Đỗ Quang Hưng [13] chủ biên công trình “Lịch sử báo chí Việt Nam 1865- 1945”, cung cấp một số nét khái quát về lược đồ báo chí Việt Nam từ lúc tờ báo đầu tiên ra đời đến Cách mạng tháng tám thành công. Phan Quang [19], [20] giới thiệu di sản báo chí Việt Nam nói chung và đề cập sâu về nghiệp vụ làm báo: kinh nghiệm rút ra từ nghiệp vụ thực tiễn, đặc biệt là kinh nghiệm viết về thể loại phóng sự điều tra. Tạ Ngọc Tấn [28] giới thiệu những kiến thức cơ bản có hệ thống về các phương tiện truyền thông đại chúng hiện tại. Hội nhà báo Thành phố Hà Nội [35] phác thảo lịch sử báo chí Hà Nội và các báo Trung ương có cơ quan đóng tại Hà Nội từ 1905 đến cuối thế kỉ XX. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường và Trần Quang [26] với giáo trình “Cơ sở lý luận báo chí truyền thông” đề cập đến *“những vấn đề có tính phương pháp luận, các khái niệm, phạm trù, đặc trưng, chức năng, nguyên tắc, hiệu quả, tính sáng tạo của lao động báo chí, làm cơ sở cho việc tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực báo chí truyền thông”*. Vũ Thị Phương Anh [1] với phương pháp xác định một cách khách quan và chính xác độ khó của văn bản

(*Readability*) qua công thức Flesh bằng chương trình máy tính MS – Word (Office 2000) để giúp kiểm tra độ khó và độ dài của văn bản.

2.1.2. Ngữ pháp văn bản

Diệp Quang Ban [2] qua công trình “*Văn bản và liên kết trong tiếng Việt*” đã có một cái nhìn khúc triết và khá toàn diện về các tính chất của văn bản như tính mạch lạc, liên kết và đoạn văn. Trần Ngọc Thêm [29] với công trình “*Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*” đã mở đường cho ngành ngôn ngữ học và văn bản qua cái nhìn khái quát bằng lược đồ tổng kết và phân phối hệ thống các phương thức liên kết văn bản. Trịnh Sâm [24] khái quát tính chất tiêu biểu của tiêu đề văn bản tiếng Việt.

2.1.3. Thể loại

Nhiều dịch giả [33] với công trình “*Nhà báo hiện đại*” (dịch từ nguyên tác “*News Reporting and Writing*”) đã giới thiệu những kỹ thuật cốt lõi của nghề báo từ các thể loại báo chí kinh điển theo quan niệm mới xuất phát từ những bản tin thời sự cho đến tường thuật thể thao và phóng sự điều tra. Đinh Văn Hường [16] cung cấp sự phân tích và chứng minh qua các thí dụ vừa có tính lý luận vừa có tính luyện nghề cho sinh viên ngành báo chí qua ba thể loại Tin, Phóng vấn và Tường thuật. Nhiều tác giả [34] cung cấp cho sinh viên ngành báo chí một số lý luận và kỹ thuật cơ bản để viết một số thể loại báo chí thường gặp. Trần Quang [21], [22] cũng cung cấp các lý luận và kỹ thuật viết tin, phóng vấn, tường thuật và các thể loại báo chí chính luận khác. Đức Dũng [4], [5] phân biệt giữa ký văn học và ký báo chí với tư cách là hai thể loại khác nhau thuộc hai hệ thống thể loại khác nhau qua sử dụng một hệ thống tài liệu phong phú với nhiều thực tiễn sinh động của đời sống văn học và báo chí trong nước đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới để rút ra được kết luận cần thiết. Dương Xuân Sơn [27] với giáo trình “*Các thể loại báo chí chính luận nghệ thuật*” đã trình bày những tri thức, những kinh nghiệm hoạt động thực tiễn báo chí Việt Nam và thế giới qua thể loại Phóng sự, Ký chân dung, Ký chính luận, Ghi nhanh và Câu chuyện báo chí. Trịnh Sâm [25] đã giới thiệu khái quát đặc điểm

ngôn ngữ báo chí trong hoạt động báo chí ở thành phố Hồ Chí Minh, trong đó hai điểm nhấn: tính tương tác giữa báo chí và công chúng và mô hình quỹ đạo chuyển tin của White, P.R.P [130] đã ảnh hưởng đến cấu trúc các mẫu Tin quốc tế trên báo chí ở địa bàn Thành phố HCM nói riêng.

2.1.4. Ngôn ngữ báo chí

Trương Quang Phú [23] phân biệt một văn bản được viết theo ngôn ngữ thông báo với một văn bản được viết theo ngôn ngữ diễn cảm trong báo chí tiếng Anh. Nguyễn Đức Dân [3] giới thiệu đặc điểm ngôn ngữ báo chí nói chung và đặc điểm ngôn ngữ báo viết, báo hình nói riêng; cấu trúc của một bài tin và sự thể hiện cụ thể của cấu trúc đó qua những bộ phận khuôn tin, tiêu đề, đề dẫn... ; thông tin chùm trong báo chí và kỹ thuật xây dựng thông tin chùm bằng những thao tác ngôn ngữ cụ thể; ngôn từ của nhà báo và những yêu cầu về logic diễn đạt trong báo chí. Vũ Quang Hào [9] với nhận xét nổi bật và thú vị nhất trong công trình nghiên cứu của tác giả là hiện tượng lệch chuẩn trong các tác phẩm Phóng sự trên báo chí Việt nam. Tác giả đã khái quát tác dụng của sự lệch chuẩn qua một số nhận định: (1) Sự chế định của lệch chuẩn đối với phong cách của nhà báo và thể loại; (2) Lệch chuẩn và ngôn ngữ chuẩn mực; (3) Lệch chuẩn góp phần tạo nên phong cách ngôn ngữ của nhà báo và (4) Phong cách ngôn ngữ và phong cách nhà báo. Nguyễn Tri Niên [17] nhận định chính xác rằng “*Ngôn ngữ báo chí là một lĩnh vực chuyên nghiệp của báo chí. Tuy chất liệu chủ yếu của nó là ngôn ngữ và có mối liên hệ mật thiết với ngôn ngữ nhưng không vì thế mà xem hai cái là một. Vì vậy, không phải cứ biết dùng từ chính xác, biết viết câu đúng qui tắc, biết vận dụng phép tu từ v.v... là có thể viết báo được vì ngôn ngữ báo chí có những đặc điểm, quan hệ, qui phạm riêng của nó trên cơ sở những tính chất đặc thù của báo chí*”. Nguyễn Vạn Phú [18] đề cập “chuyện chữ và nghĩa” trong báo chí tiếng Anh, đặc biệt là ngôn ngữ kinh doanh và ngôn ngữ báo chí.

2.1.5. Phân tích diễn ngôn

Nguyễn Hòa [11] với luận án tiến sĩ ngữ văn “*Nghiên cứu diễn ngôn về chính trị - xã hội trên tư liệu báo chí tiếng Anh và tiếng Việt hiện đại*” đã có

những đóng góp bước đầu trong việc tìm kiếm các phương pháp thích hợp cho công việc phân tích diễn ngôn và sau đó với bài viết [12] “*Phân tích diễn ngôn phê phán – lý luận và phương pháp*” đã giới thiệu một khía cạnh khác của phân tích diễn ngôn. Nguyễn Thị Thanh Hương [15] với công trình có trọng tâm là đề cập đến ba chức năng của NHCNHT là *chức năng tư tưởng qua thông tin trong cú của ngôn bản PS; chức năng liên nhân qua thái độ của người viết và chức năng văn bản qua sự liên kết và phân phối các thông tin chính trong PS trên báo in tiếng Anh và tiếng Việt*. Phạm Hữu Đức [8] đã khai thác tính văn bản của các văn bản tin tiếng Việt trong sự đối sánh với các văn bản tin tiếng Anh đồng thời đề cập đến phương pháp viết tin trên báo in của CĐBC phương Tây cho giới phát thanh, truyền hình Việt Nam. Nguyễn Thị Thu Hiền [10] đã khá thành công khi sử dụng Đề - Thuyết như một công cụ để phân tích các văn bản tin tiếng Việt và tiếng Anh với lập luận: *sự tổ chức và lựa chọn Đề chính là cốt lõi của ý tưởng diễn ngôn*.

Nhìn chung, trên bình diện ngôn ngữ, nhất là một bộ khung khả dĩ cung cấp cho CĐBC Việt Nam một mô hình để thẩm định, lượng giá ngôn ngữ qua các phạm trù Thái độ (gồm các giá trị Tác động, Phán xét và Lượng giá), Thang độ và Thỏa hiệp thì các nhà nghiên cứu về ngữ học người Việt hãy còn bỏ ngõ, chưa có ai chính thức nghiên cứu chuyên sâu.

2.2. Các tác giả với các công trình nghiên cứu bằng tiếng Anh

Có thể tạm xếp nhóm tác giả này vào 5 chuyên ngành sau đây:

2.2.1. Ngữ học chức năng hệ thống: Khi đề cập đến NHCNHT chúng ta không thể không nhắc đến Halliday, M.A.K. [70], [71], [72], [73], [74], [75], [76], [77], [78], [79], [80], Martin, J.R [100], [101], [102], [103], [104], [105], [106], [107], [108], [109] và Matthiesen, C.[111], [112], [113]. Họ là những người đã kế thừa và phát triển thành quả của một trường phái ngữ học rất có tiếng tăm ở phương Tây và những đóng góp của họ là vô cùng to lớn đối với nền ngữ học hiện đại trên thế giới. Qua qua một số công trình nghiên cứu của họ giúp

chúng ta nắm bắt được (1) *Cơ sở của lý thuyết chức năng hệ thống*; (2) *Lý thuyết chức năng hệ thống – mô hình ngữ học trong ngôn cảnh* và (3) *Ngôn cảnh, ngữ nghĩa và ngữ pháp – từ vựng* (NPTV): *cộng hưởng siêu chức năng*. Hoàng Văn Vân [81, tr.11] khi nhận định về phân tích diễn ngôn (thuộc NHCNHT) đã cho rằng” *lĩnh vực nghiên cứu này đã phát triển lớn mạnh, thành một ngành học đa dạng, có tính nhất quán trong việc miêu tả ngôn ngữ ở cấp độ trên câu và quan tâm nhiều hơn đến ngữ cảnh và các ảnh hưởng của văn hóa đến ngôn ngữ được sử dụng.*”

2.2.2. Lý thuyết thẩm định: Lý thuyết thẩm định (*Appraisal Theory*) là một hướng tiếp cận để khám phá, miêu tả và giải thích cách thức mà ngôn ngữ được sử dụng trong đánh giá, xác định lập trường, kiến tạo tính cách của văn bản và để quán xuyến các vị thế và các mối quan hệ liên nhân. Bộ khung thẩm định (BKTĐ) là phần cơ bản của lý thuyết về ngôn ngữ của Halliday, M.A.K và các đồng nghiệp của ông trong lĩnh vực NHCNHT.

Có thể điếm qua một số công trình nghiên cứu về Ngữ pháp thẩm định (NPTĐ) và ngôn ngữ lượng giá xuất hiện trước 2002 như sau:

- Iedema, R.,S. Feez & White, P.R.R [84] nghiên cứu về ngôn ngữ truyền thông. Martin, J.R. [103], [104], bàn về ý nghĩa liên nhân, sự thuyết phục và diễn ngôn công quyền; vị thế của người đọc và sự phán xét trong tiếng Anh; các hệ thống thẩm định... Christie, F. & Martin, J.R. [49] bàn về thể loại và tổ chức văn bản như các quy trình xã hội tại công sở và trường học. Coffin, C. [51] đề cập đến việc kiến tạo và cung cấp các giá trị cho quá khứ khi nghiên cứu môn lịch sử ở bậc trung học. Eggins, S. & Slade, D. [57] phân tích các mẫu đàm thoại thân mật, không theo nghi thức. Martin, J.R. [108] bàn về các hệ thống thẩm định trong tiếng Anh. Rothery, J. & Stenglin, M. [120] bàn về vai trò của thẩm định trong diễn dịch văn học. White, P.R.R. [131] nhìn lại cách diễn dịch ngữ nghĩa của tình thái và “lời nói rào đón” trong đàm thoại và tính liên chủ quan.

Gần đây, đã xuất hiện một số công trình có tính chuyên sâu về ngôn ngữ PS trong giới nghiên cứu ngữ học phương Tây. Có thể kể đến:

- Macken-Horarik, M. & Martin, J.R. [98] đã chủ trì biên soạn một ấn phẩm qui tụ nhiều tác giả tập trung thảo luận về văn bản (text) ở nhiều bình diện khác nhau, bao gồm tuyến dị ngữ; đánh giá bằng ngôn ngữ lượng giá, thẩm định và tính chủ đạo đặc biệt của PS; các hình thức thể hiện lập trường quan điểm trong ngôn ngữ nói qua đàm thoại bằng tiếng Anh. Miller, D. [115] bàn về các chiến lược thoả hiệp trong sự liên kết và phân cách trong diễn ngôn quốc tế của tiếng Anh hiện hành và [116] đề cập đến các hệ đối vị về giá trị và tính hợp pháp giữa Bush, G. và Gore. White, P.R.R. [132] bàn về ngữ nghĩa lượng giá và vị thế mang tính Chủ quan/khách quan trong diễn ngôn báo chí. Hood, S. [82], nghiên cứu về việc chọn lựa lập trường trong các bài viết mang tính học thuật. Korner, H. [86] bàn về chiến lược đàm phán của nhà cầm quyền: dấu hiệu biểu trưng của hội thoại trong các phán quyết của bộ môn dân luật. White, P.R.R. [130] đề xuất hướng nghiên cứu tin qua BKTĐ (nội dung) và cấu trúc thể loại (hình thức). Martin, J.R. và White, P.R.R. [110] với công trình nghiên cứu về BKTĐ, một hướng tiếp cận được phát triển hơn một thập kỉ qua ở Australia để vận dụng trong phân tích ngôn ngữ nói chung và ngôn ngữ báo chí nói riêng, chủ yếu là tập trung vào các phạm trù Thái độ, Thang độ, Thỏa hiệp và Ý nghĩa liên nhân của NHCNHT.

2.2.3. Thể loại: các công trình nghiên cứu của Biber, D. [42], [43], Kinneavy, J.L.[85] và một số học giả chuyên về phân tích thể loại cho rằng thể loại là sự thể hiện một hoạt động xã hội nào đó mang tính ngôn ngữ. Một hướng tiếp cận khác đối với thể loại là phương pháp của Berkenkotter, C & Huckin, T.M [39], [40]. Các tác giả này đã nhấn mạnh đến các khía cạnh xã hội và giao tiếp của văn bản viết. Công trình nghiên cứu của Bhatia, V.K [41] lý giải rằng các thể loại là khác nhau vì các mục đích giao tiếp khác nhau và các chiến lược khác nhau mà người viết vận dụng cho các mục đích có chủ định.

Các hướng tiếp cận về thể loại của Swales, J.M. [122] và Bhatia, V.K [41] đã đóng góp cho việc phân biệt phạm trù giữa các hình thức diễn ngôn. Briggs, C. & Bauman, R. [46] đã chỉ ra rằng các định nghĩa về thể loại chịu ảnh hưởng của việc định hướng về phạm trù đối với thể loại do Aristotle đặt nền tảng.

Bakhtin, M. [36], nhà lý luận phê bình văn học người Nga đầu thế kỉ XX góp phần đáng kể trong việc hình thành định nghĩa về thể loại. Briggs, C. & Bauman, R. [46] cho rằng ảnh hưởng của tác giả này trong việc định nghĩa thể loại là rất quan trọng. Theo họ nhận định thì Bakhtin, M. đã đặt các chiều kích ngữ học của thể loại vào các nhóm xã hội. Do đó, thể loại không phải là những văn bản *tĩnh*, đồng nhất về mặt phong cách. Mặc dù các văn bản, theo Bakhtin, M. [36], có các hình thái được xếp đặt một cách trật tự, thống nhất (ví dụ, các câu chuyện đều có một cấu trúc) nhưng chúng cũng có tính liên văn bản (*intertextual*) tức là các văn bản là các tiến trình kéo dài việc tạo tác và tiếp nhận diễn ngôn luôn được gắn chặt với các văn bản hoặc phát ngôn khác trong một nền văn hóa nào đó.

Berkenkotter, C. & Huckin, T.M. [39], [40] đã phát triển một mô hình áp dụng cho việc dạy viết luận văn. Mặc dù công trình của hai tác giả này hướng trực tiếp vào giáo viên nhưng mô hình về thể loại của họ cũng rất hữu ích đối với người học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai. Hai tác giả này đã không đồng tình với *hướng tiếp cận tu từ truyền thống* đối với thể loại, hướng tiếp cận tạo ra các khái quát về *những gì mà một số người viết xem là hình thức, thực chất và ngữ cảnh của một thể loại* [39, tr.476]. Họ lập luận rằng tri thức về thể loại là một “*dạng tri nhận được lồng ghép vào các hoạt động được rèn luyện*” và “*người viết lĩnh hội và triển khai các tri thức về thể loại có tính chiến lược khi họ tham gia vào các hoạt động tạo ra tri thức chuyên môn hoặc lĩnh vực nghề nghiệp của chính mình*” [39, tr.477].

2.2.4. Tin: Nhóm tác giả The Missouri Group [123] đã có đóng góp đáng kể đối với CDBC thế giới qua cấu trúc truyện tin theo mô hình hình tháp ngược. Về TQT và diễn ngôn tin chắc chắn trước tiên phải kể đến hai công trình nghiên cứu của van Dijk, T.A. [126] [127]. Kế thừa và phát triển các quan điểm và nhận định của van Dijk, phải kể đến White, P.R.R. [130] với mô hình mẫu tin theo quỹ đạo. Trong khu vực Đông Nam Á, Eng, P. & Hodson, J. [58] với tập số tay nhằm cung cấp cho sinh viên báo chí các kĩ thuật cần thiết đối với việc viết tin ở các nước Đông dương và Thái Lan.

2.2.5. Phóng sự: Bleyer, W.G. [45], Charnley, M.V. [48], Dunlevy, M. [56], Mencher, M. [114], Conley, D. [54], Mohan, T.et al [117], Rajan, N. [119] cho rằng PS không chỉ đơn thuần là một sự ghi chép những gì đã xảy ra mà còn là một lời giải đáp cho một loạt vấn đề phức tạp liên quan đến đời sống con người. Để đạt được mục đích của mình, các tác giả PS phải vận dụng các phương tiện ngôn từ lẫn bố cục phù hợp.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Tác giả chọn TQT và PS làm đối tượng nghiên cứu của luận án. Về bình diện cấu trúc thể loại – hình thức, đối tượng TQT sẽ được khảo sát, miêu tả, phân tích, so sánh, đối chiếu theo mô hình truyện tin của van Dijk, T.A. [122] và mô hình quỹ đạo của White, P.R.R. [128]. Còn đối tượng PS sẽ được nghiên cứu qua mô hình bánh xe Wheel-O-Rama của Conley, D.[54]); Về bình diện ngôn ngữ của cả hai đối tượng sẽ được so sánh, đối chiếu qua các yếu tố liên nhân và các phạm trù của BKTĐ (*Appraisal Framework*) - các sản phẩm phát sinh được quan sát dưới góc độ của NHCNHT .

4. Mục đích - nhiệm vụ nghiên cứu:

Lý thuyết về NPCNHT của Halliday, M.A.K. đặc biệt là khía cạnh liên nhân đã được một số tác giả như Martin, J.R. [103], White, P.R.R [129], [130], [131] và [132] áp dụng thành công trong việc xây dựng và phát triển BKTĐ, cụ thể là trong phân tích ngôn ngữ báo chí tiếng Anh.

Những nét tương đồng và khu biệt, nếu có, giữa cấu trúc thể loại và ngôn ngữ được vận dụng trong TQT và PS có thể ảnh hưởng đến quá trình kiến tạo văn bản báo chí tiếng Anh của người Việt như thế nào? Một khi đã ý thức được những tương đồng và dị biệt này thì lực lượng người Việt làm công việc viết và dịch báo tiếng Anh có thể đạt được 70% trở lên – về mức độ chính xác – nếu so với người bản ngữ. Những người có trách nhiệm giảng dạy, đào tạo nghề làm báo, biên dịch báo chí sẽ vận dụng kết quả được phát hiện vào công tác chuyên môn của mình.

Để giải đáp được những câu hỏi đặt ra trên đây, tác giả luận án tự đặt cho mình các mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể như sau:

4.1 Miêu tả mô hình cấu trúc văn bản TQT và PS trên báo tiếng Việt và báo tiếng Anh theo quan điểm hiện đại về thể loại.

4.2 Nhận diện các đặc điểm ngôn ngữ của hai thể loại vừa nêu qua các phạm trù của BKTĐ.

4.3 Phát hiện những điểm tương đồng và dị biệt về hình thức cũng như nội dung qua hai thể loại của hai nền báo chí khác nhau này.

Hi vọng luận án sẽ cung cấp được một cái nhìn toàn diện hơn về cấu trúc hình thức và nội dung của tiểu thể loại TQT và thể loại PS đồng thời sẽ giúp người viết và đọc báo hiểu rõ hơn về tác dụng của ngôn ngữ lượng giá đối với việc thể hiện lập trường, quan điểm của một nhà báo, một tờ báo hoặc một dòng báo chí.

5. Phương pháp nghiên cứu và nguồn ngữ liệu

5.1. Phương pháp

Đây là luận án với trọng tâm nghiên cứu về cấu trúc thể loại và ngôn ngữ lượng giá trong văn bản TQT và PS nên về phương pháp luận chúng tôi vận dụng những thành quả trong NHCNHT, thể loại và đặc biệt là BKTĐ.

Đối với NHCNHT, chúng tôi xem bình diện liên nhân là công cụ có tính chủ đạo, tạo ra mối quan hệ giữa người viết và người đọc. Đồng thời bình diện ngữ nghĩa cũng được đặc biệt chú trọng khi tầng NPTV đóng một vai trò cực kì quan trọng trong lĩnh vực truyền thông. Đối với báo chí thì vấn đề chủ quan – khách quan tác động đến người đọc tạo ra sự đồng thuận giữa người viết và người đọc là hết sức quan trọng nên các thành tố lượng giá trong BKTĐ sẽ góp phần làm sáng tỏ các mục tiêu vừa nêu. Ngoài ra, các tuyến dị ngữ (*heteroglossia*), các giọng điệu của CĐBC gồm phóng viên, người viết, đặc phái viên, biên tập viên cũng sẽ được đề cập như những công cụ cần thiết để xác định quan điểm của các tác giả.

Do mục đích của luận án là so sánh – đối chiếu hai thể loại TQT và PS giữa hai ngôn ngữ Việt - Anh nên phương pháp phân tích định tính và định lượng

được thực hiện bằng các công cụ phân tích diễn ngôn và thủ pháp thống kê, đặc biệt có áp dụng phần mềm Readability để kiểm tra độ khó của văn bản, đặc biệt là văn bản tiếng Anh. .

5.2. Nguồn ngữ liệu

Ngữ liệu được sử dụng trong luận án này là các văn bản TQT và PS được lấy từ hai nguồn báo chính thống của hai ngôn ngữ Việt - Anh. Nguồn báo tiếng Việt là 300 văn bản TQT và PS được lấy từ các báo in có ấn bản trực tuyến, có uy tín, có số lượng độc giả lớn, phát hành tại TP Hồ Chí Minh là Tuổi Trẻ online (TTO), Thanh Niên online (TNO) và Sài Gòn Giải Phóng online (SGGPO) trong thời gian từ tháng 7/2006 đến 4/2010. Nguồn ngữ liệu tiếng Anh là 270 văn bản TQT và PS được lấy từ các báo in có ấn bản trực tuyến và đặc biệt tiêu biểu cho nền báo chí Hoa Kỳ có số lượng phát hành lớn, có uy tín là Washington Post online (WPO), New York Times online (NYO), Los Angeles Times online (LATO) và USA Today online (USATO) phát hành cùng thời gian với báo tiếng Việt. Do tính chất dễ nhập liệu và không mất tiền nên chúng tôi chọn nguồn ngữ liệu trên các báo trực tuyến làm đối tượng nghiên cứu. Độ dài của các văn bản trong hai nguồn ngữ liệu có độ chênh lệch đáng kể nhưng chúng tôi thấy rằng sự chênh lệch này sẽ không ảnh hưởng lớn đến kết quả nghiên cứu vì các lý do sau:

+ Đối tượng nghiên cứu của luận án là diễn ngôn chứ không phải là các cú riêng lẻ.

+ Phương pháp phân tích là một sự kết hợp giữa định tính và định lượng nhưng phương pháp phân tích định tính giữ vai trò chủ đạo trong khi dữ liệu định lượng được dùng như các thành tố bổ sung cho việc diễn giải sự gắn kết giữa thủ thuật sử dụng trong thể loại với các tuyến dị ngữ trong chu cảnh tình huống của văn bản.

6. Đóng góp của luận án

6.1. Về mặt lý luận

Những kết quả của luận án góp phần khẳng định các ưu điểm của bình diện liên nhân và BKTĐ nói riêng trong phân tích, đối chiếu tiểu thể loại TQT và thể loại PS, hai thể loại có thể mạnh đặc biệt của báo chí.

Đây là công trình đầu tiên đã vận dụng BKTĐ để phân tích một số đặc trưng của ngôn ngữ báo chí tại Việt Nam, góp phần mở rộng hướng nghiên cứu phân tích diễn ngôn có phê phán (*critical discourse analysis*).

Luận án khẳng định rằng trong bối cảnh toàn cầu hóa như hiện nay sự ảnh hưởng qua lại về mặt ngôn ngữ, cấu trúc mô hình thể loại của các thể loại báo chí giữa các quốc gia khác nhau là một tất yếu nhưng các đặc trưng văn hóa, quan điểm chính trị biểu hiện qua một số thể loại cụ thể có những nét khác biệt đáng kể do nhiều nguyên nhân.

6.2. Về mặt ứng dụng

Hy vọng rằng những kết quả được phát hiện, rút ra từ luận án này sẽ giúp ích cho việc đào tạo lực lượng làm báo, đặc biệt là kỹ năng viết và dịch TQT, PS. Ngoài ra, kết quả của luận án cũng sẽ giúp cho việc giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành báo chí.

Cuối cùng, luận án góp phần làm sáng tỏ một xu thế tất yếu trong giai đoạn hội nhập hiện nay là “*diễn ngôn truyền thông mang tính toàn cầu*”. Đây là một xu thế tất yếu của các phương tiện truyền thông đại chúng nói chung và báo chí nói riêng trong thời kì toàn cầu hóa.

7. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, luận án gồm ba chương chính:

+ **Chương 1:** Trình bày cơ sở lý luận của luận án.

+ **Chương 2:** Tập trung khảo sát, phân tích và so sánh – đối chiếu bình diện cấu trúc thể loại và tiềm năng tu từ của tiểu thể loại TQT qua các công cụ thẩm định, tuyến dị ngữ và giọng điệu của người viết qua ngữ liệu báo trực tuyến tiếng Việt và tiếng Anh.

+ **Chương 3:** Tập trung khảo sát, phân tích và so sánh – đối chiếu các bình diện cấu trúc thể loại và tiềm năng tu từ của thể loại PS qua các công cụ

thâm định, tuyến dị ngữ và giọng điệu của người viết qua ngữ liệu báo trực tuyến tiếng Việt và tiếng Anh.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA LUẬN ÁN

Nền tảng lý luận của luận án này được dựa trên tám (8) cơ sở sau đây:

1.1 Các ý nghĩa liên nhân và tương tác

Đồng tình với Halliday, M.A.K [78], Guijarro, A.J.M [69] khi nhận định về các chức năng của ngôn ngữ và đặc biệt là chức năng liên nhân đã cho rằng:

“Ngôn ngữ không chỉ là một nội dung đơn giản chỉ phản ánh và tổ chức kinh nghiệm hiện thực thông qua các hệ thống chuyển tác và chủ đề, mà nó còn được dùng để mã hóa sự tương tác với các cá nhân khác. Siêu chức năng liên nhân liên quan một cách cơ bản bằng việc thông qua các quan hệ xã hội giữa người nói và người nghe trong một ngữ cảnh giao tiếp cụ thể nào đó và quan hệ với một tiểu cú như một sự trao đổi thông tin hoặc như một sự trao đổi hàng hóa và dịch vụ.”

Ngoài ra, trong NPCNHT, ở tầng NPTV, Guijarro, A.J.M. [69] cũng nhận định rằng: *“ý nghĩa liên nhân bao gồm việc diễn đạt ý kiến và thái độ, thức của tiểu cú được diễn đạt trong tiếng Anh bằng sự hiện diện/ vắng mặt và trình tự của chủ ngữ và vị từ biến ngôn (finite verb). Ngoài ra, trong ngữ nghĩa học, ý nghĩa liên nhân bao gồm loại hành động ngôn từ được lựa chọn (như nhận định, đề nghị, nghi vấn và cầu khiến), được hiện thực hóa bằng các tùy chọn về ngữ pháp và được mã hóa bằng các phương tiện của ba thức về cú pháp (xác định, nghi vấn và mệnh lệnh)”*.

Như được trình bày trong bảng 1.1.dưới đây, hệ thống của Thức (*mood*) tổ chức tiểu cú như một sự kiện có tính tương tác, trong đó người nói chấp nhận vai trò diễn ngôn một cách cần thiết: (1) cung cấp hoặc đòi hỏi thông tin (bằng các nhận định và các câu nghi vấn); hoặc (2) trao đổi hàng hóa và dịch vụ (như sự ngã giá hoặc một mệnh lệnh đối với hàng hóa) và quy cho nó một vai trò bổ sung đối với người nghe mà anh ta muốn người nghe đó chấp nhận.(Halliday, M.A.K. [78]).

<u>Hàng hóa được trao đổi</u> > và vai trò trao đổi	Thông Tin	Hàng hóa và Dịch vụ
Cung cấp	<u>Nhận định</u> Thức tuyên bố	<u>Ngã giá</u> Các hiện thực hóa khác nhau
Đòi hỏi	<u>Câu hỏi</u> Thức nghi vấn	<u>Mệnh lệnh</u> Thức mệnh lệnh

Bảng 1.1: Các chức năng của ngôn từ và các hiện thực hóa phù hợp (Guijarro, A.J.M [69])

Do đó, trong thức phát ngôn người viết tương tác với người đọc bằng cách tạo ra các nhận định, đặt câu hỏi, đưa ra các sự ngã giá hoặc yêu cầu một loại hành động nào đó. Tương tự, trong giao tiếp bằng thị giác thì người tạo ra hành động cũng dùng các động tác bằng mắt song song với các chức năng của ngôn từ. Trong số các lựa chọn về thị giác để phân tích các ý nghĩa liên nhân là sự vắng mặt hoặc hiện diện của những biểu cảm bằng nét mặt, dáng điệu, tạo nên các mệnh lệnh và những sự cung ứng thông tin về hàng hóa và dịch vụ đối với người xem. Các chức năng tương tác (cũng được gọi là sự Thỏa hiệp hoặc các chức năng tình thái theo thuật ngữ của O'Toole, M. [118] được phân chiếu theo cách mà các hình ảnh thu hút sự chú ý của người xem và có liên quan đến loại quan hệ được xác lập giữa ba loại người tham gia: (1) những người sản xuất hình ảnh, các họa sĩ và nhà thiết kế, những người làm điều gì đó để thu hút độc giả thông qua các thiết kế của họ; (2) những người đọc hình ảnh, tức là diễn dịch thông điệp được tạo ra bởi những người làm ra hình ảnh đó và cũng được vẽ ra trong mối quan hệ với những người tham gia đại diện; (3) những người tham gia đại diện, có thể có liên quan với nhau thông qua các sự lan truyền của chuyển động và ánh mắt (Kress, G & Van Leeuwen, T.V [88])

Như được trình bày trong bảng 1.2. dưới đây Kress, G. & van Leeuwen [88] đã phân biệt ra ba loại hệ thống đồng hành với các chức năng liên nhân, đó là: (1) *động tác ngắm ảnh*; (2) *trạng thái xa - gần mang tính xã hội*; (3) *sự quan hệ và quyền lực*. Ba hệ thống này có tác động liên nhân khi chúng cho thấy cách thức trong đó những gì được đại diện trong một tổng hợp bằng thị giác có tương tác với người xem (Matthiesen, C.[112]). Hệ thống của việc ngắm nhìn hình ảnh khác biệt với các hình ảnh được yêu cầu từ người đọc thông qua việc tiếp xúc bằng thị giác (nhu cầu), tìm kiếm một sự thoả hiệp nào đó và các hình ảnh trình bày các thông tin thiếu các chuyển động tiếp xúc bằng mắt giữa người xem và các nhân vật được miêu tả. (Kress, G. & Van Leeuwen [88]).

Các hệ thống ý nghĩa	Các phương tiện hiện thực hóa
I. Hành động và cách nhìn chăm chú hình ảnh	Cung và cầu
II. Độ xa – gần mang tính xã hội	Các động tác cận, trung và viễn cảnh
III. a .Góc nhìn và sự quan hệ theo đường ngang	Các góc độ thuộc tiền cảnh và xiên lệch
III. b. Góc nhìn và quyền lực theo đường dọc	Các góc độ cao, thấp, ngang tầm mắt

Bảng 1.2: Chức năng tương tác trong hình ảnh - Các nét đặc trưng cơ bản (Guijarro, A.J.M [69])

1.2. Lý thuyết thẩm định:

BKTĐ, cơ sở lý luận cơ bản nhất của luận án này, là một mô hình chức năng có ý nghĩa liên nhân ở cấp độ ngữ nghĩa diễn ngôn. Bộ khung của LTTĐ định cung cấp cơ sở cho các phân tích có liên quan đến các giá trị và giọng điệu trong văn bản. Mô hình thẩm định bao gồm một hệ thống các tùy chọn để mã hóa các phạm trù Thái độ về mặt ngữ nghĩa, tạo điều kiện cho việc khám phá các loại giá trị được mã hóa trong diễn ngôn. Nó cũng bao gồm một hệ thống

tùy chọn để chia bậc các ý nghĩa là Thang độ, giúp cho việc điều tra các hiện tượng được định giá bằng các mức độ khác nhau. Và cuối cùng, thẩm định cũng bao gồm một hệ thống tùy chọn để mở rộng hoặc thu hẹp không gian cho những giọng điệu khác nhau trong diễn ngôn. Đó là Thoả hiệp, giúp khám phá các giọng điệu khác nhau trong văn bản. Do đó, mô hình thẩm định cung cấp cơ sở cho việc phân tích các ý nghĩa liên nhân được cấu tạo trong ngữ nghĩa diễn ngôn của văn bản.

Thẩm định được xem là vô cùng quan yếu đối với luận án này vì những lý do sau đây:

- Trước tiên nó tạo mô hình cho ý nghĩa liên nhân ở cấp độ ngữ nghĩa diễn ngôn. Các tùy chọn trong hệ thống thẩm định là Thái độ, Thang độ và Thoả hiệp là những tùy chọn mang tính ngữ nghĩa. Mô hình này có tiềm năng tổng hợp các cấu trúc ngữ pháp thường được điều tra riêng lẻ trong lượng giá lại với nhau thành một bộ khung mạch lạc. Với ý nghĩa đó, LTTĐ cung cấp một phương tiện tương đối toàn diện cho việc xây dựng mô hình có tính hệ thống để phân tích các quan điểm mang tính lượng giá trong lĩnh vực báo chí.

- Thứ hai, là mạng lưới mang tính hệ thống ngữ nghĩa của Thái độ, Thang độ và Thoả hiệp cũng vận hành theo cấp độ như Eggins, S. & Slade, D. [57] giải thích:

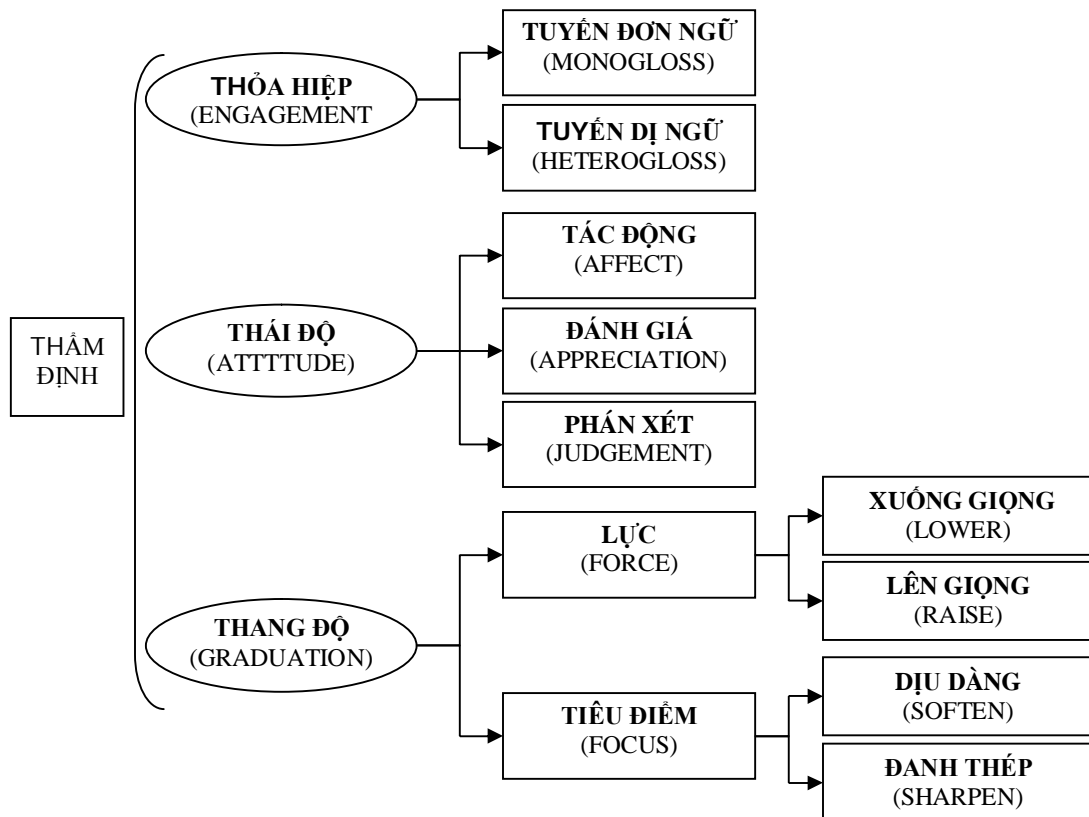
“Mỗi hệ thống như một mạng lưới tương trưng cho một điểm tại đó phải thực hiện một chọn lựa. Chọn lựa đầu tiên ở phía bên trái của mạng lưới hệ thống được xem là chọn lựa ít tinh tế nhất. (...). Khi mạng lưới mở rộng về phía bên phải thì chúng ta nói rằng mình đang di chuyển về phía tế nhị hơn”.

Mức độ tế nhị được xây dựng trong mạng lưới hệ thống tạo ra các khu biệt tổng quát hơn hoặc tinh tế hơn trong việc phân tích dữ liệu. Cấp độ tinh tế hơn được chọn lựa để phân tích sẽ tùy thuộc vào các câu hỏi được đặt ra cho từng văn bản.

- Cuối cùng, LTTĐ là một thành phần thuộc Lý thuyết siêu chức năng của ngôn ngữ trong NHCNHT. Trong khi điểm tập trung của LTTĐ là ý nghĩa liên nhân thì NHCNHT lại thiên về sự mã hóa đồng thời các ý nghĩa liên nhân, tư

tưởng và văn bản. Quan điểm siêu chức năng là quan trọng trong việc thừa nhận các phương cách, trong đó các ý nghĩa liên nhân có liên quan đến các lựa chọn về tư tưởng và văn bản trong diễn ngôn. Một sự hiểu biết thấu đáo về việc xác lập khuôn mẫu có tính chuyên biệt của những siêu chức năng khác nhau trong diễn ngôn được dùng làm tiền cảnh hoặc hậu cảnh và có liên quan hỗ tương với nhau. Nói cách khác, một quan điểm về siêu chức năng sẽ cung cấp một phương tiện làm mô hình cho các kiến tạo năng động của lập trường mang tính lượng giá thông qua các văn bản.

Sự di chuyển trong các lựa chọn tinh tế từ trái sang phải qua các mạng lưới đó được minh họa bằng một phân khúc của hệ thống thái độ trong mạng lưới thẩm định như sau:



Giản đồ 1.1: Hệ thống Thẩm định (Dẫn lại của Martin, J.R [100])

Thực tế cho thấy, khái niệm “khách quan” phải được hiểu một cách “mềm” hơn bởi quan điểm, lập trường chính trị bao giờ cũng ảnh hưởng đến

quá trình truyền thông. Tường thuật tin tức chẳng hạn, là một diễn ngôn được thể hiện theo một góc nhìn cụ thể của người viết nhằm tác động đến các giá định và niềm tin của công chúng về sự thật và những điều phải được xem là sự thật. Điều này đã được trình bày và thảo luận rộng rãi trong các công trình nghiên cứu của Trew, T.[124], [125], Fairclough, N. [61], [62], [63], Bird, E. & R. Dardenne [44], Fowler. R [65], Ericson, R.V. & Baranek, P.M. [59], Iedema, R., S. Reez & White, P.R.R [84] và White, P.R.R [130], [131].

Tuy nhiên, trong một công trình nghiên cứu khác White, P.R.R [132] lại cho rằng: không phải tất cả các ví dụ về tường thuật sự kiện đều được tạo ra một cách giống nhau. Có thể nói chức năng tán đồng mang tính chất lập trường, làm cho các hệ thống giá trị và niềm tin đặc biệt nào đó có vẻ tự nhiên và xác thực. Việc tiếp cận các mẫu tin cho thấy có sự biến đổi tiềm ẩn trong chức năng tu từ không những ở sự khác biệt, như mục tiêu nhắm đến độc giả mà còn ở từng loại hình truyền thông (báo in – báo phát thanh), thậm chí khác biệt cả về chủ đề (chính trị, đối ngoại,...). Khía cạnh then chốt của chức năng tu từ là sự lượng giá – vị thế của văn bản đối với độc giả trong việc thể hiện quan điểm tích cực/ tiêu cực của các tham tố, hành động, những việc xảy ra và hoàn cảnh được thể hiện. Tất nhiên, thông qua các vị thế được lượng giá đó, phương tiện truyền thông sẽ kiến tạo một mô hình đặc biệt về trật tự xã hội và đạo đức – một mô hình của những gì là bình thường và khác thường, có lợi và có hại, đáng khen và đáng chê...

Trong lúc so sánh – đối chiếu để tìm ra những điểm tương đồng và dị biệt về ngôn ngữ giữa báo trực tuyến tiếng Việt và tiếng Anh, luận án vận dụng bộ khung của một số nhà nghiên cứu phương Tây về LTTĐ. BKTĐ trong lý thuyết này gồm ba lĩnh vực tiêu biểu cho quá trình lượng giá: (1) các giá trị mà theo đó các quan điểm tích cực/ tiêu cực được hoạt hóa (được gọi là “Thái độ”); (2) các giá trị mà theo đó Cường độ hoặc Sức mạnh của các mệnh đề được nâng cao hoặc hạ thấp (được gọi là “Thang độ”); (3) các giá trị theo đó người nói/ người viết khóac các giọng điệu (*voices*) khác nhau và giá trị thay thế được đặt trong các ngữ cảnh giao tiếp thực tế (được gọi là “Thoả hiệp”).

Cụ thể hơn, bộ khung mà luận án giới thiệu để phân tích về sự lượng giá trong các văn bản TQT và PS sẽ tập trung vào các giá trị sau đây:

a. Tác động (*affect*), Phán xét (*judgement*) và Đánh giá (*appreciation*) các loại thái độ

Các đánh giá tích cực và tiêu cực có thể được chia thành các yếu tố liên quan đến (a) *các phản ứng về mặt cảm xúc*; (b) *các hành vi và cá tính của con người bằng cách qui chiếu vào một hệ thống chuẩn mực được qui ước hóa hoặc thiết chế hóa* và, (c) *các vật tạo tác, các văn bản, các vật thể tự nhiên, các tình thế và quy trình xét về mặt giá trị xã hội*.

- **Tác động** có hiệu ứng gây cho người đọc phản ứng trước cảm xúc

+ **VD1V**: “*Thấy anh em ăn ở thế này nhiều khi tôi chảy nước mắt nhưng chẳng có cách nào khác. Lấy tiền đâu ra thuê nhà nghỉ! Ngày thì nằm tạm bờ nhà dân, quán xá. Tối lại thức để đi. Vì thế nhiều anh em đã kiệt sức, đổ bệnh sau những ngày dài theo gánh hát”- (PS “Đời không bên đâu” (TTO, 10/04/2008)).*

- **Phán xét** đánh giá hành vi con người theo một số chuẩn tắc

+ **VD2V**: *Còn đội lê dương đa số là người có tư tưởng phân biệt màu da, có đầu óc chính quốc với bản xứ, nhất là bộ phận quân y thiếu lương tâm nhà nghề* (PS “Cuộc đày ải giữa đại dương” (TTO, 01/05/2008)).

- **Đánh giá** gán một giá trị xã hội cho một tình thế nào đó

+ **VD3V**: *Có được sức mạnh tập thể đó, trinh sát thường nói nhiều về sự mưu trí của Hai Lửa Lê Thanh Liêm, sự chăm chú thương yêu quân lính của Lý Đại Bằng, sự xông pha gian khổ, lấy bản thân và việc làm của mình ra chinh phục đồng đội của Nguyễn Hữu Toàn...* (PS “Chuyện chưa kể về trùm ma túy” (TNO, 22/07/2007))

b. Lời văn biểu thái (*attitudinal inscription*) đối chiếu với dấu hiệu biểu thái (*attitudinal token*)

Sự khu biệt này có liên quan đến khả năng mà các lượng giá biểu thái (*attitudinal evaluation*) có thể nhiều hay ít được chia tách một cách hiển ngôn. Có thể thấy “lời văn biểu thái” áp dụng cho việc sử dụng các hành động tạo

ngôn gắn liền với một giá trị biểu thị thái độ (sự đánh giá tích cực hoặc tiêu cực) thể hiện trong văn bản. Ví dụ, thông qua các từ *tham nhũng, một cách đoan chính, lành nghề, kẻ độc tài/ bạo chúa, tên hèn nhát, bị lạm dụng, trở nên hung bạo* thể hiện thái độ chê trách, phê phán của người viết, và ngược lại.

Trong khi thuật ngữ tương phản là “*dấu hiệu biểu thái*” được áp dụng cho các lập thức tự nó không có yếu tố nào nằm trong văn cảnh hiện hành, mang một giá trị tích cực hoặc tiêu cực cụ thể. Thay vào đó, quan điểm tích cực/ tiêu cực được thể hiện thông qua nhiều cơ chế đồng hành và hàm ngôn khác nhau. Trong những trường hợp đó, vị thế lượng giá được “kích hoạt” (*triggered*) hoặc “được chỉ rõ” (*betokened*) thay vì được “viết” ra một cách hiển ngôn.

c. Các dấu hiệu biểu thái, khơi gợi (*evoking*) đối chiếu với kích động (*provoking*)

Có thể phân biệt giữa các dấu hiệu không chứa đựng bất kì từ vựng lượng giá nào với các dấu hiệu có chứa các cứ liệu lượng giá nhưng không thuộc loại tích cực/ tiêu cực một cách hiển ngôn trong một số lập thức thể hiện vị thế biểu thái ít hiển ngôn. Trong ví dụ thứ nhất “*Thấy anh em...*” ở trên, sự đánh giá tích cực hoặc tiêu cực “được khơi gợi” (*evoked*) thông qua từ vựng mang tính kinh nghiệm thuần túy, khi được chọn lựa và chủ định đưa vào văn bản, tức là nó có tiềm năng gây ra một phản ứng tích cực hoặc tiêu cực nơi người đọc thông qua các quy trình suy luận biểu thái. Trong ví dụ thứ hai “*Còn đội lê đương...*” sự đánh giá tích cực hoặc tiêu cực “được kích động” (*provoked*) thông qua cứ liệu trong khi sự lượng giá tự nó không có tính tích cực hoặc tiêu cực – mà chỉ bằng việc thông qua sự tăng cường, so sánh, ẩn dụ hoặc phản cảm...

• **Sự khen ngợi** châm ngòi cho các phản ứng tích cực/ tiêu cực bằng cách tập trung vào nội dung mang tính thông tin thuần túy

+ **VD1A:** “*He weathered an American-backed invasion and used Cuban troops to stir up revolutions in Africa and Latin America.*” (NYTO, 20/02/2008)

(Ông ta đã chiến thắng một cuộc xâm lược do Mỹ hậu thuẫn và sử dụng quân đội Cuba để kích động những cuộc cách mạng ở châu Phi và châu Mỹ Latinh.)

• **Sự kích động** châm ngòi cho các phản ứng tích cực/ tiêu cực bằng các lập thức mang tính lượng giá khác.

+ **VD2A:** “*Now, just days before the national assembly is to meet to select a new head of state, Mr. Castro resigned permanently, and signaled his willingness to let a young generation assume power.*” (NYTO, 20/02/2008)

(Giờ đây, chỉ ít ngày trước khi Quốc hội nhóm họp để chọn một người đứng đầu nhà nước, ông Castro đã từ chức vĩnh viễn và tỏ dấu hiệu mong muốn để cho một thế hệ trẻ nắm giữ quyền lực.)

Cụm từ “*before...*” ở đây đã tạo ra một sự bất ngờ đối với độc giả bài báo. Hành động của chủ tịch Fidel Castro, được đánh giá là tích cực, tức là điều được mong đợi. Do đó, lập thức này có tiềm năng “*kích động*” ở người đọc một sự *đánh giá tích cực* về hành động của Fidel.

d. Chủ thể tác động và tính bị tác động

Trong một số loại tin nhất định, các chọn lựa đối với các tham thể nào trong sự kiện được gán cho vai trò chủ động hoặc tác cách trong cú (chẳng hạn như chủ ngữ (*subject*) của các cú chủ động (*active voice clauses*) nhất là khi quá trình thuộc vị từ là một quá trình vật chất) và tham thể nào được gán cho vai trò bị tác động (ví dụ như tân ngữ (*object*) của một cú thuộc quá trình vật chất chủ động, hay chủ ngữ của một cú bị động). Phân tích có tầm ảnh hưởng của Trew, T. [125], Clark, C. [50] đã cho thấy rằng mức độ của việc đáng bị khiển trách có thể gắn liền với một tham thể biết trước có thể đặt điều kiện bằng mức độ mà theo đó chúng được biểu đạt là đóng vai trò chủ động hoặc tác cách. Do đó, qua phân tích bài báo phản ánh sự xáo trộn ở khu Notting Hill, Luân Đôn vào những năm 1970 cho thấy bài viết đã gián tiếp đặt người đọc vào vị thế phải lên án hoặc phiến trách cái gọi là “những kẻ bạo loạn” (*rioters*) bằng cách đưa tin những con người này như những “chủ thể tác động” vào một tỉ lệ rất cao trong các cú. Trái lại, một tờ báo khác đặt người đọc vào một vị thế

xem cảnh sát là đáng bị khiển trách hơn khi xem họ như những tác thể chủ yếu và các thành viên của đám đông là những người bị tác động mà thôi (Trew, T.[125]).

e. Nguồn tin gián tiếp: Một nét đặc trưng của diễn ngôn báo chí, đặc biệt là đối với tin, là tác giả thường tự tách mình ra khỏi các ý nghĩa mang tính lượng giá, nhất là các ý nghĩa hiển ngôn, bằng cách qui kết cho các ý nghĩa này là đến từ những nguồn tin ngoại tại. Tuy nhiên, có một loạt các cơ chế theo đó tác giả có thể chỉ rõ một cách gián tiếp sự dẫn thân hoặc không dẫn thân cho vị thế giá trị được “ngoại tại hóa” (*externalised*) và từ đó người đọc có thể được đặt ở vị thế có nhiều hoặc ít thuận lợi.

+ **VD3A:** *Chinese court sentenced six men to death and a seven to life in prison on Monday for their roles in the deadly ethnic rioting that convulsed the Western regional capital of Urumqi in July, according to Xinhua, the State news agency.*” (NYTO, 13/10/2009)

(Vào ngày thứ hai, một tòa án Trung Quốc đã kêu án tử hình sáu người và người thứ bảy bị chung thân vì vai trò của họ trong cuộc bạo loạn sắc tộc chết người đã xảy ra ở thủ phủ Urumqi của khu vực phía Tây vào tháng 7, theo Tân Hoa Xã, cơ quan Thông tấn Nhà nước)

+ **VD4V:** *Các nhân chứng kể với AP rằng vụ bạo động xảy ra lúc 20g30 ngày 5/7 (giờ địa phương) giữa khoảng 3000 người Duy Ngô Nhĩ có trang bị gậy gộc, dao và đá với 1.000 cảnh sát có vũ trang.*” (TTO, 07/07/2009)

1.3. Ngôn ngữ báo chí với tính “chủ quan” – “khách quan”

Theo White, P.R.R. [131] “*một câu chuyện được xem là khách quan khi nó phản ánh một quan điểm nhất quán (trên phương tiện truyền thông) tức là phản ánh một hiện thực nhất định được nhận thấy và ghi chép không thiên lệch*”. Quan điểm này hàm ý rằng chỉ có một cách nhìn duy nhất có giá trị về thế giới mà thôi. Một quan điểm khác về hiện thực sẽ chấp nhận một vị thế “*trong đối*” hơn, trong đó những con người nhất định được thừa nhận là có cách quan sát và miêu tả hiện thực của riêng họ. Như vậy bất kì sự diễn dịch

nào về hiện thực đều được xem là một “*kiến tạo mang tính xã hội*” bởi vì sự quan sát được chế định hoặc quyết định bởi các yếu tố văn hóa và các truyền thống. Người quan sát sử dụng một phương thức miêu tả về thế giới đã được xã hội quyết định hơn là phản ánh hay tái tạo hiện thực đó một cách đơn giản hoặc trực tiếp.

Quan điểm về việc cảm nhận và truyền đạt này làm cho những khái niệm về “*tính khách quan*”, “*tính xác thực*”, và “*tính vô tư*” thêm phức tạp. Cách mà các sự việc được quan sát, diễn dịch và tường thuật sẽ luôn được quy định bởi quan điểm có nguồn gốc xã hội và của các nhà báo, biên tập viên và giới lãnh đạo báo chí. Thậm chí, một bài báo “*có vẻ*” xác thực nhất cũng sẽ là sản phẩm của nhiều nhận xét về giá trị. Chẳng hạn các nhận xét này quyết định rằng sự kiện này thay vì các sự kiện khác đáng được đăng tải hơn; sự kiện nổi bật cỡ nào thì được chú ý; sự kiện này phải được miêu tả theo phương cách nào, tập trung chủ yếu ở phần nào; các chuyên gia nào, những người chứng kiến tận mắt nào hoặc những người tham dự nào đáng được mời gọi để bình luận; góc nhìn nào được xem là có thể tin được...

Khi đề cập đến cấu trúc của một mẫu tin là nói về hệ thống phức tạp của các nhận xét về giá trị nằm trong việc tường thuật “*sự kiện*”. Không có gì là cần thiết hoặc “*tự nhiên*” về quyết định của phóng viên/ biên tập viên khi phải tập trung vào một hay những yếu tố của sự kiện.

Quan điểm của họ là sự khác biệt giữa “*tính chất khách quan*” và “*tính chất chủ quan*” là vô cùng phức tạp và tế nhị. Có những khác biệt rõ ràng về ngôn ngữ đồng hành với hai phạm trù này. Vì thế, có lẽ chúng ta nhất thiết phải xem lại sự đối lập giữa “*khách quan – chủ quan*” trong các văn bản truyền thông và nên hiểu đó là cặp khái niệm có tính tương đối mà thôi.

Trong văn bản có tính “*chủ quan*” thì ít nhất một số nhận xét về giá trị của tác giả được bộc lộ một cách hiển ngôn qua ngôn ngữ. Trái lại, một văn bản có tính “*khách quan*” chặt chẽ được kiến tạo theo một phương cách là không có bằng cứ hiển ngôn nào về mặt *ngôn ngữ của tác giả* trong nhận xét về giá trị cũng như sự kiện. Tất cả những nhận xét về giá trị được đẩy lùi vào hậu cảnh

hoặc “*được đồng hóa*” trong một cảm giác là sự kiện được trình bày đó là cách nói duy nhất. Do đó, trong ngữ cảnh này thì “*tính chất vô tư*” hoặc “*tính chất xác thực*” không phải là thước đo mức độ phản ánh hiện thực một cách chính xác – Vì, với những đề tài về con người, nhà báo dùng ngôn ngữ để kiến tạo hơn là phản ánh hiện thực – Còn thước đo sự thành công của văn bản trong việc trình bày các nhận xét về giá trị nằm trong văn bản và các phản ứng được thông tin về mặt “*tự nhiên*” hoặc “*bình thường*”; là sự thật thay vì ý kiến; là tri thức thay vì niềm tin. Do đó, “*tính chất khách quan*” là một hiệu ứng được tạo ra thông qua ngôn ngữ (hiệu ứng tu từ) hơn là một vấn đề đúng như bản chất của nó.

Trong lĩnh vực báo chí, khi một tác giả sử dụng đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất thì luôn được xem là có “*tính chất chủ quan*” và sẽ làm giảm đi trọng lượng của thông tin.

Tuy nhiên, việc sử dụng một số từ ngữ làm tăng cường tác động của cảm xúc trong một đoạn miêu tả - chẳng hạn như “*plummeted*” (bị giảm sút) và “*feverish*” (có khả năng gây sốt) trong câu “*the value of the American dollar plummeted yesterday in feverish late – afternoon trading*” (hôm qua giá trị của đồng đô la bị giảm sút trong cuộc mua bán sôi động vào cuối buổi chiều) lại được cảm nhận là “*khách quan*”. Theo White, P.R.R.[131] “*đối với nhiều nhà báo, một mẫu “tin cứng” được tường thuật một cách “xác thực” là một chuẩn mực*”. Đó là nền tảng của văn bản có thể được chuyển thành “*bình luận*” hoặc “*ý kiến*” nếu được thêm vào các thành phần chủ quan.

Tính chất khách quan	Tính chất chủ quan
<p>Các nguồn ngôn ngữ được dùng để đánh dấu “<i>tính chất xác thực</i>”, thiếu tính trung gian hiển ngôn đối với “<i>giá trị thật</i>” của nhận định, không có mặt của người viết/ người nói. <u>Tính chất chắc chắn được giả định.</u></p>	<p>Các nguồn ngôn ngữ được dùng để đánh dấu sự diễn đạt tính chất chắc chắn/ nghi ngờ; có mặt của tác giả/ người nói. <u>Tính chất chắc chắn/ hoặc không chắc chắn được biểu thị một cách hiển ngôn.</u></p>

Bảng 1.3.: Tóm tắt tính chất khách quan đối chiếu với tính chất chủ quan

Sự khác biệt giữa miêu tả các sự kiện “*một cách khách quan*” và xử lý các sự kiện đó “*một cách chủ quan*” là một khác biệt về mức độ trong việc nhận định về giá trị thật của những gì được nói hay viết. Cho nên sự đối lập “*khách quan – chủ quan*” không liên quan đến cách dùng ngôn ngữ này được xem là “*thật hơn*” cách dùng khác đối với một hiện thực - khi đối phó với các cấp độ chắc chắn đang thay đổi về mức độ mà ngôn ngữ diễn đạt hoặc “*tái tạo*” lại hiện thực – một mức độ tuyệt đối của tính chất chắc chắn (*certainty*), đánh dấu sự vắng mặt hoàn toàn của các tham chiếu. Còn mức độ thấp hơn của tính chất chắc chắn phản ánh hiện thực có liên quan đến các cấu trúc ngôn ngữ, tức là các cấu trúc này đề cập đến chúng ta như những người quan sát một cách hiển ngôn.

1.4. Vị thế liên chủ quan (*inter – subjective positioning*) với Ngữ pháp thẩm định

1.4.1 Thẩm định và các ngữ vực của báo chí

Có thể nhận định một cách khái quát rằng thẩm định là một công cụ mang tính liên nhân có liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau như thái độ của tác giả, sự lượng giá của xã hội và vị thế của cả người đọc lẫn người viết. Hệ thống này được xếp đặt theo ba trục:

Thỏa hiệp là tính đa dạng của thương thuyết bằng dị ngữ (*negotiating heteroglossic diversity*) như *có lẽ, dường như, ông ấy nói, tôi tuyên bố, tuy nhiên, rõ ràng là...*

Thái độ: Gồm (1) Tác động thể hiện phản ứng thuộc cảm xúc (*emotional response*) như *thích, sợ*; (2) Phán xét là sự lượng giá về hành vi con người như *thối nát, lành nghề...* và (3) Đánh giá là sự lượng giá các thực thể như *đẹp đẽ, nổi bật...*

Thang độ là các nguồn để đo lường sức mạnh của tính liên nhân hoặc để làm nổi bật hoặc làm mờ đi sự tập trung các mối quan hệ về giá trị như *rất, thật sự, tôi, có phần, hơn...*

Thái độ là một phạm trù thượng danh (*hyperonym . superordinate*) bao gồm ba hệ thống giá trị thuộc hạ danh (*hyponym subordinate*) là: Tác động,

Phán xét và Đánh giá. Còn hai phạm trù Thang độ và Thoả hiệp là khá mới lạ và chưa được nghiên cứu nhiều trong ngữ học tiếng Việt.

1.4.2. Thẩm định và sự đa dạng của tuyến dị ngữ

Quan điểm về tuyến dị ngữ đã vượt khỏi khuôn khổ ngữ nghĩa của sự cam kết/thoả hiệp của người nói. Quan điểm này cho rằng ngôn ngữ là một nguồn để kiến tạo các hiện thực xã hội – một phương châm cơ bản của các phương pháp tiếp cận mang tính chức năng đối với ngôn ngữ – và bất kì cộng đồng nào cũng có các hiện thực xã hội hoặc quan điểm về thế giới đa dạng đôi khi hội tụ hoặc chia tách. Một số phát ngôn dễ bị hiểu nhầm được đặt ở một vị trí đặc biệt nào đó có thể tạo ra các mối quan hệ có tính hoà nhập hoặc chia tách lớn nhỏ bằng một loạt các phát ngôn thay thế tượng trưng cho các vị trí xã hội khác nhau. Rõ ràng là quan điểm này sẽ dẫn đến việc kiến tạo lại ngữ nghĩa trong các kiểu cung cấp bằng cứ/ tình thái/ các kiểu nói rào đón... Các yếu tố này không nhất thiết là có liên quan đến sự thật, tri thức hoặc sự tin cậy có tính tri nhận mà việc giải mã chúng là nhằm cung cấp một hiểu biết sâu hơn về vị thế xã hội và một sự mở rộng hơn khi viết tin.

Việc khảo sát tuyến dị ngữ là rất hữu ích trong việc viết tin... vì nó cung cấp một công cụ ưu việt đối với khái niệm thông thường là một số phát ngôn nhất định có tính trung lập về mặt liên nhân, và do đó “xác thực” (*factual*) hoặc “khách quan” (*objective*); trong khi một số khác lại được gán cho vai trò liên nhân, tức là “có tính biểu thái” (*attitudinal*) hoặc “có chủ kiến” (*opinionated*). Theo quan điểm NHCNHT thì tất cả các phát ngôn được phân tích đồng thời ở cả hai mặt tư tưởng và liên nhân vì không thể có bất kì một phát ngôn nào mà lại không chứa đựng một giá trị liên nhân nào đó. Tuy nhiên, ảnh hưởng của khái niệm thường tình về “*sự thật*” là rất phổ biến và có thể dẫn đến việc xem một số phát ngôn nào đó là có tính liên nhân hơn một số phát ngôn khác.

1.4.3. Tuyến dị ngữ và độc giả đa dạng của văn bản viết

Tuyến dị ngữ có liên quan đến sự tách biệt giữa văn bản và ngôn bản. Trong ngữ cảnh của nhiều ngôn bản thì tất cả các diễn tố có liên quan đều hiện diện trong hành động giao tiếp – người nói phát biểu với một cá nhân hoặc một

nhóm người thật tức là những cá thể ở vị thế hồi đáp trực tiếp với những gì vừa được phát biểu. Do vậy, mối quan hệ giữa người nói – người nghe là một quan hệ năng động có thể bao gồm cả sự hồi đáp tức thì và sự tái thương thuyết chủ động của người nói đang ở vị thế phải hồi đáp lại phát ngôn của người nghe. Tuy nhiên, các văn bản được phát trên các phương tiện truyền thông lại không có một người nghe/ người đọc thật sự cụ thể. Người viết văn bản truyền thông sẽ phải tiên đoán một số người đọc tiềm năng hoặc được phóng chiếu hơn là thực tế hoặc đang hiện diện (theo Coulthard, M. [55, tr.4]). Số độc giả được phóng chiếu này được xem là có những phản ứng khác nhau đối với văn bản vì những khu biệt trong vị thế dị ngữ của riêng họ và người viết có thể chọn để sử dụng các ý nghĩa này trong văn bản của mình. Văn bản đó tiên đoán và do đó phải thoả hiệp với một số hoặc tất cả những phản ứng được tiên đoán trước đó. Các văn bản có thể tạo ra nhiều loại độc giả tiềm năng khác nhau như “*đồng tác giả*”, “*có liên quan*” và “*tổng quát*”. Thuật ngữ “*đồng tác giả*” đề cập đến các biên tập viên. Họ là những độc giả đầu tiên của tất cả các văn bản truyền thông. Họ đánh giá về mặt “*chất lượng*” và “*giá trị của thông tin*” và sự tương thích đối với các tiêu chuẩn bổ sung khác nhau. Họ cũng có thể can thiệp vào tiến trình sản xuất, để viết lại văn bản đó trước khi nó được đăng tải. Các nhà báo đều biết rằng văn bản của họ phải được các độc giả đồng thời là đồng tác giả này (các biên tập viên) chấp nhận. Nói cách khác, một khía cạnh của vị thế có tính thương thuyết mà các nhà báo sử dụng trong các văn bản của mình là nhắm vào mục đích đạt được sự phản ứng tích cực từ các biên tập viên.

Thứ hai là vị thế liên nhân của một nhà báo là phải làm cho các văn bản của mình được các cá nhân và tổ chức có liên quan trực tiếp đến các văn bản đó chấp nhận. Chính từ bản chất truyền thông của báo chí mà các văn bản báo chí có thể làm cho một số cá nhân và tổ chức thành nạn nhân, hoặc thành anh hùng và một số khác thành những kẻ phản diện... Do đó, những cá nhân và tổ chức có liên quan một cách tiềm ẩn sẽ là những độc giả rất quan tâm đến các văn bản đó. Họ có thể sẽ hồi đáp bằng nhiệt tình nếu thấy văn bản đó phản ánh đúng những gì họ mong muốn hoặc sẽ phản ứng lại các văn bản đó bằng tất cả sức

mạnh của luật pháp khi họ cảm thấy vị thế của mình bị hiểu nhầm hoặc bị diễn đạt sai lệch.

Tất nhiên, cuối cùng sẽ là một số độc giả hoặc thính giả “*trung bình*” hoặc “*chung chung*”, tức là những người sẽ mua hoặc cùng đọc các văn bản truyền thông trong tư thế người tiêu dùng.

Ngoài ra, cũng có sự đa dạng bên trong từng tổ hợp nêu trên. Biên tập viên được mong đợi là sẽ có những sự quan tâm và vị thế đa dạng như loại độc giả thứ hai và thứ ba vừa được đề cập.

1.5. Thể loại qua cái nhìn của Ngữ học chức năng hệ thống

Gần đây, Martin, J.R [102] đã phát triển một lý thuyết phân tích thể loại dựa vào một số bình diện của NHCNHT. Hai bình diện quan trọng đối với ngữ cảnh hiện hành là:

- Hướng tiếp cận có tính thuận lợi hơn đối với sự đa dạng của siêu chức năng.
- Phương pháp luận để quyết định các điểm tương đồng và dị biệt giữa các thể loại khác nhau mà ông gọi là “đồng thể loại” (*genre agnation*).

Như đã trình bày ở phần trên, mô hình thể loại của Martin, J.R. cho thấy các tiến trình xã hội được phân đoạn, định hướng mục tiêu mà theo đó các ngữ cảnh xã hội được cấu thành. Thể loại tượng trưng cho các mô hình tái diễn đều đặn để khám phá các cấu hình và các tái cấu hình của các biến thuộc ngữ vực (sự chuyển vị các mô hình đồng xuất hiện của giá trị về Trường, Không khí và Phương thức) theo đó các cú pháp xã hội được theo đuổi và thực hiện thông qua ngôn ngữ. Do đó, thể loại tượng trưng cho sự tái cơ cấu năng động của các biến thuộc ngữ vực đồng hành với việc khám phá các văn bản của một thể loại đặc biệt nào đó (tức là các văn bản này đồng hành với một quy trình xã hội đặc biệt nào đó). Các tái cấu hình khác nhau đó sẽ tạo ra các phân đoạn đồng hành theo qui ước với một văn bản hoặc một thể loại nào đó. Các miêu tả về thể loại rất gắn liền với những phân đoạn khác nhau này. Chúng lý giải một phân đoạn nào đó là có tính bắt buộc theo qui ước và trật tự của một thể loại cụ thể nào đó (Martin, J.R [102, chương 7]).

Các vấn đề thuộc văn bản		
Cụ thể đối chiếu với tổng quát		
Những vấn đề thuộc tư tưởng Sự vật đối chiếu với hành động	Tường thuật cá nhân	Tường thuật mang tính lịch sử
	Miêu tả	Tường thuật mang tính miêu tả

Bảng 1.4.: Một cách phân loại hình các thể loại (theo Martin, J.R [102])

1.6. Tính liên văn bản và kiến tạo diễn ngôn mang tính xã hội

1.6.1. Ảnh hưởng của Bakhtin, M [36] đối với tính liên văn bản và việc kiến tạo diễn ngôn mang tính xã hội là rất rõ nét. Hai khái niệm có liên quan mật thiết làm nền tảng cho phương hướng tiếp cận được vận dụng ở đây là tính liên văn bản và đối thoại luận (*dialogism*). Khái niệm liên văn bản nhận định rằng bất kì văn bản nào cũng đều nhất thiết phải xem xét các giả định, sở chỉ và các quan hệ cú pháp với các văn bản trước đó. Còn khái niệm đối thoại luận, phải được quan sát từ một quan điểm khác. Các phát ngôn riêng lẻ trong các văn bản được xem là có ý nghĩa của chúng và mang màu sắc bằng các mối quan hệ với tổ hợp của các phát ngôn ít nhiều phân nhánh đang vận hành xét về mặt văn hóa. Theo đó, Bakhtin, M. [36] đã nhấn mạnh rằng các mối quan hệ liên văn bản không bị giới hạn đối với các văn bản thực tế, có hiệu lực. Thay vào đó, các phát ngôn có các mối quan hệ thuộc tuyến dị ngữ với các phát ngôn thay thế đang vận hành trong lĩnh vực văn hóa, không chỉ đơn giản vì chúng đã được diễn đạt trong một văn bản khác mà còn vì chúng đã được hoặc có thể được diễn đạt. Một tác giả vừa điếm lại những gì trình bày trước đây nhưng cũng vừa phải điếm lại xem những gì có thể được nói, nhất là để hỏi đáp các phát ngôn của chính mình.

Bakhtin, M. cũng nhấn mạnh rằng người nghe, kể cả hiện tại và tiềm năng, là một thành phần cần thiết và tích cực của hành động giao tiếp. Ông cảnh báo đối với các lý thuyết ngôn ngữ là hành động giao tiếp hạ thấp vai trò

của người nghe thành một người quan sát thụ động và cho rằng sự giao tiếp có thể được hiểu như là một mối quan hệ giữa lời nói và nội dung hoặc thông điệp của chính anh ta. Do đó, ông cảnh báo đối với các lập thức mang tính lý thuyết là *“phát ngôn phải phù hợp với đối tượng của nó (có nghĩa là nội dung của ý tưởng được phát ra) và đối với người đang phát ra diễn ngôn đó”*. Ông cũng cảnh báo đối với những ai cho rằng *“Ngôn ngữ chỉ cần duy nhất một người nói và một đối tượng cho lời nói của anh ta”* (Dẫn lại của White, P.R.R – [130, tr.67])

Tuy nhiên, chúng ta cảm nhận từ Bakhtin, M. [36] đã có một sự đóng góp tổng quát hơn đối với các khái niệm về tính văn bản, thể loại và tu từ tiềm năng ngoài những điều đã dẫn chứng trên. Chính Bakhtin, M. là người đã khẳng định rằng các hiện tượng về ngôn ngữ học có thể được hiểu một cách tối đa, có thể được giải thích và đặc trưng hóa chỉ trong ngữ cảnh mà một thể loại cụ thể vận hành :

Một ý tưởng rõ ràng về bản chất của phát ngôn nói chung và về các đặc điểm của những loại phát ngôn (văn bản) khác nhau (chủ yếu và thứ yếu) tức thuộc những thể loại ngôn ngữ khác nhau, là cần thiết cho việc nghiên cứu bất kì lĩnh vực đặc biệt nào của ngôn ngữ. Bỏ qua bản chất của phát ngôn hoặc là không cân nhắc những đặc điểm của các tiểu thể loại của ngôn ngữ trong bất kì lĩnh vực nào của việc nghiên cứu về ngôn ngữ sẽ dẫn đến một sự hời hợt, qua loa và trùu tượng cao độ, bóp méo tính xác thực của nghiên cứu và làm yếu đi mối liên hệ giữa ngôn ngữ và đời sống. Cuối cùng, ngôn ngữ đi vào đời sống thông qua các phát ngôn cụ thể (biểu thị ngôn ngữ) và chính cuộc sống cũng đi vào ngôn ngữ thông qua các phát ngôn cụ thể đó. Phát ngôn là một đầu mối cực kì quan trọng của các vấn đề ngôn ngữ (Dẫn lại của White, P.R.R [131, tr.63])

Và quan điểm của Bakhtin, M. [36] về thể loại (hay thể loại của ngôn ngữ) là có tính quyết định và được quyết định bởi các điều kiện xã hội đồng hành với lý thuyết về thể loại và một ngữ cảnh tình huống được phân tầng của Martin, J.R [103] Do đó, đối với Bakhtin, M. [36] mọi văn bản phản ánh *“các*

điều kiện và mục tiêu cụ thể của [lĩnh vực hoạt động của con người] không những thông qua những nội dung của chúng (chủ đề) và phong cách ngôn ngữ, tức là việc lựa chọn các nguồn từ vựng, ngữ cú và ngữ pháp của ngôn ngữ nhưng trên hết là thông qua cơ cấu mang tính cấu tạo của chúng. Tất cả ba khía cạnh này – nội dung chủ đề, phong cách và cơ cấu mang tính cấu tạo – được thoả hiệp chặt chẽ với toàn bộ phát ngôn và được qui định một cách ngang bằng bởi bản chất cụ thể của một lĩnh vực giao tiếp đặc biệt” [Dẫn lại của White, P.R.R. – [131, tr.60].

1.6.2. Fairclough, N. [61] có ảnh hưởng đến việc áp dụng và làm nổi bật khái niệm then chốt trong NHCNHT – Ngôn ngữ/ thể loại/ diễn ngôn thâm nhập vào môi quan hệ biện chứng với ngữ cảnh xã hội. Ngôn ngữ không những được định hình bằng các thực thể xã hội, các mối quan hệ và hệ thống niềm tin mà còn vận hành để kiến tạo nên các yếu tố đó. Theo đó, vị thế của ngôn ngữ là vừa tái tạo mà cũng vừa làm biến đổi cấu trúc mang tính xã hội (tr.63 – 73). Khái niệm về quan hệ biện chứng là vô cùng quan trọng. Khái niệm này nhấn mạnh rằng trong khi ngôn ngữ cấu thành ngữ cảnh xã hội thì nó cũng cấu thành các ngữ cảnh mang tính lịch sử, vật chất, kinh tế và quan hệ quyền lực. Các ngữ cảnh đã được thiết chế hóa thông qua các quy trình được ước định, xã hội hóa khác nhau và thông qua các phương thức tương tác khác nhau. Do đó, tiềm năng của ngôn ngữ đối với việc tái cơ cấu xã hội có điều kiện bằng các sự kiện ngôn ngữ trong quá khứ. Fairclough, N. [61] khẳng định “*Do đó, việc cấu thành xã hội mang tính rời rạc đã không xuất phát từ một kịch bản tự do về ý tưởng trong đầu óc của những con người khác nhau mà từ một thực tiễn xã hội chắc chắn bắt nguồn từ một định hướng đối với các cấu trúc mang tính thực tế, vật chất và xã hội”* (Fairclough, N. [61, tr.66]).

Khái niệm của Fairclough, N. về tính chức năng của ngôn ngữ là nguồn cảm hứng cho việc nghiên cứu tu từ tiềm năng ở nhiều tác giả. Việc phân tích các thuộc tính hồi quy của các văn bản tin được thúc đẩy bằng mối quan tâm khám phá các phương thức trong đó các thuộc tính là điều kiện cho các văn bản không chỉ có ảnh hưởng đến người đọc mà còn hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp tạo

ra các giá định, niềm tin và mong đợi về một trật tự xã hội. Và cũng từ trật tự xã hội được cơ cấu này thông qua các quan hệ quyền lực và nhất là sự phân bổ không đồng đều các quyền lực khiến chúng ta phải quan tâm tới việc các thuộc tính văn bản của diễn ngôn tin phải có vị trí như thế nào đối với việc phân bổ quyền lực xã hội. Ở đây, quan điểm của Fairclough, N. trong việc nhận định ngôn ngữ là “*Một thực thể mang tính, [nó] cấu thành, dung nạp, duy trì và thay đổi những điều quan trọng của thế giới từ các vị thế đa dạng thành các quan hệ quyền lực*” [61, tr. 67] là một trong những quan điểm chủ đạo của Fairclough, N.

1.7. Mô hình hóa tin và phóng sự

1.7.1. Các tài liệu có tính sự phạm

Các tài liệu đào tạo nghề làm báo chủ yếu là cung cấp những hướng dẫn về cấu tạo các thể loại thông qua việc xử lý mang tính lý thuyết những câu chuyện mẫu, riêng lẻ hơn là thông qua các tài liệu trù tượng, có hệ thống hơn. Công trình của Evans, H. [60] là một ví dụ điển hình của hướng tiếp cận mang tính hướng nghiệp này. Theo đó, tin thường được chia thành một mở đầu (*an opening*) gồm có câu đầu tiên (“phần dẫn nhập”: “*Lead*” hoặc “giới thiệu”: “*Intro*”) và sau đó là một thân bài. Đoạn dẫn nhập mở đầu này được xem là tách rời, nhằm nêu lên “quan điểm của tin” (*news point*) hoặc “góc độ” (*angle*) của câu chuyện và tóm lược “các yếu tố tin tức cần thiết” (*essential news elements*). Một số tài liệu sự phạm chỉ ra rằng đoạn dẫn nhập phải chứa “5 WH và 1 H” – “*Who*”, “*What*”, “*When*”, “*Where*”, “*Why*”, và “*How*”.

Các tài liệu đào tạo chuyên ngành báo chí còn cần thận khi giải thích rằng trong việc miêu tả các sự kiện, tin không theo một chuỗi lịch đại mà rõ ràng theo một tiến trình rất giống với thuật sự. Do đó, Mac Dougall, C.D. [96] đã khẳng định:

“*Sự khu biệt rõ ràng giữa các văn bản tin theo truyền thống trong Tiếng Anh và các loại hình văn bản khác như luận văn, thi ca, kịch, tiểu thuyết và truyện ngắn tiếp tục là: trong khi tác giả của những loại hình văn bản này thường bắt đầu bằng các chi tiết hoặc sự cố không quan trọng và dẫn đến một*

cao trào ở gần hoặc ở phần kết thúc của các sáng tác đó thì người viết tin lại đảo ngược sơ đồ này. Tức là cao trào hoặc là phần cuối của câu chuyện phải xuất hiện trước. Nếu được cho một thời khắc biểu của các sự kiện để sắp xếp dưới dạng một bài báo thì người viết báo sẽ chọn sự kiện quan trọng nhất hoặc cao trào của câu chuyện và đặt nó ở phần mở đầu. Sự kiện quan trọng thứ nhì xuất hiện sau đó, sự kiện quan trọng thứ ba và v. v.. Một văn bản tin theo truyền thống này được gọi là có dạng hình tháp ngược (*inverted pyramid form*).”

Do đó, nguyên tắc sắp xếp thân bài của mẫu tin không theo chuỗi lịch đại, mà lại theo tầm quan trọng của sự kiện. Một yếu tố càng quan trọng thì càng xuất hiện sớm trong văn bản bất chấp vị trí của nó trong bất kì chuỗi lịch đại nào. Nguyên tắc này thường được minh hoạ bằng lập thức ẩn dụ của một “cấu trúc hình tháp” (*pyramid structure*). Friedlander, E.J. & J. Lee [66] nhận định:

“Trong cấu trúc hình tháp ngược điển hình được dùng trong một tin, thì thông tin ở đỉnh của tháp – đoạn dẫn nhập – là quan trọng nhất. Khi người đọc càng đi sâu vào câu chuyện thì giá trị thông tin càng giảm dần”.

1.7.2. van Dijk, T.A. [126] và hướng tiếp cận mang tính tri nhận đối với cấu trúc tin đã có một số ảnh hưởng nhất định đối với việc nghiên cứu cấu trúc tin.

Phân tích của van Dijk, T.A. được đặt trong một khung lý thuyết mang tính tri nhận về việc lĩnh hội văn bản. Ông chủ yếu quan tâm tới cơ chế tri nhận, theo đó người đọc diễn dịch các thông điệp của văn bản. Ngoài ra, sự định hướng của ông là nhằm vào các ý nghĩa về tư tưởng. Điều này được phản ánh trong hướng tiếp cận với tính chức năng về tu từ của văn bản tin. Đối với van Dijk, T.A., việc phân tích tu từ tiềm năng của văn bản tin được giới hạn một cách cần thiết đối với những vấn đề thuộc “tính xác thực” (*factuality*) và với các chiến lược để đảm bảo rằng người đọc sẽ quan tâm đến những thông tin “xác thực” (*factual*) là thông tin “sự thật”.

Kết quả là khuôn khổ miêu tả, phương thức lập luận, các mục tiêu và phát kiến của van Dijk, T.A. là những đóng góp quan trọng trong nhiều đề tài nghiên cứu về báo chí.

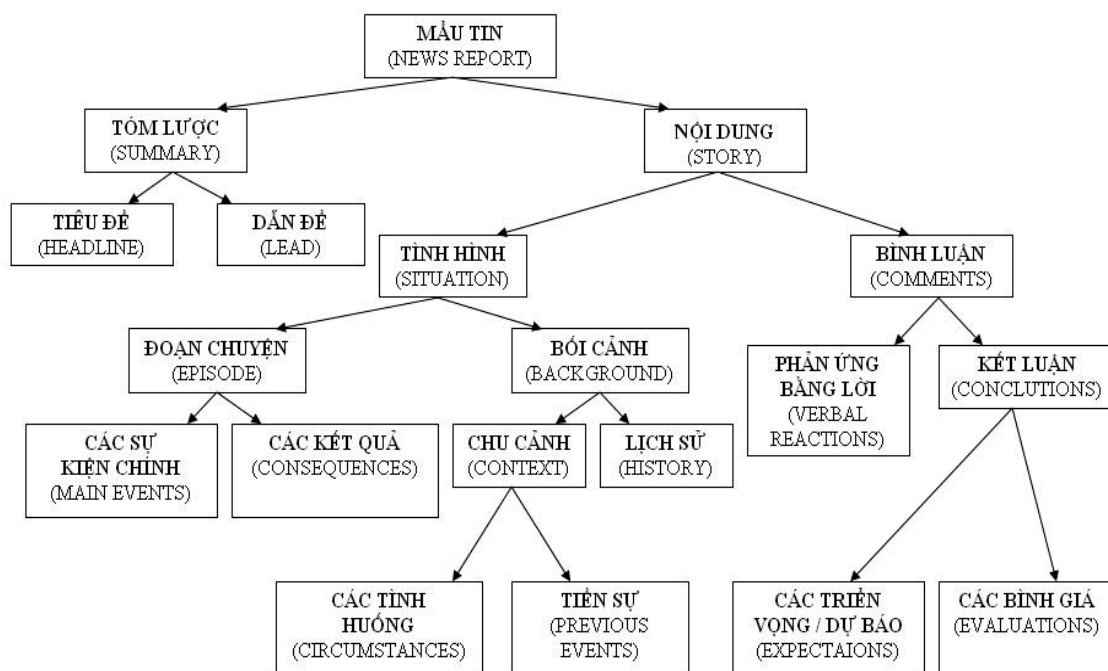
Thành phần đầu tiên của giản đồ được van Dijk, T.A. đề xuất được gọi là *Headline* và *Lead* (Tiêu đề và Dẫn đề). Ông đồng tình với tài liệu sư phạm đào tạo nghề làm báo xem sự tổng hợp này là có chức năng tóm lược văn bản. Ông cho rằng:

Tiêu đề và dẫn đề cùng diễn đạt các chủ đề quan trọng của văn bản tức là chúng có chức năng như một tóm lược tiên khởi. Do đó, như trong các câu chuyện tự nhiên, chúng ta cũng có thể giới thiệu phạm trù Tóm lược (Summary) chi phối Tiêu đề và Dẫn đề. Rõ ràng là Tiêu đề và Dẫn đề tóm lược văn bản tin [126, tr.53).

Tương tự, các thành phần khác trong giản đồ tin tức của ông cũng viện dẫn đến các lập thức báo chí. Cụ thể, danh mục các thành phần trong lược đồ của ông gồm: *Main Event* (Sự kiện chính), *Consequences* (Các kết quả), *Previous Event* (Tiền sự), *Verbal Reactions* (Các phản ứng bằng lời), *Evaluations* (Các bình giá).

Nhưng theo White, P.R.R [130] thì phạm trù Sự kiện chính là một phạm trù có tính tri nhận hơn là có tính văn bản. Sở dĩ người đọc hiểu được từng phần của *Sự kiện chính* này là từ các thành phần được trình bày một cách không liên tục trong văn bản. *Sự kiện chính*, do đó, không phải là một đoạn trong văn bản đó mà là một kiến tạo mang tính thông tin được trích xuất từ văn bản đó mà thôi.

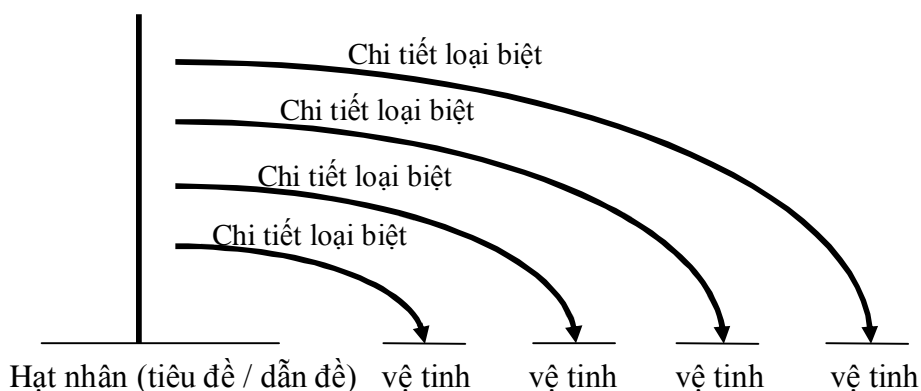
Tuy nhiên, một điểm sâu sắc trong phân tích của van Dijk, T.A. [126] là các thành phần khác nhau của giản đồ và nhất là Sự kiện chính được cung cấp một cách không liên tục và được lắp đặt từng phần khi văn bản mở ra. Do vậy, tất cả các thành phần của Sự kiện chính không nhất thiết phải được trình bày trong một đoạn hoặc một phần của văn bản mà có thể được cung cấp từng phần một với các gián đoạn cần thiết, ví dụ, bằng miêu tả qua các phạm trù Kết quả và Tiền sự.



Giản đồ 1.2: Cấu trúc một mẫu tin (theo van Dijk, T.A. [126])

1.7.3. Lý luận của White, P.R.R.[130], nói chung, là không mâu thuẫn với các công bố của van Dijk, T.A. về sự phát triển tin qua phương pháp lắp ghép. Các phạm trù về cấu trúc văn bản mà White, P.R.R đề xuất có một cơ sở ngữ học mang tính hệ thống để đối lập với các thành tố không chính thức của van Dijk, T.A. Cơ sở lý luận của White, P.R.R khác với của van Dijk, T.A. là có tính chi tiết hơn và tham chiếu thuộc lĩnh vực lý thuyết có tính nền tảng hơn.

Có lẽ điều khác biệt cơ bản nhất giữa cơ sở lý luận của White, P.R.R và van Dijk, T.A. là về mặt tu từ tiềm năng. Đối với van Dijk, T.A., tu từ là một vấn đề thuộc kỹ thuật hiển ngôn mà các văn bản tin vận dụng để nâng cao “*tính xác thực*” của chúng. Do đó, ông đề cập đến việc sử dụng các bằng chứng từ những sự chứng kiến tận mắt, từ những nguồn tin “*đáng tin cậy*” khác và việc sử dụng các dấu hiệu như thời gian, địa điểm chính xác và các con số để chứng minh cho sự rõ ràng, dứt khoát.



Giản đồ 1.3: Mô hình tin được cấu trúc theo quỹ đạo của White, P.R.R [130]

1.7.4. Bell, A. [37], [38] đã cung cấp một phân tích tương đối chi tiết về mẫu tin có tham khảo mô hình thuật sự cá nhân của Labov, V. & Waletzky, J. [92]. Phân tích này là sự quyết định vị thế của thể loại tin so với các văn bản kể chuyện khác. Bell, A. kết luận rằng tin và các thể loại thuật sự cá nhân là những loại chuyện khác hẳn nhau nhưng cùng có một số đặc trưng chung mà hai loại này cùng chia sẻ. Ví dụ, ông phát hiện cả hai cùng có một Tóm lược (*Abstract*) (cung cấp một cái nhìn tổng quan hoặc tóm tắt của câu chuyện), một Định hướng (*Orientation*) (thiết lập hiện trường, trình diện các tham thể, cung cấp ngữ cảnh) và các thành phần Đánh giá (xác lập tầm quan trọng của câu chuyện). Tuy nhiên, hai loại văn bản là khác nhau, trong đó hành động trong văn bản tin được kể trong một trật tự không có tính lịch đại. Ngoài ra, tin hoặc không chứa đựng hoặc trình bày Giải pháp (*Resolution*) trong phần mở đầu chứ không phải ở phần kết thúc.

Phân tích của Bell, A. có thể bị tranh cãi ở một số điểm. Ví dụ, ông dường như đã phóng đại khi cho rằng “Dẫn đề” [của tin] rõ ràng là có cùng chức năng như phần Tóm tắt (*Abstract*) trong thuật sự cá nhân [38, tr.149]. Trong khi White, P.R.R [130] lại cho rằng Dẫn đề của một số mẫu tin nhất định có chứa các thành phần dùng để tóm tắt thông tin và cung cấp một cái nhìn tổng quát về cốt truyện. Những yếu tố này là một thành tố của cấu trúc tu từ phức tạp, tức là câu mở đầu của văn bản tin. Ấn tượng nhất của Dẫn đề là đã chọn ra điểm

khủng hoảng, điểm tác động tối đa của sự kiện, một chức năng mà yếu tố tóm tắt của thể loại thuật sự cá nhân không nhất thiết phải đảm trách. Do đó, trong khi các Dẫn đề có thể chia sẻ một chức năng giao tiếp nào đó với tóm tắt của thuật sự nhưng chúng không thể thực hiện “*chức năng rõ ràng là giống nhau*”. Ngoài ra, Bell, A. cũng không quan tâm đến việc quan sát chức năng tu từ, yếu tố có thể giải thích tại sao tin dứt khoát là khác với thuật sự cá nhân. Bell, A., cũng giống như van Dijk, T.A., dường như cùng chấp nhận quan điểm thường nhật về báo chí là cấu trúc của tin có thể được giải thích một cách đơn giản bằng sự quan yếu đối với một khái niệm về tầm quan trọng có liên quan. Theo đó, van Dijk, T.A. đã miêu tả tin như “*Tất cả những điểm chính yếu ở phần mở đầu và diễn tiến thông qua thông tin giảm dần độ quan trọng*” [126, tr.169].

1.7.5. van Leeuwen, T. [128] đã cung cấp một phân tích theo đó các mẫu tin được chia tách thành các vi thể loại (micro genres). Ông cho thấy cách các đoạn của các mẫu tin phục vụ các mục đích cốt lõi hoặc các mục đích cơ bản khác nhau như Thuật sự (*Narration*), Trình tự (*Procedure*) và Trình bày (*Exposition*). Ông lập luận rằng việc sử dụng và sắp xếp trật tự của những vi thể loại này trong văn bản là đa dạng và do đó không thể đưa ra một lược đồ cứng nhắc đối với việc cấu trúc các mẫu tin. Điều nổi bật trong phân tích của van Leeuwen là sự xếp đặt các vi thể loại, là có tính chiến lược, phục vụ các mục tiêu tu từ khác nhau.

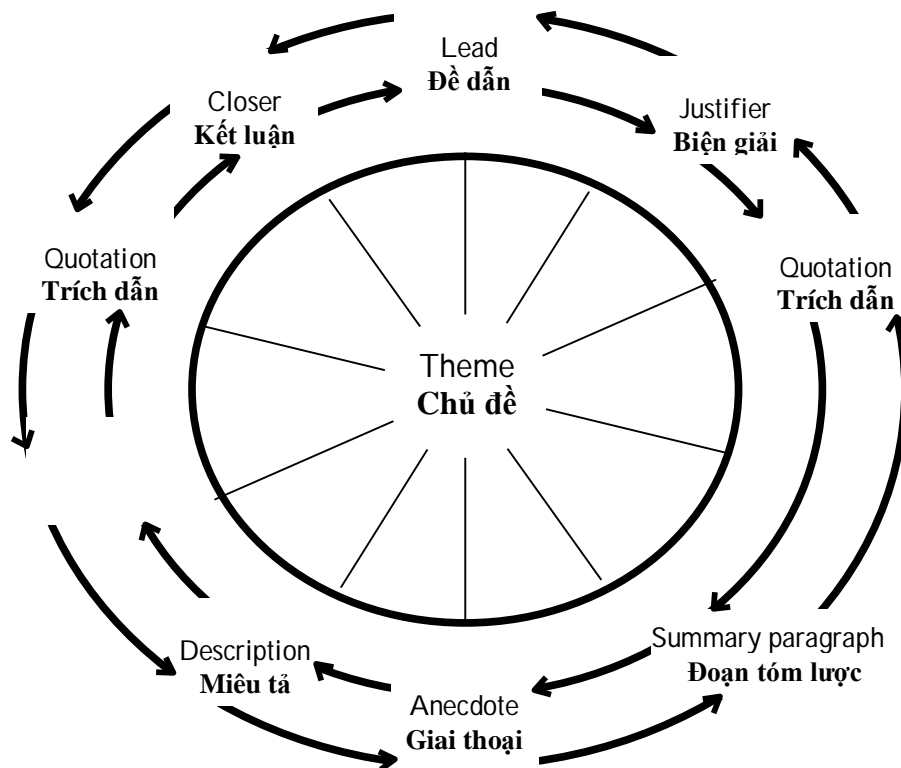
Theo hướng phân tích tiểu thể loại của Van Leeuwen, T. thì văn bản được chia thành các thành tố có quy mô lớn hơn.

Một phân tích tiểu thể loại như thế rất phù hợp với cấu trúc của các mẫu phóng sự. Trong phóng sự có một sự phát triển đầy đủ của văn bản trong từng đoạn riêng lẻ được xem là phục vụ cho một thể loại đặc biệt. Trái lại, các đoạn của những mẫu “tin nóng” (*hard news*) thường là ngắn hơn, chỉ kéo dài từ hai đến ba câu. Tài liệu nghiên cứu của chương trình Disadvantaged School Program (DSP) cho rằng tin phải được phát triển theo một mô hình theo đó các đoạn ánh xạ lên từ những mối quan hệ mà chúng đạt được giữa các cú phức (*clause – complexes*) thay vì mô hình phóng chiếu xuống từ các loại văn bản

(như hướng tiếp cận các vi thể loại của van Leeuwen). Tuy nhiên, hai hướng tiếp cận này không mâu thuẫn nhau mà chỉ đơn giản là phản ánh những quan niệm khác nhau về chức năng của các thành tố văn bản. Sự nhấn mạnh của van Leeuwen về tính chức năng đa dạng của các đoạn khác nhau trong văn bản là tương thích và hỗ trợ cho việc phân tích chúng. Thái độ kiên định của van Leeuwen về việc phản đối các lược đồ cứng nhắc đối với việc phân đoạn trong các văn bản là rất hợp lý. Có thể thấy rằng cấu trúc nội tại của văn bản tin là các đoạn của tin có thể diễn ra theo mọi cung cách với trật tự thực tế phục vụ cho các mục tiêu từ cục bộ.

1.7.6. Cấu trúc một tác phẩm Phóng sự

Trái với tin, mô hình cấu trúc cốt truyện một PS ít được tranh cãi hơn. Conley, D. [54] với mô hình *bánh xe Rama* (“Wheel-O-Rama”) là một hình mẫu được tác giả luận án vận dụng trong phân tích và so sánh về cấu trúc thể loại PS giữa hai nền báo chí tiếng Việt và tiếng Anh như sau:



Giản đồ 1.4: Mô hình cấu trúc một văn bản PS mô phỏng bánh xe

Wheel - O -Rama của Conley, D. [54]

Mô hình cấu trúc một tác phẩm PS theo “bánh xe Wheel-O-Rama” của Conley, D. [54] có nội dung như sau: tâm điểm là *chủ đề*, là *mục đích trung tâm* hoặc *thông điệp* của tác phẩm. Xuất phát từ tâm điểm là các nan hoa nối liền với phần ngoại vi của bánh xe giống như các yếu tố chính của của một câu chuyện gồm các câu trích dẫn (*quotations*), đoạn tóm lược (*summary paragraph*), công cụ biện giải (*justifier*), trình bày (*exposition*), miêu tả (*description*) và các giai thoại (*anecdotes*). Yếu tố này gắn liền với yếu tố kia thông qua *chủ đề* là mẫu số chung (*denominator*). Trong khi các nan hoa dịch chuyển về phía trước - giống như câu chuyện đang diễn tiến – thì cũng có một xu thế tác động nghịch chuyển (ngược lại với chiều kim đồng hồ). Những gì đang được viết ra sẽ gắn với những cái đã được “*xác lập*” trước đó. Mọi cái gắn kết với nhau, từng yếu tố mắt xích với nhau để tạo nên chiếc bánh xe, là lực đẩy của câu chuyện.

Bánh xe Wheel-O-Rama vận hành trên nền tảng giống như một truyện ngắn. Sự đặc trưng hóa, bối cảnh, hiện trường, đàm thoại, miêu tả và chủ đề hoà quyện vào nhau trong một tổng hợp mang tính văn học. Nếu một yếu tố làm chậm lại các sự kiện thì nó sẽ lập tức bị loại ra khỏi cơ cấu và bánh xe phải được điều chỉnh lại. Nếu một yếu tố nào đó – dù hiệu quả đến cỡ nào – mà không gắn chặt hoặc không đóng góp cho sự tiến triển của câu chuyện cũng phải bị loại bỏ hoặc thay đổi.

1.8. Diễn ngôn truyền thông mang tính toàn cầu

Machin, D. & van Leeuwen, T. [97] đã đặt ra một số câu hỏi như: có phải phương tiện truyền thông là công cụ dẫn dắt con người vào một nền văn hóa mang tính toàn cầu và đó có phải là một nền văn hóa đậm chất Âu - Mỹ hoặc Tây phương không? Đây là một câu hỏi không dễ dàng có lời đáp vì nó bao gồm các vấn đề có liên quan đến tính “*đa dạng*” và các định nghĩa của văn hóa và một thuộc tính tất yếu của văn hóa là nó luôn tùy thuộc vào các tiến trình thay đổi của lịch sử. Làm thế nào để bảo vệ “*tính đa dạng*” bản địa khi một

mặt nó hàm ý rằng các nền văn hóa phải có tính bất biến nhưng mặt khác mọi người cho dù có quá khứ thuộc bất kì nền văn hóa nào thì cũng phải có khả năng tham gia vào các lợi thế mà xã hội tiêu dùng đang công hiến? Phải chăng “*địa phương chủ nghĩa*” và “*tính đa dạng*” trong các giá trị của phương Tây đã được gieo rắc khắp nơi bằng phương tiện truyền thông mang tính toàn cầu luôn mâu thuẫn và xung đột lẫn nhau?

Sự phức tạp về vai trò của truyền thông cũng đang đặt ra cho người nghiên cứu nhiều câu hỏi lớn cần phải giải đáp. Những vấn đề nổi cộm, dễ thấy nhất có lẽ là:

- Xu thế thống trị toàn cầu của các tập đoàn truyền thông xuyên quốc gia có thể tiếp cận qua biện pháp vận động hành lang và tác động đến các thể lực chính trị đang nắm quyền tại một số quốc gia nghèo, kém phát triển. Các qui chế thương mại toàn cầu hóa cũng đang tạo điều kiện thuận lợi cho các tập đoàn này có cơ hội thâm nhập vào lĩnh vực truyền thông bản địa. Ngoài ra, bản thân một số tập đoàn truyền thông hùng mạnh đang thống trị các phương tiện truyền thông quốc gia và khu vực lúc nào cũng tìm cách áp đặt các chuẩn mực giá trị theo chủ quan của họ lên các đối tác bản địa. Nhiều bộ khung mang tính qui tắc đã cho phép các tập đoàn toàn cầu của Mỹ và một số cường quốc khác tự nhận là có sứ mạng truyền bá văn hóa và các chuẩn mực phương Tây như sứ mạng của nhà truyền giáo đối với phần còn lại của thế giới.

- Các khuôn mẫu của các phương tiện truyền thông mang tính toàn cầu đã thâm nhập các địa phương, các khu vực thông qua nhiều con đường khác nhau. Phương tiện truyền thông địa phương có thể sao chép các khuôn mẫu của các tập đoàn xuyên quốc gia hoặc bị các tập đoàn này “*mua đứt*” và lũng đoạn...

- Các thể loại, khuôn mẫu và công nghệ truyền thông đang không ngừng được toàn cầu hóa và đồng nhất hóa. Các thể loại, khuôn mẫu và công nghệ này không phải là những phương tiện trung lập, tự chúng không thể chuyển tải các nội dung và ý nghĩa được. Khi chuyển tải các nội dung của bản địa hoặc được bản địa hóa thì các phương cách được vận dụng đã làm biến dạng chính

các nội dung đó và biến chúng thành một hiện tượng bề mặt, tức là một biến thể mang tính địa phương của cùng một thông điệp mang tính toàn cầu.

- Phương tiện truyền thông mang tính toàn cầu đã tạo điều kiện cho một số diễn ngôn đặc biệt làm nổi bật một số loại sự kiện, các tham thể và bối cảnh đặc biệt và chúng thường hoà nhập với đặc trưng của chủ nghĩa tư bản mang nặng ý thức tiêu dùng và hưởng thụ.

1.9. Tiểu kết

Chương 1 là chương nêu một số lý thuyết nền tảng của luận án. Các cơ sở này giúp chúng ta có cái nhìn toàn diện hơn về phong cách, cấu trúc và các thuộc tính của văn bản trong tiểu thể loại TQT và PS. Cơ sở quan trọng nhất là các tri thức thuộc lĩnh vực chức năng liên nhân của NHCNHT cộng với các quan điểm mới lạ của BKTĐ.

Sự tiếp cận với ý nghĩa liên nhân thông qua các văn bản cho thấy rằng các khái niệm đơn giản “*khách quan*” hoặc “*chủ quan*” là không đủ để diễn giải cho nội dung của TQT và PS. Dù có thể xem là mâu thuẫn nhưng bình diện liên nhân mà TQT và PS chuyển tải vẫn không phải là những thực thể trung lập, xác thực và nặc danh.

TQT, một tiểu thể loại thuộc thể loại “tin cứng” cùng với PS được nhiều người cho là đã vận dụng cao độ các giá trị liên nhân. Để nhận dạng và giải thích các chiến lược này, các lý thuyết về ngữ nghĩa của vị thế liên chủ quan (*inter – subjective positioning*) trong và ngoài NHCNHT phải được vận dụng. Các cơ sở như tính hữu chứng (*evidentiality*), tình thái tri nhận (*epistemic modality*), kiểu nói rào đón (*hedging*) và ngôn ngữ mơ hồ (*vague language*) đã cung cấp một phác thảo làm chỗ dựa cho một số văn bản nhưng vẫn không đáp ứng được nhu cầu hiểu biết đầy đủ về chức năng tu từ mà các giá trị này mang lại trong ngữ cảnh của một diễn ngôn mang đậm tính đại chúng (*public discourse*) như phương tiện truyền thông. NHCNHT cũng cung cấp các mô hình cần thiết về một số tiểu hệ thống ngữ nghĩa. Tuy nhiên, để phát triển một cách đầy đủ và chi tiết ngữ nghĩa của việc lượng giá về xã hội và các nguồn ngôn ngữ mang tính xã hội qua một số văn bản thì các lý thuyết của Bakhtin,

M. [36] về tính liên văn bản và tuyến dị ngữ cùng với một số lý thuyết của Fairclough, N. [61], [62] và [63] của Lemke, J.L. [95] và Fuller, G. [67], [68] sẽ được vận dụng và phát triển trong luận án.

Cùng với mối quan tâm về giọng điệu của TQT và PS, luận án cũng chú trọng đến việc miêu tả và quán triệt chức năng cấu trúc văn bản của hai thể loại này. Do đó, các phát triển gần đây trong lý thuyết về thể loại của một số học giả như Bakhtin, M [36], Fairclough, N [61], [62], [63] cũng được dùng làm cơ sở lý luận và vận dụng trong luận án.

Dù các đóng góp của một số lý thuyết vừa nêu trên là rất to lớn và cơ bản nhưng một trong những mục tiêu cụ thể của luận án là nhằm khám phá tiềm năng tu từ thông qua các tương tác giữa giọng điệu và tổ chức văn bản của TQT và PS, do vậy lý thuyết của Martin, J.R & White, P.R.R [110] được xem là những công cụ cơ bản nhất mà luận án sẽ tập trung nghiên cứu và thảo luận.

Mục tiêu của luận án là miêu tả, so sánh các thuộc tính của TQT và PS tiếng Việt – tiếng Anh. Đồng hành cùng mục tiêu này là sự định vị tính văn bản trong ngữ cảnh của các loại diễn ngôn có liên quan đang vận hành trong từng nền văn hóa và trong tập quán làm báo của nền văn hóa đó. Sự so sánh này xuất phát từ nguồn tri thức của Saussure là tất cả các ý nghĩa đều có liên quan với nhau; và để hiểu bất kỳ hiện tượng ngôn ngữ nào thì điều cần thiết là phải nắm vững chức năng của hệ thống trong đó ngôn ngữ đang vận hành. Một điều cơ bản nữa là các phương thức và lập thức của văn bản báo chí không phải là tĩnh tại mà luôn thay đổi để phù hợp với các điều kiện xã hội không ngừng phát triển theo xu thế tất yếu của thời đại toàn cầu hóa như hiện nay.

Để giải đáp được những vấn đề đã đặt ra trên đây, các nghiên cứu và phát hiện trong luận án phải trả lời được những câu hỏi sau đây:

1. Lý thuyết liên nhân trong NHCNHT và lý thuyết thẩm định của một số tác giả như Martin, J.R. và White, P.R.R. có thể vận dụng được trong việc miêu tả, phân tích cấu trúc thể loại, ngôn ngữ trên báo chí tiếng Việt được không?

2. Liệu các lý thuyết này có cho phép chúng ta so sánh các thành phần được giả định là tương đồng như cấu trúc thể loại, tính liên nhân, tính văn bản và tiềm năng tu từ giữa hai ngôn ngữ, cụ thể là ngôn ngữ trong TQT và PS trên báo tiếng Việt và báo tiếng Anh được không?

3. Trên thực tế, nếu tồn tại những tương đồng thì nguyên nhân của chúng là gì? Và nếu tồn tại những dị biệt thì nguyên nhân của chúng là gì?

CHƯƠNG 2: NGÔN NGỮ TIN QUỐC TẾ TRÊN BÁO TIẾNG VIỆT VÀ BÁO TIẾNG ANH

2.1. Cấu trúc Tin quốc tế trên báo tiếng Việt

2.1.1. Tin quốc tế

Hầu như chưa có một định nghĩa rõ ràng và đầy đủ nào về TQT (*Foreign News, International News*) của các nhà nghiên cứu người Việt viết bằng tiếng Việt, có lẽ do ở Việt Nam, TQT chỉ được xem như một tiểu thể loại của tin.

Có thể xem đây là một tiểu thể loại thuộc thể loại tin cứng (*hard news*) và có vai trò quan trọng nhằm thông tin về các nước, vùng lãnh thổ, khu vực khác. Nó vừa mang tính tổng hợp, vừa mang tính bình luận, nhằm phản ánh các sự kiện thời sự quan trọng đã, đang và sắp xảy ra trên thế giới. Nó tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến mọi mặt đời sống của một cộng đồng quốc tế, một khu vực hoặc toàn thế giới.

Do đặc thù của tiểu thể loại tin này nên chỉ có các hãng thông tấn lớn như CNN, AP, UPI, Reuters, AFP là có đủ điều kiện về tài chính, nhân sự và công nghệ thông tin để có thể phản ánh một cách trực tiếp và đầy đủ. Chính các cơ quan thông tấn này là nhà cung cấp các nguồn thông tin cho các báo, đài... của một số quốc gia khác, trong đó có các quốc gia thuộc thế giới thứ ba và các quốc gia đang phát triển (van Dijk, T.A [127]). Đặc điểm này dẫn đến một hệ quả là báo chí ở các nước nghèo khi đưa TQT thường phải qua trung gian là các hãng thông tấn hoặc cơ quan báo, đài của các nước giàu.

Trong công trình nghiên cứu của mình, van Dijk, T.A. [127] đã rút ra được các chế định về TQT. Dù hiện nay một số chế định này đã không còn phù hợp nhưng cũng có thể rút ra được một số điểm đáng lưu ý như sau:

- TQT trên báo chí thuộc các nước phát triển và các nước thuộc thế giới thứ ba là khá giống nhau do báo chí các nước này sao chép lại tin của các nước phát triển.

- Chủ đề TQT được đề cập nhiều nhất ở các nước phát triển là Bắc Mỹ và châu Âu, còn ở thế giới thứ ba là khu vực Trung Đông.

- Tỷ lệ TQT được đề cập trên báo chí thuộc thế giới thứ ba cao hơn (41%) so với các nước phát triển (33%).

- Khoảng 2/3 tổng số mẫu TQT xuất hiện dưới dạng tin cứng: đối với diễn ngôn báo chí thì báo chí thuộc các nước phát triển có nhiều bài nền (*background articles*) hơn, còn báo chí thuộc thế giới thứ ba có nhiều bài nêu ý kiến (*opinion articles*) hơn.

- Đa số TQT liên quan đến các bình diện chính trị, kể đến là các vấn đề kinh tế và quân sự. Tuy nhiên, vấn đề quân sự lại chiếm vị trí nổi trội trên báo chí thuộc thế giới thứ ba trong khi các chủ đề về văn hóa – xã hội chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ.

- Chính trị gia là những hành thể phổ biến nhất, tiếp theo là các nhà lãnh đạo kinh tế và quân sự. Nếu so sánh thì báo chí thế giới thứ ba dành nhiều sự quan tâm cho UNESCO, các tổ chức quốc tế và các nhà giáo dục; trong khi báo chí các nước phát triển dành ưu tiên hơn cho các công dân có thể lực.

- Nói chung, báo chí thế giới thứ ba đăng tải nhiều tin tức có liên quan đến cộng đồng của mình hơn, còn báo chí các nước phát triển tập trung nhiều hơn cho các vùng, miền thuộc thế giới thứ nhất. Sự khác biệt này thể hiện ở chỗ tin tức về châu Á và châu Phi được đăng tải nhiều gấp đôi trên báo chí thuộc thế giới thứ ba. Tuy nhiên, báo chí tại một số nước thuộc thế giới thứ ba, đặc biệt là ở châu Á và châu Phi, chỉ dành từ 1/4 đến 1/3 số lượng tin, bài cho các quốc gia khác ở cùng khu vực. Điều này cho thấy báo chí thế giới thứ ba lệ thuộc rất nhiều vào lượng tin, bài từ các hãng thông tấn, báo, đài quốc tế của các quốc gia phát triển.

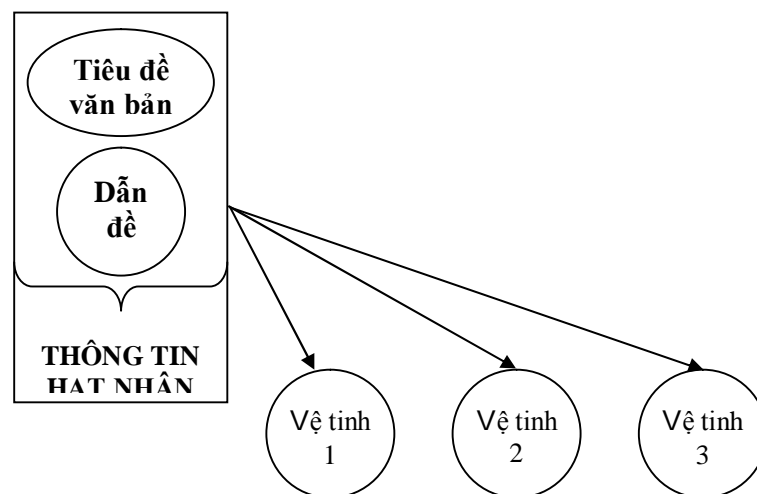
- Các cường quốc phương Tây xuất hiện thường xuyên nhất trong các mẫu TQT cùng với các quốc gia thường xuyên có xung đột như Lebanon, Israel và Palestine. Áp đảo là các tin về các nước nói tiếng Anh, chiếm đến 20% trong tổng số TQT. Nhiều quốc gia, đặc biệt ở châu Phi, rất ít được đề cập. Một số quốc gia khác như Brazil, Australia cũng ít được quan tâm.

- Báo chí thế giới thứ ba vay mượn rất nhiều các nguồn dữ liệu từ các hãng thông tấn, báo đài, đặc biệt là của AP, Reuters, và AFP, trong khi báo chí

các nước phát triển chủ yếu dựa vào đội ngũ và phương tiện cùng công nghệ của chính họ.

2.1.2. Mô hình văn bản Tin quốc tế trên báo tiếng Việt

Trịnh Sâm [25, tr.14 – 15], đã khái quát hóa mô hình kim tự tháp ngược như vẫn thường thấy trong văn bản báo chí nhưng có đề cập đến nhiều biến thể đa dạng. Đặc điểm của mô hình này vẫn được dựa trên nền của trật tự thông tin hạt nhân xuất hiện trước và thông tin vệ tinh xuất hiện sau. Tác giả cho rằng một số mô hình văn bản báo chí phổ biến ở TPHCM là rất giống với cấu trúc lược đồ của White, P.R.R.[130] như sau:



Giải đồ 2.1: Mô hình văn bản tin của Trịnh Sâm [25]

Theo Trịnh Sâm [24], [25] mô hình này thường xuất hiện trong những văn bản có độ dài tương đối lớn, có cấu trúc gồm đầy đủ 3 thành phần quan yếu: tiêu đề (*headline*), dẫn đề (*lead*) và thành phần chi tiết hóa (*elaboration*). Thông tin hạt nhân được chứa trong hai yếu tố đầu, còn thông tin vệ tinh cũng có thể xuất hiện trong yếu tố đầu (tiêu đề và dẫn đề) nhưng thường thì nằm trong thành phần chi tiết hóa.

+ VD5V : Cựu Thủ Tướng Benazir Bhutto bị ám sát (tiêu đề)

“Bà đã tử vì đạo”. Thông báo vắng tắt của một quan chức đảng đối lập PPP (Đảng nhân dân Pakistan) về cựu thủ tướng Benazir Bhutto đã làm đảo lộn

mọi dự toán trên bàn cờ chính trị ở Pakistan, khi mà cuộc tổng tuyển cử Quốc hội 8/1/2008 đang đến gần (dẫn đề) (TTO, 28/12/2007).

+VD6V : Bà Bhutto bị ám sát (tiêu đề)

Cựu thủ tướng Pakistan đã bị bắn chết sau khi tham gia một cuộc Mít-tinh Đóa hồng trong bão tố

Phản ứng của quốc tế: một hành động khủng bố ghê rợn

Khởi đầu cho một cuộc nội chiến (dẫn đề) (SGGPO, 28/12/2007).

Khi văn bản tin chỉ có độ dài trung bình thì nhà báo có thể chỉ sử dụng tiêu đề mà bỏ đi phần dẫn đề. Trong trường hợp này thông tin hạt nhân tập trung chủ yếu ở tiêu đề và phát ngôn mở đầu. Thông tin vệ tinh nằm trong phần còn lại của văn bản. Có thể thấy rõ điều này trong giản đồ ở trang trước.

+VD7V : Mỹ - CHDCND Triều Tiên: Tranh cãi về công khai chương trình hạt nhân (tiêu đề)

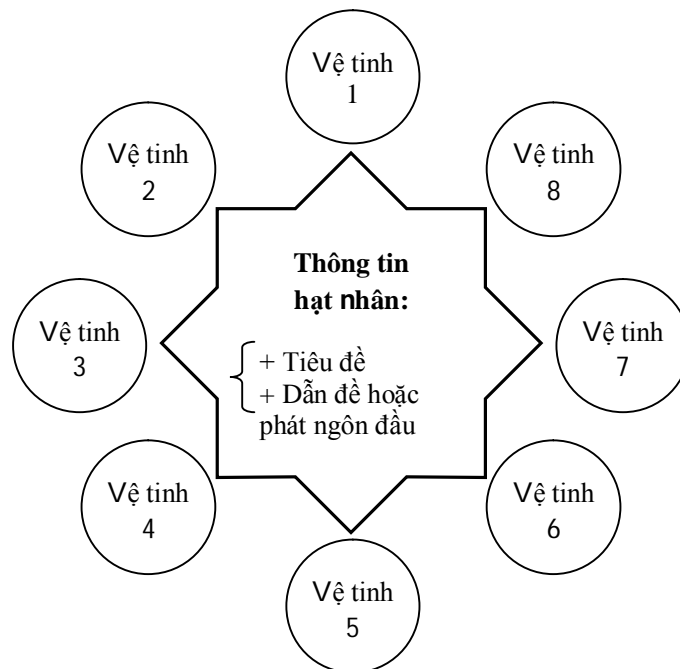
Một cuộc tranh cãi giữa Mỹ và CHDCND Triều Tiên liên quan đến việc CHDCND Triều Tiên công khai chương trình hạt nhân của nước này lại vừa nổ ra. Người phát ngôn Bộ ngoại giao CHDCND Triều Tiên tuyên bố nước này đã nộp một bản liệt kê các chương trình hạt nhân vào tháng 11-2007 và đã thông báo với Mỹ về bản báo cáo này. (Phát ngôn đầu tiêu sau tiêu đề văn bản) (SGGPO, 06/01/2008).

+VD8V: Bằng chứng mới vụ sát hại bà Bhutto (tiêu đề)

Lời giải thích của chính phủ Pakistan về cái chết của cựu thủ tướng Benazir Bhutto tiếp tục bị nghi ngờ sau khi xuất hiện một đoạn băng video mới và một báo cáo y khoa. (Phát ngôn đầu tiêu sau tiêu đề văn bản) (TNO, 01/01/2008).

Sau đây, chúng tôi tiến hành khảo sát một mẫu TQT gồm 2 thành phần: *Tin hạt nhân* (tiêu đề + phát ngôn đầu tiên) và *8 vệ tinh* (chi tiết hóa) về vụ bà Bhutto bị ám sát (TTO, 28/12/2007).

+VD9V: Phân tích mẫu tin “Cựu thủ tướng Benazir Bhutto bị ám sát” theo mô hình quỹ đạo.



Giản đồ 2.2: Minh hoạ mẫu tin (VD9V) theo mô hình quỹ đạo

❖ **Thông tin hạt nhân:**

+ **Cựu thủ tướng Benazir Bhutto bị ám sát (tiêu đề)**

+ “*Bà đã tử vì đạo*”. *Thông báo vắng tắt của một quan chức đảng đối lập PPP (Đảng nhân dân Pakistan) về cựu thủ tướng Benazir Bhutto đã làm đảo lộn mọi dự toán trên bàn cờ chính trị ở Pakistan, khi mà cuộc tổng tuyển cử Quốc hội 8/1/2008 đang đến gần. (dẫn đề)*

❖ **Thông tin vệ tinh gồm 8 hạt nhân:**

+ **Vệ tinh 1:** *Chiều 27/12. bà Benazir Bhutto tham dự một cuộc mittinh tại công viên Liaquat Bagh ở Rawalpindi để vận động bầu cử.*

+ **Vệ tinh 2:** *Bà đã nói chuyện với hàng ngàn người, trong tiếng vỗ tay vang dội và giữa một hàng rào bảo vệ dày đặc. Rồi đám đông vào lúc trời gần chạng vạng, bà đi tới một chiếc xe đậu ngay cổng công viên và đang bước lên thì nghe một tiếng nổ xé tai.*

+ **Vệ tinh 3:** *Bà Benazir Bhutto gục xuống trước tiên và ngay sau đó kẻ bắn tỉa ám sát bà từ vị trí cách đó khoảng 50m cho nổ bom tự sát. Xe cứu*

thương đã lập tức đưa bà Bhutto cùng các nạn nhân khác đến bệnh viện. Ít nhất 14 người chết và 40 người bị thương trong vụ ám sát nghiêm trọng này.

+ Vệ tinh 4: Theo ông Wasif Ali Khan, một đảng viên PPP, bà Benazir Bhutto trút hơi thở cuối cùng tại bệnh viện Rawalpindi vào lúc 18 giờ 16 phút giờ địa phương (21g 16, giờ VN). Người phát ngôn của Bộ Nội Vụ Pakistan Javed Cheema cho AFP biết bà Bhutto đã chết vì miếng bom của kẻ tự sát. Tuy nhiên, hãng tin AP dẫn lời một cố vấn an ninh của PPP nói bà Bhutto qua đời vì bị bắn trúng cổ và ngực.

+ Vệ tinh 5: Bà Bhutto đã thoát chết một lần trong vụ đánh bom làm chết 136 người ở thành phố Karachi hồi tháng 10. Nhưng lần này may mắn đã không mỉm cười với bà. Những người ủng hộ bà Bhutto đã kéo đến bệnh viện gào thét những lời lăng mạ tổng thống Pervez Musharraf, đập vỡ cửa kính ở cổng ra vào và khóc.

+ Vệ tinh 6: Ngay sau khi tin tức về cái chết của nữ thủ lĩnh PPP lan đi, cảnh sát Pakistan vội vã khuyến cáo người dân ở yên trong nhà vì e sợ một số nơi sẽ xảy ra bạo loạn.

+ Vệ tinh 7: Trước đó vài giờ, bốn ủng hộ viên của cựu thủ tướng Nawaz Sharif bị mất mạng trong một cuộc đọ súng với các ủng hộ viên đảng đối lập tại một cuộc mittinh vận động tranh cử gần sân bay Islamabad.

+ Vệ tinh 8: Những cuộc tấn công đẫm máu trong ngày hôm qua diễn ra chưa đầy 2 tuần sau khi tổng thống Pervez Musharraf dỡ bỏ tình trạng khẩn cấp mà ông nói là “cần thiết nhằm bảo vệ đất nước trước các nhóm khủng bố”.

2.2 Ngôn ngữ của Tin quốc tế trên báo tiếng Việt qua lăng kính của Bộ khung thẩm định

2.2.1. Phạm trù Thái độ trong ngôn ngữ Tin quốc tế trên báo tiếng Việt

Để khởi đầu cho việc khảo sát phạm trù Thái độ trong ngôn ngữ TQT qua báo tiếng Việt cần phải khái quát hóa bộ khung bao gồm các cảm nhận trong quan hệ cú pháp bằng cách tham chiếu hệ thống ngữ nghĩa. Hệ thống này bao

gồm ba bình diện là cảm xúc (*emotion*), đạo đức (*ethics*) và thẩm Mỹ (*aesthetics*). Cảm xúc được xem là trung tâm của các bình diện này vì nó là một nguồn diễn đạt đồng hành với con người từ lúc chào đời. Chúng ta đề cập đến chiều kích ý nghĩa của cảm xúc như sự tác động (*affect*).

+ **Tác động** có liên quan đến các cảm nghĩ tích cực và tiêu cực như trước một sự kiện nào đó chúng ta cảm thấy vui hay buồn, tự tin hay lúng túng, thích thú hay chán nản.

+ **VD10V:** *Trong cảnh hoang tàn đổ , một số người bị thương nằm vất vưởng trên chiếc xe tải trong khi những người may mắn thoát chết trong bộ dạng thiếu não đi lang thang khắp đường phố đã tan hoang sau động đất (TNO, 14/01/2010).*

+ **Phán xét** liên quan đến các thái độ xét về một hành vi ứng xử: ái mộ hoặc chỉ trích, ca ngợi hoặc lên án một sự kiện hoặc một cá nhân nào đó.

+ **VD11V:** *Có thể coi đây là một bước tiến lớn trong quan điểm của Nhật đối với các vấn đề lịch sử (TTO, 07/01/2008).*

+ **Đánh giá** bao gồm những việc đánh giá các hiện tượng, kí hiệu và tự nhiên theo những cách thức trong đó chúng được hoặc không được lượng giá cao trong một lĩnh vực nhất định.

+ **VD12V:** *“Xét trên khía cạnh này , trận động đất Haiti gây thiệt hại hơn rất nhiều so với thảm họa động đất – sóng thần 2004 và cơn bão tàn phá Myanmar năm 2008” , AFP dẫn tuyên bố của IDB . “Số người chết tại Haiti tính trên một triệu người dân cao gấp năm lần so với thảm họa đứng thứ hai , trận động đất năm 1972 ở Nicaragua” (TTO, 17/02/2010).*

Như được minh họa trong các ví dụ vừa nêu thì các ý nghĩa về Thái độ có xu thế mở rộng và làm phong phú thêm cho diễn ngôn khi người viết chấp nhận một lập trường được định hướng đối với tác động, phán xét hoặc đánh giá. Chúng ta dẫn chứng ba ví dụ tương đối dài hơn dưới đây để minh họa cho những gì mà Halliday, M.A.K [74] gọi là đặc điểm của ý nghĩa liên nhân xuyên qua các cấp độ của ngôn ngữ.

Cùng với tính khí, tâm thế có điệu tính, Thái độ cũng bao gồm các ý nghĩa có tính thang độ, có khả năng được tăng cường và được so sánh với nhiều yếu tố được đề cập trong các ví dụ (**VD13V**, **VD14V** và **VD15V**) được nêu dưới đây. Các cảm nghĩ đều có chiều sâu hay nói cách khác đó là một đặc trưng có thể hiểu như một khuynh hướng làm tăng hoặc giảm một tính chất thuộc giá trị nào đó trong diễn ngôn. Khía cạnh ý nghĩa của Thái độ sẽ được đề cập chi tiết hơn trong phần Thang độ (*graduation*). Chúng tôi xác lập một bảng từ viết tắt để diễn đạt các yếu tố của các giá trị Tác động, Phán xét và Đánh giá để tiện cho việc phân tích.

Bằng cách tách rời các cột Tác động, Phán xét và Đánh giá như bảng 2.2 dưới đây ta thấy rằng những sự lượng giá này có thể đồng hành với các yếu tố NPTV. Đối với Phán xét và Đánh giá thì điều đáng lưu ý là *tác thể thẩm định* (tttd) (*agent*) của Thái độ (ai phán xét hoặc đánh giá) và những *bị thể thẩm định* (bttđ) (*patient*) (ai đang được phán xét và cái gì đang được đánh giá). Thông thường chúng ta xem người nói và người viết là các tác thể tạo ra sự lượng giá trừ phi thái độ được phóng chiếu như lời nói hoặc ý tưởng của một tttđ bổ sung. Do đó, người tường thuật phán xét một bị thể là không có năng khiếu chẳng hạn.

Chúng ta cũng nhận thức rằng giọng điệu của một người trần thuật có thể đồng hành cùng một nhân vật này hoặc một nhân vật khác trong một câu chuyện và việc phân tích tttđ có thể sẽ phải được điều chỉnh trong cách đánh giá. Chúng ta không đề cập đến vấn đề quan điểm ở đây nhưng sẽ nhấn mạnh rằng giá trị Đánh giá là một trong những nguồn thuật sự chủ yếu được dùng để xác định giọng điệu nào là của người viết.

Tác động có thể được mã hóa trong một bộ khung bằng cách xem tác thể của cảm xúc (*emoter*) như một tttđ (*appraiser*) và là người tạo ra cảm xúc và ngược lại bttđ (*appraised*) tức là người hoặc vật bị/ được thẩm định/ phán xét.

+thđ	“thái độ tích cực”
-thđ	“thái độ tiêu cực”
mm	“tác động: mong muốn”
+bh	“tác động: hạnh phúc “ /
-bh	“ tác động: bất hạnh”
+at	“tác động” an toàn “ /
-at	“ tác động: không an toàn”
+thm	“tác động: thoả mãn “ /
-thm	“ tác động: không thoả mãn”
bth	“phán xét: bình thường”
khng	“phán xét: khả năng”
ktr	“phán xét: kiên trì”
chth	“phán xét: chân thật”
kph	“phán xét: khuôn phép”
phug	“đánh giá: phản ứng”
th	“đánh giá: tổng hợp”
lg	“đánh giá: lượng giá”

Bảng 2.1: Bảng từ viết tắt các từ ngữ và kí hiệu dùng trong thẩm định

+VD13V : Động đất tại Haiti: hơn 100.000 người có thể đã thiệt mạng
(TNO, 14/01/2010) (nguyên văn ở phụ lục 2) **được phân tích theo giá trị Tác động**

Có 15 chi tiết được thẩm định theo giá trị Tác động trong mẫu tin (VD13V).

Trong đó tttđ là hãng tin AFP chiếm đến 11 lượt còn T.T Preval 4 lượt; bttđ là nạn nhân của trận động đất 7 lượt, thủ đô Haiti 7 lượt và T.T Preval 1 lượt. Các chi tiết được thẩm định gồm các sự kiện được biểu đạt bằng một số tính ngữ chỉ sự mất mát, đau thương mà người dân Haiti phải gánh chịu do trận động đất gây ra. Các tác động đều mang giá trị tiêu cực: *bất hạnh*. Rõ ràng là các từ *hiều thi thể, hàng ngàn người khác vẫn còn bị chôn vùi, tuyệt vọng, tàn phá hoàn toàn, hoang tàn, thiếu não, lang thang, tan hoang, sập* (4 lượt) đã tạo

được một sự thương cảm không nhỏ nơi người đọc. Có thể nói giá trị Tác động ở đây đã tạo được một hiệu quả nhất định về mặt liên nhân: đã lay động được lòng trắc ẩn, sự cảm thông ở người đọc trước tình cảnh vô cùng bi đát của những nạn nhân của trận động đất ở Haiti.

Chi tiết thẩm định	Tttd	Tác động	Phán xét	Đánh giá	Bttd
1. nhiều thi thể	AFP	-bh			Nạn nhân
2. hàng ngàn người khác hiện vẫn còn bị chôn vùi	AFP	-bh			Nạn nhân
3. tuyệt vọng	AFP	-bh			Nạn nhân
4. tàn phá hoàn toàn	AFP	-bh			T.đô Haiti
5. hoang tàn	AFP	-bh			T.đô Haiti
6. thiếu nǎo	AFP	-bh			Nạn nhân
7. lang thang	AFP	-bh			Nạn nhân
8. tan hoang	AFP	-bh			Nạn nhân
9. tuyệt vọng	AFP	-bh			Nạn nhân
10. tang thương	AFP	-bh			T.đô Haiti
11. buồn bã	AFP	-bh			TT Preval
12. tòa nhà QH đã bị đổ sập	TT Preval	-bh			T.đô Haiti
13. văn phòng thuế sập	TT Preval	-bh			T.đô Haiti
14. trường học sập	TT Preval	-bh			T.đô Haiti
15. bệnh viện cũng sập	TT Preval	-bh			T.đô Haiti

Bảng 2.2: Phân tích mẫu tin (VD13 V) theo giá trị Tác động

+ **VD14V: Cựu Tổng thống Indonesia Shuharto hấp hối** (TTO, 12/01/2008)

(Nguyên văn ở phụ lục 4) **được phân tích theo giá trị Đánh giá.**

Chi tiết thẩm định	Tttd	Tác động	Phán xét	Đánh giá	Bttđ
1. Nhà lãnh đạo mạnh mẽ, quyết đoán.	TTO			+ lg	Ông Shuharto
2. Ông Shuharto đã có vai trò rất lớn giúp đặt nền móng cho đất nước Indonesia hiện đại.	TTO			+ lg	Ông Shuharto
3. Đất nước Indonesia đã trở thành một trong những con hổ kinh tế của Châu Á.	TTO			+ lg	Ông Shuharto
4. Các vấn đề nhạy cảm như sắc tộc, đoàn kết dân tộc đều được giải quyết ổn thoả.	TTO			+ lg	Ông Shuharto
5. Có thể coi đó là những công lao lớn của Ông Shuharto.	TTO			+ lg	Ông Shuharto
6. Indonesia dưới thời cầm quyền của ông cũng là đất nước tham nhũng nhiều nhất trên thế giới.	TTO			- lg	Ông Shuharto
7. Bản thân ông được tổ chức minh bạch quốc tế coi là nhân vật “ăn tiền” vào hàng kỉ lục.	Tổ chức MBQ T			- lg	Ông Shuharto

8. Chính sách đàn áp cứng rắn của ông khiến hàng trăm ngàn người thiệt mạng, người gốc Hoa bị phân biệt đối xử.	TTO			- 1g	Ông Shuharto
9. Xu thế gia đình trị, chính quyền chuyên chế và tham nhũng của ông gây nhiều bất bình trong xã hội nước này.	TTO			- 1g	Ông Shuharto
10. Uy quyền của ông suy giảm nhanh chóng.	TTO			- 1g	Ông Shuharto
11. Đời sống của người dân suy giảm nghiêm trọng.	TTO			- 1g	Ông Shuharto
12. Ông Shuharto buộc phải từ chức.	TTO			- 1g	Ông Shuharto
13. Tài sản của gia đình Shuharto lên đến 15 tỉ USD.	Time			- 1g	Ông Shuharto
14. Không xuất hiện trước quần chúng.	Dư luận			- 1g	Ông Shuharto
15. Ông tự trừng phạt bản thân về những sai lầm trong quá trình cầm quyền của ông.	Dư luận			- 1g	Ông Shuharto

Bảng 2.3: Phân tích mẫu tin (VD14V) theo giá trị Đánh giá

Việc phân tích mẫu tin (VD14V) theo giá trị Đánh giá là một quá trình tương đối đơn giản vì sự kiện và con người khá cụ thể và rõ ràng. Trong tổng

số 15 chi tiết được thẩm định thì bttđ duy nhất là Shuharto, cựu T.T Indonesia. Có 5 chi tiết đề cập đến công lao trong khi có đến 10 chi tiết đề cập đến một số tội lỗi to lớn mà ông đã gây ra cho dân tộc và đất nước Indonesia. Việc chia tách rạch ròi giữa công và tội cho thấy lúc còn cầm quyền Shuharto đã làm được một số việc lớn lao nhưng xem ra không thấm vào đâu so với những hậu quả của” *chính sách đàn áp cứng rắn của ông khiến hàng trăm ngàn người thiệt mạng, người gốc Hoa bị phân biệt đối xử*”, “ *xu thế gia đình trị, chính quyền chuyên chế và tham nhũng của ông đã gây nhiều bất bình trong xã hội nước này*”, “ *Tài sản của gia đình Shuharto lên đến 15 tỉ USD* “...Tất cả những Đánh giá này đã làm lu mờ những công lao của ông như làm cho “*Đất nước...đã trở thành một trong những con hổ kinh tế của châu Á* “...Sự thật là hiển nhiên :“*tội lớn hơn công*” nhưng có lẽ thủ thuật “ *kể công trước- kết tội sau* “ của nhà báo đã làm cho phần “*công*” bị che mờ và chỉ còn đọng lại phần “ *tội* “ trong nhận thức của người đọc mà thôi. Phải chăng đây là một thủ thuật rất có hiệu quả khi phân tích vấn đề có chiều hướng thiên lệch nhằm tạo phản cảm ở người đọc đối với một nhân vật độc tài, tham nhũng, gia đình trị và độc ác như Shuharto?

+ **VD15V: Nhật sửa sách giáo khoa lịch sử** (TTO, 07/01/2008) (Nguyên văn ở phụ lục 3) **theo giá trị Phán xét**

Kết quả phân tích mẫu tin (**VD15V**) qua giá trị Phán xét cho thấy:

- Tổng số chi tiết được thẩm định: 15

Chi tiết thẩm định	Tttd	Tác động	Phán xét	Đánh giá	Bttđ
1. người dân tự sát quy mô lớn	BGD Nhật		-khng		Nhà xuất bản
2. một bước tiến lớn trong quan điểm của Nhật	TTO		+ chth		Nhà nước Nhật
3. “ép buộc”	BGD Nhật		-kph		Quân đội Nhật
4. “cưỡng bách”	BGD Nhật		-kph		Quân đội Nhật
5. có liên quan	TTO		- btg		Quân đội Nhật
6. nguyên nhân căng thẳng	TTO		- btg		Sách lịch sử Nhật
7. cố tình né tránh và che giấu quá khứ	TTO		- chth		Nước Nhật
8. không chính xác	TTO		- chth		Sách lịch sử Nhật
9. xâm lược Triều Tiên	TTO		- kph		Quân đội Nhật
10. thẩm sát Nam Kinh	TTO		- kph		Quân đội Nhật
11. gây chia rẽ	TTO		- kph		Sách lịch sử Nhật
12. các tội ác trong chiến tranh	Hội CCLS		- kph		Quân đội Nhật
13. nhượng bộ	Hội CCLS		+ ktr		Nước Nhật
14. nhìn nhận lại lịch sử	Mahbubani		+ chth		Nước Nhật
15. xây dựng được lòng tin	Mahbubani		-khng		Nước Nhật

Bảng 2.4: Phân tích mẫu tin (VD15V) theo giá trị Phán xét

- Các bttđ bao gồm quân đội Nhật, nhà nước Nhật, Bộ Giáo dục Nhật, Nhà xuất bản và sách giáo khoa Nhật.

- Các tttđ gồm nhiều thành phần khác nhau, từ TTO, Hội Cải cách sách giáo khoa lịch sử đến nhân vật Mahbubani.

- Các giá trị Phán xét dành cho các bttđ hầu hết đều mang ý nghĩa tiêu cực nhằm phê phán các tổ chức, cơ quan có thẩm quyền của nước Nhật đã có những hành động quân phiệt trong chiến tranh thế giới lần thứ hai và hành động che giấu sự thật lịch sử khi không phản ánh hoặc phản ánh sai lệch những hành động bạo ác của Quân đội Nhật trong sách giáo khoa lịch sử. Chỉ có hai (2) giá trị Phán xét mang ý nghĩa tích cực: một của TTO và một của Mahbubani dành cho nhà nước Nhật khi họ có thiện chí sửa đổi sách giáo khoa nhằm” *nhìn nhận lại lịch sử*” và “*xây dựng được lòng tin từ các nước láng giềng*”.

Nhìn chung, các giá trị Phán xét được vận dụng trong mẫu tin vừa được phân tích trên đã phản ánh được phần nào hành động cố tình che đậy hoặc bóp méo sự thật lịch sử mà các giới chức Nhật đã từng thực hiện trước đây. Nhưng một khi họ đã “*sửa sai*” thì dư luận quốc tế cũng dành cho họ những phán xét tích cực.

2.2.2. Phạm trù Thang độ và Thỏa hiệp trong ngôn ngữ Tin quốc tế trên báo tiếng Việt

2.2.2.1. Thang độ trong ngôn ngữ Tin quốc tế trên báo tiếng Việt

Yếu tố quan trọng thứ hai trong hệ thống ý nghĩa của BKTĐ là Thang độ, tức là độ cao (*up-scaling*)/ thấp (*down-scaling*) của các ý nghĩa biểu thái. Một thuộc tính chung của các giá trị Tác động, Phán xét và Đánh giá là kiến tạo nên các cấp độ lớn hơn hoặc nhỏ hơn cho tính tích cực và tiêu cực của các hành động hoặc sự kiện ... cần được thẩm định.

Do đó, ngữ nghĩa của Thang độ là trung tâm của hệ thống Thẩm định. Có thể nói rằng Thái độ và Thỏa hiệp là hai lĩnh vực cực kì quan trọng của Thang độ được phân biệt tùy theo bản chất của ý nghĩa được đo lường. Trọng tâm của đoạn này là nhằm giới thiệu khía cạnh NPTV qua đó Thang độ được phát hiện trong ngôn ngữ TQT trên báo Việt. Chúng ta sẽ lần lượt khảo sát các yếu tố có liên quan là (1) *Lực và tiêu điểm* và (2) *Tiêu điểm và Thái độ*.

2.2.2.2. Lực và Tiêu điểm

+ “*Lực*” chỉ các Thang độ vận hành qua hai trục mang *tính thang độ* (*scalability*) – một đề đo lường *cường độ* hoặc *số lượng* và một đề đo lường *tính điển mẫu* (*prototypicality*) và *sự chính xác* qua đó các lần ranh của phạm trù được xác định. *Thang độ có liên quan đến cường độ/ số lượng* vận hành qua các phạm trù có liên quan đến những đánh giá mang tính thang độ, ví dụ như các đánh giá về tình thái không chỉ nhằm nêu ví dụ tiêu biểu (có Thang độ theo các dãy tiệm tiến của tích cực/ tiêu cực) mà còn ở các đánh giá về kích cỡ, thể chất, phạm vi, độ gần – xa về không gian/ thời gian ...

+ “*Tiêu điểm*” chỉ các *Thang độ theo tính điển mẫu*, vận hành khi các hiện tượng được đo lường bằng mức độ khi chúng khớp hoặc tương ứng với một chi tiết lượng giá cốt lõi hoặc một ví dụ mẫu mực của một phạm trù ngữ nghĩa nào đó. Thông qua các từ như *chân thật, có thực, đích thực...*(**VD17V**): “Anh ta là một người bạn *chân thật*”) thì hiện tượng này được đánh giá như một điển mẫu và thông qua các hành động tạo ngôn (*locutions*) như *đại loại, chừng mực, có hiệu quả, gần* (**VD18V**): “*Hành động đó gần như một sự xin lỗi*” hoặc (**VD19V**): “*Chúng tôi sẽ có mặt ở đó xấp xỉ lúc 5 giờ*” thì hiện tượng đó được đánh giá là nằm ngoài lề của phạm trù Thang độ...

Nói chung là tiêu điểm của Thang độ được áp dụng nhiều nhất trong các phạm trù được nhìn từ quan điểm kinh nghiệm, không đo lường được. Đó là những phạm trù có giới hạn rõ ràng vận hành trong những bảng phân loại thuộc kinh nghiệm nơi mà các thành phần thuộc phạm trù nhiều ít được quyết định bằng một sự kết hợp có hiệu quả và các điều kiện cần thiết. Trong trường hợp này, Thang độ vận hành để tái tạo các phạm trù theo cách mà chúng tham gia vào điển mẫu có các dãy tiệm tiến đo lường được.

+ **VD20 V**: Chúng không chơi thứ nhạc jazz *chính hiệu*.

+ **VD21 V**: Chúng chơi thứ nhạc *đại loại* như jazz.

Từ quan điểm kinh nghiệm, jazz là một loại nhạc khu biệt trong bảng phân loại nhạc được hạn chế bằng một số thuộc tính khác nhau (như theo một định nghĩa được áp dụng rộng rãi như bao gồm sự ứng biến và các nhịp điệu

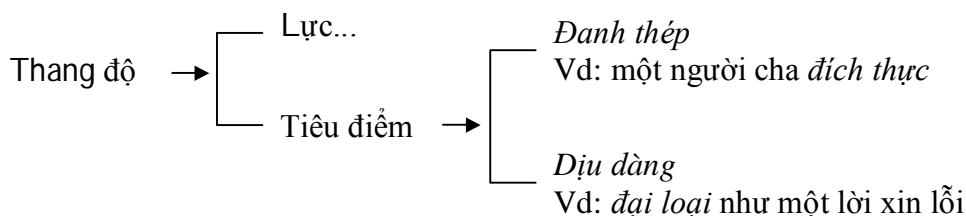
“*nhún nhẩy*”). Tuy nhiên, trong các ví dụ trên nó được tái tạo theo ý nghĩa liên nhân qua đó một số cuộc biểu diễn âm nhạc được đánh giá là điển mẫu của phạm trù nhạc jazz còn những cuộc biểu diễn khác chỉ được xem là các bản sao chép ngoài lề. Tư cách thành viên của phạm trù “nhạc jazz” không còn là một định đề có tính chọn lựa (*either-or proposition*) mà là một vấn đề thuộc Thang độ. Thang độ vận hành theo cách này được gọi là “*tiêu điểm*”.

“*Tiêu điểm*” có thể lên cao hoặc đến “*cực độ*”, do đó tính chất rõ ràng của điển mẫu được chỉ định rõ ràng (như: Một ông bố *thực sự*, Một người bạn *đích thực*) hoặc xuống thấp hoặc “*dịu dàng*” để nêu lên một đặc điểm chỉ có tư cách bên lề của phạm trù mà thôi (như: Họ chơi một thứ nhạc *đại loại* như jazz; Chúng *hơi* điên; Hành động đó *gần như một sự xin lỗi*). Các giá trị dịu dàng (*softening values*) được Lakoff, G. [93] khảo sát dưới góc độ “*những lối nói rào đón*” (*hedges*) và Channel, J. [47] xem là “*ngôn ngữ mơ hồ*” (*vague language*) và các “*giá trị đánh thép*” (*sharpening values*), được Labov, W [91] gọi là các *trạng ngữ* hoặc *tác tử tăng cường* (*intensifier, booster, amplifier*).

Tuy nhiên, Thang độ theo tính điển mẫu không chỉ giới hạn ở những phạm trù thuộc kinh nghiệm như đã nêu. Một số phạm trù vốn có Thang độ (nói chung có thể đo lường được về cường độ) đều có thể đo lường được theo điển mẫu. Ví dụ, chúng ta có thể gặp cả hai trường hợp: “*Một giọng hát rất hay*” (cường độ) và “*Một giọng hát hay đích thực*” (điển mẫu).

Tương tự, một thái độ cũng có thể được chia độ và tất nhiên là có thể đo lường được. Ví dụ: *bực mình* không những có liên quan đến cường độ (*hơi* bực mình, *rất* bực mình) mà còn liên quan đến tính điển mẫu. Ví dụ: “*Tôi cảm thấy cái gì đó bực mình*”. Trong ví dụ cuối cùng: *cái gì đó* (có thể xem tương đương với *kind of/ sort of* trong tiếng Anh) tạo nên cảm nghĩ người nói như đang ở lần ranh của bực mình như thể chỉ có một đường biên/ không có tư cách điển mẫu trong phạm trù này.

Về điểm này, hệ thống Thang độ được minh họa trong giản đồ dưới đây:



Giải đồ 2.3: Tóm tắt sơ bộ về Thang độ

2.2.2.3. Tiêu điểm và Thái độ - Các phạm trù thuộc kinh nghiệm

Thường thì một từ được chia độ theo *tiêu điểm* sẽ không có ý nghĩa biểu thái (như: nhạc jazz, chồng, vợ, lãnh tụ,...) nhưng lại có một xu thế mạnh mẽ là một *dãy tiệm tiến* thuộc điển mẫu được kèm theo. Những ví dụ về *sự đanh thép* (*sharpening*) làm nổi bật sự đánh giá tích cực về Thái độ (như: Một lãnh tụ *chân chính*; một lãnh tụ *rất được lòng dân*) trong khi các ví dụ mang ý nghĩa ngoài lề (*marginality*) thì thường được đánh dấu bằng một sự đánh giá tiêu cực (*đại loại* như một loại nhạc jazz; nó cung cấp một thông tin *chiều lệch*). Bản chất của Thái độ được kích động sẽ được quyết định bằng ngữ nghĩa cụ thể của phạm trù được chia độ và cũng sẽ tuân theo các ảnh hưởng của văn cảnh như các điệu tính biểu thái (*attitudinal prosodies*) được các giá trị biểu thái bằng ngôn từ thiết lập đầu đó trong văn bản (*ở đây chúng ta không đề cập đến khía cạnh này vì nó nằm ngoài mục đích nghiên cứu của luận án*).

+ **VD22V**: *Nội dung sách lịch sử của Nhật từ lâu đã là nguyên nhân căng thẳng giữa Nhật với Trung Quốc và Hàn Quốc, những nước buộc Nhật cố tình né tránh và che giấu quá khứ trong thời kì quân phiệt như vụ thăm sát ở Nam Kinh, việc bắt buộc phu nữ Triều Tiên phục vụ trong chiến tranh* (TTO, 07/01/2008).

Những từ ngữ như *nội dung, quá khứ* không có ý nghĩa biểu thái, còn các từ như *quân phiệt, thăm sát, việc bắt buộc phu nữ Triều tiên phục vụ trong chiến tranh...* trái lại có ý nghĩa biểu thái hiển ngôn. Ta gặp trong mẫu tin vừa nêu không ít các ví dụ tương tự.

+ **VD23V**: Những *thông tin* (Tiêu điểm) *không chính xác* (Thang độ tiêu cực)

+ **VD24V**: Các *tội ác trong chiến tranh* (có ý nghĩa biểu thái hiển ngôn)

+ **VD25V**: Những nhìn nhận lịch sử một chiều (có ý nghĩa biểu thái tiêu cực hiển ngôn)

+ **VD26V**: Lòng tin (Tiêu điểm – tự nó không có ý nghĩa biểu thái nhưng theo kinh nghiệm thì từ này thường tự thân nó đã có ý nghĩa biểu thái hàm ẩn).

2.2.2.4. Tiêu điểm -Thái độ biểu hiện bằng ngôn từ và mối quan hệ giữa người viết – người đọc

Khi thuật ngữ được chia độ theo điển mẫu đã có ý nghĩa biểu thái hiển ngôn (như: một thằng oắt con *thực sự*, một kì quan *đích thực*, hơi bực mình, hơi điên, hơi bất hợp lý, hơi khác thường) thì hiệu ứng tu từ sẽ thay đổi theo giá trị hoặc đanh thép (*sharpening*) hoặc diu dàng (*softening*). Trong giá trị đanh thép (như: *một thằng oắt con thực sự; một người anh hùng đích thực*) thì hiệu ứng của nó là để nhấn mạnh đến vỏ bọc cực đại bằng giọng điệu của tác giả trong vị thế của giá trị (hoặc tiêu cực hoặc tích cực) được viện dẫn trước và do đó sẽ lôi cuốn mạnh mẽ người đọc vào giá trị được viện dẫn này.

Khi thuật ngữ thể hiện tính dịu dàng (*softened term*) là một từ chỉ sự tiêu cực thì hiệu ứng của nó là để thể hiện một sự giảm bớt vỏ bọc giá trị của người viết/ người nói và do đó nó cung cấp một *thái độ hoà giải* nhằm củng cố sự đồng cảm với những ai đang có các quan điểm mâu thuẫn.

Hiệu ứng của từ ngữ thể hiện giá trị *dịu dàng* lại không rõ ràng hoặc thẳng thừng như khi nó thể hiện một ý nghĩa tích cực.

+ **VD27V**: “Phần lớn anh em đều xuất thân từ quê nghèo nên cũng dễ thích nghi (tiêu điểm) (PS “Đời hát rong” – TTO, 10/04/2008).

- Dễ thích nghi ở đây phải hiểu theo văn cảnh là “chịu đựng được gian khổ, khó khăn.”

+ **VD28V**: *Đêm diễn của diễn viên ở quê nghèo không tràn ngập hoa như phố thị, hoạ hoàn lắm mới được một vài (lực) tràng pháo tay cổ vũ.* (PS “Đời hát rong” – TTO, 10/4/2008)

- Một vài tràng pháo tay: thể hiện sự hoan hô, cổ vũ, động viên nhưng phải hiểu theo kinh nghiệm ở đây là khán giả nông thôn miền Nam VN một khi đã vỗ tay dù ít ỏi là họ đã thể hiện sự ủng hộ, ủng hộ lắm rồi.

+ **VD29V**: *Thông tin mà đội SBC quận 5 biết về chúng chỉ vồn vện: Chúng gồm hai tên có lệnh truy nã đặc biệt, chiếc Honda Dame xanh của chúng đi có 3 số dưới là 369 và chúng sử dụng súng ngắn, lựu đạn rất (lực) thành thạo (SGGPO, 09/08/2007).*

- Rất thành thạo: ở đây về nghĩa đen là một lượng giá tích cực nhưng về mặt ý nghĩa biểu thái lại hàm ẩn một tai họa cho dân lành.

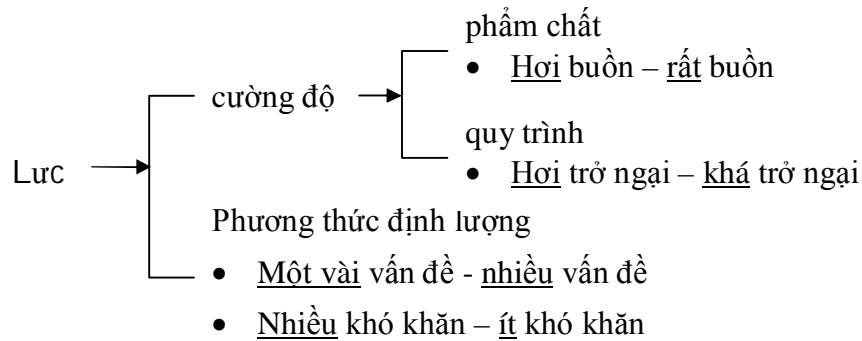
+ **VD30V**: *Điền Khắc Kim, tên cướp đòm dánh (tiêu điểm) không ra mặt cướp bóc bao giờ, hắn chỉ xuất hiện trong vai người hào hiệp (tiêu điểm) để giải thoát cho các phu nhân giàu có chẳng may bị cướp (SGGPO, 09/08/2007).*

- Người hào hiệp trong ngữ cảnh này thể hiện một cái gì đó quỉ quyết, gian trá, đầy âm mưu chứ không như nghĩa bề mặt của nó.

2.2.2.5. Lực: sự tăng cường và phương thức định lượng của Thang độ

Lực là tiêu phạm trừ quan trọng đứng hàng thứ nhì trong Thang độ. Như đã đề cập, “lực” bao gồm những đánh giá về cường độ và số lượng. Các đánh giá về cường độ có thể vận hành qua chất lượng (ví dụ: hơi ngớ ngẩn, cực kì ngớ ngẩn; dùng lại khá đột ngột, dùng lại rất đột ngột) hoặc qua các quá trình (ví dụ: Sự việc này đã hơi cản trở chúng tôi; Sự việc này đã rất cản trở chúng tôi) hoặc qua các từ tình thái chỉ khả năng, sự năng diễn, thiên hướng và bổn phận (ví dụ: chỉ có thể là; rất có thể là). Ở đây, chúng tôi dùng từ “cường độ” để đề cập đến sự đo lường các phẩm chất và quá trình.

Các đánh giá về số lượng được áp dụng cho các thực thể thay vì cho chất lượng và quá trình. Các đánh giá này được gọi là “phương thức định lượng”. Phương thức này cung cấp một sự đo lường mơ hồ về các con số (ví dụ: một vài dặm đường, nhiều dặm đường) và sự đo lường mơ hồ về vóc dáng hoặc khối lượng của các thực thể theo các đặc trưng như kích cỡ, trọng lượng, sự phân bố hoặc độ gần – xa (ví dụ: số lượng ít, số lượng nhiều; dãy núi gần).



Giải đồ 2.4: Lực: cường độ – chất lượng và quá trình

Ngữ nghĩa của sự tăng cường có thể tóm tắt qua sáu (6) biện pháp sau đây:

- Sự tăng cường (thang độ cao/ thấp) áp dụng cho chất lượng (*hơi tham lam, rất tham lam*) hoặc các quá trình phát ngôn (*hơi giảm, giảm đáng kể*).
- Sự tăng cường được nhận thức hoặc là thông qua các từ đơn (*hơi, rất, cực*) qua sự pha trộn ngữ nghĩa (*hạnh phúc hay mê li; ri hay chảy*) hoặc thông qua sự lặp lại (*cười và cười và cười*).
- Sự nhận thức hoặc bằng nghĩa bóng (trong *như pha lê*, bật dậy *như lò xo*, giá cả tăng vọt *như tên lửa*) hoặc nghĩa đen (*rất* trong, giảm *nhiều*, chuyển động *nhANH chóng*).
- Đối với những sự tăng cường bằng từ đơn thì sự nhận thức hoặc bằng khía cạnh ngữ pháp (*rất* dễ, giảm *nhiều*) hoặc bằng từ vựng (*dễ ợt, dễ đến đô kinh ngạc*, trong *như pha lê*, chuyển động *một cách châm chap*).
- Các biện pháp tăng cường phẩm chất bằng từ vựng thường là có tính biểu thái điển hình như *khác thường, nghiêm trọng, ló lửng* mặc dù một số hành động tạo ngôn theo nghĩa bóng có ít tính biểu thái hơn, ví dụ: lạnh *như băng* chẳng hạn.
- Các biện pháp tăng cường của các quá trình bằng từ vựng không có tính biểu thái điển hình, ví dụ: chuyển động một cách *nhANH chóng*, nhìn *một cách chằm chú* với một vài ngoại lệ như giá hạ *một cách thâm thẳm*.

Việc kết hợp các đặc trưng để đo lường các phẩm chất được minh họa trong Bảng 2.5 và đo lường các quá trình trong Bảng 2.6 dưới đây.

Bảng 2.5: Kết hợp các đặc trưng chỉ sự tăng cường chất lượng:

Lặp lại	Pha trộn	Từ đơn thuần		
		Ngữ pháp	Từ vựng	
			Nghĩa đen	Nghĩa bóng
+ Một hành động <u>xấu xa</u> , <u>đê tiện</u> , <u>đáng bị lên án</u>	+ <u>Gian khổ</u> hay <u>hanh phúc</u> hay <u>vui sướng</u>	+ <u>hơi</u> phàm ăn + <u>tương đối</u> phàm ăn + <u>rất</u> phàm ăn	+ nghèo <u>kinh</u> <u>khủng</u> (biểu thái)	+ nghèo <u>kiết</u> <u>xác</u> (biểu thái) + <u>lạnh</u> như <u>băng</u> (không biểu thái)

Bảng 2.6: Kết hợp các đặc trưng chỉ sự tăng cường quá trình:

Lặp lại	Pha trộn		Từ đơn thuần		
	Nghĩa đen	Nghĩa bóng	Ngữ pháp	Từ vựng	
				Nghĩa đen	Nghĩa bóng
Chúng tôi <u>cười</u> và <u>cười</u> và <u>cười</u>	<u>Thích</u> – <u>yêu</u> – <u>ngưỡng</u> <u>mộ</u> , <u>ri</u> hay <u>chảy</u> hay <u>phọt ra</u>	<u>Giá cả nhích</u> <u>lên</u> hay <u>giá cả</u> <u>tăng vọt</u>	<u>Hơi</u> giảm hay giảm <u>manh</u>	+ <u>di chuyên</u> <u>chậm chạp</u> hay <u>di chuyên</u> <u>nhANH chóng</u> (không biểu thái) <u>rớt giá</u> <u>thê</u> <u>thảm</u> (biểu thái)	+ <u>bất dầy</u> như <u>lò xo</u> (không biểu thái) + <u>lang thang</u> <u>như người</u> <u>không mục</u> <u>đích</u> (biểu thái)

2.2.2.6. Lực dùng để xác định số lượng

Sự xác định số lượng bao gồm việc đo lường *có liên quan đến số lượng* (như kích cỡ, trọng lượng, sức mạnh, con số) *phạm vi kể cả thời gian và không gian* (được phân bổ rộng đến mức nào, kéo dài bao lâu) và *độ gần trong không gian và thời gian* (gần cỡ nào, mới (xảy ra) cỡ nào).

Ngữ nghĩa của tiêu hệ thống này rất phức tạp do thực thể được lượng hóa có thể *cụ thể* (như: một chiếc máy bay khổng lồ, nhiều máy bay, những chiếc máy bay gần kề) hoặc *trừu tượng* (một khó khăn to lớn, nhiều khó khăn; một ít bức xúc, một nỗi sợ hãi không đáng kể; một thành công to lớn, nhiều cảm dỗ). Thường thì những thực thể trừu tượng này sẽ chuyển tải các ý nghĩa biểu thái.

Tác động:

+ **VD31V:** Theo tài liệu mà báo này có được, gọi là tài liệu mật hàng đầu của chính phủ, loại súng dùng để bắn bà Bhutto còn sót lại hiện trường mang nhãn hiệu Norinco, với mã số 311-90. (SGGPO, 13/1/2008)

Phán xét:

+ **VD32V:** Là nhà lãnh đạo manh mẽ, quyết đoán, ông Shuharto đã có vai trò rất lớn giúp đặt nền móng cho đất nước Indonesia hiện tại. (TTO,12/01/2008)

+ **VD33V:** Đất nước từng được coi ở bên bờ sụp đổ về kinh tế năm 1965 đã trở thành một trong những con hổ kinh tế của Châu Á. (TTO,12/01/2008)

+ **VD34V:** Có thể coi đó là những công lao lớn của ông Shuharto đối với đất nước vạn đảo Indonesia. (TTO, 12/01/2008)

+ **VD35V:** Vậy, bên cạnh thành công đó, Indonesia dưới thời cầm quyền của ông cũng là đất nước tham nhũng nhiều nhất trên thế giới, bản thân ông được Tổ chức Minh bạch quốc tế coi là nhân vật “ăn tiền” vào hàng kỉ lục với số tiền bị chiếm đoạt ước tính đến 15-35 tỉ USD. (TTO, 12/01/2008)

Đánh giá:

+ **VD36V:** Vài năm qua, Ấn Độ và Trung Quốc đã nổi lên như hai nền kinh tế phát triển nhanh nhất thế giới (SGGPO, 14/01/2008)

+ **VD37V:** Kim ngạch thương mại song phương Ấn – Trung trong năm 2007 đã vọt lên tới 37 tỉ USD (SGGPO, 14/01/2008)

+ **VD38V:** Quan hệ thương mại song phương giữa hai nước trong những năm gần đây đã có sự tăng trưởng ấn tượng. Hai quốc gia khổng lồ ở Châu Á

này đã thống nhất tăng gấp đôi kim ngạch trao đổi thương mại lên 40 tỉ USD vào năm 2010. (SGGP, 14/01/2008)

+ **VD39V**: Sau khi chủ tịch Cục Dự trữ liên bang Ben Bernance vào tuần trước phát biểu rằng bức tranh kinh tế trong năm 2008 đã trở nên ảm đạm hơn, nhiều tập đoàn kinh tế hùng mạnh đã “phụ họa” bằng những con số thua lỗ khổng lồ. (TNO, 20/01/2008)

Tất nhiên, những từ ngữ trừu tượng đã kiến tạo nên các giá trị của thực thể theo một cách khác hoặc là chất lượng hoặc là quá trình. Ví dụ:

+ **VD40V**: Một mối quan tâm nhỏ (thực thể được lượng hóa) so với ít được quan tâm (chất lượng/ quá trình được tăng cường).

+ **VD41V**: Một thành công vĩ đại (thực thể được tăng cường) so với rất thành công (chất lượng được tăng cường)

+ **VD42V**: Nhiều cuộc thương lượng của chính phủ (thực thể được lượng hóa) so với chính phủ đã thường xuyên thương lượng (quá trình có giá trị cao về sự năng diễn).

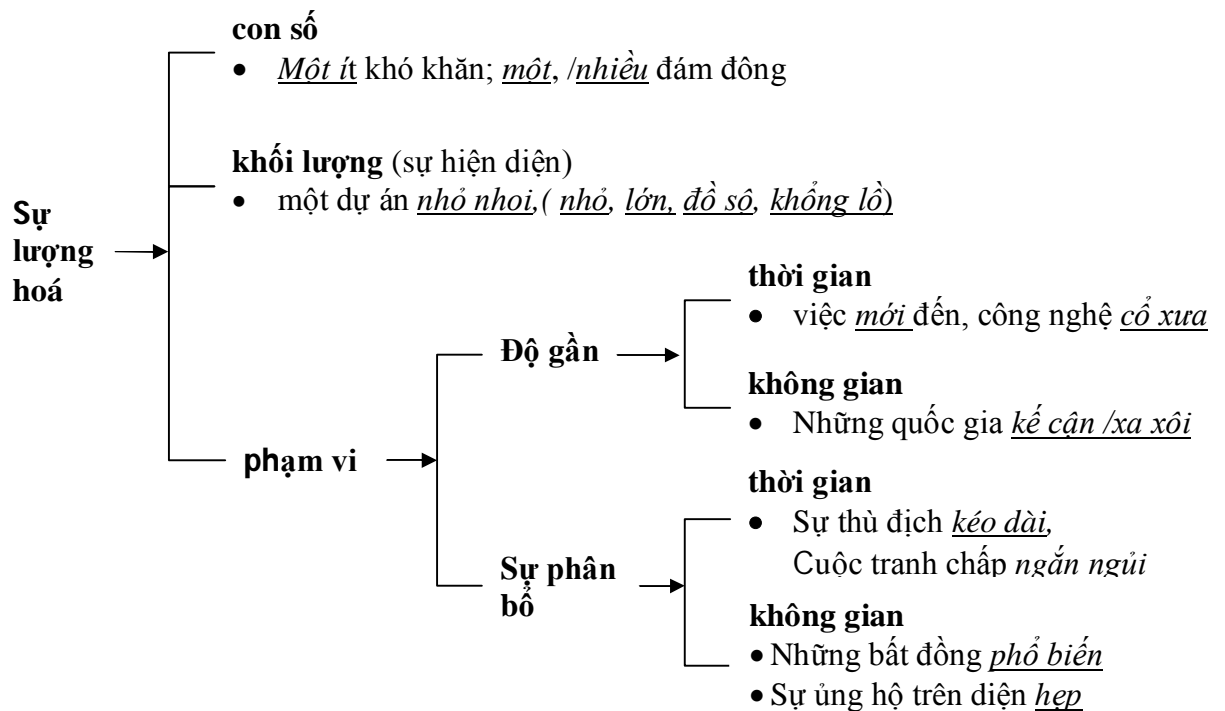
Halliday, M.K.A [74] cho rằng những lập thức này được phân loại như những “án dụ về ngữ pháp” trong đó chúng bao gồm một phạm trù thuộc chất lượng hoặc quá trình. Theo đó, chúng sẽ kiến tạo nên các phạm trù phức tạp về ngữ nghĩa trong đó một lớp nghĩa (tình huống ngữ nghĩa của phạm trù chất lượng hoặc quá trình) được đặt trên một lớp nghĩa khác (tình huống NPTV của phạm trù danh từ chẳng hạn).

Điều đó có nghĩa là những lập thức như sự thất vọng lớn lao/ mối quan tâm không đáng kể bao gồm sự lượng hóa khi được nhìn từ quan điểm NPTV (ước lượng kích cỡ của “các thực thể”) nhưng sự tăng cường từ quan điểm của những ý nghĩa về ngữ nghĩa diễn ngôn đang được thực hiện. Ở đây, một số tác giả như Martin, J.R [108] chuộng khía cạnh NPTV và phân loại các ví dụ về thang độ là thuộc phạm trù lượng hóa (thay vì tăng cường) khi cho rằng có một sự khác biệt tế nhị về ý nghĩa giữa việc đánh giá một hành vi ứng xử nào đó như nhiều thất vọng (lượng hóa) thay vì thất vọng lớn lao (tăng cường). Tuy

nhiên, vẫn cần nhận thức rằng về mặt ngữ nghĩa việc nhận dạng sự tăng cường thông qua lượng hóa hoặc tăng cường là lượng hóa là hết sức cần thiết.

♦ **Các phương thức lượng hóa: con số, khối lượng và phạm vi**

Những sự lượng hóa bao gồm những ước lượng về những con số (như *một ít, nhiều*) những ước lượng về khối lượng (như *nhỏ, lớn; mỏng, dày; nhẹ, nặng; mờ, sáng*) và những ước lượng về phạm vi thời gian và không gian được đo lường về độ gần (như *gần, xa; hiện đại, cổ xưa*) hoặc sự phân bố (như *lâu đời, trước mắt; phổ biến, dàn trải*). Hệ thống lượng hóa được minh họa trong giản đồ 2.5 dưới đây:



Giản đồ 2.5: Sự lượng hóa về lược

♦ **Sự đơn lập và pha trộn trong lượng hóa**

Sự lượng hóa phổ biến là thông qua một từ đơn hoạt động như một phụ ngữ của một thực thể được chia độ như *nhiều, lớn, nặng, gần, mới (xây ra)*. Tuy nhiên, có những hành động ngôn từ tương đương với lập thức pha trộn mà chúng ta đã tiếp cận ở các mục trước là sự tăng cường trong đó sự ước lượng về

số lượng được thực hiện không bằng một phụ ngữ mà bằng chính một danh từ chính tố (*head noun*).

[con số]

+VD43V: Canon đã trưng bày *một số lượng lớn* các sản phẩm hình ảnh kỹ thuật số (đối chiếu với *nhiều sản phẩm* về hình ảnh kỹ thuật số)

[khối lượng – kích cỡ]

+VD44V: Gã võ sĩ đô vật đứng đó như *một núi* thịt (đối chiếu với *to lớn*)

[phạm vi]

+VD45V: Cảnh sát phát hiện một số bằng chứng *ít ỏi* về thủ phạm

- Đã có *thừa mứa* những hàng hóa ế ẩm trong thời kì kinh tế khủng hoảng

♦ **Ẩn dụ trong lượng hóa:**

Ngoài những ví dụ đã liệt kê trên, một số từ pha trộn cũng được tìm thấy trong phép ẩn dụ ít nhiều đã làm mất đi ý nghĩa của từ vựng (*delexicalised*) (như *núi thịt* ...). Tuy nhiên, ẩn dụ cũng được sử dụng trong một số hành động ngôn từ đơn lập. Ví dụ: Thủ tướng phải giải quyết hàng *núi* công việc.

Các kết hợp của những đặc trưng vận hành để tạo ra sự lượng hóa được tóm tắt trong Bảng 2.9 sau đây:

Đơn thuần		Pha trộn	
Nghĩa đen	Nghĩa bóng	Nghĩa đen	Nghĩa bóng
+ <i>nhỏ</i> hay <i>lớn</i> hay <i>đồ sộ</i> + <i>ít</i> hay <i>nhiều</i>	+ <i>núi</i> công việc	+ một <i>đám đông</i> thất nghiệp + <i>thừa mứa</i> hàng ế ẩm	+ <i>núi thịt</i> + <i>làn sóng</i> bất mãn

Bảng 2.7: Các kết hợp đặc trưng để lượng hóa

+VD46V: Phân tích mẫu tin “*Nước Mỹ trong Cuộc chiến kinh tế*” (TNO, 20/01/2008) (Nguyễn Văn ở phụ lục 4) qua phạm trù Thang độ

Các chi tiết được phát hiện có mang dấu ấn của phạm trù Thang độ được gạch chân (ở phụ lục 4). Nhìn chung, có 47 chi tiết được dùng để tăng cường tính tích cực và tiêu cực của các giá trị Tác động, Phán xét và Đánh giá trong mẫu tin vừa nêu bằng các công cụ “*lực*” và “*tiêu điểm*”. Tác giả mẫu tin đã vận

dụng khá đa dạng các công cụ tăng cường và định lượng qua các biện pháp đã nêu:

- *vô cùng tội tệt, không đáng tin cậy, rất khó khăn, quá nhỏ, những con số thua lỗ khổng lồ, tập trung toàn lực.*
- *đổi nghịch hoàn toàn.*
- *chiến tranh Iraq, vấn đề Iran, bài toán về di dân, các khoản nợ xấu, suy thoái kinh tế, vật lộn, cảnh thất bát, cơn bạo bệnh, chao đảo.*
- *tập đoàn kinh tế hùng mạnh.*
- *Nổi bật nhất, cường quốc số một thế giới.*
- *liều thuốc tăng lực, một mũi tiêm vào cánh tay để giữ cho nền kinh tế Mỹ được khỏe mạnh, “nhức đầu số mũi”.*

Vì đây là một mẫu tin có chủ đề là kinh tế nên biện pháp lượng hóa và phạm vi được sử dụng tương đối rộng rãi. Người đọc chắc chắn phải bị cuốn hút trước những Thang độ đậm màu sắc tiêu cực của hiện tượng suy thoái kinh tế đang diễn ra ở cường quốc số một thế giới này. Có thể sơ bộ đánh giá đây là một văn bản vận dụng thang độ ngôn ngữ khá thành công. Nhìn chung, Thang độ không phải là một hiện tượng mà là một thuộc tính trong ngôn ngữ TQT trên báo tiếng Việt.

2.2.3 Phạm trù Thỏa hiệp trong ngôn ngữ Tin quốc tế trên báo tiếng Việt

Nói một cách khái quát, thì hệ thống Thỏa hiệp là các phương tiện nhờ đó tác giả một văn bản báo chí có thể sử dụng để thương thảo (Thỏa hiệp) bằng tính chất đa dạng của tuyến dị ngữ – tức là các thực thể thuộc kí hiệu học xã hội mang các màu sắc khác nhau từ *hoà nhập, thay thế* đến *đổi lập* – hoặc là để thương thảo với các vị thế được kích hoạt hoặc tham chiếu từ mọi phát ngôn. Thỏa hiệp rất đa dạng về mặt NPTV và bao gồm các đặc trưng như tính *lưỡng cực, tình thái, hiện thực, nhượng bộ, nhân quả, phóng chiếu* và *phủ định*. Sự định hướng mang tính dị ngữ/ liên văn bản cung cấp một bộ khung để tích hợp các đặc trưng này thành một hệ thống thương thảo mang tính tương tác, liên kết

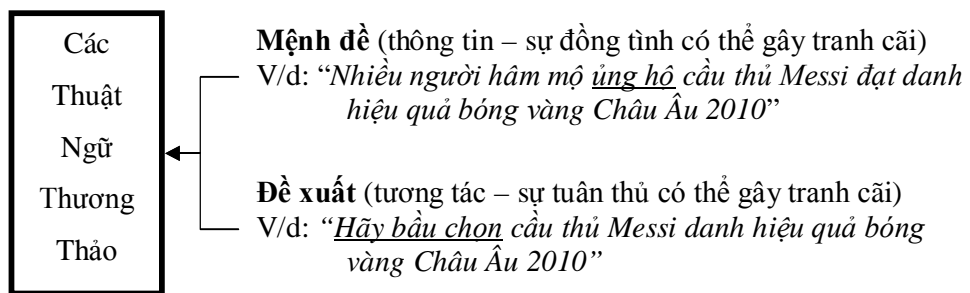
và các phạm trù NPTV đa dạng liên quan nhiều đến ẩn dụ liên nhân và ngữ nghĩa diễn ngôn sẽ được bàn đến trong phần sau.

Một trong những thức nhị phân chủ yếu trong ngữ nghĩa học liên nhân được soi rọi từ NHCNHT là sự khu biệt về thức (*mood*) giữa các phát ngôn có liên quan đến việc trao đổi thông tin và trao đổi hàng hóa – dịch vụ mà Halliday [73] gọi là sự khu biệt giữa Mệnh đề (*proposition*) và Đề xuất (*proposal*). Trong Mệnh đề thì người nói hoặc là cung ứng một thông tin hoặc nhận định (*statement*) nào đó hoặc là đòi hỏi thông tin đó. Còn trong Đề xuất thì người nói hoặc là cung ứng (*offer*) hoặc *đòi cung ứng* (ra lệnh) hàng hóa hoặc một dịch vụ nào đó.

Sự chọn lựa giữa mệnh đề và đề xuất trong hệ thống thương thảo (*negotiation*) tùy thuộc mô hình ngữ nghĩa liên nhân. Thương thảo có liên quan đến hành động ngôn từ và các hoạt động giao tiếp. Tuy nhiên, sự lựa chọn này có tầm quan trọng rõ ràng đối với ngữ nghĩa đa dạng của tuyến dị ngữ - thuật ngữ cho thấy phát ngôn tương tác với ngữ cảnh liên văn bản được thay đổi một cách cơ bản do sự lựa chọn giữa thông tin và hàng hóa. Các phát ngôn về thông tin đưa đến việc lý thuyết hóa các trạng thái và sự kiện trong một hiện thực được biểu đạt còn các phát ngôn về hàng hóa lại dẫn đến các nỗ lực mà người nói vận động, chào mời để người khác bỏ thầu hoặc chấp nhận sự mời chào của họ. Từ đó, chúng ta thấy rằng các phát ngôn về thông tin (mệnh đề) đặt ra các mức độ rủi ro về đồng tình hoặc không đồng tình giữa các biểu đạt về hiện thực mang tính xã hội, trong khi các phát ngôn về hàng hóa - dịch vụ (đề xuất) có những mức độ rủi ro về việc hoặc tuân thủ hoặc chấp nhận một nỗ lực bị điều khiển. Do vậy, sự lựa chọn giữa mệnh đề và đề xuất có liên quan đến các tình thái về thương thảo dị ngữ khác nhau – mở đầu cho sự đồng tình bằng thương thảo (*negotiation agreement*) đối lập với tuân thủ do thương thảo (*negotiation compliance*).

Do đó, mặc dù sự lựa chọn giữa mệnh đề (có ý nghĩa thông tin) và đề xuất (có ý nghĩa tương tác) là một tùy chọn trong hệ thống thương thảo nhưng nó không hề mang hàm ngôn Thỏa hiệp (trong hệ thống thẩm định). Việc chọn lựa

giữa thông tin và hành động tương tác là nhằm để thiết lập một môi trường mang tính ngữ cảnh cho Thỏa hiệp. Nó đặt ra các điều kiện cho hành ngôn, trong đó, các giá trị Thỏa hiệp vận hành. Nói khác hơn, *các giá trị Thỏa hiệp* sẽ thay đổi tùy theo chúng vận hành trong môi trường thông tin hoặc môi trường tương tác. Lựa chọn này đặt ra các thuật ngữ cơ bản là *đồng tình* đối lập với *tuân thủ*, theo đó phát ngôn có thể gây tranh cãi ở vị trí liên văn bản. Mối quan hệ này được minh họa như sau:



Giải đồ 2.6 : Các thuật ngữ thương thảo

Cũng cần khẳng định rằng sự chọn lựa giữa thông tin và tương tác không phải là một tùy chọn nằm trong hệ thống Thỏa hiệp mà là một biến tố theo môi trường.

Một điều dễ dàng nhận thức nữa là sự đòi hỏi về hàng hóa - dịch vụ là một mệnh lệnh. Nó cũng xuất hiện trên văn bản truyền thông dù là rất hiếm. Thay vì dùng mệnh lệnh thái thì các văn bản truyền thông vận dụng một loạt các phương tiện NPTV thay thế để phát triển các ý nghĩa tương tác nhằm đối lập với các ý nghĩa thông tin. Do đó, cấu trúc này vận hành ở 2 cấp độ - ở cấp độ NPTV là mệnh đề (một nhận định về một bản phận có thể không được đồng tình) và ở một cấp độ thuộc NNDN là một đề xuất (một hành động đòi hỏi có thể không được tuân thủ).

Một điều phải lưu ý ở đây là quan điểm dị ngữ cung cấp phương tiện để thách thức các khái niệm chân thật về tri nhận đối với phép nhị phân “*sự thật*” đối lập với “*ý kiến*”. Theo sự phân tích này thì sự khu biệt giữa (VD47V): “Nhiều người ủng hộ việc thực thi án tử hình bằng cách tiêm thuốc

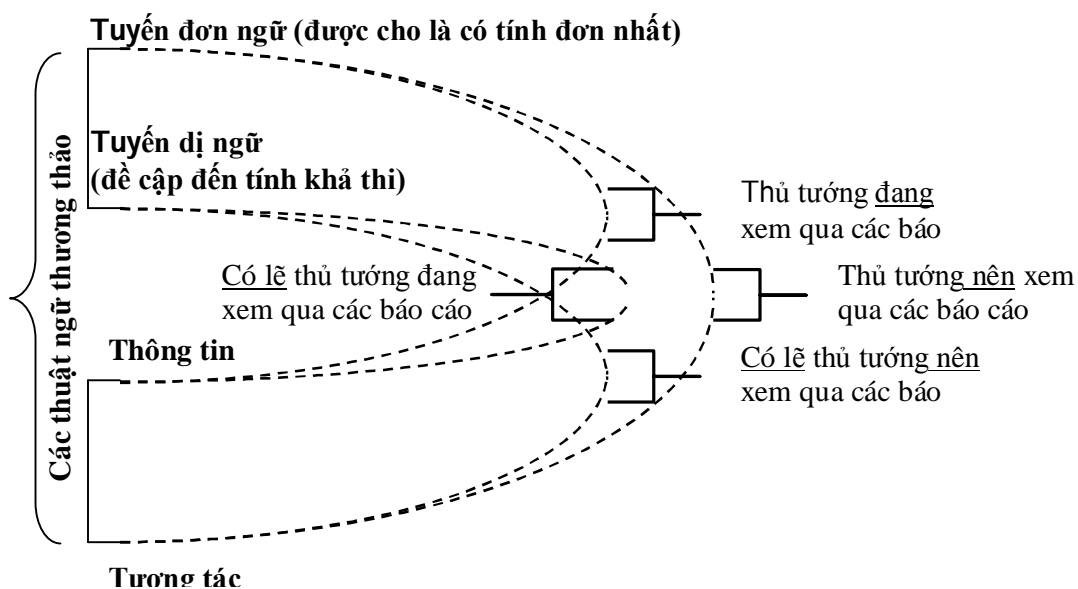
độc” và (VD48V): “Nhiều người phải ứng hộ việc thực thi án tử hình bằng cách tiêm thuốc độc” không phải được kiến tạo trên nền tảng “khách quan” hay “chủ quan” mà là trên cơ sở khác nhau giữa phát ngôn thương thảo với tính đa dạng của dị ngữ - hoặc xét về mặt đồng tình hoặc tuân thủ.

Lý thuyết thoả hiệp và nói chung là lý thuyết thẩm định được vận dụng trong 3 giọng điệu của lực lượng làm báo mà giá trị ở chỗ là tác giả chịu trách nhiệm trực tiếp với những từ ngữ mà mình nói hoặc viết ra. Tuy nhiên, việc tường thuật cũng như chuyển tải các ý nghĩa được đưa từ các nguồn tin ngoại tại vì những nguồn tin này cũng thật sự đóng góp, dù không trực tiếp, cho toàn bộ tiềm năng tu từ của văn bản. Các nguồn tin ngoại tại này có vai trò xác lập phong cách liên nhân của văn bản. Trong các văn bản truyền thông, những đòi hỏi về hàng hóa – dịch vụ thường ở dạng nhận định các khẳng định gián tiếp của các nguồn tin ngoại tại như chính trị gia, người vận động hành lang, lãnh đạo cộng đồng. Các chuỗi liên nhân rõ ràng có tầm quan trọng đặc biệt trong việc thẩm định. Những đòi hỏi - cung ứng này được định vị trong một ngữ cảnh dị ngữ sẽ phản ánh một quan điểm hoặc một vị thế, một quan điểm chính trị nào đó.

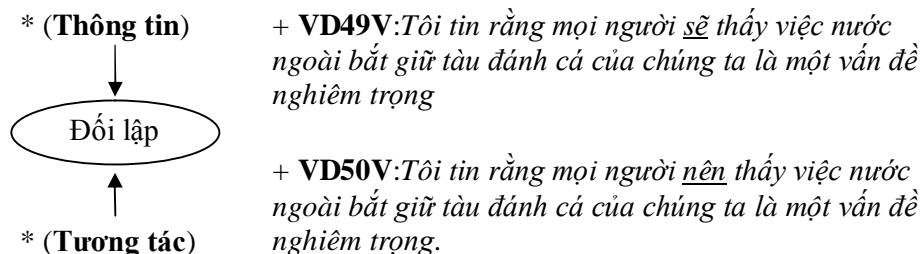
Do đó, sự khu biệt giữa thông tin và hàng hóa – dịch vụ sẽ có tầm quan trọng khi tham chiếu với Thoả hiệp. Ở đây hệ thống Thoả hiệp bắt đầu được tổ chức để xem xét sự chọn lựa về thức giữa mệnh đề và đề xuất (thông tin đối lập với tương tác) làm nền tảng cho tuyến dị ngữ đa dạng được dùng để thương thảo. Bất cứ một kết nối ngang nào nằm trong hệ thống giúp nhận thức về Thoả hiệp sẽ phải lưu ý đến bối cảnh đồng thời của *mệnh đề* đối lập với *đề xuất*. Sự chọn lựa này sẽ diễn ra đồng thời với chọn lựa có tên gọi là “tuyến đơn ngữ” (*monogloss*) và “tuyến dị ngữ” (*heterogloss*). Sự khu biệt ở đây là hoặc người nói tích cực tiến hành hoặc ít ra là thông báo khả năng đa dạng của tuyến dị ngữ hoặc mặt khác bỏ qua tính đa dạng đó hoặc là nói/ viết như thể tất cả những người trong cuộc là cùng chia sẻ một vị thế dị ngữ duy nhất, giống nhau. Sự tương tác giữa hai tổ hợp chọn lựa – *Mệnh đề* đối lập với *đề xuất* và *tuyến đơn ngữ* đối lập với *tuyến dị ngữ* - được trình bày trong giản đồ dưới đây. Cũng

cần nhắc lại là chọn lựa thông tin đối lập với tương tác là một biến tố thuộc môi trường hơn là chọn lựa thực tế nằm trong hệ thống Thoả hiệp.

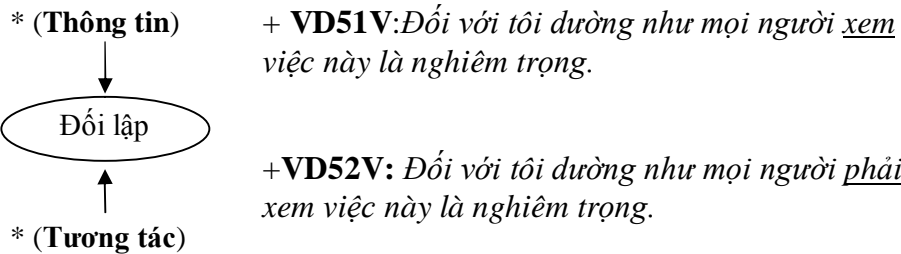
Qua giản đồ 2.7 chúng ta có thể thấy các phát ngôn gần như có cùng một chọn lựa (thông qua tình thái “có lẽ”) để minh hoạ cho sự tương tác của hai điều kiện đồng thời. Điều đáng lưu ý trong ngữ cảnh này là hầu hết các chọn lựa theo “tuyển dị ngữ” (các chọn lựa có tính tế nhị hơn trong tiểu hệ thống của tuyển dị ngữ) là thuộc cả hai môi trường “*thông tin*” và “*tương tác*”. Nó được xem như một chuỗi các tình thái bắt buộc vừa là *mệnh đề* vừa là *đề xuất*. Do đó, có những giá trị được khả hữu hóa (*probabilised*) vừa mang tính “*thông tin*” vừa “*tương tác*”.



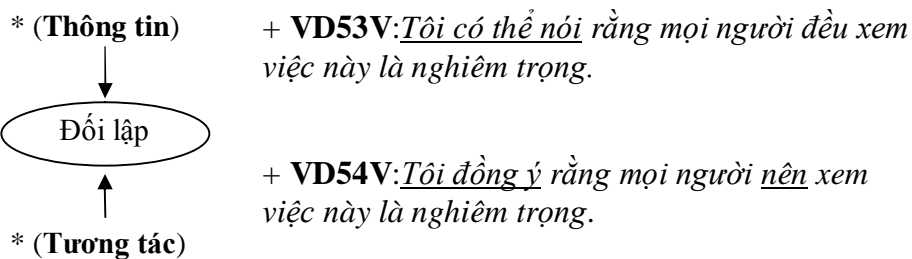
Giản đồ 2.7: Thoả hiệp: các điều kiện về mục từ và các môi trường thuộc ngữ cảnh (Theo White, P.R.R [132])



Các phát ngôn này cũng có thể được chuyển thành thức “bằng chứng hóa” (*evidentialized*).



Hoặc chúng có thể được chuyển thành thức “tuyên bố” (*proclaimed*).



Tóm lại, trong các ngữ cảnh thông tin (chào mời/ đòi hỏi thông tin) thì chọn lựa cơ bản nhất của người viết thì hoặc là đề cao hoặc là hạ thấp khả năng thương thảo có tính dị ngữ. Tức là, một mặt thì tác giả có thể đưa một mảng giá trị ngữ pháp lên tiền cảnh hoặc ít ra là thông báo khả năng đa dạng của tuyến dị ngữ và mặt khác xem nó như một tùy chọn, qua đó tác giả hạ thấp hay đẩy các khả năng đó vào hậu cảnh. Trong trường hợp thứ hai này tác giả có thể được xem là đã bỏ qua tính đa dạng của tuyến dị ngữ hoặc là đã xem tất cả những người đối thoại là cùng có vị thế xã hội/ quan điểm chính trị giống nhau. Cấu trúc bỏ qua tính đa dạng của tuyến dị ngữ (tập trung vào tuyến đơn ngữ thay vì dị ngữ) là một thức tuyên bố khẳng định (*positive declarative*). “*Thủ tướng đang xem qua các báo cáo*” là một ví dụ.

Như đã trình bày, khái niệm câu khẳng định đơn phải được xem là đưa đến một giá trị Thỏa hiệp nào đó và do đó tạo được ý nghĩa liên nhân trong ngữ cảnh thuộc khái niệm phổ biến là “*thật*” và “*giá trị là sự thật*”. Thức tuyên bố đơn trong cả hai ngữ cảnh phải được xem là “*trung lập*” (*neutral*) hoặc là để kiến tạo một nền tảng về ngữ nghĩa. Việc bỏ qua bản chất thương thảo và tranh cãi trong giao tiếp khi có sự thông cảm lẫn nhau là một tiền trình xã hội. Câu

khẳng định đơn sẽ được xem là “*trung lập*” và “*khách quan*” đến mức độ tránh được sự căng thẳng với bất kì chọn lựa quan trọng mang tính xã hội hoặc các nhận định mâu thuẫn nào đó. Tất nhiên, trong ngữ cảnh nói thì thức tuyên bố khẳng định không được xem là trung lập vì điệu tính của nó.

Điều cơ bản ở đây là thức khẳng định đơn có đầy đủ tính chất liên nhân khi so sánh với các thức khác. Tức là, một khi sử dụng thức khẳng định đơn thì người viết sẽ chấp nhận một chiến lược tu từ đặc biệt nào đó đối với khả năng đa dạng của tuyến dị ngữ như không chọn khả năng đó hoặc chọn cách diễn đạt theo tuyến đơn ngữ thay vì tuyến dị ngữ.

- **Sự đa dạng của tuyến dị ngữ - lập thức/ mệnh đề ngoại dẫn (*extra-vocalisation*)**

Mệnh đề ngoại dẫn có nghĩa là khi một văn bản giới thiệu một cách hiển ngôn hoặc đưa các giọng điệu, nguồn tin bên ngoài vào văn bản thông qua các phát ngôn gián tiếp. Theo đó, trong một lập thức ngoại dẫn có thể một hoặc nhiều thực thể thuộc kí hiệu học xã hội được “chèn” (*inserted*) vào trong một văn bản thông qua lối nói gián tiếp (*reported speech*). Có thể chia các nguồn ngoại dẫn này thành hai phạm trù lớn. Trước tiên, có những giá trị bên ngoài được “chèn” vào mang ý nghĩa là giọng điệu thay thế tức là vị thế thuộc tuyến dị ngữ đó không cần được giải thích bổ sung hoặc tái cấu trúc chu cảnh. Trong hệ thống của Fuller, G. [66], “*việc chèn*” này có thể nằm ở cực của một dãy tiệm tiến giữa “*sự tượng trưng*” và “*đồng hóa*”. Thứ hai là có những giá trị mà giọng điệu ngoại tại thay đổi đến mức độ nào đó sẽ được đồng hóa trong văn bản. Với sự đồng hóa này sẽ có một tiềm năng mà sự thay thế tức là giọng điệu bên ngoài văn bản sẽ được hoà nhập với văn bản mà khi được diễn đạt lại và chu cảnh được cấu trúc lại sẽ đưa giọng điệu đó gần hơn với phong cách và sự định hướng của nhà báo. Sự đồng hóa này có thể được nhận ra nhờ logic của ý nghĩa (thông qua sự phóng chiếu của lối nói gián tiếp) hoặc bằng kinh nghiệm thông qua các chức năng khác nhau trong hệ thống chuyển tác. Do đó, sự đồng hóa có thể được nhận dạng qua một số lập thức và ví dụ như sau:

◎ **Phóng chiếu qua các quá trình tinh thần hoặc quá trình phát ngôn (logic)**

+ **VD55V:** Thủ tướng Ôn Gia Bảo nói: “Thủ tướng Fukuda nói mùa xuân đã đến trong quan hệ của chúng ta và sau 2 giờ 30 phút trao đổi, tôi cảm thấy rằng mùa xuân trong quan hệ Trung – Nhật đã đến”. (TNO, 29/12/2007)

◎ **Chu cảnh thuộc góc độ (circumstance of Angle) (kinh nghiệm):**

+ **VD56V:** Tuần qua, Nga tuyên bố cuộc tranh cãi trên đã kết thúc và việc chuyển giao nhiên liệu sẽ được bắt đầu khoảng 6 tháng trước khi nhà máy này hoạt động. (TNO, 18/12/2007)

◎ **Các quan hệ gián tiếp (attributive relationals) (kinh nghiệm):**

+ **VD57V:** Điện Kremlin buộc tội Hội đồng Anh “không có đủ cơ sở pháp lý” và “vi phạm các quy định về đóng thuế” khi hoạt động tại Nga. (TTO, 15/1/2008)

◎ **Chu cảnh vật chất (circumstances of Matter) (kinh nghiệm).**

+ **VD58V:** Trung Quốc cắt đứt các cuộc tiếp xúc cấp cao với Nhật bản trong giai đoạn từ năm 2001 đến 2006 với lý do Thủ tướng Nhật lúc đó là ông Junichiro Koizumi đến viếng đền Yasukuni, nơi thờ những người tử trận trong chiến tranh, trong đó có một số nhân vật bị coi là tội phạm chiến tranh. (TNO, 29/12/2007)

◎ **Vai trò tham tố của Ngôn thể (the participant role of Verbiage) (kinh nghiệm):**

+ **VD59V:** “Nếu Hàn Quốc không giữ lời hứa, chúng tôi sẽ tấn công đại sứ quán của nước này tại Kabul cũng như các cơ sở giáo dục do Seoul hỗ trợ”, Ahmadi đe dọa. (TNO, 3/9/2007).

Mặc dù các cấu trúc NPTV khác nhau này được xem là đồng hành với sự đồng hóa nhưng có thể bỏ qua phần ngữ nghĩa bằng cách vận dụng các dấu ngoặc kép “ ”. Do đó, những câu sau đây có thể được xem là các câu chèn thay vì đồng hóa.

+ **VD60V**: Trong bài báo gửi nhật báo *Granma* của Đảng Cộng sản, chủ tịch Fidel cho biết: “... Tôi không còn khát khao hoặc sẽ chấp nhận vị trí chủ tịch hội đồng nhà nước và tư lệnh quân đội nữa” (TTO, 20/2/2008)

Do đó, về mặt đồng hóa thì mệnh đề ngoại dẫn khi đạt đến một mức độ nào đó sẽ hoà nhập với giọng điệu của chính văn bản. Phong cách này, thông qua sự diễn đạt lại của thủ thuật đồng hóa cũng sẽ có vẻ gần gũi hơn với diễn ngôn của báo chí. Quá trình này có những hiệu ứng quan trọng đối với tiềm năng tu từ trong các văn bản tin.

+ **VD61V**: Đến tháng 12-2007, Chủ tịch Fidel lại một lần nữa viết thư cho biết ông không phải là người ham hố quyền lực và sẽ mở đường để những thế hệ trẻ hơn tiếp tục nắm quyền. (TTO, 20/2/2008)

Để nắm rõ hơn tính chất “khách quan” và “chủ quan” trong phương tiện truyền thông đại chúng thì một điều cần phải làm sáng tỏ là chúng được kiến tạo như thế nào.

Trong phần 2.1 chúng ta đã quan sát cấu trúc của TQT từ quan điểm thể loại. Rõ ràng là những thể loại khác nhau sẽ có những chức năng xã hội khác nhau đồng hành với những khuôn mẫu tổ chức văn bản khác nhau. Tin và đặc biệt là Tiêu thể loại TQT được tổ chức trên cơ sở của mô hình hạt nhân và vệ tinh với tất cả các giai đoạn đóng góp cho hiệu quả chung của văn bản.

Nhưng một khi phân biệt những thể loại văn bản truyền thông khác nhau chúng ta cũng phải cân nhắc đến tổ hợp ý nghĩa có liên quan đến thuật ngữ tính “chủ quan” (*subjective*) và “khách quan” (*objective*) và “vô nhân xưng” (*impersonal*) như nhiều người cho rằng các văn bản bình luận nhất thiết phải “chủ quan”, “có tính lượng giá” và “cá nhân hóa” còn tin thì phải “khách quan”, “vô nhân xưng”.

Một số đặc trưng nhất định của ngôn ngữ sẽ đóng góp vào cảm giác của người đọc về sự hiện diện hoặc cá tính của người viết trong một văn bản. Hệ thống đặc trưng này được gọi là “giọng điệu của tác giả” (*authorial voice*). Trong một mẫu tin khách quan thì giọng điệu của tác giả được kiến tạo một cách vô nhân xưng (*impersonal*), vô danh hoặc thậm chí vắng hẳn giọng điệu

của một cá nhân mà chỉ tồn tại giọng điệu của cơ quan báo chí. Từ đó, vấn đề sẽ được đặt ra là:

- Liệu có phải các “*giọng điệu cá nhân*” sẽ là chủ quan còn “*giọng điệu vô nhân xung*” là khách quan khi ta có các tri thức về sự kiện vật chất diễn ra trong thế giới hiện thực hoặc sở hữu các tri thức trong thế giới nội tâm cảm xúc và các tiến trình tư duy của con người?

- Tác giả chỉ đơn giản là “*Quan sát*” hay anh ta “*Thẩm định*” và “*Lượng giá*” các sự kiện?

Chúng ta đã phân chia hệ thống giọng điệu của tác giả thành các nguồn ngôn ngữ được dùng để diễn đạt “*Tính khách quan*” và “*Tính chủ quan*”. Trong báo chí được xem là “*khách quan*”, nói chung, có nghĩa là không tường thuật những gì “*Tôi*” nghĩ hoặc cảm thấy mà là những gì đã được chứng kiến và có thể được hỗ trợ bằng những điều mà người khác phải nói ra. Trong khi “*chủ quan*” có nghĩa là các tư duy, phán xét và cảm nghĩ của riêng cá nhân. Hai cách nói hoặc viết tương phản này được gọi là “*giọng điệu của phóng viên*” (*Reporter voice*) và “*giọng điệu của người viết*”. Để rõ hơn, ở đây chúng tôi muốn nhấn mạnh đến khía cạnh thuật ngữ có liên quan đến nghề báo: khi dùng thuật ngữ “*phóng viên*” tức là đề cập đến đội ngũ mà công việc đơn giản là “*đến hiện trường để thu thập sự thật*” và những người làm công việc phân tích, tổng hợp, giải thích và lượng giá là “*người viết*” hoặc “*tác giả*”. Do đó, theo thói quen thì giọng điệu của phóng viên là khách quan, vô nhân xung trong các mẫu “*tin cứng*” còn giọng điệu của người viết là giọng điệu chủ quan, mang nặng tính cá nhân của người bình luận báo chí. Trên thực tế, sự phân biệt này chỉ có tính tượng trưng và tương đối mà thôi vì thật ra hai phạm trù này không thật sự rạch ròi như hai khái niệm trắng – đen và cũng không chỉ hiện diện ở hai thể loại tin và bình luận, chúng ta sẽ thấy chúng hiện diện ở các thể loại khác như Phóng sự (sẽ đề cập sau) chẳng hạn.

Như đã đề cập ở Mục 1.3.1: tính khách quan thể hiện ở chỗ các nguồn ngôn ngữ được dùng để đánh dấu “*Tính thực tế*” vắng hẳn phương tiện công khai để hỗ trợ cho “*giá trị thật*” của các nhận định tức là như không có sự hiện

diện của người viết. Còn tính chủ quan biểu hiện bằng các nguồn ngôn ngữ được dùng để đánh dấu sự diễn đạt, tính chắc chắn/ nghi ngờ tức là có sự biểu hiện rõ ràng của tác giả/ người viết.

Căn cứ vào các lý luận trên, chúng ta thử tiếp cận một số ví dụ được trích dẫn từ một số báo trực tuyến tiếng Việt được xem là “khách quan” khi vắng hẳn dấu ấn “*giọng điệu tác giả*”. Có 5 biện pháp được vận dụng để biểu đạt tính chất này là:

1. Sử dụng các động từ tình thái:

+ **VD62V**: Trong cuộc gặp, ông G.W.Bush cho biết có thể rút bớt lực lượng lính Mỹ tại Iraq vì việc duy trì an ninh ở quốc gia vùng Vịnh này hoàn toàn có thể thực hiện được với một số lượng binh sĩ ít hơn hiện nay (SGGPO, 5/9/2007)

+ **VD63V**: Theo luật bầu cử Gruzia, số lượng cử tri đi bầu không quan trọng nhưng để thắng được ở vòng một ứng viên phải thu được hơn 50% phiếu bầu. Nếu không ai thu được hơn 50% phiếu, vòng hai sẽ diễn ra sau hai tuần nữa, vào 19-1. (TTO, 6/1/2008)

+ **VD64V**: Vì thế, ”liều thuốc tăng lực” dường như sẽ sớm được tiêm. (TNO, 20/1/2008).

+ **VD65V**: Chính phủ Serbia đã tuyên bố sẽ trừng phạt về kinh tế và ngoại giao nếu Kosovo độc lập, trong đó có việc Serbia sẽ không công nhận quốc gia Kosovo nhưng đồng thời loại trừ khả năng dùng vũ lực (TNO, 18/2/2008).

2. Tác động:

+ **VD66V**: Từ đêm thứ bảy tới sáng chủ nhật, người gốc Albani vốn chiếm tới 92% dân số Kosovo đã đổ ra đường ở thủ phủ Pristina và nhiều nơi khác để chào mừng việc vùng đất này sắp độc lập. Họ phát cờ Albani, mở các bản nhạc Albani, phóng xe vun vút, bóp còi inh ỏi. Họ cũng phát cờ Anh, Mỹ, giương cao khẩu hiệu cảm ơn EU vì những quốc gia, liên minh này đã ủng hộ Kosovo độc lập với Serbia. (TNO, 18/2/2008).

+ **VD67V**: Ngày 30-1, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) quyết định cắt giảm lãi suất cơ bản lần thứ hai liên tiếp trong vòng tám ngày qua nhằm kích thích nền kinh tế đang trì trệ (TTO, 1/2/2008).

+ **VD68V**: Trong khi đó, tại Venezuela, Tổng thống Hugo Chavez, người giữ vai trò trung gian trong cuộc đàm phán trả con tin đầu tiên, xác nhận hai con tin nữ vừa được thả, là Nghị sĩ Consuelo Gonzalez de Perdomo và bà Clara Rojas, cố vấn cao cấp của ứng cử viên tổng thống mang hai quốc tịch Pháp – Colombia, Ingrid Betancourt, đều trong tình trạng sức khỏe tốt sau gần 6 năm bị FARC giam giữ. (SGGPO, 12/1/2008).

3. Biện pháp tăng cường:

+ **VD69V**: Tình trạng nghèo đói, thất nghiệp ở quốc gia này đang “mưng mủ”, ¼ dân số sống ở mức đói nghèo, một con số đáng báo động kể từ sau cuộc “Cách mạng hoa hồng” của ông Saakashvili. (SGGPO, 6/1/2008).

+ **VD70V**: Trong suốt 49 năm cầm quyền của mình, Chủ tịch Fidel luôn được coi là đại diện lớn của các nước thế giới thứ ba với lập trường kiên định chống Mỹ và đế quốc của mình. Ông từng nhiều lần thoát khỏi các cuộc ám sát của Cơ quan tình báo Mỹ (CIA) và đã trải qua cuộc đối đầu với chín đời tổng thống khác nhau của nước Mỹ từ Eisenhower cho đến George Bush. (TTO, 20/2/2008)

+ **VD71V**: Những thành công về kinh tế lớn lao trong thời kì ông cai trị bị che mờ bởi những hành động đàn áp chính trị đẫm máu, vi phạm nhân quyền và tham nhũng trên quy mô lớn. (TNO, 27/1/2008).

4. Đo lường:

+ **VD72V**: Số người thiệt mạng trong các vụ bạo loạn lên đến 350 người. Trong khi đó hàng trăm ngàn người lâm cảnh không nhà, thiếu lương thực, nước uống... Hơn 500.000 người dân Kenya đang cần cứu trợ khẩn cấp. Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế đang kêu gọi cộng đồng quốc tế hỗ trợ khoảng 7 triệu bảng Anh cứu trợ người dân Kenya. (SGGPO, 6/1/2008).

+ **VD73V**: Ngày 31-1, Hãng tin Reuters cho biết Ủy ban Tài chính Thượng viện Mỹ vừa thông qua kế hoạch cả gói kích thích kinh tế trị giá 157 tỉ

USD, theo đó đề nghị cắt giảm thuế cho nhiều người hơn so với kế hoạch đã được Hạ viện Mỹ tán thành. Kế hoạch cả gói trên sẽ giảm đồng loạt 500 USD thuế cho từng cá nhân và 1.000 USD cho các cặp vợ chồng cộng thêm 300 USD cho mỗi trẻ em. Kế hoạch giảm thuế này cũng sẽ được áp dụng cho khoản 20 triệu công dân cao tuổi có mức thu nhập thấp trong quỹ an sinh xã hội – những người không được dự luật kích thích kinh tế trị giá 146 tỉ USD do Hạ viện Mỹ thông qua hôm 29-1 che chở. (TTO, 1/2/2008).

+**VD74V**: Theo BBC, dù khẳng định độ chính xác cao của cuộc khảo sát nhưng WTO cho biết số tử vong có thể dao động từ 104.000 – 223.000 người. (TNO, 11/1/2008)

5. Phán xét:

+**VD75V**: Chẳng qua các gia đình “lớn” ấy có nhiều điều kiện giáo dục con em hơn các gia đình khác, khi mà học phí đại học (ở các nước như Anh, Mỹ) đắt như địa ốc, và có “vòng tay lớn” hơn người! (TTO, 4/1/2008).

+**VD76V**: Tổng thống Bush cho rằng, Iran là nước tài trợ khủng bố hàng đầu thế giới và đang gây phương hại cho những hi vọng về an ninh ở Lebanon khi ủng hộ nhóm chiến binh Hezbollah và vì vậy, Mỹ đang tăng cường các cam kết an ninh lâu dài với những nước bạn bè ở vùng Vịnh và tập hợp bạn bè trên thế giới để đối phó với mối nguy hiểm này trước khi quá muộn”. (SGGPO, 14/1/2008)

+**VD77V**: Ông ta nhận xét rằng “đường như Nga đang trả thù Hội đồng Anh “sau vụ tranh cãi xung quanh cái chết của cựu điệp viên Nga Alexander Litvinenko tại Anh hồi cuối năm 2006. (TNO, 16/1/2008)

Các dẫn chứng nêu trên cho thấy rõ ràng trên báo tiếng Việt, khi tác giả sử dụng các giá trị như động từ tình thái, tác động, biện pháp tăng cường, đo lường và phán xét thì giọng điệu trở nên chủ quan hơn. Chắc hẳn đây không phải là giọng điệu của phóng viên vì hầu như phần lớn TQT trên báo tiếng Việt được dịch lại từ bản tin của các hãng thông tấn nước ngoài. Chuyển mã ngôn ngữ là công việc của người làm công tác biên dịch còn chọn tin để đăng tải là chức năng và quyền hạn của biên tập viên và những người lãnh đạo tờ báo. Do

đó, một điều dễ hiểu ở đây là giọng điệu của người viết cũng chính là lập trường, quan điểm của cơ quan chủ quản tờ báo đó.

2.3. Cấu trúc tiêu loại Tin quốc tế trên báo tiếng Anh

Theo White, P.R.R.[130], các đoạn của tin thường được xác định bằng vai trò tổ chức của văn bản như là một sự thể hiện các ý nghĩa có tuyến tính hoặc bằng sự tham chiếu các giá trị thông tin hoặc liên nhân mà chúng diễn đạt. Do đó, theo sự phân tích của Labov, W. [91] về “*các thuật sự thuộc trải nghiệm cá nhân*” sự “*định hướng*” được nhận dạng là đoạn “*thường ở phần khởi đầu*”, “*cung cấp thông tin định hướng về bốn loại dữ liệu: thời gian, địa điểm, các tham tố trong hành động và ứng xử tổng quát của họ trước hoặc vào thời điểm của hành động đầu tiên*”. Theo Martin, J.R [102] thì phương hướng tiếp cận đoạn tính này được thông báo bằng các phân tích, trong đó các đơn vị ngôn ngữ được phân chia thành các thành tố đa biến hay các tiểu tố. Tức là đơn vị hoặc thực thể khảo sát được chia nhỏ thành một tổ hợp các thành tố khu biệt, độc lập, “trong đó mỗi thành tố có bản sắc và *chức năng* khu biệt”. Đây là điểm cốt lõi trong lập luận của Martin, J.R. Theo NHCNHT thì tính văn bản là siêu chức năng tạo tác. Nó cung cấp các phương tiện để từ đó các giá trị thuộc ý niệm và liên nhân khác nhau được tổ chức để bộc lộ các ý nghĩa năng động, tuyến tính tạo nên các văn bản. Chính quy trình tuyến tính hóa này mà các mô hình cấu trúc văn bản được khái quát hóa. Từ đó, theo sự phân tích được tiêu chuẩn hóa hiện nay đối với thuật sự truyền thống (theo Labov, và Walltzky [90]) chỉ ba đoạn đầu tiên của văn bản được gán cho các tên gọi “*Định hướng*” (*orientation*), “*Hành động phức hóa*” (*complicating action*) và “*Sự lượng giá*” (*evaluation*). Việc mô hình hóa này chú trọng đến một mô thức thường gặp là sự tuyến tính hóa các ý nghĩa trong các văn bản mà theo thuật ngữ NPTV có liên quan đến động thái tiếp theo hoặc dành cho NPCN một số ưu thế.

Văn bản bắt đầu bằng các phức hợp của cú trong đó các quy trình quan hệ và hiện hữu được đưa lên tiền cảnh (thường là nổi bật theo thống kê) như những bối cảnh được miêu tả, các bản sắc và mối quan hệ được xác lập và các phẩm chất được quy kết. Ngữ nghĩa kinh nghiệm sau đó sẽ trải qua một sự

chuyển đổi tương đối đột ngột khi văn bản tiến đến các quy trình tiền cảnh mang tính vật chất, khi các tham tố chủ động thâm nhập để phá vỡ hoặc thách thức sự cân bằng của xã hội đã được đặt ra ở phần khởi đầu. Sau đó, các giá trị liên nhân, các giá trị thẩm định tiêu biểu được đặt làm tiền cảnh khi văn bản giới thiệu các sự lượng giá và bình luận về các hành động ở điểm này. Chính trên cơ sở của những chuyển đổi tuyến tính này trong các ưu tiên hoặc tập trung về ngữ pháp – từ vựng mà việc phân tích về chức năng của đoạn đã liệt kê trên là được mặc nhiên công nhận. Các nhóm phân tích đặc biệt kể cận các tổ hợp của các phức hợp thuộc cú trong các đơn vị tu từ trên cơ sở của việc định hướng thuộc ngữ pháp – tu từ được chia sẻ hoặc ưu tiên và sau đó trình bày phương thức mà các đơn vị này được dàn xếp thành một chuỗi.

Các mô hình có tuyến tính này rõ ràng là quan trọng đối với sự phân tích thể loại nhưng có một số rủi ro nếu cho rằng bằng sự xác định các mô hình đó chúng ta đã miêu tả đầy đủ sự tổ chức về thể loại của văn bản hoặc chúng ta đã khám phá tất cả các nguyên lý mà qua đó đạt được tính văn bản khu biệt và tiềm năng về tu từ.

White, P.R.R.[130] cho rằng một mô hình cá biệt đơn biến trong đó một hạt nhân văn bản sẽ thâm nhập vào mối quan hệ lệ thuộc mang tính quỹ đạo với một tổ hợp vệ tinh là có tính quyết định đối với sự miêu tả về mặt văn bản của tin thuộc lĩnh vực truyền thông. Ngoài ra, White, P.R.R cũng cho thấy phần mở đầu của một mẫu tin vận hành có tính hạt nhân hoặc là đề ngữ “vĩ mô” như một toàn thể và tầm quan trọng đối với tính văn bản khu biệt về sự vận hành của các mô thức ý nghĩa mang tính thời đoạn hoặc hình sóng của một mẫu tin.

Nguyên lý quỹ đạo, đơn biến của việc tổ chức văn bản sẽ được thể hiện cho thấy sự vận hành giữa đoạn mở đầu của tin được cấu thành bằng tiêu đề và dẫn đề và các tiểu thành tố tạo nên thân bài của văn bản. Để thể hiện sự hoạt động của nguyên lý quỹ đạo thì chức năng của hạt nhân mở đầu của tiêu đề/ dẫn đề sẽ được miêu tả trước tiên trước khi đề cập đến các mối quan hệ mang tính quỹ đạo với phần còn lại của văn bản.

2.3.1. Đoạn mở đầu

Các phương thức khởi động của văn bản

Các loại văn bản phải bắt đầu bằng đoạn đánh dấu sự khởi động của văn bản theo một phương cách mà Aristotle gọi “là cái không nhất thiết phải theo sau một yếu tố nào đó nhưng sau nó thì một cái gì đó sẽ tự nhiên xuất hiện” (Dẫn lại của White, P.R.R [130]). Tất nhiên, sự khởi động của văn bản có thể được thực hiện bằng nhiều cách. Rothery, J. & Stenglin, M. [120] đã phát triển sự phân loại dưới đây về các hồi đoạn của văn bản phục vụ phân nhập đề hoặc các chức năng mang tính khởi động của văn bản trong các thể loại kể chuyện và các thể loại khác.

- **Sự định hướng** (*orientation*) là đoạn mở đầu thiết lập cảnh huống; giới thiệu các tham tố chính, các đề ngữ, vấn đề hoặc địa điểm; đặt các tham tố chính vào một ngữ cảnh xã hội, chính trị, lịch sử, địa lý.

+**VD4A:** *Georgia Conflict May Spark New U.S Policy Battle Over Russia* (LATO, 13/08/2008)

- **Tóm tắt** (*Abstract*) là đoạn mở đầu. Tóm tắt cung cấp một cái nhìn tổng quan hoặc tổng quát hóa có tính lượng giá về các nội dung của văn bản.

+**VD5A:** *N. Korea Nuclear Talks Resume.: After Shutdown of Main Reactor, More Hard Tasks Ahead* (WPO, 19/07/2007)

- **Toát yếu** (*synopsis*) là hồi đoạn mở đầu bằng cách tóm tắt, liệt kê các yếu tố, vấn đề then chốt hoặc các hành động và sự kiện sắp tới trong văn bản.

+**VD6A:** *Pakistan opposition leader Benazir Bhutto was assassinated Thursday in a suicide attack. Her death threw the campaign for critical Jan, 8 Parliamentary elections into chaos and stoked fears of mass protests and violence across the nuclear armed nation, an important U.S ally in the war on terrorism.*

+ **Đoạn mở đầu của một mẫu tin**

Đoạn mở đầu của một tin bằng tiếng Anh thường được cấu thành bằng sự kết hợp của tiêu đề và câu mở đầu (câu đầu tiên được các nhà báo gọi là “dẫn đề” (*lead*) hoặc “nhập đề” (*intro*). Tiêu đề (*headline*) và câu (hoặc một số câu) mở đầu có thể được xem như tượng trưng cho một đơn vị hoặc giai đoạn duy

nhất bởi vì trong hầu hết các trường hợp thì tiêu đề lặp lại một cách chính xác một phần thông tin của dẫn đề, đơn giản là để phục vụ các ý nghĩa chủ yếu có tính cột mốc sẽ được trình bày một cách đầy đủ hơn trong câu tiếp theo.

Sự tương thích này có thể được xem như sự tạo tác quy trình sản xuất tin vì các tiêu đề có khi không được phóng viên/ người viết viết mà do một biên tập viên tạo ra sau đó. Nhiệm vụ của người biên tập này là tìm một tiêu đề để tóm tắt dẫn đề (theo White, P.R.R [131])

+ **Tiêu đề/ dẫn đề là tóm lược nhìn từ góc độ lịch sử vấn đề**

Tiêu đề/ dẫn đề có đặc điểm của một công cụ tóm lược. Van Dijk, T.A. [126] nhận định: “*Tiêu đề và dẫn đề cùng diễn đạt các chủ đề quan trọng của văn bản. Tức là, chúng có chức năng như một tóm lược tiên khởi.*” [tr.53]

+ **Tiêu đề/ dẫn đề là đề cương có chọn lọc (*selective synopsis*)**

Một mẫu tin điển hình không giống với các loại văn bản khác lấy chuỗi hành động (*activity- sequence*) làm trung tâm, trong đó nó không bao giờ bắt đầu bằng một giai đoạn khởi động mang tính văn bản riêng lẻ trong các tham tố và bối cảnh chủ yếu được giới thiệu trước khi hành động quan trọng bắt đầu. Trái lại, đoạn tiêu đề/ dẫn đề bắt đầu bằng một đề cương có chọn lọc về chuỗi hành động của câu chuyện. Tức là, nó miêu tả một tiểu tổ hợp các sự kiện cấu thành chuỗi hành động đó.

Như đã đề cập trước đây, chuỗi hành động mà tin dùng làm cơ sở thường là trái với mong đợi. Chúng là những chuỗi trong đó sự nối tiếp của các sự kiện bình thường, được mong đợi đã bị gián đoạn và bị biến đổi bởi sự can thiệp của một số tác động mang tính đột phá. Trong nhiều ví dụ, văn hóa sẽ cung cấp một cái tên cho chuỗi hành động sẽ chọn ra điểm mà ở đó sự mong đợi sẽ đi ngược lại. Do đó, có thể nói rằng trong hầu hết các trường hợp, cả việc tường thuật “tin nóng” (được xem như đối lập với phóng sự, thể loại có sự linh hoạt lớn hơn) thì điểm được xem là trái với mong đợi (phản cảm) được chọn để làm tiêu đề/ dẫn đề.

Tuy nhiên, trong khi một số tiêu đề/ dẫn đề có thể tự chế định đến một điểm ngoài sự mong đợi chung nhất nào đó thì đa phần các tiêu đề/ dẫn đề lại

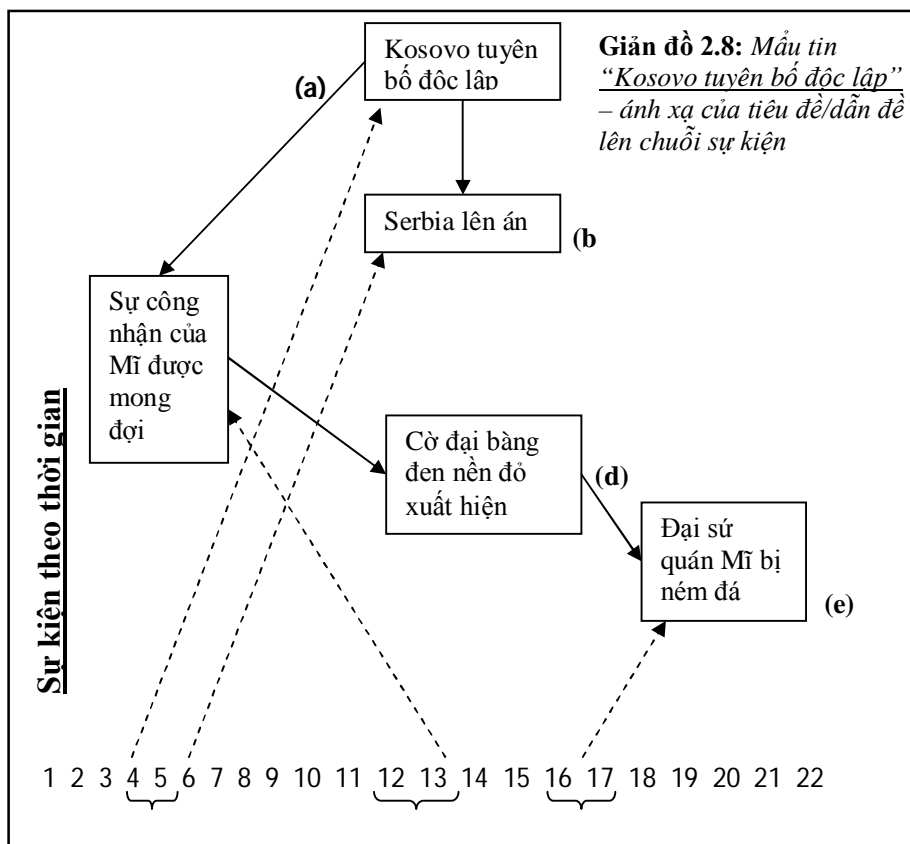
vượt khỏi sự chế định này để chọn các thành phần bổ sung được chọn lựa một cách rõ ràng bằng sự tham chiếu một lý thuyết về sự nổi trội có tính xã hội nào đó.

Qui trình này được minh hoạ bằng tiêu đề/ dẫn đề của mẫu tin “*Independence Is Proclaimed by Kosovo, Serbia Condemns Break; U.S Recognition Expected*” (WPO, 19/02/2008)

Dưới đây, chúng ta phân tích mẫu tin:

+VD7A: *Independence Is Proclaimed by Kosovo, Serbia Condemns Break; U.S Recognition Expected* (WPO, 19/02/2008) (**Nguyên văn xem phụ lục 5**) như sau:

Ở đây, đề cương được cấu thành bằng tổ hợp các sự kiện có liên quan đến **“việc tuyên bố độc lập của Kosovo, Serbia lên án sự tan rã, nhưng sự công nhận của Mỹ lại được mong đợi”**. Rõ ràng là những hành động ngoài mong đợi đó đã đáp ứng đầy đủ các yếu tố của cái “đáng gọi là tin” (*news worthy*). Nói khác đi thì tiêu đề bao gồm các thành phần bổ sung – đề cập đến việc Serbia lên án hành động li khai này nhưng sự thừa nhận của Mỹ lại được mong đợi. Sự chọn lọc đó phản ánh một qui trình qua đó các thành phần phụ thuộc có thể được lý giải là trái với mong đợi hoặc mang một giá trị xã hội – chính trị đặc biệt hoặc một tác dụng biểu nghĩa và do đó sẽ được bao gồm trong tiêu đề/ dẫn đề.



Mối quan hệ giữa đề cương chọn lọc và chuỗi hành động được minh họa trong giản đồ 2.8 trên đây. Theo giản đồ này thì các đoạn của chuỗi hành động được đặt trong một hộp theo đường ngang ở đáy, các hồi đoạn được đặt từ trái sang phải theo vị trí của chuỗi hành động. Các thành phần của tiêu đề/ dẫn đề được đặt trong các hộp nhỏ có dạng đứng, mỗi hộp được đặt trong trang theo vị trí của sự kiện miêu tả trong chuỗi hành động đó.

+ **Tiêu đề/ dẫn đề là tóm tắt (*abstract*):**

Đề cương vận hành ở cùng cấp độ với tóm tắt hoặc khái quát hóa khi chuỗi hành động vận hành để duyệt trước và tóm lược. Tức là, các sự kiện mà đề cương miêu tả được diễn đạt như hiện trạng nếu chuỗi hành động đã được miêu tả đầy đủ trong chuỗi lịch đại. Còn trong đề cương, chuỗi hành động gốc có thể được cho là đã được rút lại thành những thành phần “then chốt” bởi một

quy trình tinh lược – đề cương là một phiên bản cắt xén được lập lại trật tự so với chuỗi hành động gốc. Trái lại, tóm tắt diễn giải chuỗi hành động bằng các thuật ngữ tổng quát hơn. Việc miêu tả các quy trình riêng lẻ, cụ thể được thay thế bằng một sự biểu đạt tạo cho các quy trình đó theo một hệ thống phân loại tổng quát hơn và có thang độ lớn hơn. Tiêu đề/ dẫn đề dưới đây minh họa một mở đầu được diễn đạt một cách chủ yếu như một tóm tắt hơn là một đề cương.

+ **VD8A:** Bhutto Assassination Ignites Dissaray.

RAWALPINDI, Pakistan – Benazir Bhutto, the Pakistani opposition leader and twice - serving prime minister, was assassinated Thursday evening as she left a political rally here, scene of fiery carnage that plunged Pakistan deeper into political turmoil and ignited widespread violence by her enraged supporters.

(NYTO, 28/12/2007)

+ **Kết hợp giữa đề cương và sự khái quát hóa**

Nhiều mở đầu của câu chuyện có tính sự kiện kết hợp với các đặc trưng của “đề cương” (*synopsis*) và ngữ nghĩa khái quát hóa của “tóm tắt” (*abstract*). Mở đầu sau đây của một mẫu tin về bạo lực vừa chọn ra các thành phần “then chốt” của chuỗi hành động được cấu thành bằng sự tiếp nối của các sự kiện mang tính bạo lực vừa diễn dịch chuỗi hành động đó bằng những thuật ngữ tổng quát hơn về một “cuộc khủng hoảng chính trị”.

+ **VD9A:** Beirut Violence Kills 7 and Wounds Dozens

BEIRUT, Lebanon - Violent clashes erupted Sunday in Beirut, leaving at least seven people dead and escalating Lebanon's most serious political crisis since its civil war ended in 1990.

(NYTO

28/02/2008)

Cũng có thể đề cập đến chuỗi hành động được xem là sự leo thang báo hiệu tình trạng khủng hoảng chính trị nghiêm trọng nhất ở Libăng kể từ khi nội chiến nước này kết thúc vào năm 1990. Do đó, sự khái quát hóa đã vượt khỏi sự việc đơn giản như đã nêu trên để tiến đến sự đánh giá mang tính đo lường (*Measure*) của chuỗi hành động, một tiêu hệ thống liên nhân trong thang độ

theo đó tác giả xếp hạng một cách chủ quan các ý nghĩa có tính tư tưởng và liên nhân. Qui trình này theo đó sự khái quát hóa không những đặt tên cho qui trình mà còn xếp hạng về tính nghiêm trọng, nổi bật, ảnh hưởng, tầm quan trọng của nó là một đặc trưng thông thường của đoạn tiêu đề/ dẫn đề. Có thể tìm thấy một số khái quát hóa mang tính lượng giá trong tiêu đề/ dẫn đề sau đây:

+ **VD10A: Political Future Appears Troubled (Tiêu đề)**

Former Prime minister Benazir Bhutto's death raises the specter of prolonged political conflict between Pakistan, President, Pervez Musharraf, and the country's opposition, according to Pakistani and American analysts. How he handles the next several days could determine whether nationwide antigovernment protests erupt. (Dẫn đề)

+ **Tiêu đề/ dẫn đề: vai trò liên nhân**

Tiêu đề/ dẫn đề của tin sẽ vận hành để trích xuất hoặc để khái quát hóa một tiểu tổ hợp gồm các thành phần từ sự kiện qua đó mẫu tin chọn làm cơ sở để thúc đẩy các thành phần này đến một vị trí nổi bật.

Tiêu đề/ dẫn đề này cũng thường vận hành để tập trung vào các ý nghĩa liên nhân. Trong câu chuyện có tính sự kiện thì giai đoạn tiêu đề/ dẫn đề chính là chỗ để các ý nghĩa được tăng cường thông qua các giá trị “*then chốt*”. Nói một cách khác, các giá trị đặc trưng của tiêu đề/ dẫn đề đặt tính liên nhân ở một cấp độ cao hơn. Việc phân tích văn bản cho thấy tiêu đề/ dẫn đề của một mẫu tin có một số ưu tiên đặc trưng cho các phương thức tăng cường dưới đây:

Những *thủ pháp tăng cường* có thể được tìm thấy ở bất kì bộ phận nào trong văn bản nhưng thường tập trung cao nhất và có hiệu quả tu từ lớn nhất là khi nó nằm trong tiêu đề và dẫn đề. Sự tập trung này có thể được minh họa bằng việc tham chiếu mẫu tin “*Burma's cyclone death toll soars*” (NYTO, 5/5/2008). Trong Bảng 2.8. dưới đây, việc phân tích tập trung vào các điểm tăng cường đã được *gạch dưới* và tổng số được đánh dấu ở lề trái cho thấy các con số của các thành phần được tăng cường ở các câu dưới luôn thấp hơn con số trong tiêu đề và dẫn đề.

5	<p>Burma's cyclone death toll soars</p> <p>The death toll from Burma's <i>devastating</i> cyclone has now risen to more than 22,000, state media have said.</p> <p>Another 41,000 are missing three days after Cyclone Nargis hit the country, causing a huge tidal surge to sweep inland, according to state radio.</p>
3	<p>The report came as aid agencies begin what they expect to be a major relief operation to help hundreds of thousands left without clean water and shelter.</p>
1	<p>Burma's government has been criticised over its handling of the crisis.</p>
2	<p>A number of Burmese nationals and some foreigners have said they had not been properly warned by the country's military leaders about the approaching storm.</p>
2	<p>Some witnesses have also said the government's response to the disaster has so far been slow and inadequate.</p>

Bảng 2.8: Phân tích thủ pháp tăng cường

Sự phân bố các điểm tăng cường trong mẫu tin “*Burma’s cyclone death toll soars*” cho thấy các điểm nổi bật như sau: (tổng số điểm tăng cường được đặt ở cột lè trái).

Sự tăng cường này bao gồm các chuỗi hành động có thể được xem là thu hút nhất ở các tin phản ánh về thảm họa tự nhiên, tai nạn và các sự kiện có tính bất thường khác trong cuộc sống.

2.3.2. Tiêu đề/ dẫn đề và thân bài của tin: Nguyên lý quỹ đạo

Nguyên lý quỹ đạo của tổ chức văn bản xuất hiện và nổi trội trong ngữ cảnh về mối quan hệ giữa tiêu đề/ dẫn đề và phần còn lại của văn bản là giai đoạn hai của “tin nóng”.

Thân bài tiếp theo sau hạt nhân tiêu đề/ dẫn đề sẽ cụ thể hóa các ý nghĩa được trình bày trong hạt nhân, thông qua sự chi tiết hóa, chu cảnh hóa, giải thích và thẩm định. Nói cách khác, vai trò chủ yếu của giai đoạn hai không phải là để phát triển các ý nghĩa mới hoặc để giới thiệu toàn bộ thông tin mới mà là để đề cập lại những vấn đề đã nêu ở tiêu đề/ dẫn đề thông qua một loạt các chi tiết loại biệt về sự kiện.

Phần thân bài hoặc giai đoạn hai này có thể chia thành các tiểu thành phần theo bản chất của các mối quan hệ thuộc chi tiết loại biệt mà tiểu thành phần này sẽ nằm trong hạt nhân tiêu đề/ dẫn đề.

Việc phân tích tin cho thấy có bốn phương thức lớn hoặc các quan hệ chuyên biệt thường được vận dụng như sau:

- Chi tiết hóa (*elaboration*): Một câu hoặc một nhóm câu cung cấp sự miêu tả chi tiết hơn thông tin được trình bày trong tiêu đề/ dẫn đề hoặc vận hành để tái khẳng định tiêu đề/ dẫn đề.

- Nhân quả (*cause – and – effect*): Một hoặc nhiều câu miêu tả các nguyên nhân, lý do của các hậu quả hoặc mục đích của “điểm khủng hoảng” được trình bày trong tiêu đề/ dẫn đề.

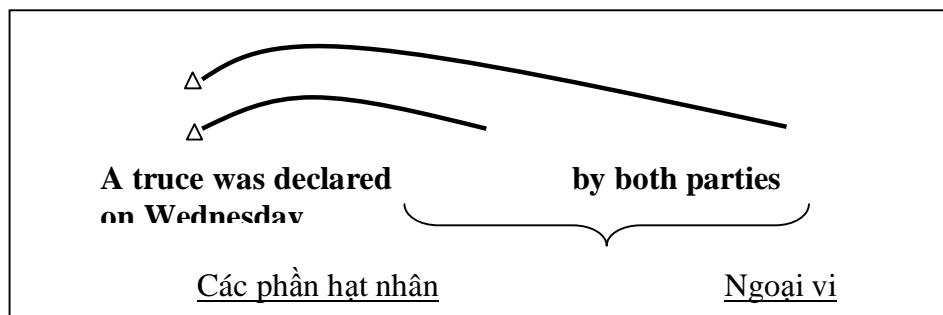
- Chu cảnh hóa (*contextualization*): Một hoặc nhiều câu đặt các sự kiện hay các nhận định của tiêu đề/ dẫn đề trong một ngữ cảnh có tính thời gian, không gian hay xã hội. Bối cảnh địa lý sẽ được miêu tả bằng một chi tiết nào đó hoặc “điểm khủng hoảng” sẽ được định vị trong ngữ cảnh của các sự kiện trước đó, đồng thời hoặc tiếp theo. Các sự kiện có cùng bản chất tương tự có thể được miêu tả vì mục đích so sánh.

- Thẩm định: Các thành phần của hạt nhân tiêu đề/ dẫn đề được thẩm định thường là bởi một nguồn thông tin chuyên môn ngoại tại nào đó xét về mặt tác động của cảm xúc hay bởi sự tham chiếu một hệ thống phán xét về giá trị nào đó.

Việc hoạt động của các tiểu thành phần thuộc giai đoạn hai trong việc cụ thể hóa các hạt nhân của tiêu đề/ dẫn đề thông qua các mối quan hệ được minh họa trong phân tích mẫu tin “Kosovo” qua giản đồ 2.11. dưới đây.

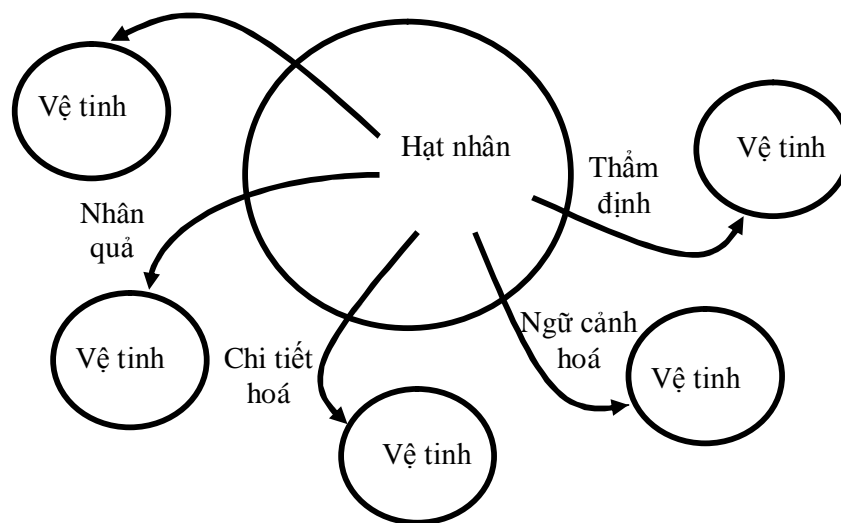
Trái với mô hình của van Dijk, T.A. [126], sự định hướng về ngôn ngữ trong văn bản, theo White, P.R.R [130] được dựa trên một nền tảng vững chắc hơn trong NPTV và NNDN của các mẫu tin. Theo đó, các phạm trù mà White, P.R.R đề xuất mang tính NNDN chứ không nhất thiết phải tham chiếu các đơn vị thực tế trong văn bản. Các phạm trù *chi tiết hóa*, *nhân quả* và *chu cảnh hóa* được thông báo bằng ngữ nghĩa của các mối quan hệ logic mà NHCNHT xem là vận hành giữa các cú hoặc cú phức. Do đó, loại vệ tinh “*nhân quả*” được mô hình hóa theo quan hệ nhân quả thường được nhận thức giữa các cú bằng các liên từ như “bởi vì” (*because*) hoặc “thế thì” (*and so*). Phạm trù cuối cùng, *Thảm định*, được căn cứ vào ngữ nghĩa mang tính liên nhân.

Chúng ta có thể thấy sự cần thiết phải thay đổi đối với mô hình cổ hữu gồm một tổ hợp chứa đựng các giai đoạn tuyến tính và được tổ chức theo cách kết hợp. Điều cốt lõi ở đây là nguyên lý tổ chức then chốt, là một sự lệ thuộc đơn biến hơn là một diễn tiến có tuyến tính của các thành phần đa biến. Nói cách khác, các tiểu thành phần của thân bài một tin không kết nối với nhau để tạo nên một lối mòn ngữ nghĩa có tuyến tính nhờ đó ý nghĩa được tích lũy thành chuỗi khi văn bản chuyên động qua một số chuỗi đoạn khu biệt được định trước. Thay vào đó, cấu trúc văn bản được hình thành như những tiểu thành phần riêng lẻ hoà nhập với mối quan hệ lệ thuộc của việc chuyên biệt hóa không phải với các thành phần văn bản ngay liền trước đó hay sau đó mà với tiêu đề/ dẫn đề ở đó nó vận hành như trọng tâm của lực hút hoặc hạt nhân của văn bản. Mối quan hệ này đứng giữa các cú chính và cú phụ trong cú phức hoặc có thể được quan sát trong lúc đang vận hành giữa các thành phần hạt nhân và thành phần ngoại vi mà Halliday [77] gọi là phân tích “*khiến cách*” (*ergative*) các tiến trình tham tố và tình huống [tr. 161-74]. Do đó, hạt nhân – phương tiện và qui trình (*medium and process*) – thâm nhập vào mối quan hệ đơn biến của sự lệ thuộc với nhiều thành phần ngoại vi khác nhau để bổ nghĩa cho hạt nhân đó. Mối quan hệ này được minh hoạ theo giản đồ 2.9 sau đây:



Giản đồ 2.9: (Cơ cấu) khiến cách là sự lệ thuộc mang tính quỹ đạo.

Mô hình lệ thuộc giữa các tiểu thành phần của văn bản được gọi là “quỹ đạo” theo bảng thuật ngữ được phát triển qua dự án nghiên cứu về truyền thông DSP đã được đề cập trước đây. Thuật ngữ này được sử dụng để phản ánh phương cách mà mô hình tổ chức giống với hệ mặt trời này liên quan đến một hạt nhân – tiêu đề/ dẫn đề – và một tổ hợp các “vệ tinh” (*Satellites*) lệ thuộc. Tổ chức văn bản có mô hình quỹ đạo này được minh họa trước tiên bằng thuật ngữ phổ thông (giản đồ 2.10) khi nó vận hành như một mô hình dành cho tất cả các tin thuộc loại này và sau đó được biểu đạt cụ thể hơn (giản đồ 2.11) có liên quan đến mẫu tin “Kosovo tuyên bố độc lập” trên báo WPO, 18/02/2008.



Giản đồ 2.11: Minh họa mẫu tin “Kosovo...” (WPO, 19/02/2008) theo mô hình quỹ đạo

2.3.3. Ranh giới giữa hạt nhân và vệ tinh

Bằng việc quan sát mô hình chuyển động từ giai đoạn mở đầu, tức là lúc đặt một điểm trái với mong đợi tập trung cho đến các vệ tinh cụ thể hóa điểm tập trung này chúng ta được cung cấp một công cụ để phân biệt tiêu đề/ dẫn đề như một giai đoạn có chức năng khác với thân bài của tin. Ranh giới sẽ được đặt ở tại chỗ văn bản di chuyển từ chỗ xuất phát điểm đến chỗ cụ thể hóa nó thông qua việc chi tiết hóa, ngữ cảnh hóa, giải thích hoặc thẩm định. Trong tuyệt đại đa số trường hợp, sự chuyển động này diễn ra giữa câu đầu và câu thứ hai của mẫu tin. Tất cả các mẫu trích dẫn trên đều theo mô thức này.

Việc phân tích theo chủ đề cũng cho thấy một số báo trực tuyến đã áp dụng một số cải biến so với giản đồ cơ bản này. Ví dụ, “The NYTO” khởi đầu bằng chủ đề *Tác động/ Ảnh hưởng về chính trị*; “WPO” bắt đầu với *Tình huống* trong khi “TNO”, “SGGPO” với *Kết quả/ Tác động*. Tức là các tiêu chí quan yếu có thể được vận dụng để cải biến giản đồ theo cung cách mà các tác dụng chính trị, địa phương hoặc thông tin khác có thể được đặt vào một số vị trí nổi bật hơn. Ở đây có thể liên hệ với sơ đồ hình tháp ngược: quy tắc tổng quát được áp dụng trong việc nhận thức một câu chuyên phức tạp. Sự kiện cuối cùng (quan trọng) xuất hiện trước tiên và đó cũng là tín hiệu được dùng làm tiêu đề (*headline*). Tính chất mới xảy ra (*recency*) là một trong những tiêu chí bao trùm trong việc biểu hiện các sự kiện tin. Nhìn chung, *Tác động/ Ảnh hưởng* được đề cập trước, *Nguyên nhân* hoặc *Điều kiện* được đề cập sau...

2.4 Ngôn ngữ của tiểu thể loại Tin quốc tế trên báo tiếng Anh qua lăng kính của Bộ khung thẩm định

2.4.1. Phạm trù Thái độ trong một số văn bản Tin quốc tế trên báo tiếng Anh

+ **VD11A:** Phân tích mẫu tin “*Taiwan Stakes Its Claim on Disputed Isle*” (WPO, 03/02/2008) (Nguyên văn ở phụ lục 8)

Chi tiết thẩm định	Tttd	Tác động	Phán xét	Đánh giá cao	Bttđ

1.disputed Spratly Islands	Tác giả		- b th		Spratly Islands
2.insisted	Tác giả	- at			Chen Shui-bian
3.despite Claims by ...	Tác giả		- b th		Chen Shui-bian
4.was designed to dramatize	Tác giả		- b th		Chuyến đi của Chen
5.with the kind of gesture for which he has become famous ...	Tác giả		- b th		Hành động của Chen
6.Disregarding other countries' assertions ...	Tác giả		- b th		Hành động của Chen
7.“an intrinsic part ...”	Chen		- b th		Taiping Dao
8.“occupying and administering this island for half a century”	Chen		- b th		Taiping Dao
9.they are surrounded ... and gas deposit	Tác giả			+ lg	Hành động của Chen
10.an immediate protest	Tác giả			- ph ug	Hành động của Chen
11.Serious Concern	Romulo			- ph ug	Hành động của Chen
12.lamentable	Romulo			- ph ug	Hành động của Chen

13.“It is unfortunate ... Taiwanese people”	Romulo			- ph ug	Hành động của Chen
14.Chen was asserting leadership	Andrew Yang		- kh ng	- ph ug	Hành động của Chen
15.Suffered a humiliating loss	Andrew Yang			- th	Đảng Dân Chủ Tiến Bộ
16.Confrontational style	Các nhà quan sát			- th	Đảng Dân Chủ Tiến Bộ

Bảng 2.9: Phân tích mẫu tin (VD11A) “Taiwan Stakes its Claim on Disputed Isle” (WPO, 03/02/2008) theo phạm trù Thái độ

Kết quả phân tích:	Tổng số chi tiết	: 16
	+ Tác động	: 01
	+ Phán xét	: 08
	+ Đánh giá	: 07

Hầu hết các chi tiết được thẩm định thuộc hai giá trị Phán xét (8) và Đánh giá (7) và đều có kí hiệu tiêu cực (-), ngoại trừ chi tiết 7 và 9 với bttđ là đảo Thái Bình (Taiping Dao) mang kí hiệu tích cực (+lg) được đánh giá cao về mặt trữ lượng hải sản và dầu khí.

Các kí hiệu tiêu cực còn lại đều nhằm vào bttđ là các cá nhân hoặc hành động của Chen (Trần Thủy Biền) và đảng Dân chủ tiến bộ của ông ta. Các tttđ của mẫu tin là 3 đối tượng gồm tác giả mẫu tin, Romulo, Bộ Trưởng Ngoại giao của Philippines và Andrew Yang, Tổng Thư kí của Hội đồng nghiên cứu chính sách tiến bộ của Đài Loan. Cả hai đều thể hiện sự không tán đồng đối với việc làm của Chen. Câu nói gián tiếp của Yang “*Chen was asserting leadership after his Democratic Progressive Party suffered a humiliating loss in legislative elections three weeks ago*”, cho thấy việc làm của Chen là để khẳng định sự cầm quyền của mình sau khi đảng Dân chủ tiến bộ của ông ta đã chịu

một sự thất bại bẽ mặt trong những cuộc bầu cử lập pháp cách đây ba tuần. Hoặc với nhận định của tác giả mẩu tin “*the kind of gesture for which he has become famous during more than seven years as leader of this self - ruled island*” (một loại thái độ mà nhờ đó ông ta trở nên nổi tiếng sau hơn bảy năm là người lãnh đạo của hòn đảo tự trị này) cho thấy đây chẳng qua là một việc làm nhằm đánh bóng tên tuổi cá nhân của Chen mà thôi. Rõ ràng đây là một mẩu tin thể hiện một thái độ chê trách, một sự Phán xét tiêu cực đối với bttđ là Chen Shui – Bian lãnh tụ của đảng cầm quyền tại Đài Loan lúc bấy giờ.

+ **VD12A:** Phân tích mẩu tin “*Fidel Castro Resigns as Cuba’s President*” (NYTO 20/02/2008) (Nguyên văn xem ở phụ lục 9)

Chi tiết thẩm định	Tttđ	Tác động	Phán xét	Đánh giá	Bttđ
1. stepped down	Tác giả	- mm			Fidel Castro
2. a long illness	Tác giả	- at			Fidel Castro
3. One of the longest tenures	Tác giả		- bth		Fidel Castro
4. One of the most-all powerful communist heads of state	Tác giả		+ kh ng		Fidel Castro
5. temporarily	Tác giả		- bth		Fidel Castro
6. an acute infection in his colon	Tác giả	- at			Fidel Castro
7. to undergo emergency surgery	Tác giả	- at			Fidel Castro
8. Despite numerous operations	Tác giả	- at			Fidel Castro
9. he has never fully recovered	Tác giả	- bh		+ lg	Fidel Castro
10. but has remained active in running	Tác giả			+ lg	Fidel Castro

government affairs					
11. Mr. Castro resigned permanently	Tác giả			+ lg	Fidel Castro
12. signaled his willingness	Tác giả			+ lg	Fidel Castro
13. it impossible to return as president	F. Castro	- m m			Sức khỏe của Fidel
14. I will not aspire to neither will I ...	Fidel Castro		+ chth		Fidel
15. It would betray my conscience	Fidel Castro	- th m			Sức khỏe của Fidel
16. greeted the news	Tác giả	+ hp			T.T Bush
17. the resignation should be the beginning	T.T Bush			+ ph ug	Chế độ CS Cuba
18. that should lead to free elections	T.T Bush			+ ph ug	Chế độ CS Cuba
19. the blessings of liberty	T.T Bush	+ th m			Chế độ CS Cuba
20. to begin building “institutions necessary for democracy”	T.T Bush	+ th m			Chế độ CS Cuba
21. cementing the power structure	Tác giả		- b th		Chế độ CS Cuba
22. Mr. Castro’s unexpected announcement	Tác giả		- b th		h/đ của Castro
23. would play in the new government	Tác giả	- at			h/đ của Castro

24.he is not fading into the sunset	Tác giả			+lg	h/đ của Castro
25.but pledged to continue to be a force in Cuba politics	Tác giả			+lg	h/đ của Castro
26.that statement raised the possibility little would change	Tác giả	+ m m			h/đ của Castro
27.the current government has seemed paralyzed	Tác giả			- lg	Chính quyền Cuba
28.it was unlikely that the US would lift its trade embargo on Cuba	Negroponte	- m m			Chính quyền Cuba
29.it was time for a younger generation to take the helm	Tác giả	+ m m			h/đ của Castro
30.not to weld myself to offices	F. Castro	+ m m			cá nhân F. Castro
31.the old guard	F. Castro			+lg	Lực lượng CM Cuba
32.others who were very young	F. Castro			+lg	Lực lượng CM Cuba
33.ready for a traumatic change	F. Castro	- bh			Đất nước Cuba
34.the charismatic Cuban leader	Tác giả		+ kh ng		F. Castro
35.But he soon turned his back on those	Tác giả	-m m			F. Castro

democratic ideals					
36.He brought the world to the brink of nuclear war	Tác giả		- kh ph		F. Castro
37.He weathered an American-backed invasion	Tác giả			+ lg	F. Castro
38.and used Cuban troops to stir up ...	Tác giả		- kh ph		F. Castro
39.permanent enmity of Washington	Tác giả		- b th		F. Castro
40.to impose decades of economic sanctions	Tác giả	- bh			Đất nước Cuba
41.have crippled Cuba's economy	Tác giả			- lg	F. Castro
42.have kept ... succeeding completely	Tác giả			- lg	F. Castro
43.the most important leader	Tác giả			+ lg	F. Castro
44.not only reshaping Cuban society	Tác giả			+ lg	F. Castro
45.but providing inspiration for leftists	Tác giả			+ lg	F. Castro
46.a mix of great social achievements	Tác giả			+ lg	F. Castro
47.but a dismal economic performance	Tác giả			- lg	F. Castro
48.that has mired most Cubans in poverty	Tác giả			- lg	F. Castro

49.establishing universal health care	Tác giả			+ lg	F. Castro
50.providing free education	Tác giả			+ lg	F. Castro
51.largely out racism	Tác giả			+ lg	F. Castro
52.he never broke the island's dependence	Tác giả			- lg	F. Castro
53.nor did he succeed	Tác giả			- lg	F. Castro
54.Cuba has limped along economically	Tác giả			- lg	F. Castro
55.to stand up to the US	Tác giả			+ th	F. Castro
56.break free of American influence	Tác giả			+ th	F. Castro
57.he never restored democracy	Tác giả		- b th		F. Castro
58.and has ruled with absolute power	Tác giả		- b th		F. Castro
59.contrast to rightwing dictators	Tác giả		+ kh ph		F. Castro
60.Who often put the interests of business leaders and the foreign policy goals ... of their poorest constituents	Tác giả			- th	Batista và chế độ Cuba lúc ông ta cai trị

Bảng 2.10: Phân tích mẫu tin (VD12A) “Fidel Castro Resigns as Cuba’s President” (NYTO, 20/02/2008) theo Phạm trù Thái độ

Kết quả phân tích mẫu tin (VD12A) cho thấy:

Tổng số chi tiết được thẩm định : 60

+ Tác động: 19

+ Phán xét: 13

+ Đánh giá: 28

Tác động: gồm 19 chi tiết, trong đó có đến 18 chi tiết mà bttđ là Fidel Castro, sức khỏe và hành động “thoái vị” của nhà lãnh đạo này. Hầu hết các chi tiết được thẩm định thể hiện những cảm xúc tiêu cực trước tình hình sức khỏe của ông và một số cảm xúc tích cực thể hiện sự thoả mãn của T.T Bush và tác giả bài báo trước sự rút lui của Fidel Castro và viễn cảnh một thể hệ cầm quyền mới “làm chủ” ở Cuba. Chắc chắn câu “ *Fidel castro stepped down Tuesday morning as the president of Cuba after a long illness*” (chi tiết 1 + 2) và “*Despite numerous operations, he has never fully recovered*” (chi tiết 8, 9, 10) không khỏi làm người đọc ái ngại cho sức khỏe của vị lãnh đạo này. Nhưng đến câu “ *President Bush,... greeted the news by saying that the resignation should be the beginning a democratic transition in Cuba should lead to free election* (chi tiết 16, 17, 18) hoặc “*The United States will help the people of Cuba realize the blessings of liberty*”, he said (chi tiết 19). Thể hiện sự vui mừng, hả hê, phấn khởi của người đứng đầu nước Mỹ. Phản ứng này hoàn toàn đối lập với thái độ của các đồng minh và người có cảm tình với Cuba nói chung và Fidel nói riêng. Ở đây, giá trị Tác động được biểu đạt khá rõ ràng.

Đánh giá: có 28 chi tiết được thẩm định theo giá trị Đánh giá thì trừ chi tiết cuối cùng dùng để đánh giá bttđ là nhà độc tài Batista đã từng bị lật đổ “*the one he overthrew, who often put the interest of business leaders and the foreign policy goals of Washington above the interests of their poorest constituents*” thì chi tiết này một mặt cho thấy “*người mà ông ta đã lật đổ, thường đặt quyền lợi của những kẻ đứng đầu các doanh nghiệp và các mục tiêu thuộc các chính sách đối ngoại của Washington lên trên quyền lợi của những thành phần nghèo nhất của đất nước (Cuba)*”, mặt khác cho thấy Fidel đã làm được điều ngược lại tức là lo cho quyền lợi của đất nước và dân nghèo. Dù không thật sự hiển ngôn nhưng sự đánh giá tiêu cực chế độ Batista cũng đồng thời có tác dụng như một

đánh giá tích cực đối với Fidel và chế độ của ông. Đây là một sự thừa nhận không hiển ngôn nhưng dụng ý của tác giả bài báo là khá rõ. Phần còn lại trong các giá trị Đánh giá thì tích cực lại chiếm đa số: 19/27, phần nào thể hiện một sự nhìn nhận khách quan của tác giả bài báo đối với Fidel, một thái độ không phải là hiếm thấy ở lực lượng làm báo tư bản đối với một lãnh tụ Cộng Sản như Fidel.

Phán xét: 13 chi tiết, trong đó có 4 chi tiết tích cực trên tổng số 13 (gồm các chi tiết 4, 14, 34 và 59) biểu hiện tính cách, khả năng lãnh đạo và nguyện vọng muốn từ chức của Fidel để thế hệ trẻ nắm quyền điều hành đất nước. Còn lại các chi tiết tiêu cực đều nhằm vào các động thái mà Fidel đã dính líu trước đây (qua các chi tiết 36, 38, 39, 57...) như để Liên Xô đưa hỏa tiễn vào Cuba khiến thế giới phải đứng trên bờ vực của chiến tranh vào năm 1962, và việc “*xuất khẩu cách mạng*” sang Châu Phi và Mỹ La-tinh. Một thái độ khen – chê khá rõ ràng, công bằng và thuyết phục mà bài báo mang lại cho người đọc nhờ vận dụng BKTĐ và các phạm trù Thang độ/ Thỏa hiệp (sẽ đề cập đến ở phần sau) khá hiệu quả.

2.4.2. Phạm trù Thang độ và Thỏa hiệp trong ngôn ngữ Tin quốc tế trên báo tiếng Anh

2.4.2.1 Phạm trù Thang độ

Như đã đề cập ở phần 2.2.2 yếu tố quan trọng thứ hai trong hệ thống ý nghĩa của BKTĐ là Thang độ (*Graduation*) và Thỏa hiệp (*Engagement*), tức là thang độ cao (*up-scaling*) và thấp (*down-scaling*) của các ý nghĩa biểu thái, một thuộc tính chung của các giá trị Tác động, Phán xét và Đánh giá là kiến tạo nên các cấp độ lớn hơn hoặc nhỏ hơn cho tính tích cực và tiêu cực.

Để làm sáng tỏ ý nghĩa của phạm trù Thang độ trong TQT trên báo tiếng Anh, sau đây chúng ta tiến hành phân tích mẫu tin **VD13A**. Đây là một tin dài, hàm ý chê trách tình trạng khan hiếm những phương tiện thiết yếu trong xã hội Cuba hiện nay. Chúng tôi tiến hành phân tích mẫu tin theo phạm trù Thang độ 10 trên tổng số 29 tiêu đoạn.

+ **VD13A**: Phân tích mẫu tin “*Stores Hint at Change Under New Castro*”.
(NYTO, 02/05/2008) (Nguyên văn xem ở phụ lục 10)

Mẫu tin thuộc **VD13A** cho ta thấy tác giả đã sử dụng 82 chi tiết thuộc phạm trù Thang độ để nâng cao hoặc hạ thấp tính tiêu cực hoặc tích cực của các giá trị Tác động, Phán xét và Đánh giá.

+ Tính ngữ + danh từ: để chỉ Thang độ thuộc phẩm chất, vật chất.

(VD: His ailing 81-year-old brother; the ailing soviet system; close ties to both countries)

+ Tỉ cấp so sánh (với tính ngữ/ trạng ngữ): để chỉ phạm vi hoặc phẩm chất.

(VD: more is on the horizon; far better off than)

+ Trạng ngữ + tính ngữ: để tạo biện pháp tăng cường.

(VD: so faint, so tentative, even more so, more go slow (approach))

+ Danh từ: để chỉ các thực thể và quá trình.

(VD: collapse, abandonment, consumerism, disparities, class differences)

+ Lượng hóa: để biểu thị các quy mô, tầm cỡ, phạm vi.

(VD: \$70 each, hundreds of thousands, last eight weeks)

Đoạn 1:

+ \$70 (70 đô la) : lượng hóa

+ Available (có sẵn) : khả năng

+ At least (ít nhất) : lượng hóa

+ Could afford (có khả năng) : khả năng

Đoạn 2:

+ Ailing (bệnh hoạn, ốm yếu) : vật chất

+ Hundreds of thousands (hàng trăm ngàn) : lượng hóa

+ Busy (bận rộn) : quá trình

+ Last eight weeks (tám tuần qua) : phạm vi

Đoạn 3:

+ More (nhiều hơn nữa) : tăng cường

- + Restrictions (các hạn chế) : khả năng
- + Possibility (khả năng) : khả năng
- + Microscopic (li ti) : tăng cường
- + Outsize (ngoại cỡ) : tăng cường
- + Stoic (người khắc kỉ) : chuẩn mực
- + Time warped (méo mó vì thời gian) : chuẩn mực

Đoạn 4:

- + How far (bao xa) : phạm vi
- + Ailing (ôm yếu) : vật chất
- + Collapse (sụp đổ) : quá trình
- + Abandonment (bỏ rơi) : quá trình
- + Consumerism (chủ nghĩa tiêu dùng) : chuẩn mực
- + Pragmatic (thuộc giáo điều) : chuẩn mực

Đoạn 5:

- + Second largest (lớn thứ hai) : lượng hóa
- + First (đầu tiên) : quá trình
- + Long time (lâu năm) : phạm vi
- + Close (thân thiết/ gần gũi) : phẩm chất

Đoạn 6:

- + So faint (quá yếu) : phẩm chất
- + So tentative (quá thiếu dứt khoát) : phẩm chất
- + Not at all clear (không rõ ràng tí nào) : phẩm chất

Đoạn 7:

- + Even more so (thậm chí còn hơn thế) : phẩm chất
- + More go- slow- approach ((hướng tiếp cận) còn chậm hơn) : phẩm chất

Đoạn 8:

- + Economic freedom (tự do về kinh tế) : quá trình

+ Political liberty (tự do về chính trị) : quá trình

Đoạn 9:

+ An uncomfortable and potentially destabilizing reality (một thực tế không thoải mái và tiềm ẩn bất ổn) : phẩm chất

+ One of the world's most rigid socialist systems (một trong những chế độ Xã hội chủ nghĩa cứng nhắc nhất trên thế giới) : phẩm chất

+ That some Cubans are far better off than others (một số người Cuba phát lên nhiều so với những người khác) : phẩm chất

Đoạn 10:

+ Disparities (những khác biệt) : phẩm chất

+ Class differences (những phân biệt về giai cấp) : quá trình

+ Food subsidies (những bao cấp về lương thực) : quá trình

+ Free education and health care (giáo dục và chăm sóc y tế miễn phí):
quá trình

Ngoài ra, một điều dễ dàng nhận thấy ở đây là ngôn ngữ chỉ Thang độ của TQT trên báo tiếng Anh là có mức độ vừa phải. Đặc biệt là với các khái niệm về kinh tế thì sự lượng hóa là thủ pháp thường được sử dụng bằng giá trị Thang độ trong khi các từ thuộc “tiêu điểm” được nhìn từ quan điểm kinh nghiệm, không đo lường được để biểu đạt các thực thể và khái niệm chính trị.

2.4.2.2 Phạm trù Thỏa hiệp trong ngôn ngữ Tin quốc tế trên báo tiếng Anh

Nhận định về phạm trù Thỏa hiệp đã được đề cập khá chi tiết ở phần 2.2.3. Thiết nghĩ ở đây chỉ cần minh họa thêm bằng một số ví dụ để vấn đề được sáng tỏ vì thực ra phạm trù Thỏa hiệp trong ngôn ngữ TQT trên báo tiếng Việt và báo tiếng Anh là rất giống nhau vì một số lý do sẽ được trình bày trong phần Kết luận. Ở đây, ta thấy các tác giả viết TQT trên báo tiếng Anh thường vận dụng các biện pháp sau đây:

- **Phóng chiếu qua các quá trình tinh thần hoặc quá trình phát ngôn (logic)**

+ **VD14A** : “*They gave us a ladder to reach all of our housing needs, but the top rungs are missing*”; “*we believe that everyone should have a right to rebuild*” (WPO, 28/01/2006).

- **Chu cảnh thuộc góc độ (circumstance of Angle) (kinh nghiệm)**

+ **VD15A** : “*According to Uighurs in Xingjiang they have long complained of discrimination against them and of mass migrations to Xingjiang by thethat have changed society in part of the region they once dominated*”. (NYTO, 13/09/2009)

- **Các quan hệ gián tiếp (attributive relationals) (kinh nghiệm)**

+ **VD16A**: *Mr.Xi praised Mr.Wang struggling with a clear-cut stand against the forces of ethic separatism.* (NYTO, 24/04/2010)

- **Chu cảnh vật chất (circumstances of Matter) (kinh nghiệm)**

+ **VD17A**: “*He spoke of the central Government has to remove this chip on the people’s shoulder before July 5*” (NYTO, 24/04/2010)

- **Vai trò tham tổ của Ngôn thể (the participant role of Verbiage) (kinh nghiệm)**

+ **VD18A** : “*We do not recognize the forced creation of state within our territory*” (WPO, 18/01/2008)

+ **VD19A** : “*Our investigation revealed that Katrina was a nation failure, an abdication of the most solemn obligation to provide for the common welfare*” (WPO, 28/01/2006)

Mặc dù các cấu trúc NPTV khác nhau này được xem là đồng hành với sự đồng hóa nhưng có thể bỏ qua phần ngữ nghĩa bằng cách vận dụng các dấu ngoặc kép “ ”. Do đó, những câu sau đây có thể được xem là các câu chèn thay vì đồng hóa.

+ **VD20A**: *We do not recognize “the forced creation of a state within our territory*” (WPO, 18/01/2008)

+ **VD21A**: *He spoke of “The Central Government has to remove this chip on the people’s shoulder before July 5*” (NYTO, 24/04/2010)

Do đó, về mặt đồng hóa thì giọng điệu ngoại tại khi đạt đến một mức độ nào đó sẽ hoà nhập với giọng điệu của chính văn bản. Phong cách đó, thông qua sự diễn đạt lại của việc đồng hóa cũng sẽ có vẻ gần gũi hơn với diễn ngôn của báo chí. Quá trình này có những hiệu ứng quan trọng và phổ biến đối với tiềm năng tu từ trong các văn bản tin.

Qua khảo sát một số mẫu TQT trên báo Tiếng Anh, ta cũng thấy để thể hiện giọng điệu khách quan của người viết, các tác giả cũng đã sử dụng 5 biện pháp quen thuộc sau đây:

1. Các động từ tình thái

+ **VD22A** : *The government announced last week that it would be willing to begin talks with representatives to the Dalai Lama, the exiled spiritual leader of Tibet whom Beijing has blamed for fomenting the unrest (USA TO, 29/4/2008).* (Chính phủ đã công bố vào tuần rồi rằng họ sẽ sẵn sàng bắt đầu các cuộc đàm phán với các đại diện của Đạt Lai Lạt Ma, lãnh tụ tinh thần lưu vong của Tây Tạng, người mà Bắc Kinh cho là đã kích động cuộc bạo loạn.)

+ **VD23A**: *The Yu siblings could hardly bear to look at the police snapshots of the dead – the images so full of anger and cruelty (WPO 11/07/2009).* (Anh em nhà Yu đã không chịu được tình trạng phải nhìn những tấm ảnh do cảnh sát chụp người chết-những hình ảnh đầy căm giận và dã man.)

+ **VD24A**: *In late August, China Daily, an official English language newspaper, reported that trials would start that week, but regional authorities quickly said after the article appeared that a trial date had not been said (Trích cùng nguồn như **VD22A**) (Vào cuối tháng tám , China Daily, một nhật báo chính thức bằng tiếng Anh , đã tường thuật rằng những vụ xét xử sẽ bắt đầu vào tuần đó nhưng nhà cầm quyền khu vực đã nhanh chóng phát biểu sau khi bài báo xuất hiện là ngày xét xử đã chưa được công bố.)*

+ **VD25A**: *While some countries had made their decisions months in advance, that did not diminish the drama of whether a newly birthed nation would be welcomed into the fold or rejected (NYTO, 19/01/2008).* (Trong khi một số quốc gia đã có quyết định từ vài tháng trước thì điều này đã không làm

giảm nhẹ vở kịch hoặc một quốc gia mới chào đời sẽ được chào đón như bạn bè hoặc sẽ bị phản đối.)

+ **VD26A:** *That is because one of the biggest unknown erains weather Kosovo’s declaration could rekindle conflicts elsewhere, including in ethnically divided* (Trích cùng nguồn như **VD25A**). (Đó là vì một trong những điều bất ngờ lớn nhất ẩn chứa trong tuyên bố của Kosovo có thể nhen lại những cuộc xung đột ở đâu đó kể cả những vùng bị chia cắt vì sắc tộc.)

2. Biện pháp tác động

+ **VD27A:** *But there were signs of kindness across ethnic lines that have triggered soul – searching* (WPO, 11/07/2009). (Nhưng đã có những dấu hiệu thể hiện sự tốt bụng qua những mâu thuẫn thoại về sắc tộc đã làm mọi người phải tự vấn lương tâm.)

Mặc dù Tân Hoa xã, cơ quan thông tấn của Trung Quốc, đã đưa ra nhiều bằng chứng cáo buộc người Duy Ngô Nhĩ, ở khu tự trị Tân Cương, là đã man khi đánh đập, giết chóc hằng trăm người Hán nhưng WPO cũng đã đưa ra được ít nhất 6 nhân chứng người Hán từng được người Duy Ngô Nhĩ cứu sống. Nhận định “*But there were signs of kindness across ethnic lines that have triggered soul – searching*” là một bằng chứng cho thấy câu nói trên là của tác giả bài báo nhằm phản ứng lại các cáo buộc đầy tính áp đặt của Tân Hoa xã.

3. Biện pháp tăng cường

+ **VD28A:** *The quick trials and their prominent coverage by state media signaled China’s resolve in putting a firm lid on domestic Tibetan dissent ahead of the Summer Games* (USA TO, 29/4/2008). (Những vụ xét xử nhANH chóng và đăng tải nổi bật của các pttth của nhà nước cho thấy việc giải quyết của Trung Quốc là nhằm bung bít sự bất ổn ở Tây Tạng trước thế vận hội mùa hè.)

+ **VD29A:** *The gesture comes after rights groups and pro – Tibetan supporters outside China protested against torch relay at several steps around the world, resulting in massive disruptions and clashes with pro – China groups in some cities* (Trích dẫn cùng nguồn như **VD29A**) (Thái độ này xuất

phát từ các nhóm nhân quyền và thân Tây Tạng ở bên ngoài Trung Quốc phản đối việc chuyển đước tại nhiều nơi trên thế giới, tạo ra nhiều vụ đập phá và xung đột tập thể với các nhóm thân Trung Quốc ở một vài thành phố.)

Cả hai cụm từ “*a firm lid*” (một nắp đậy kiên cố) và “*massive disruptions and clashes*” (những vụ đập phá và xung đột tập thể) ở đây cho thấy rõ biện pháp tăng cường trong văn bản thể hiện giọng điệu của người viết.

4. Đo lường

+ **VD30A:** *Kosovo’s bid to be recognized as Europe’s newest country – after a civil war that killed 10,000 people a decade ago and then years of limbo under United Nations rule – was the latest episode in the dismemberment of the former Yugoslavia, 7 years after its dissolution began. (NYTO, 18/01/2008) (Sự trả giá của Kosovo để được thừa nhận là một quốc gia mới nhất ở Châu Âu – sau cuộc nội chiến đã giết hại 10,000 người cách đây một thập kỉ và sau nhiều năm bị quên lãng theo luật lệ của LHQ – là hồi đoạn mới nhất trong việc chia cắt đất đai của liên bang Nam Tư cũ, 7 năm sau sự tan rã bắt đầu.)*

+ **VD31A:** *In Belgrade, Serbia’s capital, as many as 2,000 angry Serbs converged on the United States Embassy, hurling stones and smashing windows (NYTO, 18/01/2008) (Ở Belgrade, thủ đô của Serbia, 2,000 người Serbia giận dữ đã đổ về Đại sứ quán Mỹ, ném đá và đập phá các cửa sổ)*

Cả hai con số 10.000 trong **VD31A** và 2.000 trong **VD32A** rõ ràng là không hoàn toàn chính xác khi chúng là những con số tròn trĩnh, nặng tính ước lượng của “*giọng điệu người viết*”, thể hiện sự chủ quan.

5. Phán xét

+ **VD32A:** *Kosovo played a central role in the collapse of the Yugoslav federation built by the Communist strongman Josip Broz Tito, who died in 1980. Albanian nationalism erupted in Kosovo in 1981, leading to bloody clashes. (NYTO, 18/01/2008) (Kosovo đã đóng vai trò trung tâm trong việc sụp đổ của liên bang Nam Tư do lãnh tụ cộng sản cứng rắn, Josip Broz Tito, xây dựng, người đã qua đời vào năm 1980. Chủ nghĩa dân tộc Albania bùng lên ở Kosovo vào năm 1981, đã dẫn đến nhiều cuộc xung đột đẫm máu.)*

+ **VD33A:** *The Yu siblings could hardly bear to look at the police snapshots of the dead – the images so full of anger and cruelty (WPO, 11/07/2009). (Anh em nhà Yu hầu như không chịu nổi việc phải nhìn những tấm ảnh người chết do cảnh sát chụp được – những hình ảnh đầy căm phẫn và dã man.)*

- Những cụm từ “*a central role*”, “*leading to bloody clashes*”, trong **VD32A** và “*anger*”, “*cruelty*” trong **VD33A** là các phán xét (*judgement*) của người viết, mang tính chủ quan.

Riêng giá trị Phán xét là một vấn đề tương đối phức tạp, sẽ được phân tích chi tiết hơn dưới đây:

Chúng ta thử tiếp cận với một số ví dụ về giá trị Phán xét diễn ra trong các trích đoạn từ mẫu tin “*China Replaces leader of the Restive Xinjiang Region*” (NYTO, 24/04/2010) với các chi tiết phán xét được gạch dưới:

+ **VD34A:** *Mr. Wang has also served since 2002 on the Politburo, the inner sanctum of party members. The Xinhua report did not mention any chane to that role.*

+ **VD35A:** *For much of his tenure in Xinjiang, Mr. Wang was known as “the stability secretary” and he occupied a singular position in the hierarchy of party power. He devised hard-line policies for governing Xinjiang, a caldrion of ethnic resentment, that became a model for other restive regions of China, particularly Tibet, Mr. Wang put down uprisings by ethnic Uighurs in Xinjiang and began many “strike hard” campaigns against what he called the “three forces” of separatism, terrorism and religious extremist.*

+ **VD36A:** *But after last summer’s violence, support for Mr. Wang within the party began to falter, leading to private debate among Chinese leaders about his future.*

+ **VD37A:** *Mr. Xi said the party’s decision was “carefully studied” and heaped praise on Mr. Wang. “he has firmly erected the idea that stability overrides everything, unswervingly safeguarded national unity, and struggled with a clear-cut stand against the forces of ethnic separatism,” Mr. Xi said.*

+VD38A: *Despite Mr. Wang's recent troubles, the announcement on Saturday still appeared to catch many residents of Urumqi off guard.*

+VD39A: *The policies adopted by Mr.Wang during his long tenure marginalized the language and culture of the Uighurs – a Turk the largest ethnic group in Xinjiang – while encouraging migration to the region by the Han, who by official count make up 92 percent of 1.3 billion people of China.*

+VD40A: *The greatest crisis under Mr.Wang's watch erupted on July 5, 2009, when Uighurs went on a deadly rampage through the streets of Urumqi after security forces tried to put down a protest by Uighurs over perceived legal injustice.*

+VD41A: *In early September, Mr.Wang became the direct target of popular resentment when tens of thousands of Han protesters marched central Urumqi demanding that the government provide better security. Crowd surrounded the regional government headquarters and chanted, “Wang Lequan, step down!”*

Ở đây, văn bản tin đã lượng giá một cách hiển ngôn về tính cách và hành động của Wang Lequan, Ủy viên Bộ Chính Trị Đảng Cộng Sản Trung Quốc, bí thư khu Tự trị Tân Cương, đã bị thay thế sau vụ bạo loạn sắc tộc đẫm máu bùng nổ tại vùng đất bất kham này. Tất cả những chi tiết có liên quan đến phạm trù phán xét nhìn chung là nhân vật Wang Lequan đã được ca ngợi rất nhiều bằng những lời văn có cánh như “*the inner sanctuns of party member*” (thành viên tôn quý của Đảng), “*he has firmly erected the idea that stability overrides everything, unswervingly safeguarded national unity, and struggled with a clear – cut stand against the forces of ethnic separatism*” (Ông ta đã xác lập một cách mạnh mẽ ý tưởng rằng sự ổn định là quan trọng nhất, đã bảo vệ một cách mềm dẻo sự thống nhất dân tộc và đã đấu tranh bằng một lập trường dứt khoát chống lại các thế lực của chủ nghĩa li khai sắc tộc). Nếu được đánh giá như thế thì tại sao lại bị thay thế - một sự trừng phạt chỉ dành cho những người đáng bị kỷ luật? Những lời đánh giá hoa Mỹ xuất phát từ cửa miệng của các viên chức nhà nước TQ tại buổi họp kỉ luật ông Wang phải chăng là một sự

phán xét nghiêm trọng về sự thiếu năng lực hay khả năng lãnh đạo nhưng lại được che đậy bằng *những lời có cánh!* Trái lại, những phán xét của các tác giả bài báo dành cho ông Wang như “*he devised hard – line policies for governing Xinjiang*” (ông ta đã nghĩ ra những chính sách cứng rắn để cai trị Tân Cương), “*Mr.Wang put down uprisings by ethnic Uighurs in Xinjiang and began many “strike hard” campaigns against what he called the “three forces” of separatism, terrorism and religions extremism*” (ông Wang đã dập tắt các cuộc bạo động của người Duy Ngô Nhĩ ở Tân Cương và bắt đầu nhiều chiến dịch đàn áp chống lại những gì mà ông ta gọi là “ba thế lực” của chủ nghĩa li khai, khủng bố và tôn giáo cực đoan). Rõ ràng, nguyên nhân chính dẫn đến việc kỳ luật (bị thay thế) của Wang là những hành động của ông ta như các tác giả của bài báo đã phán xét là chính xác hơn.

Ở đây ý nghĩa của việc phán xét là khá hiển ngôn. Các từ ngữ “*devised hard – line policies*”, “*put down*” và “*strike hard campaigns*” cho thấy sự vận hành của một hệ thống chuẩn mực ứng xử của một nhà chính trị hà khắc. Sự phán xét hiển ngôn ở đây đồng hành mạnh mẽ với giọng điệu của tác giả chứ không phải là giọng điệu của một phóng viên. Thực hiện những phán xét này tức là đã chuyển một văn bản ra khỏi lĩnh vực “tin cứng” và đưa nó vào lĩnh vực “bình luận” và “ý kiến”.

2.5 Tiểu kết

2.5.1 Về mặt cấu trúc

Giữa cấu trúc mẫu tin theo hình tháp ngược có tính truyền thống được sử dụng lâu nay trên mọi loại hình báo chí và cấu trúc theo giản đồ của van Dijk, T.A.[126] có quan hệ gắn bó mật thiết với nhau. Có thể nói rằng cấu trúc hình tháp ngược là tương ứng với phạm trù các sự kiện chính trong giản đồ của van Dijk, T.A. Nói cách khác là van Dijk vẫn vận dụng cấu trúc hình tháp ngược vào mô hình giản đồ siêu cấu trúc của mình và bổ sung thêm các yếu tố khác như *chu cảnh, lịch sử, tình huống, tiền sự, dự báo, bình giá...* tùy theo tầm vóc, quy mô và tác động của sự kiện.

Có thể nói rằng giản đồ siêu cấu trúc của van Dijk, T.A. thể hiện được *một không gian ba chiều* (được biểu hiện bằng bối cảnh bao gồm *hậu cảnh, chu cảnh và tiền cảnh*) và *một chuỗi thời gian có ba thì rõ rệt* (được biểu hiện bằng *lịch sử -tiền sự* (quá khứ); *các tình huống* (hiện tại); *các triển vọng/dự báo* (tương lai). Các yếu tố không gian và thời gian này không tách biệt mà quan hệ, hòa quyện vào nhau và được các yếu tố *kết luận, bình giá* bổ sung. Sau đó, chúng được cô đọng, tóm tắt trong phạm trù tóm lược như một quy trình ngược hoặc xuôi theo giản đồ của van Dijk, T.A. [126], tức là tất cả sự kiện quan trọng được tóm lược và đưa lên trước. Còn mô hình mẫu tin theo quỹ đạo của White, P.R.R [130] cũng chỉ là một sự kế thừa và phát triển mô hình của van Dijk, T.A. mà thôi. Cái mới, lạ ở đây là mô hình quỹ đạo có tính cô đúc và dễ nhớ. Có thể nói mô hình của van Dijk, T.A. *nặng tính tri nhận* trong khi mô hình của White, P.R.R *nặng tính thực tế và hiện đại hơn*. Nhìn chung, cả hai mô hình không hề mâu thuẫn mà lại bổ sung cho nhau.

Tuy nhiên, xét về góc độ định lượng thì TQT của hai nền báo chí có nhiều sự khác biệt khá rõ ràng, thể hiện ở:

+ Thông tin về chu cảnh trên báo tiếng Anh rộng hơn, bao quát hơn, nhất là *các chủ đề lịch sử, tiền sự, tác động/ ảnh hưởng, dự báo, các phản hồi bằng lời* được thể hiện phong phú hơn, thường xuyên hơn. Qua các thông tin này người đọc có được một chu cảnh bao quát, nhiều chiều; có được một cảm giác thật hơn, sống động hơn và khách quan hơn. Trái lại, các chi tiết trên các mẫu tin TQT trên báo tiếng Việt thường ít hơn, các phạm vi về chu cảnh thường là đơn điệu, không cung cấp được cho người đọc cái nhìn toàn cục.

Cấu trúc của mẫu TQT trên báo tiếng Anh do chứa đựng quá nhiều chi tiết nên đối với người đọc trình độ thấp sẽ dễ thấy rối rắm, phức tạp. Trong khi đó cấu trúc của báo tiếng Việt, ngược lại, do có ít chi tiết nên thể hiện được tính cô đọng, dễ nhớ hơn, dễ tái hiện hơn về phía người đọc.

Xem một mẫu TQT trên báo tiếng Anh, người đọc có thể nắm bắt được chi tiết cần thiết của sự kiện, nhất là về chu cảnh, lịch sử. Còn báo tiếng Việt do

thiếu phần này nên thường phải bổ sung bằng các tin, bài cung cấp thêm *bối cảnh, tiền sự*. Các tin, bài này thường xuất hiện sau các tin chính.

+ Mẫu TQT trên báo tiếng Anh thường được phân thành nhiều đoạn hơn và mỗi đoạn chỉ tập trung cho một chi tiết/ sự kiện. Trái lại, TQT trên báo tiếng Việt thường được phân đoạn ít hơn, tức là mỗi đoạn dài hơn, trong đó chứa nhiều chi tiết/ sự kiện hơn.

+ Một mẫu TQT trên báo tiếng Anh thường là công trình tổng hợp của nhiều người, chưa kể sự đóng góp của bộ phận biên tập; trong khi TQT trên báo tiếng Việt thường dịch lại từ báo nước ngoài hoặc là một công trình tổng hợp từ nhiều nguồn do một cá nhân phụ trách

Tóm lại, cấu trúc của tiểu thể loại TQT trên báo trực tuyến tiếng Việt và tiếng Anh là giống nhau nhưng thông tin trên báo tiếng Anh đa dạng hơn, nhiều màu sắc hơn, giống như một bức tranh ghép (*mosaic*) có nhiều chi tiết, nhiều chiều kích hơn so với bức tranh phẳng, có hai chiều trên báo chí tiếng Việt.

2.5.2 Về mặt ngôn ngữ

Khi đề cập đến bình diện ngôn ngữ ở đây tức là đề cập đến BKTĐ được hiện thực hóa qua ba phạm trù Thái độ, Thang độ và Thỏa hiệp. Nhìn chung, cả ba phạm trù này được CĐBC viết TQT ở cả hai nền báo chí cùng vận dụng dù ở mức độ có khác nhau.

+ Điểm giống nhau cơ bản trong việc vận dụng phạm trù Thái độ (Tác động, Phán xét và Đánh giá) ở những người làm báo tiếng Việt và tiếng Anh là sự khen – chê ở các góc độ xã hội, đạo đức... và quan điểm, lập trường. Người viết TQT ở Mỹ thường chú ý cả hai mặt tích cực cũng như tiêu cực của vấn đề, trong khi người viết TQT ở Việt Nam thường chú ý nhiều hơn đến khía cạnh tích cực và bỏ qua hoặc đề cập rất hạn chế đến những tiêu cực.

+ Điểm giống nhau trong phạm trù Thang độ là sự chừng mực, liều lượng vừa phải trong ngôn ngữ biểu đạt ở cả hai nền báo chí. Điểm khác nhau duy nhất ở phạm trù này có lẽ là việc vận dụng công cụ NPTV: Thang độ trong

ngôn ngữ báo chí tiếng Anh phong phú hơn, nhiều màu sắc trong khi ngôn ngữ chỉ Thang độ trên báo tiếng Việt hạn chế hơn.

+ Về phạm trù Thoả hiệp thì điểm giống nhau là ở chỗ cả hai nền báo chí cùng vận dụng các biện pháp tu từ giống nhau trong việc biểu đạt các ý nghĩa liên nhân. Điểm khác nhau là báo Việt sử dụng công cụ *đồng hóa* nhiều hơn hẳn các công cụ khác.

CHƯƠNG 3: NGÔN NGỮ PHÓNG SỰ TRÊN BÁO TIẾNG VIỆT VÀ BÁO TIẾNG ANH

3.1. Cấu trúc thể loại Phóng sự trên báo tiếng Việt

3.1.1 Quan điểm của một số tác giả Việt Nam về Phóng sự

Có nhiều quan điểm khác nhau về thể loại PS. Các tác giả của *Giáo trình Nghiệp vụ báo chí tập 2*, quan niệm: “PS là một trong những thể tài thông tin quan trọng của báo, có ít nhiều đặc trưng văn học, phản ánh sự kiện xảy ra có thể kết hợp nghị luận, nhằm nêu lên phẩm chất tinh thần của con người và toàn bộ xã hội theo một hệ thống quan điểm và đường lối chính trị nhất định”. Như vậy PS không chỉ đơn thuần miêu tả, tường thuật sự việc mà còn kết hợp với lý lẽ, đánh giá. Các sự kiện được đề cập đến trong PS là những sự kiện có ý nghĩa chính trị, xã hội.

Từ điển Thuật ngữ văn học định nghĩa PS như sau: “PS là một thể thuộc loại hình ký. PS ghi chép kịp thời những vụ việc nhằm làm sáng tỏ trước công luận một sự kiện, một vấn đề có liên quan đến hoạt động và số phận của một hoặc nhiều người và có ý nghĩa thời sự đối với địa phương hay toàn xã hội”. Quan niệm này xác định PS thuộc nhóm thể loại kí. Các vấn đề trong PS phải có tính thời sự. Các sự kiện đó phải có ý nghĩa chính trị, xã hội nhất định.

Tác giả Hà Minh Đức [7] cho rằng một số tác giả phương Tây đã đề ra qui định về 6W (what, where, when, which, who, why) cho thể loại PS (*reportage*): 1. Cái gì đã xảy ra, 2. Xảy ra ở đâu, 3. Xảy ra bao giờ, 4. Cái nào bị tác động, 5. Xảy ra với ai, 6. Tại sao lại xảy ra. Tuy nhiên, “Sáu câu hỏi trên thực ra chỉ xoay quanh việc kiểm tra tính xác thực của đối tượng miêu tả. Sự việc xảy ra thật là cái gì, thời gian, địa điểm, nguyên nhân và diễn biến của sự việc. Song vấn đề không chỉ dừng lại có thế. Nếu cần thì còn nhiều câu hỏi phải đặt ra: tầm quan trọng, tính chất điển hình của sự việc và tác động của sự việc đó đến đời sống? Thái độ của mọi người phản ứng, tham gia vào sự việc như thế nào?”

Tác giả Đức Dũng [5] cho rằng: “Phóng sự là một thể loại đứng giữa văn học và báo chí, có khả năng trình bày, diễn tả những sự kiện, con người, tình

huống điển hình thông qua cái tôi trần thuật, vừa tinh táo, vừa lý trí, vừa cảm xúc, với một bút pháp giàu chất văn học” [5, tr 83]. Quan điểm này cho rằng PS là thể loại đứng giữa, là gạch nối giữa văn học và báo chí, không chỉ mô tả sự kiện đơn lẻ mà được xem xét trong quá trình phát sinh, phát triển. Ở đây tác giả muốn nhấn mạnh vai trò của người viết qua việc thẩm định hiện thực một cách chân thực và có cảm xúc.

Cũng có quan niệm cho rằng phóng sự là một thể loại kí nhằm ghi chép một vấn đề, sự việc nào đó có ý nghĩa thời sự. So với tùy bút, bút kí, phóng sự có mục đích cụ thể trực tiếp, phạm vi và địa điểm được quy định chặt chẽ. Đó là thể văn gần với khoa học hơn là nghệ thuật, giàu yếu tố thông tin hơn là yếu tố trữ tình.

Từ những quan niệm trên, ta thấy:

- PS thuộc thể loại kí báo chí, đề cập đến những hoạt động của con người mà những hoạt động đó có ý nghĩa chính trị – xã hội nhất định.
- PS sử dụng bút pháp miêu tả hoặc tường thuật.
- PS kết hợp tính nghị luận ở mức độ nhất định.
- Trong PS, vai trò cái tôi trần thuật rất quan trọng.

3.1.1.1 Đặc trưng của Phóng sự trên báo tiếng Việt

+ Phóng sự phản ánh sự thật

Cũng như các thể loại báo chí khác, PS có mục đích cung cấp cho công chúng những tri thức phong phú, đầy đủ, chính xác để họ có thể nhận thức, đánh giá đúng người và việc mà họ đang quan tâm theo dõi. Ngoài việc thông tin thời sự về người thật – việc thật trong một quá trình phát sinh phát triển, PS còn cố gắng thẩm định hiện thực và trả lời những câu hỏi mà hiện thực đặt ra.

Tính xác thực trong thông tin đòi hỏi người viết PS phải thật sự hiểu biết về vấn đề mình đề cập đến. Tác giả phải là người tận mắt chứng kiến sự việc hoặc tự mình tìm hiểu vấn đề thông qua những nhân chứng đáng tin cậy.

Đặc trưng phản ánh trong PS ở chỗ nó không chỉ dừng lại ở chỗ phản ánh một hiện tượng, một sự kiện đơn lẻ mà còn trình bày một chuỗi các sự kiện. Các sự kiện, sự việc được đặt ra trong tiến trình lịch sử, quá trình phát sinh phát

triển khiến người đọc dễ dàng theo dõi và nắm bắt được vấn đề. Người viết trình bày một cách khách quan diễn biến của câu chuyện, sự việc, đồng thời cũng nhằm chứng minh cho một kết luận của mình hoặc từ đó gợi mở những vấn đề có ý nghĩa xã hội nhất định. PS rất xác thực trong sự việc, sự kiện và chi tiết nhưng có khuynh hướng rõ rệt.

+ Phóng sự sử dụng bút pháp miêu tả, tường thuật kết hợp với nghị luận

Bút pháp được sử dụng trong PS là bút pháp miêu tả, tường thuật có thể kết hợp nghị luận ở mức độ nhất định.

Trong những PS đầu tiên của Việt Nam được xem là mẫu mực của thể loại PS, bút pháp miêu tả cũng được sử dụng triệt để như “Tôi kéo xe” của Tam Lang: “Trước mặt tôi một bát canh sáo bò khói bốc lên ngùn ngụt. Nóng sốt như thế mà tôi đoán chừng nó chẳng ngon lành gì cho lắm vì trong bát canh đục ngầu như nước cống, mấy khoanh lòng bò lều bều nổi lên như những xác chết đuối dưới những đám hành răm.”

+ Vai trò cái tôi trần thuật trong Phóng sự

Trong PS cái tôi trần thuật đóng vai trò rất quan trọng. Xét riêng về thể kí báo chí thì chỉ trong thể loại PS cái tôi trần thuật mới xuất hiện với bề dày và có bản sắc. Đó là cái tôi vừa logic, lý trí, giàu lý lẽ và trong chừng mực nào đó còn sử dụng sức mạnh của cảm xúc thẩm mỹ. Trong nhiều trường hợp, cảm xúc thẩm mỹ đã trở thành một động lực đưa tác phẩm đạt tới những phẩm chất khác lạ. Trong PS, cái tôi bao giờ cũng là tác giả chứ không phải là thủ pháp nghệ thuật như trong truyện ngắn hay tiểu thuyết. Tác giả kể lại rõ ràng rành mạch những sự kiện đã xảy ra với tư cách là người trực tiếp chứng kiến và trình bày sự kiện. Điều đó ấn định kênh giao tiếp giữa tác giả và người đọc. Công chúng luôn luôn có cảm giác có mặt trong từng chi tiết dù là nhỏ nhất và kể lại cho họ toàn bộ những gì tác giả mắt thấy tai nghe.

+ Phóng sự sử dụng bút pháp sinh động, linh hoạt, giàu hình ảnh, gần với văn học

Trong lý luận báo chí, từ lâu, người ta đã đặc biệt lưu ý đến những phẩm chất văn học của thể loại PS. Dương Xuân Sơn [30] cho rằng “Nếu ta hình

dung đường ranh giới nối liền tiểu thuyết (hoặc truyện ngắn) với các thể tài báo chí thì cái đường ranh giới đó có lẽ là PS”. Đây là ý kiến được rút ra sau khi tác giả xem xét tính sự kiện của báo chí với tính nghệ thuật trong cách trình bày hiện thực của PS. *“PS thông thường phản ánh sự thật bằng hình ảnh. Qua lối viết bằng hình ảnh, ta có thể hình dung ra bức tranh xác thực về một khía cạnh nào đó của cuộc sống. Ở đó phẩm chất tinh thần của con người, bộ mặt xã hội trên từng mặt thường được nổi lên rất rõ. Bởi vậy, những PS hay thường toát ra cả ý nghĩa mỹ học”.*

Tác giả Hà Minh Đức [6] cũng cho rằng: *“Có quan niệm xem kí (bao gồm PS) là loại thể kết hợp hai yếu tố lịch sử và nghệ thuật. Yếu tố lịch sử là sự thuật lại của cuộc sống với tính xác thực lịch sử làm đối tượng, và nội dung phản ánh của tác phẩm và yếu tố nghệ thuật là phương thức và đặc trưng biểu hiện yếu tố lịch sử. Gọi là văn học, vì những tư liệu đó được trình bày thông qua phương thức điển hình hóa nghệ thuật. Do đó, trong kí phải đặc biệt tôn trọng tính xác thực của tư liệu về cuộc sống nếu không, đặc điểm thể loại sẽ bị xóa nhòa. Mặt khác cũng phải nhấn mạnh đến tính nghệ thuật. Thiếu tính nghệ thuật, những tư liệu đó sẽ chỉ là những tư liệu thuần túy của đời sống. Ranh giới giữa cuộc sống và nghệ thuật gắn rất chặt trong kí đến mức độ cuộc sống cũng chính là nghệ thuật. Nhưng cũng không thể đồng nhất giữa cuộc sống và nghệ thuật, dễ dẫn đến chỗ tính nghệ thuật bị mờ nhạt hoặc bị gạt bỏ trong tác phẩm kí.”*

3.1.2. Cấu trúc về thời gian và không gian

Về mặt thời gian và không gian, PS là một thể tài có cấu trúc linh hoạt. Tuy sự kiện trong tác phẩm được trình bày một cách chi tiết, đầy đủ và rõ ràng nhưng không nhất thiết phải theo một trình tự nhất định. Trình tự thời gian có thể được đảo lộn tùy vào ý đồ của tác giả. Có thể khi đang thuật lại sự kiện ở thời điểm hiện tại, tác giả có thể lần ngược lại dòng thời gian, phác họa cho ta thấy phần nào diện mạo xưa của sự kiện, nhân vật đó. Cấu trúc về mặt không gian cũng vậy. Khi tác giả đang đề cập đến những địa điểm, nơi xảy ra sự việc

tác giả cũng có thể nhắc đến một địa điểm khác để so sánh làm nổi bật ý đồ của mình.

3.1.3. Cấu trúc về nội dung

Cấu trúc của một tác phẩm PS có tác dụng không nhỏ đối với việc làm nổi bật chủ đề tư tưởng của bài. Tác dụng của nó nằm trong mối quan hệ của hình thức đối với nội dung. Bố cục của bài PS có nhiều loại. Có thể ghi nhận một vài kiểu bố cục của các tác phẩm PS thường được sử dụng nhiều nhất như sau:

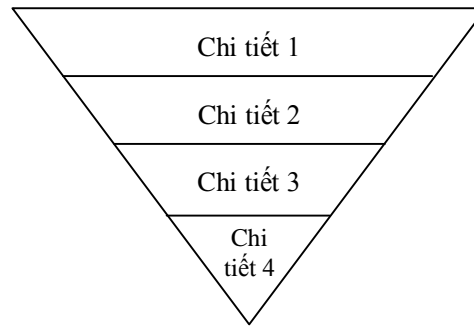
- Bố cục theo bậc thang diễn biến sự kiện. Đây là cách thể hiện nội dung theo bậc thang nhận thức tuần tự trước sau. Đó cũng là cách thể hiện nội dung theo trình tự thời gian.

+ Sơ đồ bố cục bậc thang thể hiện chi tiết:

Chi tiết 1
Chi tiết 2
Chi tiết 3
Chi tiết 4
Chi tiết 5

Giải đồ 3.1: Sơ đồ bậc thang (theo Dương Xuân Sơn [27])

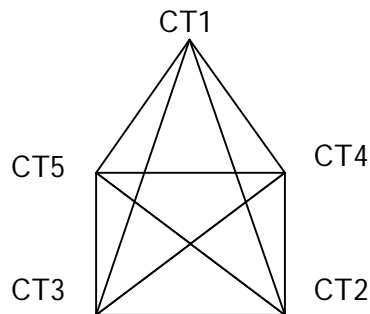
Bố cục bằng cách đưa đỉnh cao của một số sự kiện lên trên cùng theo mô hình hình tháp ngược thường được vận dụng để phản ánh những trường hợp, sự kiện xảy ra đột xuất, hoặc những trường hợp đặc sắc mà tin tức đã phản ánh nhưng chưa giải đáp những mâu thuẫn cụ thể đang trong quá trình vận động và những biện pháp giải quyết hữu hiệu.



**Giản đồ 3.2: Sơ đồ cấu trúc PS theo hình tháp ngược
(Dương Xuân Sơn [27])**

Bố cục theo hình thức kết hợp các biến cố của nhiều sự kiện khác nhau cùng diễn ra trong một thời gian, hoặc có thời điểm khác nhau nhưng cùng chung một hệ thống quan điểm, một dòng tư tưởng và cùng chung một ý nghĩa hoặc một chủ đề thống nhất. Theo bố cục này, người làm PS có thể tập hợp những tài liệu tản mạn thành những thiên PS có giá trị. Đây là một trong những lợi thế của PS so với thể loại tin của báo chí.

+ Sơ đồ theo mô hình bố cục kết hợp:



Giản đồ 3.3: Bố cục kết hợp (Dương Xuân Sơn [27])

Cũng theo Dương Xuân Sơn [27], PS thường có ba phần: mở bài, thân bài và kết thúc.

- Phần mở bài, còn gọi là phần nêu vấn đề: thông qua một sự kiện, sự việc, tình huống hay một con người cụ thể, tác giả nêu được vấn đề mà bài PS của mình sẽ đề cập tới. Có nhiều cách mở đầu, chẳng hạn như:

a. Mở đầu bằng cách khái quát

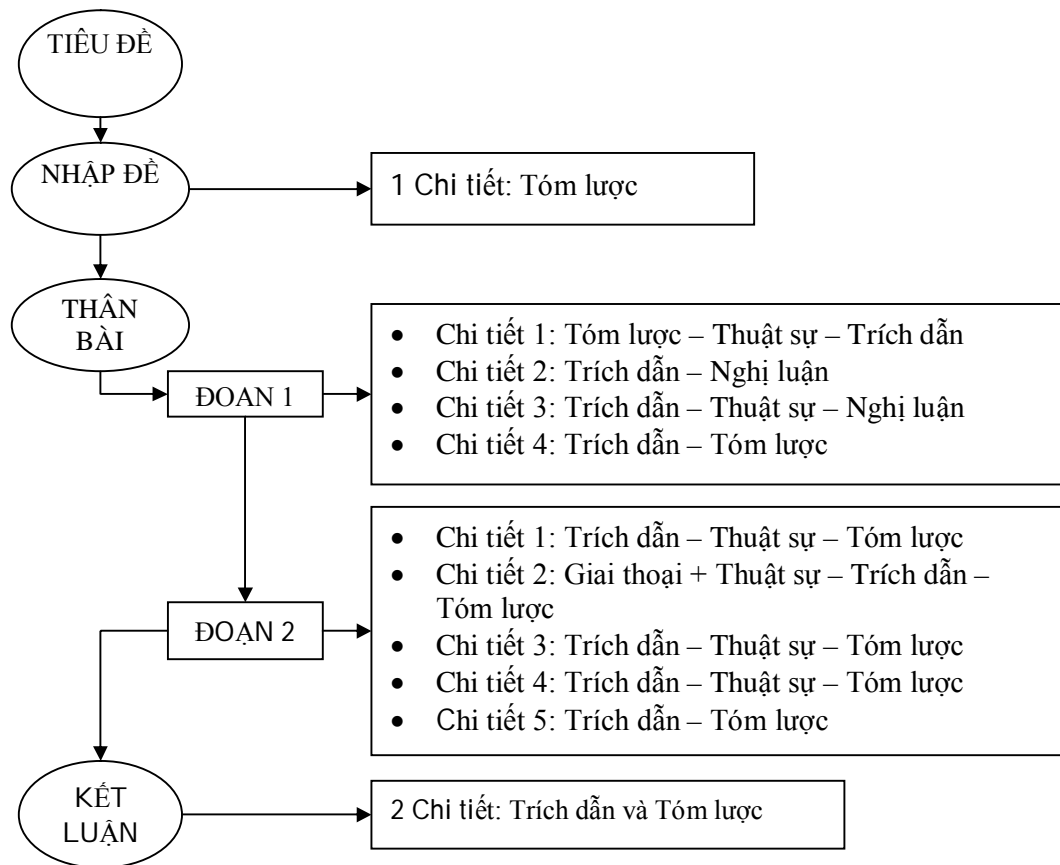
- b. Mở đầu bằng bối cảnh dẫn tới sự nảy sinh sự kiện
- c. Mở đầu bằng cách nêu lên những hình ảnh liên tưởng
- d. Mở đầu có thể đưa đỉnh cao (điểm chót) của sự kiện lên trước tiên
- e. Mở đầu có thể miêu tả cảnh vật, hoặc tính cách đặc sắc của nhân vật trung tâm.

f. Mở đầu cũng bằng cách đưa ra những vần thơ, lời ca

- Phần thân bài chứng minh sự tồn tại của vấn đề đã nêu. Thân bài là thành phần chủ chốt của tác phẩm, là bộ phận trung tâm thể hiện tư tưởng, chủ đề tác phẩm PS.

- Phần kết luận: được coi là quan trọng nhất vì nó là mục đích mà tác phẩm cần đạt tới. Trong phần kết, tác giả thường đề xuất ý kiến của mình nhằm trả lời những câu hỏi mà hiện thực trong tác phẩm đặt ra. Với tác giả có kinh nghiệm, phần này thường được trình bày ngắn gọn, hàm súc và gây ấn tượng mạnh

+ **VD78V**: Phân tích PS: “*Đời không bến đậu*” trong loạt PS “*Đời hát rong*” của Thế Anh (TTO, 10/04/2008) (Nguyên văn xem phụ lục 11)



Giải đồ 3.4 : Minh họa tác phẩm PS “Đời không bền đậu”

theo mô hình bánh xe Wheel O-Rama

+ Phân tích kết quả khảo sát theo cấu trúc thông thường:

+ Văn bản PS “Đời không bền đậu” có 4 phần, gồm: Tiêu đề, Nhập đề, Thân bài và Kết luận theo sơ đồ cấu trúc của một số tác giả người Việt.

- Tiêu đề: “Đời không bền đậu” được tác giả áp dụng biện pháp tu từ ẩn dụ để ngầm ví cuộc sống rày đây mai đó của một số nghệ sĩ cải lương của vùng Tây Nam bộ như con thuyền không bền đỗ.

- Nhập đề: với 92 từ tác giả đã giới thiệu hiện trường nhếch nhác nơi nhóm nghệ sĩ cải lương đoàn Cao Văn Lầu vừa ngủ qua đêm.

- Thân bài: gồm 2 đoạn với hai tiêu đề ngắn (còn gọi là trung đề hoặc nội đề vì chúng nằm chen vào thân bài) “*Ăn bụi, ngủ đình*” và “*Lên đường*”

trong đêm” nhằm mô tả tình cảnh ăn, nghỉ vất vả và nguyên nhân phải rời đi sớm diễn ngay trong đêm sau khi đêm diễn thất bại về doanh thu.

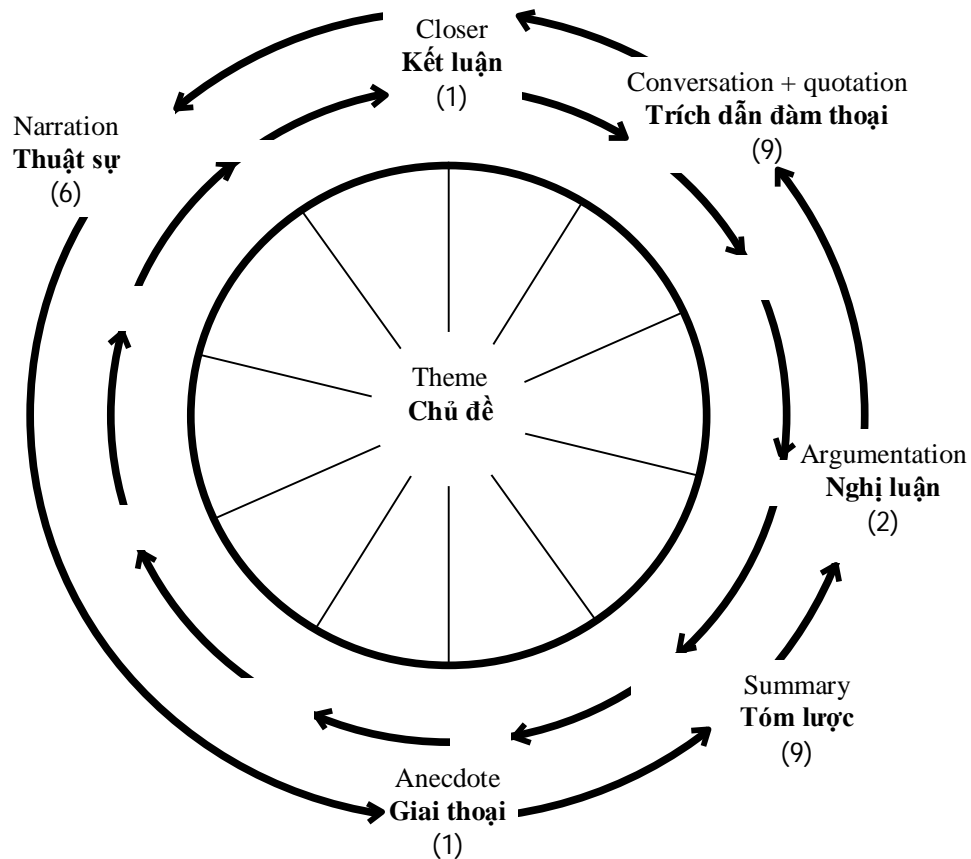
- Kết luận: Tác giả mượn lời ca của một nghệ sĩ không tên “*Tôi như bóng chim đơn... không muốn chờ tình ai cho nặng cánh phiêu bồng*” để kết thúc cốt truyện bằng biện pháp tóm lược – trích dẫn, tuy có phần nào biểu đạt được chủ đề nhưng xem ra có phần gượng ép và thô thiển.

+ Phân tích kết quả khảo sát theo mô hình bánh xe Wheel-O-Rama:

Nhìn chung, tác giả đã vận dụng một số biện pháp chuyên biệt gồm:

- Tóm lược: 9 lượt	→	33,3%
- Trích dẫn + đàm thoại: 9 lượt	→	33,3%
- Nghị luận: 2 lượt	→	7,4%
- Giải thoại: 1 lượt	→	3,7%
- Thuật sự: 6 lượt	→	22,2%

Và có thể tóm tắt bằng mô hình bánh xe Wheel-O-Rama có kèm chữ số thể hiện số lượt BPCB được sử dụng trong bài PS như sau:



Giản đồ 3.5: Cấu trúc cốt truyện PS “Đời không bền đậu” với các BPCB, mô phỏng mô hình bánh xe Wheel-O-Rama của Conley, D [54]

3.2. Ngôn ngữ Phóng sự trên báo tiếng Việt qua lăng kính của Bộ khung thẩm định

3.2.1. Phạm trù Thái độ trong ngôn ngữ Phóng sự trên báo tiếng Việt

Điều phải làm trước tiên trong mục này là chúng ta cần tiến hành phân tích ba PS ngắn trên báo tiếng Việt qua các giá trị Tác động, Phán xét và Đánh giá của phạm trù Thái độ lần lượt như sau:

+ **VD79V**: Phân tích PS “*Hà Khẩu, đằng sau sự bình yên*” (TNO, 23/12/2007) (Nguyên văn ở phụ lục12) qua giá trị Tác động.

Chi tiết thẩm định	TTTTĐ	Tác động	Phán Xét	Đánh giá	BTTTTĐ
1. Sẵn sàng xách mã tấu đi “hỏi thăm sức khỏe”.	Tác giả	- mm			Thanh thiếu niên
2. “Hàng” được mua từ Trung Quốc và biên giới phía Bắc.	Tác giả	- mm			Thanh thiếu niên
3. Hàng hóa trưng bày ở đây toàn là “hàng” cho tay anh chị và thuốc kích thích.	Tác giả	- mm			Hàng “nóng”
4. Đủ loại mã tấu, kiếm, búa, rìu được “phơi” công khai.	Tác giả	- mm			Hàng “nóng”
5. Những lưỡi dao sắc treo lưng lẳng với một màu trắng toát lạnh lùng.	Tác giả	- mm			Hàng “nóng”
6. Còn “hàng” dành cho dân chơi chuyên nghiệp được cất trong kho.	Tác giả	- mm			Hàng “nóng”
7. Về Lào Cai vô tư luôn.	Người bán hàng	-at			Hàng “nóng”
8. Chuyện nhỏ.	Người bán hàng	- at			Hàng” nóng”
9. Mua hàng này không ai bắt.	Người bán hàng	- at			Thuốc kích thích
10. Đáng sợ nhất là súng điện.	Tác giả	- at			Hàng nóng
11. Vài bước chân là qua được Trung Quốc	Tác giả	+ mm			Đường sá
12. Hàng “nóng” bằng nhiều ngã đường đang từng ngày chảy qua biên giới vào Việt Nam.	Tác giả	- at			Đường sá

Bảng 3.1: Phân tích PS “ Hà Khẩu, đằng sau sự bình yên”

(TNO, 23/12/2007) qua giá trị Tác động.

Nhận xét: Trong tổng số 12 chi tiết được thẩm định thì có đến 11 chi tiết có dấu hiệu tiêu cực (- at, - mm) biểu đạt những tai hại và nguy hiểm của các hung khí được bày bán tràn lan tại các cửa hàng ở Hà Khẩu cũng như sự kiểm tra, kiểm soát lỏng lẻo của các nhà chức trách trên đường từ Hà Khẩu vào đất liền Việt Nam. Chỉ 1 chi tiết mang dấu hiệu tích cực (+ mm) là thể hiện con đường qua lại giữa hai nước Việt – Trung là thuận lợi hơn bao giờ hết. Ý nghĩa trong giá trị Tác Động ở bài PS này rõ ràng là đậm tính tiêu cực: chúng làm cho người đọc thấy rõ điểm xuất phát của nguồn hung khí gây rối loạn xã hội Việt Nam là từ phía bên kia biên giới rất gần và không được kiểm soát chặt chẽ.

+ **VD80V:** Phân tích PS “*Săn hàng sách đỏ*” (SGGPO, 11/12/2007) (Nguyên văn ở phụ lục 14) qua giá trị Phán xét:

Chi tiết thẩm định	TTTĐ	Tác động	Phán Xét	Đánh Giá	BTTĐ
1. Bây giờ cạn óc anh vũ rồi.	Bích Kiều		- bth		óc anh vũ
2. Chính vì vậy mà vỏ óc rất đắt giá.	Nguyễn B		+ khng		óc anh vũ
3. Chỉ có thể tìm thấy óc anh vũ tại Khánh Hoà và Vũng Tàu.	Nguyễn B		- khng		óc anh vũ
4. Hóa thạch sống bị tiêu diệt giống nòi cả rồi.	Nguyễn B		- khng		óc anh vũ
5. Ông anh vũ là mặt hàng quốc cấm.	Tác giả		- kph		óc anh vũ
6. Kim khôi đỏ là loại “hàng hiếm”.	Chủ tiệm		+ khng		óc kim khôi
7. Chỉ Khánh Hoà với Quảng Ngãi mới có nó thôi đó.	Chủ tiệm		- bth		óc heo
8. Đây là đầu mối cung cấp “hàng” cho các quầy hàng lưu niệm.	Bích Trâm		+ khng		Khu vực cầu đá
9. Vịnh Nha Trang rồi cũng sẽ cất bài ca... “óc khóc”.	Tác giả		- bth		Vịnh Nha Trang

**Bảng 3.2: Phân tích PS “Săn hàng sách đồ” (SGGPO, 11/12/2007)
qua giá trị Phán xét**

Nhân xét: PS ngắn này chỉ có 9 chi tiết thuộc giá trị Phán xét. Tám (8) chi tiết đầu là Phán xét của những người mua bán “hàng sách đồ”. Họ cho rằng giá trị của một số vỏ ốc như anh vũ, kim khôi là những mặt hàng quý hiếm nên đều mang dấu hiệu tích cực (+); trái lại các địa điểm có các loại ốc này sinh sống ngày càng thu hẹp do bị săn bắt nhiều nên có dấu hiệu tiêu cực (-). Riêng tác giả chỉ có một phán xét cuối cùng có dấu hiệu tiêu cực (-bth) cho thấy viễn cảnh không xa của Vịnh Nha Trang rồi sẽ cạn kiệt những loài sinh vật biển quý hiếm.

+ **VD81V:** Phân tích PS “*Trở lại Phong Nha, Kẻ Bàng*” (TTO, 12/3/2008) (Nguyên văn ở Phụ lục 13) qua giá trị Đánh giá.

Chi tiết thẩm định	TTTĐ	Tác động	Phán xét	Đánh Giá	BTĐĐ
1. Người Việt đã biết đến động Phong Nha qua hình chạm khắc trên cửa đình.	Tác giả			+ lg	Động Phong Nha
2. Điều ứng chi thần.	Vua Minh Mạng			+ lg	Động Phong Nha
3. Động Dương đệ nhất động.	Cadiere			+ lg	Động Phong Nha
4. Hang Phong Nha có thể sánh ngang với các hang động nổi tiếng trên thế giới.	Barton			+ lg	Động Phong Nha
5. Hang động nước đẹp nhất thế giới.	BCRA			+ lg	Động Phong Nha
6. Động Phong Nha dài đến hơn 7 km.	Các nhà khoa học Anh			+ lg	Động Phong Nha
7. Đây chỉ là một phần rất nhỏ.	H.Limbert			+ lg	Động Phong Nha
8. Những giá trị hàng đầu thế giới.	Các nhà thám hiểm Việt- Anh			+ lg	Động Phong Nha

9. Không nơi đâu hang động lại kì ảo, huyền bí.	GS. Nguyễn Quang Mỹ			+ lg	Động Phong Nha
---	---------------------------	--	--	------	-------------------

**Bảng 3.3: Phân tích PS “Trở lại Phong Nha, Kẻ Bàng” (TTO, 12/3/2008)
qua giá trị Đánh giá.**

Nhận xét: Đây là một PS đơn giản vì tttđ là tác giả và những nhà khoa học đã thám hiểm Động Phong Nha và bttd là Động Phong Nha. Tất cả các chi tiết đều mang dấu hiệu tích cực (+lg). Một điều lý thú là qua tác phẩm người đọc được khám phá nhiều điều mới lạ về di sản thiên nhiên này như người Việt đã biết đến Phong Nha từ lâu qua chi tiết “Cửu đỉnh”, “Diệu ứng chi thân”, “Đông Dương đệ nhất động” từ thời vua Tự Đức và Pháp thuộc đồng thời qua sự thừa nhận của một số nhà thám hiểm và khoa học quốc tế hiện đại là Phong Nha có nhiều “cái nhất” khác so với một số hang động khác trên thế giới.

3.2.2. Phạm trù Thang độ và Thoả hiệp trong ngôn ngữ Phóng sự trên báo tiếng Việt

3.2.2.1 Phạm trù Thang độ

Như đã đề cập ở phần 2.2.2 và 2.4.2 thì phạm trù Thang độ có vị trí cực kì quan trọng trong hệ thống ý nghĩa của BKTĐ. Nó kiến tạo các cấp độ lớn hơn hoặc nhỏ hơn cho tính tích cực và tiêu cực của các cá nhân, sự kiện, hành động và tình huống được thẩm định. Để làm sáng tỏ nhận định này, chúng ta tiến hành phân tích TP PS sau đây:

+ **VD82V:** Phân tích tác phẩm PS “*Cạn rồi, đá quý Lục Yên*” (TNO, 06/04/2008) qua phạm trù Thang độ (Nguyên văn ở Phụ lục 15).

Nhận xét:

Nhìn chung, tổng số có 68 chi tiết được dùng để nêu bật tính tích cực và tiêu cực của các giá trị Tác động, Phán xét và Đánh giá bằng các công cụ “lực” và “tiêu điểm”. Đây là một tác phẩm mà tác giả đã sử dụng khá đa dạng các công cụ tăng cường và định lượng qua các biện pháp và lập thức như sau:

- Tiền phụ ngữ + tính từ: dân cạn kiệt, khá nhẹ nhàng, khá đông, kém phẩm chất, nhiều kinh nghiệm.
- Tiền phụ ngữ + trạng từ: nhẵn mặt nhau, an toàn lắm.
- Danh từ + tính từ: người không sành, giá trị lớn, sếp đá lớn, chuyện bình thường, giá cao nhất, sự khai thác quá mức, hàng dỏm.
- Từ theo nghĩa đen: thủ phủ đá quý, cảnh tranh giành, níu kéo khách, “chợ búa”, nhẵn mặt, thời hoàng kim, duy nhất, công nghệ đôi màu đá, khách nước ngoài, nhừ tử, thâm niên, thừa thớt.
- Nhân thức nghĩa bóng: đá mắt tôm, những vụ làm ăn ngầm, “sếp đá” lớn.
- Lấp lại: khách mua nếu ham đá to, đẹp mà lại rẻ tiền.

Với độ dài 1.158 từ mà có đến gần 70 chi tiết thể hiện Thang độ thì rõ ràng đây là một tác phẩm PS ít gặp trên báo tiếng Việt. Có lẽ đây là một bài viết về nơi “chợ búa”, vốn dĩ đông đúc, phức tạp nên ngôn ngữ của nó có thang độ phong phú, đa dạng, nhiều màu sắc cũng là một điều dễ hiểu. Nói riêng về phạm trù thang độ đây là một bài báo khá thành công, tạo được sức hút đối với người đọc.

3.2.2.2 Phạm trù Thỏa hiệp

Nhìn chung, phạm trù Thỏa hiệp trong các PS trên báo tiếng Việt là không rõ ràng. Mặc dù các tác giả cũng vận dụng các biện pháp: tình thái, tác động, tăng cường, số lượng và phán xét như các biện pháp thường được sử dụng trong TQT nhưng chưa có đặc điểm gì nổi bật ngoại trừ các ý kiến mang nặng tính chủ quan của tác giả mà thôi.

3.3. Cấu trúc thể loại Phóng sự trên báo Tiếng Anh

Đề cập đến đặc trưng của PS, Conley, D [54, tr.216-243] đã cho rằng nếu tường thuật là công việc quan trọng hàng đầu của báo chí thì PS chỉ chiếm vị trí thứ yếu. Việc sử dụng ngôn từ và tiếp cận những sự việc bất thường với những con người bất thường có thể nhằm mục đích giải trí cho người đọc. Nhưng cũng có những công trình nghiên cứu rải rác và tập hợp dữ liệu thì PS có thể bao gồm sự phục hồi các thông tin còn rối rắm, cũng có nghĩa là chuyển đổi lời

nói bàn giấy thành lời nói quần chúng. Dunlevy, M [56] cho rằng PS *“thiên về chứa đựng nhiều bình luận, phân tích, màu sắc, hậu cảnh và đa dạng về nguồn tin hơn là các tin và tiếp cận với một khối lượng vấn đề lớn hơn và sâu hơn”*. Người đọc nhận thức được vấn đề từ sản phẩm sau cùng mặc dù tiến trình gay go tạo ra sản phẩm này ít khi được thể hiện một cách rõ ràng.

Giống như một mẫu tin, một PS phải nghiêm túc và khách quan. Nó có các chức năng thông tin, giáo dục, điều tra và có thể xem là một phương tiện mạnh mẽ nhất của báo chí.

Một PS hay làm cho người viết thoải mái và làm cho người đọc say mê. Cũng như tin, nó tượng trưng cho một sự hoán đổi thông tin nhưng các cơ chế có liên quan được thiết kế để làm cho một đoạn văn trở nên trôi chảy. Các cơ chế này bao gồm bối cảnh – hiện trường, miêu tả và một sự ưu tiên cho ngôn ngữ. Một bài PS lý tưởng đòi hỏi tính sáng tạo mà tính chất này lại không truyền đạt được. Kilpatrick, J.J. gọi sự sắp xếp, đúng đắn và sáng tỏ là ba phẩm chất của văn xuôi: *“Đối với ba phẩm chất này người viết có thể bổ sung thêm về ngữ điệu, hình tượng và cảm giác về so sánh và ẩn dụ”* (dẫn lại của Hough, S. [83]).

Nhưng bằng cách nào để người viết đạt được điều này? PS có thể được truyền đạt hay nó nhất thiết là một khả năng bẩm sinh? Đó có thể là một giải pháp bao gồm cả hai nhưng thật ra các hướng dẫn không phải lúc nào cũng đạt được mục đích vừa nêu như nhận xét của Land, F.M [94] về văn học báo chí: *“Từ 1990 đến 1995 đã không sản sinh được bài báo nào nói về “cách viết” PS và cũng không có bài báo nào nói về kỹ thuật sáng tạo”*. Land, F.M. nhấn mạnh rằng việc kể chuyện hay bao gồm việc thể hiện các mối quan hệ giữa các yếu tố thông qua sự đối chiếu và loại suy: *“Loại suy cũng giống như các thấu kính mà thông qua chúng để quan sát hiện thực như con người quan sát thế giới thông qua cặp kính nhuộm màu vào một thời điểm nào đó rồi thông qua ống nhòm vào lúc khác hoặc thông qua một lăng kính có tác dụng xé nhỏ hình ảnh thành những mảnh tí hon”* (tr. 53-54).

Một PS hay phải đòi hỏi tính sáng tạo, chín chắn và khả năng nhận xét các vấn đề và nhân cách ở chiều sâu. Một bài PS không chỉ là một tin dài với một ý thức đầy đủ về trật tự của các sự kiện quan trọng mà còn có đặc trưng là giọng điệu, bút pháp và cấu trúc ít trang trọng hơn và còn có thể mang tính chủ quan hơn là một văn bản tin. PS có thể vận dụng cùng các sự kiện như tin nhưng có một hình thức hấp dẫn hơn, dễ “tiêu hóa” hơn tin.

Một PS hay là “một sự mâu thuẫn” trong đó nó “kể” một câu chuyện bằng cách “cho xem” thay vì “kể”. Tolstoy đã nói về tác phẩm “Chiến tranh và hòa bình”: “*Tôi không kể. Tôi không giải thích. Tôi cho thấy. Tôi để cho các nhân vật nói hộ tôi*” (dẫn lại của Mencher, M. [114, tr. 134]). Trong báo chí, “kể” là thủ pháp được sử dụng nhiều hơn trong tin. Nó không có thời gian, không gian hoặc kiên nhẫn để “chờ xem”. Viết tin khách quan hơn viết PS. Trong khi phóng viên viết tin bị chế định bởi thời gian và các sự kiện công khai thì người viết PS có thời gian hơn và chính điều này giúp họ vượt qua việc chỉ miêu tả bề mặt của sự kiện như tin. PS chủ yếu dựa vào khái niệm một câu chuyện được viết như “thế nào” trong khi tin lại dựa vào khái niệm “tại sao” nó lại được viết ra. Phóng viên viết tin bị chế định bởi các phong cách và hình thức theo khuôn mẫu. Vì các câu chuyện của họ có đúng vững được hay không là tùy thuộc vào bản chất của chúng nên họ dành nhiều thời gian hơn để tập trung vào thông tin. Sức mạnh của bất kỳ tin nào đều phải nằm ở bản chất của nó chứ không phải ở lối tường thuật. Một tin được viết đúng kỹ thuật vẫn có thể bị xếp xó nếu không có giá trị của tin. Nhưng một bài PS được viết tốt mà không có giá trị tin tức vẫn có thể được đăng tải.

+ Trên báo chí Hoa Kỳ, PS thường được gọi bằng các cụm từ “*Reportage*”, “*Feature writing*”, “*Feature stories*”, “*Feature Articles*” hoặc “*Human- Interest stories*”.

+ Từ điển “The Random House Dictionary of the English Language” định nghĩa PS là “*một bài viết hoặc tường thuật trên nhật báo hoặc tạp chí về một con người, sự kiện hay một khía cạnh của một sự kiện quan trọng hoặc*

trương tự thường thiên về cảm xúc, quan điểm cá nhân hoặc hài hước được viết bằng một phong cách mang đậm tính cá nhân”.

+ Charnley, M.V [48, tr.259] cho rằng: “*Khó mà định nghĩa thuật ngữ “feature”. Thuật ngữ này đã trở thành một lời nói cửa miệng ở các tòa soạn báo. Dù các câu chuyện về sự quan tâm của con người là những nét nổi bật thì thuật ngữ này cũng bao gồm nhiều câu chuyện có nội dung không gây xúc động. Với ý nghĩa rộng rãi nhất “feature” có thể được cho là đề cập đến tin tức được chọn lọc để đăng tải chủ yếu vì một yếu tố nào đó khác hơn yếu tố thời gian, yếu tố cốt lõi của tin. Sự cân nhắc này không loại trừ yếu tố thời gian như một phẩm chất trong phóng sự; tuy nhiên, nó cũng ngụ ý là tính chất “mới xảy ra” không quyết định mối quan tâm của phương tiện truyền thông cũng như mối quan tâm của độc giả”.*

+ Khi đề cập đến tác dụng của PS, Charnley, M.V [48, tr. 258] cũng nhấn mạnh rằng: “*Một phóng sự mạnh mẽ là một câu chuyện cung cấp cho người đọc, người nghe hoặc người xem một cảm giác tức thì về sự liên quan của cá nhân với tình huống thông tin. Mặc dù nhiều yếu tố trong thông tin “thẳng” hoặc thông tin “nóng” có thể làm cho một số người đọc quan tâm đến thể loại này nhưng những câu chuyện khiến con người quan tâm (human-interest stories) hấp dẫn ở chỗ gây cảm xúc, có những phẩm chất làm cho mọi độc giả nhanh chóng phát hiện được chính mình có liên quan và gắn gũi với sự kiện. Khi một câu chuyện gây kinh sợ hay mua vui cho độc giả, làm độc giả áy phấn khởi hoặc thất vọng, kích thích sự cảm thông hay khoái cảm về giới tính, làm anh ta buồn bã hay tức giận hoặc thu hút sự quan tâm thì độc giả đó có thể cảm thấy rằng mình là một người trong cuộc thay vì chỉ là một người quan sát đứng ngoài”.*

+ Theo <http://encyclopedia.thefreedictionary.com> [134] thì một PS (a feature article) là một bài trên nhật báo, tạp chí hay báo trực tuyến không nhằm mục đích tường thuật tin nóng mà nhằm có một cái nhìn sâu hơn vào đối tượng. Trong khi không có sự phân biệt thật rạch ròi giữa PS và tin (news story) thì PS

thường chủ yếu là dài hơn tin, được viết bằng quan điểm cá nhân và không giống với tin là lúc nào cũng gắn liền với các sự kiện mới vừa xảy ra.

PS, nói chung, được viết bằng một phong cách khác với tin, đôi khi phải sử dụng nhiều đoạn văn để dẫn đến câu chuyện chính trong khi làm người đọc quan tâm và để họ tiếp tục đọc câu chuyện bằng cách sử dụng các “*narrative hooks*” (câu nói thuật sự). PS thường tìm cách đi sâu hơn vào các đối tượng, mở rộng các chi tiết thay vì cố gắng tập trung vào một ít điểm mấu chốt. Phong cách của phóng sự có thể đa dạng hơn về màu sắc và vận dụng một cấu trúc thuật sự phức tạp hơn đôi khi giống như bút pháp của một tập truyện không hư cấu hơn là một mẫu tin.

3.3.1 Tính văn học trong Phóng sự trên báo tiếng Anh

Có người nghi ngờ rằng nhiều độc giả bị báo chí hấp dẫn vì họ thích các bài luận, văn học hoặc các bài viết mang tính nghệ thuật. Wilde, O. đã dí dỏm khi cho rằng “*Sự khác biệt giữa báo chí và văn học là báo chí không thể đọc được còn văn học thì không được đọc*” (dẫn lại của Dunlevy, M. [56, tr. 30]).

Một PS phải có tính văn học – đối lập với một tiếng nói mang tính sự kiện hoặc tường thuật của tin. PS đi vào các vấn đề hoặc sự kiện, tình huống và nhân cách phong phú về màu sắc, hương vị và đồng thời thể hiện các yếu tố đó theo một phương cách đa chiều. Một chiều được trình bày bằng sự đơn điệu, thẳng đứng của tin tức và chiều kia bằng tất cả sự kích động, mạnh mẽ và thử thách. Sự tưởng tượng của độc giả. Một bài PS có hiệu quả sẽ kích hoạt con mắt nội tâm của độc giả, giúp độc giả diễn dịch từ ngữ thành hình ảnh. Nó xác lập một sự cộng hưởng giữa người viết và người đọc mà không một phần nào khác của một tờ báo có thể làm được.

3.3.2 Phân loại Phóng sự theo quan niệm của Cộng đồng báo chí tiếng Anh

Trong giai đoạn sơ khai, thể loại PS còn hạn chế ở hình thức thể hiện. Theo Bleyer, G.W. [45, tr. 39], PS được chia làm 6 loại:

- a. Phỏng vấn (*the interview*)

- b. Câu chuyện trải nghiệm của cá nhân (*the personal experience story*)
- c. Bài tường thuật (*the confession article*)
- d. Bài viết về cách làm một điều gì đó (*the “how-to-do-something” article*)
- e. Phác hoạ chân dung (*the personality sketch*)
- f. Thuật sự ở ngôi thứ ba (*the narrative in the third person*)

Mặc dù được phân loại rõ ràng như vậy nhưng người viết vẫn có những tác phẩm tổng hợp, tức là người viết kết hợp các loại vừa nêu vào trong tác phẩm của mình.

Đến cuối thế kỷ 20 thì PS đã đạt được những bước tiến dài về nội dung lẫn hình thức. Mặc dù nội dung PS rất đa dạng, có thể trải rộng trên nhiều lĩnh vực của cuộc sống: văn hóa, giáo dục, du lịch... nhưng câu chuyện mà người đọc quan tâm nhất (*human-interest story*) vẫn chiếm vị trí hàng đầu. Conley, D. [54] đã chia PS thành 14 tiểu thể loại như sau:

- a. Phóng sự tin tức (*the news feature*)
- b. Phóng sự cùng ngày (*the same-day feature*)
- c. Phóng sự ngày thứ hai (*the second-day feature*)
- d. Thông tin tư liệu (*the backgrounder*)
- e. Câu chuyện màu sắc (*the color story*)
- f. Phóng sự chân dung (*the profile*)
- g. Phóng sự thời vụ (*seasonal*)
- h. Làm điều đó như thế nào (*how to do it*)
- i. Lối sống/ khuynh hướng (*lifestyle/ trend*)
- j. Phóng sự lịch sử (*historical*)
- k. Phóng sự điều tra (*investigative*)
- l. Câu chuyện mọi người quan tâm (*human-interest*)
- m. Phóng sự ngôi thứ nhất (*first-person*)
- n. Tân báo chí (*New Journalism*)

3.3.3. Bố cục và cấu trúc một bài Phóng sự trên báo tiếng Anh

Theo Bleyer, W.G [45], Conley, D [54], và các tác giả trang web Wikipedia (2008) thì một bài PS thường gồm 5 phần chính:

- a. Tiêu đề (*Headline/Title*)
- b. Dẫn đề (*Lead*)
- c. Nhập đề (*Introduction*)
- d. Thân bài (*Body/Development*)
- e. Kết luận (*Conclusion*)

Tiêu đề (*Title*): là phần được đặt ở vị trí cao nhất của một bài PS, cho biết bản chất của bài PS đó.

Dẫn đề (*Lead*): Câu dẫn đề gây chú ý với người đọc đồng thời tóm lược trọng tâm của câu chuyện. Dẫn đề cũng có nhiệm vụ xác lập đối tượng, giọng điệu và dẫn dắt người đọc vào cốt truyện.

Nhập đề (*Introduction*): Cũng như trong một tin, nhập đề là yếu tố quan trọng nhất của một tác phẩm PS. Nếu nhập đề không dẫn dắt người đọc và báo hiệu những gì đang ở phía trước là thú vị, quan yếu hoặc làm thư giãn đầu óc thì nhiều độc giả sẽ không đọc tiếp. Thảm định một tác phẩm PS bằng nhập đề của nó cũng có thể giống như thảm định một tờ báo bằng tên của chính nó (*masthead*) còn với tin, PS cũng cạnh tranh sự quan tâm của người đọc. Vài từ ngữ ít ỏi đầu tiên của một bài PS có nhiệm vụ giới thiệu một điều gì đó có thể mang đến sự vui vẻ, nuối tiếc, kịch tính, quan trọng, hấp dẫn, khôn ngoan, đồng tình hoặc trêu chọc ở thân bài.

Theo Bleyer, W.G. [45] PS có thể vận dụng 7 phương pháp nhập đề, chủ yếu là (1) *Tóm lược*; (2) *Trần thuật*; (3) *Miêu tả*; (4) *Nghị luận*; (5) *Trích dẫn*; (6) *Chất vấn*; (7) *Tuyên bố trực tiếp và kết hợp một số phương pháp vừa nêu*.

Còn Conley, D. [54] lại giới thiệu 10 loại nhập đề gồm: (1) *Giai thoại*; (2) *Miêu tả*; (3) *Tình huống*; (4) *Tiểu luận*; (5) *Lịch đại*; (6) *Tóm lược*; (7) *Trần thuật*; (8) *Câu chuyện gây sốc*; (9) *Châm biếm* và (10) *Trêu chọc*.

Nhìn chung, hai cách phân loại nhập đề PS nêu trên của hai tác giả có khoảng cách thời gian khá xa nhau (gần 80 năm) nhưng không có nhiều khác biệt.

Thân bài (*Body/ Development*): Cấu trúc hình tháp ngược được sử dụng trong hầu hết các tin; còn PS sẽ theo một thể thức khác phù hợp với đặc trưng của thể loại. Các cấu trúc dành cho phần thân bài của một PS có thể bao gồm nhưng không nhất thiết chỉ giới hạn trong 6 thể thức sau đây: (1) Lịch đại (*Chronological*): Thân bài PS có thể là một đoạn thuật sự; (2) Nhân quả (*cause and effect*): Nguyên nhân và kết quả của một sự kiện hoặc tiến trình được khảo nghiệm; (3) Phân loại (*classification*): Các sự việc trong bài PS được chia thành nhóm để giúp người đọc hiểu một vấn đề nào đó; (4) So sánh và đối chiếu (*compare and contrast*): Hai hoặc nhiều sự việc được khảo nghiệm song đôi với nhau để phát hiện các tương đồng và dị biệt; (5) Liệt kê (*list*): Một danh mục cần thông tin được trải dài một cách đơn giản và (6) Hỏi – Đáp (*Question and Answer*): Như một cuộc phỏng vấn dành cho một nhân vật nổi tiếng hoặc chuyên gia chẳng hạn.

Kết luận (*Conclusion*): Một khác biệt quan trọng giữa một mẫu tin và một PS là ở phần kết luận. Kết luận của một mẫu tin cứng (*hard news*) diễn ra khi tất cả thông tin đã được trình bày theo mô hình hình tháp ngược. Trái lại, một bài PS cần một kết thúc dứt khoát hơn. Kết luận của PS có thể bao gồm nhưng không giới hạn trong 6 loại sau đây: (1) Kết luận vòng vo (*circular*); (2) Kết luận tóm lược (*summary*); (3) Kết luận mang tính thơ ca (*poetic*); (4) Kết luận mở ra hướng nhìn ở phía trước (*looking a head*); (5) Kết luận đại khái, qua loa (*that's that*) và (6) Kết luận bằng chất vấn (*see what of I mean*).

Ngoài các yếu tố đã nêu, PS được gắn kết từ trên xuống bằng hai công cụ *nhập đề* và *biện giải* – “Biện giải” là nêu lý do tồn tại của tác phẩm. Thực ra nó biểu hiện cho lý do tại sao người đọc lại đọc tác phẩm đó. Dù đứng ở góc độ nào thì tác giả PS phải luôn luôn cân nhắc rằng yếu tố biện giải là một yếu tố không thể thiếu trong bất kỳ tác phẩm PS nào. Biện giải là lý do của một câu chuyện – về sự có mặt của nó trên tờ báo. Bởi vì PS không đòi hỏi phải tuân thủ mô hình hình tháp ngược nên tác giả có được sự tự do trong cấu trúc. Nhưng dù tác giả có vận dụng phương pháp nào đi nữa thì người đọc phải sớm được cung cấp một chỉ báo (*indicator*) về tính quan yếu của câu chuyện. Nếu

chỉ báo đó không gắn chặt với một sự kiện tin tức, một vấn đề rõ ràng hoặc một tình huống quan trọng thì tầm quan trọng của nó phải sớm được nêu bật trong câu chuyện. Một độc giả sẽ bắt đầu đọc một PS có giá trị trong khi vẫn có thể tự hỏi: “Đây là một câu chuyện không hay nhưng vì sao nó lại được đăng tải? Tại sao mình phải đọc tiếp?” Đôi khi có một giá trị tò mò khi yếu tố biện giải chưa được hé lộ trong một ít đoạn đầu. Tuy nhiên, giá trị tò mò đó có thể biến thành sự bức mình nếu sự giải thích bị kìm giữ quá lâu. Thách thức của tác giả có lẽ là phải vận dụng lối tường thuật sự kiện một cách tế nhị như một bi kịch cách đây 10 năm đang được kể lại vì ai đó lại đồng hành với bi kịch đó trong tin. Sự kiện phải được đưa vào bối cảnh và cập nhật.

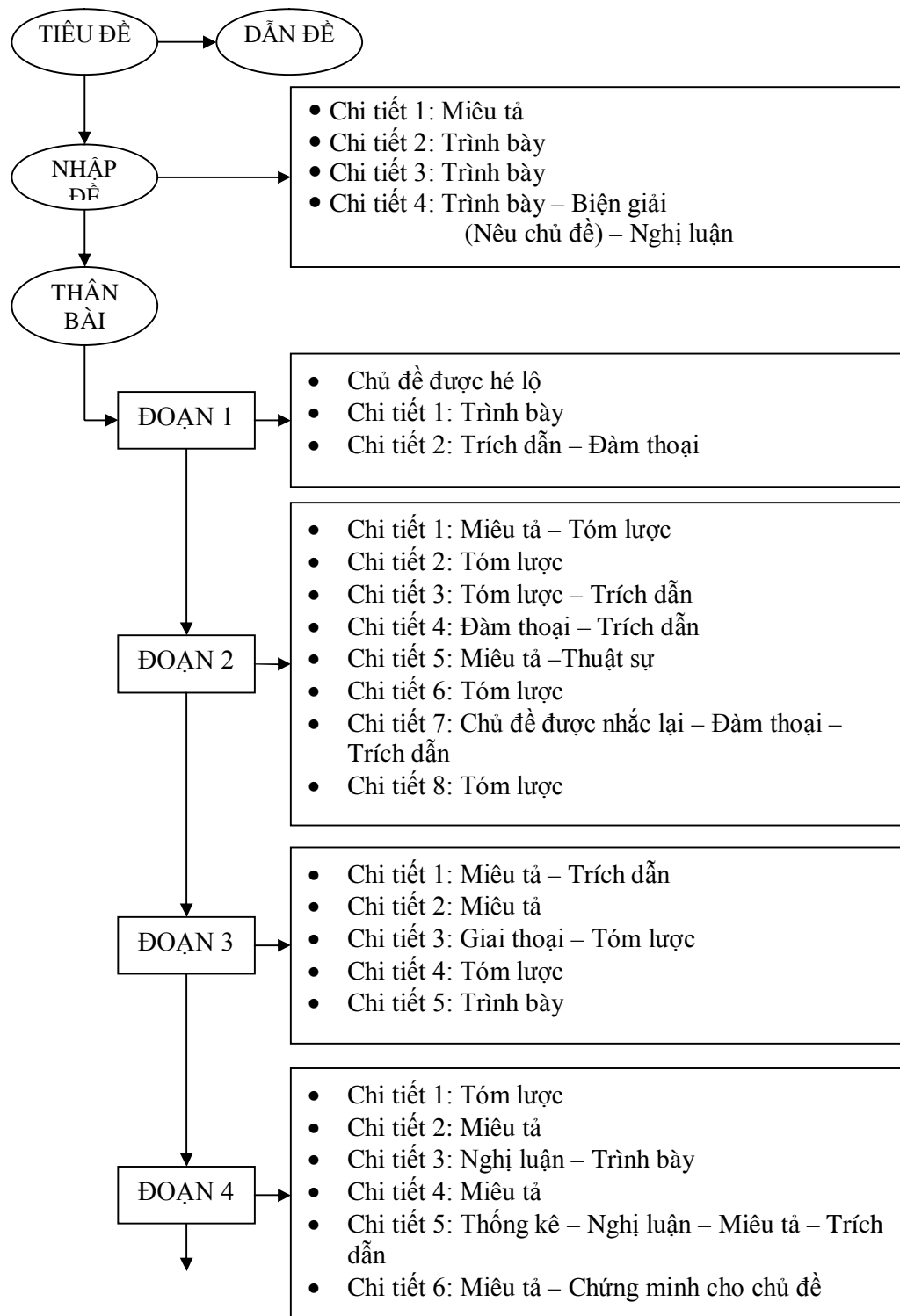
Có lẽ, hòa trộn với phần nhập đề và biện giải là một sự trích dẫn thích hợp và một đoạn tóm lược giới thiệu những gì đang ở phía trước (Conley, D. [54]). PS phải được tạo dựng để câu chuyện tiến triển mà không có sai sót hoặc tổn nhiều công sức bằng một hỗn hợp các yếu tố thuật sự, trình bày, giai thoại, miêu tả và trích dẫn. Người đọc sẽ trải nghiệm câu chuyện bằng cách chia sẻ hoặc ít ra là tự hỏi những người khác có thể phản ứng với câu chuyện thách thức hoặc tình huống đang được mở ra như thế nào. Các trích dẫn phải được vận dụng một cách ngắn gọn để hé lộ cách những con người liên quan phản ứng ra sao. Các trích dẫn cũng có thể được dùng như các công cụ chuyển mạch để nhẹ nhàng mở ra phân khúc kế tiếp của câu chuyện. Ở những chỗ có thể, đàm thoại giữa hai hoặc nhiều người được vận dụng nhất là khi nó biểu hiện được các nhân vật đang ở trong một bối cảnh hoặc tình huống tự nhiên làm nổi bật chủ đề và đặc trưng của PS. Wolfe, T & E.W. Johnson [133; tr.46] giải thích rằng: “*Đàm thoại lôi cuốn người đọc hơn bất kì một công cụ nào khác. Nó cũng xác lập và đóng khung nhân vật nhanh chóng hơn và hiệu quả hơn bất kì công cụ đơn độc nào khác*”. Một cá nhân có thể biết nhiều hơn về hai con người khác bằng cách lắng nghe cuộc đàm thoại giữa họ hơn là được diễn dịch và kể lại qua một đối tác thứ ba. Cũng vậy, chúng kiến hai diễn viên trên sân khấu sẽ sống động hơn là xem kịch bản hoặc đọc các lời thoại của kịch bản đó.

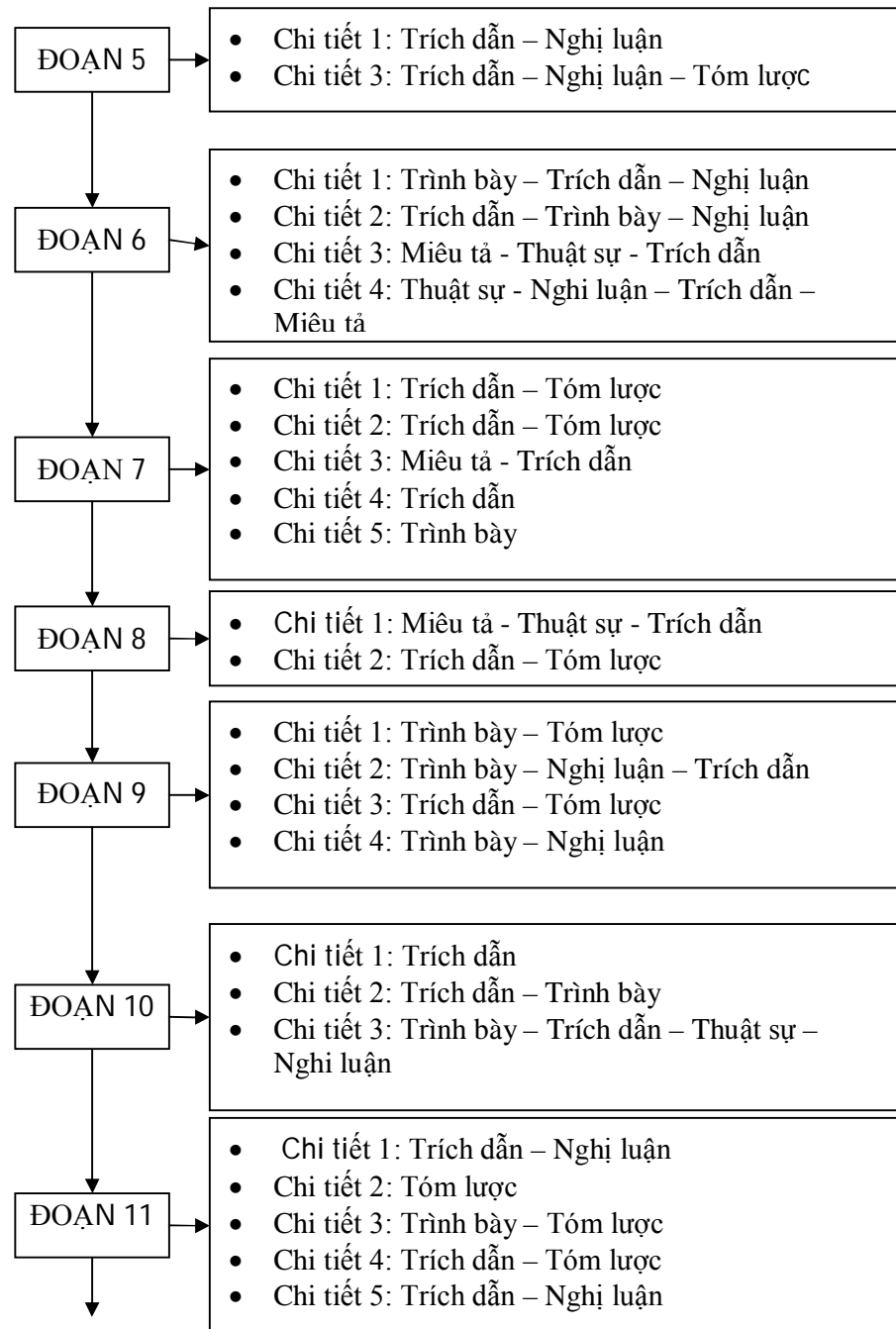
Đối với các tin, các phương pháp cấu trúc có thể giúp cho người viết tin thu xếp chất liệu và cải tiến được độ khó đọc của tác phẩm. Còn cấu trúc đối với bài PS lại quan trọng hơn nhiều vì chúng thường dài hơn và phức tạp hơn. Thời gian dành để gọt giũa một đoạn văn càng ít thì thời gian dành để cải thiện cú pháp và trau chuốt các chỗ thô ráp càng nhiều. Cấu trúc của một bài PS có thể bao gồm:

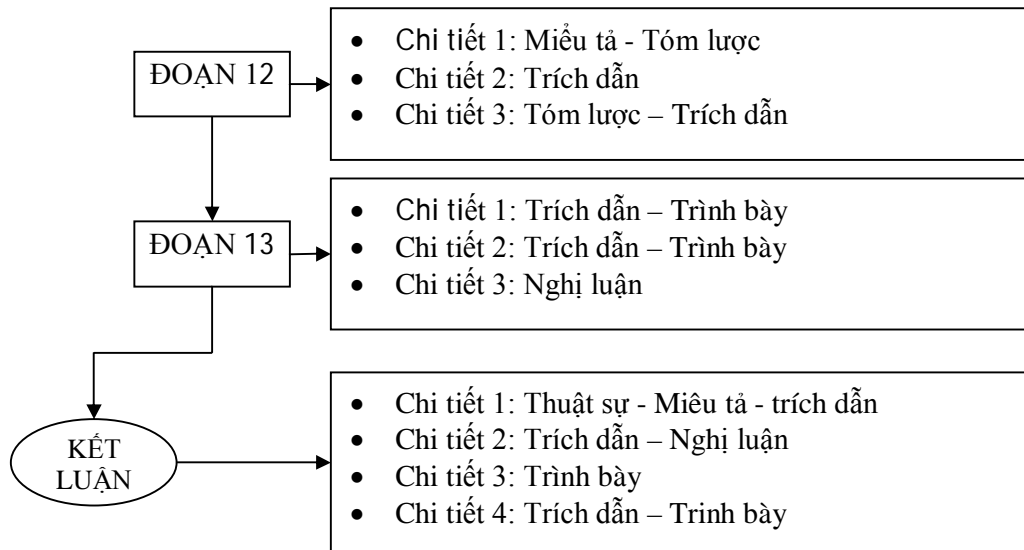
- Hình tháp ngược có bổ sung
- Xâu chuỗi
- Phóng chiếu
- Cấu trúc tập trung

Một PS không phải là truyện ngắn nhưng hai thể loại này có nhiều điểm tương đồng hơn là các công cụ về Tân báo chí (*New Journalism*) của Wolfe, T. [133]. Câu nổi quan trọng nhất của hai thể loại này là cả hai phải được thiết kế một cách “hữu cơ”. Nói cách khác, mỗi yếu tố – hoặc là miêu tả hoặc trích dẫn – phải bằng cách nào đó thoả hiệp với các yếu tố kia. Conley, D. [54] giải thích rằng: “*Trong một câu chuyện mọi sự việc lệ thuộc vào nhau một cách chặt chẽ. Chủ đề (theme) trong một câu chuyện thành công được gắn liền với hành động của các nhân vật – và thật ra nó tiềm ẩn trong tất cả các khía cạnh khác kể cả ngôn ngữ*”.

+ **VD42A:** Phân tích PS “*Pearls Before Breakfast*” qua các biện pháp chuyên biệt của mô hình bánh xe Wheel-O-Rama. (WPO, 08/04/2007) (Nguyên văn ở phụ lục 16 và bản dịch tiếng Việt ở phụ lục 17)







Giải đồ 3.6: Thống kê các chi tiết và các Biện pháp chuyên biệt được tác giả sử dụng trong PS “*Pearls Before Breakfast*” của Gene Weigarten (WPO, 08/04/2007) (theo giải đồ bánh xe Wheel-O-Rama mở rộng)

+ **Phân tích kết quả khảo sát theo cấu trúc thông thường.** Khảo sát cho thấy văn bản PS “*Pearls Before Breakfast*” có đầy đủ 5 phần cơ bản nhất của một tác phẩm PS theo sơ đồ cấu trúc của các tác giả người phương Tây là:

Tiêu đề – Dẫn đề – Nhập đề – Thân bài và Kết luận.

- Tiêu đề: “*Pearls Before Breakfast*” được tác giả áp dụng biện pháp tu từ ẩn dụ để ngầm so sánh tài năng của nhân vật – nghệ sĩ vĩ cầm Joshua Bell – trước khi hóa trang biểu diễn ở đường phố Washington D.C là một nghệ sĩ tài năng nổi tiếng của Hoa Kỳ và cả thế giới.

- Dẫn đề: “*Can one of the nation’s great musicians cut through the fog of a D.C. rush hour? Let’s find out*” (“Một trong những nhạc sĩ lỗi lạc của quốc gia có thể băng qua sương mù vào giờ cao điểm tại thủ đô Washington D.C. không? Chúng ta hãy cùng khám phá”). Tác giả cũng áp dụng biện pháp tu từ ẩn dụ: ngầm ví giờ cao điểm tại một nơi đông đúc như sương mù và liệu tiếng đàn của nghệ sĩ vĩ cầm tài năng tầm cỡ quốc gia và thế giới có làm khách bộ hành chú ý không!?. Dẫn đề dưới hình thức một câu hỏi tu từ có khả năng dẫn

dắt người đọc vào cốt truyện của tác giả. Đây là một đề dẫn ngắn gọn, súc tích, đầy tính nghệ thuật.

- **Nhập đề:** Tác giả đã phải dùng đến hơn 400 từ để giới thiệu mục đích cuộc hóa trang biểu diễn ngoài đường phố của một trong những nghệ sĩ vĩ cầm lỗi lạc nhất nước Mỹ và cả thế giới do báo WPO tổ chức trong lúc đông người qua lại nhằm kiểm nghiệm xem con người thời hiện đại có quan tâm đến cái đẹp không. Chủ đề được hé lộ ở phần cuối của nhập đề bằng các:

- Biện pháp chuyên biệt như trình bày – biện giải – nghị luận. Phần nhập đề rõ ràng đã khái quát rất đầy đủ các yếu tố để thu hút người đọc như bối cảnh gồm thời gian, không gian, nhân vật chính, các phỏng đoán của những con người tầm cỡ và nhất là chủ đề: con người hiện đại trước cái đẹp.

- Thân bài: Chủ đề được tiếp tục khẳng định trong đoạn 1, 7 và 9 của thân bài. Trải dài qua 13 đoạn, với hơn 4.500 từ, tác giả đã lồng ghép trong nhiều chi tiết vô cùng thú vị để làm nổi bật tài năng của người nghệ sĩ bậc thầy trái ngược với thái độ gần như vô cảm của những “con người máy” thời hiện đại. Lác đác chỉ một dúm người dừng lại, lắng nghe, bình phẩm và cho tiền. Cuộc biểu diễn đã hầu như thất bại về mặt tài chính và đặc biệt đã thất bại về mặt “hấp dẫn” người nghe, một kết quả hoàn toàn trái với dự đoán của nhiều nhà xã hội học. Lý giải cho điều này, tác giả đã viện dẫn lời – rằng phát biểu của John Lane – tác giả của bình phẩm *“Timeless beauty, In the Arts and Everyday Life”* – *“This is about having the wrong priorities”* (“Đó là do có ưu tiên sai trái”) và đưa ra thêm một nghi vấn của riêng mình để người đọc cùng suy ngẫm: *“If we can’t take the time out of our lives to stay a moment and listen to one of the best musicians on Earth play some of the best music ever written; if the surge of modern life so overpowers us that we are deaf and blind to something like that – the what else are we missing?”* (Nếu chúng ta không thể dành thời gian trong cuộc sống để nán lại giây phút lắng nghe một trong những nhạc sĩ giỏi nhất trên hành tinh này biểu diễn một vài bản nhạc hay nhất từng được viết ra, nếu sự xô bồ của đời sống hiện đại đã khuất phục được chúng ta đến nỗi chúng ta trở thành điếc và đui trước một điều như thế – rồi

chúng ta sẽ còn đánh mất điều gì khác nữa?). Một thân bài phức tạp nhưng vô cùng phong phú, sinh động, lôi cuốn, đầy tính trí tuệ khiến người đọc đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác: lúc bay bổng theo tiếng đàn; lúc băn khoăn, trăn trở cùng các triết lý do tác giả đặt ra; lúc hồi hộp theo dõi nhân vật chính nhận được từng xu lẻ cho đến những bình phẩm, thẩm định của khách qua đường...

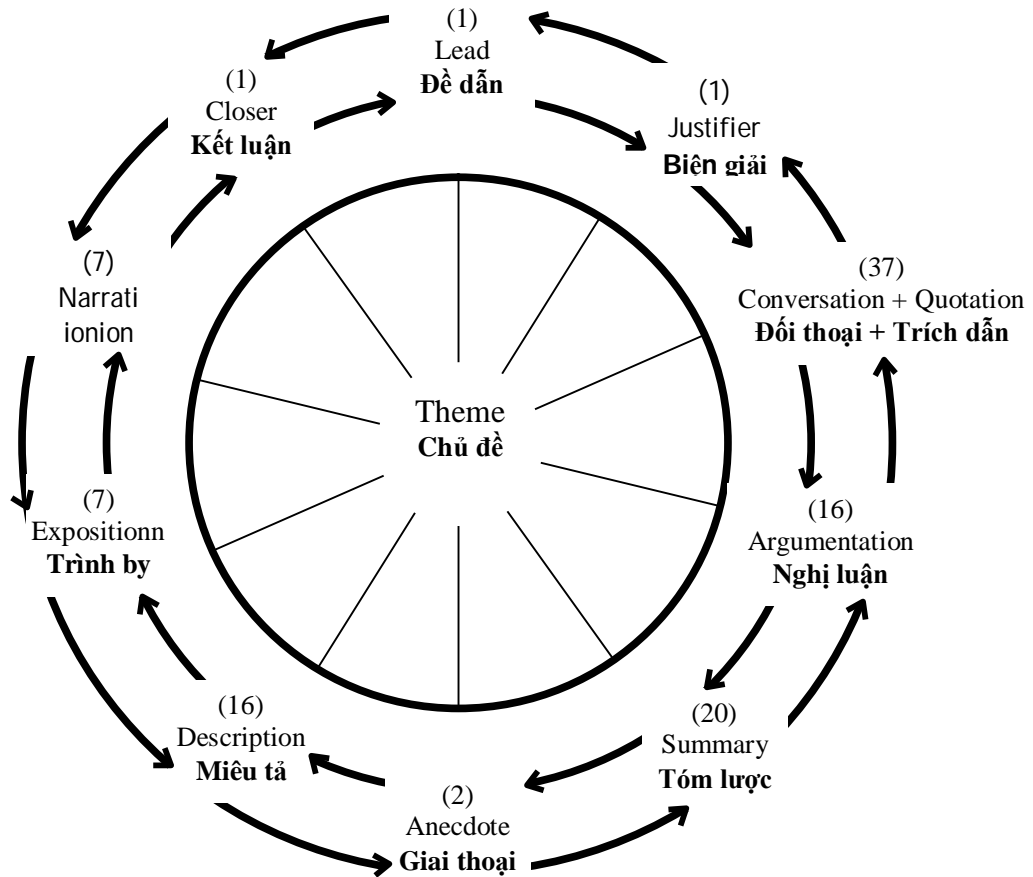
- Kết luận: Phần kết luận được tác giả gói gọn trong khoảng 300 từ nhưng đã lột tả được sự tương phản rõ nét: Sự thờ ơ của khách bộ hành ở Washington D.C. trước cuộc biểu diễn của Bell trái ngược với những lời ca tụng của giới phê bình âm nhạc hàn lâm dành cho Bell và hơn thế là giải thưởng âm nhạc danh giá nhất nước Mỹ đang chờ ông nhận. Có lẽ không gì cô đọng, súc tích hơn cách diễn đạt của tác giả dành cho sự kiện này “*On Tuesday, he will be accepting the Avery Fisher Prize, recognizing the Flop of L’Enfant Plaza as the best classical musician in America*”. (“Vào thứ ba này ông sẽ nhận giải Avery Fisher thừa nhận kẻ thất bại tại Thương Xá L’Enfant Plaza là nhạc sĩ cổ điển tài năng nhất nước Mỹ”).

Xét về mặt cấu trúc thì đây là một văn bản PS dài nhưng khá cân đối: Nhập đề và Kết luận có độ dài tương đương, chiếm gần 20% và thân bài chiếm trên 80% độ dài của toàn bộ văn bản.

+ Phân tích kết quả khảo sát theo giản đồ Wheel-O-Rama. Kết quả:

- Miêu tả: 16 lượt	→ 13,2%
- Trình bày: 22 lượt	→ 18,2%
- Nghị luận: 16 lượt	→ 13,2%
- Trích dẫn + đàm thoại: 37 lượt	→ 30,5%
- Tóm lược: 20 lượt	→ 16,5%
- Biện giải: 1 lượt	→ 0,82%
- Giai thoại: 2 lượt	→ 1,65%
- Thuật sự: 7 lượt	→ 5,7%

... và có thể tóm tắt bằng bánh xe Wheel-O-Rama có kèm chữ số thể hiện số lượt BPCB được sử dụng trong bài PS như sau:



Giản đồ 3.7: Mô hình cấu trúc cốt truyện văn bản PS

“*Pearls Before Breakfast*” với các Biện pháp chuyên biệt, theo mô hình bánh xe Wheel-O-Rama của Conley, D. [54]

3.4. Ngôn ngữ Phóng sự trên báo tiếng Anh qua lăng kính của Bộ khung thẩm định

3.4.1. Phạm trù Thái độ trong một số văn bản Phóng sự trên báo tiếng Anh

Dưới đây, chúng ta tiến hành phân tích một số đoạn tiêu biểu trong PS “*Pearls Before Breakfast*” trên WPO qua phạm trù Thái độ lần lượt như sau:

+VD43A: Phân tích đoạn 5 PS “*Pearls Before Breakfast*” theo giá trị Tác động (Nguyên văn ở phụ lục 16):

Chi tiết thẩm định	Tttd	Tác động	Phán xét	Đánh giá	Bttđ
1. At the beginning, Bell says, "I was just concentrating on playing the music.	Bell	+mm			Bối cảnh
2. I wasn't really watching what was happening around me	Bell	+mm			Bối cảnh
3. It was a strange feeling, that people were actually . . . ignoring me	Bell	-thm			Đám đông
4. I'll get upset if someone coughs or if someone's cellphone goes off	Bell	-at			Người nghe nhạc thính phòng
5. my expectations quickly diminished	Bell	-mm			Cảm giác của Bell
6. I started to appreciate any acknowledgment, even a slight glance up.	Bell	-mm			Cảm giác của Bell
7. When you play for ticket-holders," Bell explains, "you are already validated	Bell	+thm			Tài năng nghệ sỹ nói chung
8. I have no sense that I need to be accepted	Bell	-at			Tài năng của chính Bell
9. I'm already accepted	Bell	+at			Tài năng nghệ sỹ nói chung
10. What if they don't like me?	Bell	-at			Đám đông
11. What if they resent my presence?	Bell	-at			Đám đông

Bảng 3.4: Phân tích đoạn 5 PS “*Pearls before Breakfast*” theo giá trị Tác động

Nhận xét:

Tất cả 11 chi tiết tác động đều có tttđ là Joshua Bell, nhạc sĩ vĩ cầm và bttđ là bối cảnh, đám người qua lại và chính cảm giác của ông. Có đến 4 chi tiết mang kí hiệu tích cực như (- at; -thm), và đến 7 chi tiết mang kí hiệu tiêu cực như (+mm, +th, +at). Điều đó cho thấy người nghệ sĩ rõ ràng là đang có cảm xúc bối rối.

Nhìn chung, đây là một đoạn văn mà đại ý nói lên thái độ phân vân, cảm xúc bối rối của nhân vật chính trong tác phẩm. Các chi tiết thuộc giá trị “tác động” đóng vai trò chủ đạo trong cả đoạn văn. Đây là một tỉ lệ ngôn ngữ hoàn toàn hợp lý trong ý đồ diễn đạt của tác giả thể hiện qua bảng phân tích vừa nêu. Các chi tiết còn lại thuộc phạm trù phán xét và đánh giá chỉ có tính chất bổ sung, làm nổi bật ý đồ của tác giả mà thôi.

+VD44A: Phân tích đoạn 8 PS “*Pearls before Breakfast*” theo giá trị Phán xét) (Nguyên văn ở Phụ lục 16)

Chi tiết thẩm định	Tttd	Tác động	Phán xét	Đánh giá	Bttđ
1. Who was too busy to pay attention to the violinist, it was George Tindley	Tác giả		-bth		George Tindly
2. He was at work	Tác giả		+bth		George Tindly
3. You could tell in one second that this guy was good, that he was clearly a professional	George		+khng		Joshua Bell
4. He plays the guitar, loves the sound of strings	George		+khng		Joshua Bell
5. they don't feel it	George Tindly		-khng		Những người chơi nhạc nói chung
6. Well, that man was feeling it	George Tindly		+khng		Joshua Bell
7. That man was moving	George Tindly		+khng		Joshua Bell
8. Moving into the sound	George Tindly		+khng		Joshua Bell
9. But no one did.	Tác giả		-bth		Nhóm người ở quầy vé số
10. Not in the entire 43 minutes	Tác giả		-bth		Nhóm người ở quầy vé số
11. They just shuffled forward toward that machine spitting out numbers	Tác giả		-bth		Nhóm người ở quầy vé số
12. Eyes on the prize	Tác giả		-bth		Tillman
13. he remembers every	Tác giả		-bth		Tillman

single number he played that day -- 10 of them, \$2 apiece, for a total of \$20					
14. He doesn't recall what the violinist was playing, though	Tillman		-bth		Joshua Bell
15. I didn't think nothing of it	Tillman		-bth		Joshua Bell
16. just a guy trying to make a couple of bucks	Tác giả		-khng		Tillman
17. Tillman would have given him one or two, he said....	Tác giả		-khph		Tillman

**Bảng 3.5: Kết quả phân tích đoạn 8 PS “*Pearls Before Breakfast*”
theo giá trị Phán xét**

Nhận xét :

Đây là một phân tích thiên về giá trị phán xét vì đối tượng là những cảm nghĩ về mặt đạo đức/ luân lý tức là các phép tắc và quy luật được thể chế hóa như những đề xuất.

+ Có tất cả 17 chi tiết được thẩm định trong đó có 13 chi tiết mà tác giả bài PS là tttđ.

+ 5 chi tiết tác giả dành cho bttđ là George Tindley, một người bán hàng nhưng có khả năng thẩm định âm nhạc, dù bận rộn với công việc nhưng vẫn chăm chú lắng nghe các tác phẩm do Bell biểu diễn qua khe cửa mở.

+ 7 chi tiết tác giả dành cho bttđ là nhóm người ở gần chỗ Bell biểu diễn (trong đó 3 chi tiết dành cho Tillman, một chuyên viên máy tính làm việc cho cơ quan phát triển nhà ở và đô thị), chỉ mãi mê ăn thua với xổ số mà không hề bận tâm đến buổi biểu diễn của Bell dù so với vị trí của George Tindley thì họ thuận lợi hơn nhiều.

+ 5 chi tiết với tttđ là Tindley thì có 4 là dành cho bttđ là Joshua Bell với không ít phát ngôn tán dương, ca ngợi tài năng của người nghệ sĩ vĩ cầm. Chỉ riêng 1 chi tiết là Tindley dành để phán xét những người chơi nhạc nói chung với hàm ý là họ không cảm nhận được âm nhạc (“*They don't feel it*”)

+ Điểm đặc biệt là chi tiết mà tttđ là Tillman và bttđ là Joshua Bell. Các phát ngôn của Tillman như “ *I don't think nothing of it*” và “*just a guy trying to*

make a couple of bucks” cho thấy một con người hời hợt, trống rỗng, võ đoán trước một tài năng bậc thầy về âm nhạc. Chi tiết cuối cùng mà tác giả dành cho bttđ là Tillman dù không thật sự hiển ngôn “... *but he spent all his cash on lotto*” nhưng cũng đủ nói lên tính tiêu cực của một con người chỉ dành ưu tiên cho máu mê đỏ đen còn âm nhạc, cái đẹp, chỉ là thứ yếu.

+ **VD45A:** Phân tích đoạn 13 của PS “*Pearls Before Breakfast*” (Nguyên văn ở phụ lục 16) theo giá trị Đánh giá

Chi tiết thẩm định	Tttđ	Tác động	Phán xét	Đánh giá	Bttđ
1. The cultural hero of the day	Tác giả			+th	Picarello
2. Picarello was the only one who immediately mentioned the violinist	Tác giả			+lg	Picarello
3. Not like this one	Picarello			+lg	Joshua Bell
4. This was a superb violinist	Picarello			+th	Joshua Bell
5. I've never heard anyone of that caliber	Picarello			+lg	Joshua Bell
6. He was technically proficient, with very good phrasing	Picarello			+lg	Joshua Bell
7. He had a good fiddle, too, with a big, lush sound	Picarello			+lg	Joshua Bell
8. It was a treat, just a brilliant, incredible way to start the day	Picarello			+lg	Cuộc biểu diễn của Bell
9. Picarello knows classical music	Tác giả			+lg	Picarello
10. He is a fan of Joshua Bell but didn't recognize him	Tác giả			+th	Picarello
11. he studied violin seriously	Tác giả			+lg	Picarello

Bảng 3.6: Kết quả phân tích đoạn 13 PS “*Pearls Before Breakfast*” theo giá trị Đánh giá

Nhận xét:

+ Đây là một phân tích thiên về giá trị Đánh giá vì đối tượng là những chi tiết thẩm Mỹ/giá trị được thể chế hóa tập trung vào bttđ là tài năng của người nghệ sĩ vĩ cầm – Joshua Bell qua tttđ là Picarello, thánh giả, một người am tường âm nhạc cổ điển, đã từng học vĩ cầm.

+ Qua 11 chi tiết thẩm định thì có 5 chi tiết mà tttđ là chính tác giả và Picarello là bttđ trong khi có đến 6 chi tiết thì Picarello là tttđ và Joshua Bell là bttđ.

+ Trong tất cả các chi tiết tác giả PS dành để đánh giá Picarello thì đều có dấu hiệu tích cực (+lg). Điều đó cho thấy Picarello có một bản lĩnh về âm nhạc, là cơ sở khoa học để anh ta thẩm định tài năng của Joshua Bell chứ không phải dựa trên cảm tính.

+ Các chi tiết thẩm định dành cho Joshua Bell (3, 4, 5, 6, 7) qua các phát ngôn của Picarello rõ ràng là khách quan, xuất phát từ một con người hiểu biết âm nhạc cổ điển. Chúng ta không hề thấy sự hiện diện của tác giả, của người viết trong bất kì thẩm định nào đối với tài năng của người nghệ sĩ. Sự thành công của người viết là ở chỗ khách quan: để một nhân vật thứ ba thẩm định!

+ **VD46A:** Phân tích đoạn 4 của PS “*Pearls Before Breakfast*” (Nguyên văn xem phụ lục 16) qua phạm trù Thái độ

Chi tiết thẩm định	Tttđ	Tác động	Phán xét	Đánh giá	Bttđ
1. As metro stations go, l'Enfant Plaza is more plebeian than most	Tác giả	-mm			L'Enfant plaza
2. It gets no respect	Tác giả	-mm			L'Enfant plaza
3. Metro Conductors never seem to get it right	Tác giả	-mm			L'Enfant plaza
4. The people waiting in the lottery line	Tác giả	-mm			Người qua lại

5. a free, close up ticket to a concert by one of the world's most famous musicians	Tác giả			=lg	Người qua lại
6. not just one of the greatest achievements of any man in history	Bell			+lg	Tác phẩm Chaconne
7. It's a spiritually powerful piece, emotionally powerful, structurally perfect	Bell			+lg	Tác phẩm Chaconne
8. but Bach's "Chaconne" is also considered one of the most difficult violin pieces to master	Tác giả		+ktr		Tác phẩm Chaconne
9. It's exhaustingly long -- 14 minutes -- and consists entirely of a single, succinct musical progression repeated in dozens of variations to create a dauntingly complex architecture of sound	Tác giả			+lg	Tác phẩm Chaconne
10. it is said to be a celebration of the breadth of human possibility	Johannes			+lg	Tác phẩm Chaconne
11. On one stave, for a small instrument, the man writes a whole world of the deepest thoughts and most powerful feelings	Johannes			+lg	Tác phẩm Chaconne
12. If I imagined that I could have created, even conceived the piece, I am quite certain that the excess of excitement and earth - shattering experience would have driven me out of my mind	Johannes			+lg	Tác phẩm Chaconne
13. he promised not to cheap out this performance	Johannes	+mm			Joshua Bell
14. He played with acrobatic enthusiasm, his body leaning into the music and arching on tiptoes at the high notes	Tác giả			+lg	Joshua Bell

15. The sound was nearly symphonic, carrying to all parts of the homely arcade as the pedestrian traffic filed past	Tác giả	-thm			Người qua lại
16. In the three - quarters of an hour that Joshua Bell played, seven people stopped what they were doing to hang around and take in the performance, at least for a minute	Tác giả	-thm			Người qua lại
17. Twenty-seven gave money, most of them on the run -- for a total of \$32 and change	Tác giả		-bth		Băng thu hình
18. That leaves the 1,070 people who hurried by, oblivious, many only three feet away, few even turning to look	Tác giả		-bth		Người qua lại
19. Try speeding it up, and it becomes one of those herky-jerky World War I-era silent newsreels	Tác giả				Người qua lại
20. The people scurry by in comical little hops and starts, cups of coffee in their hands, cellphone at their ears, ID tags slapping at their bellies, a grim <i>danse macabre</i> to indifference, inertia and the dingy, gray rush of modernity	Tác giả		+ktr		Joshua Bell
21. Even at this accelerated pace, though, the fiddler's movements remain fluid and graceful; he seems so apart from his audience -- unseen, unheard, otherworldly -- that you find yourself thinking that he's not really there	Tác giả			+lg	Joshua Bell
22. He is the one who is real	Tác giả			+lg	Joshua Bell
23. They are the ghosts	Tác giả			-lg	Người

					qua lại
--	--	--	--	--	---------

Bảng 3.7: Kết quả phân tích đoạn 4 PS “*Pearls Before Breakfast*” qua phạm trù Thái độ

Nhận xét:

+ Đây là một phân tích thuộc phạm trù Thái độ tức là sự bày tỏ cảm xúc của tttđ qua các bình diện Tác động, Phán xét và Đánh giá.

+ Nhìn chung, có 23 chi tiết được thẩm định như sau:

- Tác động: 8 chi tiết
- Phán xét: 4 chi tiết
- Đánh giá: 11 chi tiết

+ Trong 8 chi tiết “ Tác động” với bttđ là quảng trường L’Enfant Plaza, nơi xảy ra cuộc hóa trang biểu diễn của Joshua Bell và đám người qua lại. Tất cả các chi tiết này đều mang kí hiệu tiêu cực như (--mm) hoặc (--thm). Điều đó cho thấy bối cảnh biểu diễn và đám người đông đúc qua lại không thuận tiện cho cuộc biểu diễn tí nào. Chỉ duy nhất một chi tiết mang dấu hiệu tích cực (+mm) được dành cho bttđ là Joshua Bell với câu “*He promised not to cheap out this performance*” (Ông ta đã hứa là không bán rẻ cuộc biểu diễn của chính mình) cũng đủ để nói lên rằng chỉ có người nghệ sĩ là quyết tâm làm tốt phần mình trong khi mọi thứ chung quanh đều hoàn toàn bất lợi.

+ Tất cả 4 chi tiết “ Phán xét” thì tttđ là tác giả còn bttđ được chia đều cho các đối tượng là Joshua Bell, tác phẩm “ Chaconne”, băng thu hình và người qua lại. Hai dấu hiệu tích cực (+ktr) là dành cho người nghệ sĩ và tác phẩm ông ấy đang biểu diễn ; hai dấu hiệu tiêu cực (-bth) là dành cho các hình ảnh giật giật trong băng ghi hình trả ngược ở tốc độ nhanh và thái độ bàng quang, vô cảm của đám người qua lại. Nhìn chung, các kí hiệu trong phạm trù “Phán xét” là rất logic với các kí hiệu đã nêu trong phạm trù “Tác động”.

+ Trong 11 chi tiết còn lại thuộc giá trị Đánh giá thì có 4 chi tiết mà tttđ là tác giả và bttđ là tác phẩm “Chaconne”. Tất cả các chi tiết này đều mang kí hiệu tích cực (+lg); 4 chi tiết với tttđ là tác giả với bttđ là Joshua Bell đều mang

kí hiệu tích cực (+lg); 2 chi tiết với tttđ là Joshua Bell và bttđ là tác phẩm “Chaconne” cũng có kí hiệu tích cực (+lg). Đặc biệt, 2 chi tiết thẩm định cuối cùng với tttđ là Johannes Brahms, một nhà soạn nhạc thế kỉ 19, và bttđ là tác phẩm “Chaconne” của Bach cũng đều có kí hiệu tích cực (+lg). Các chi tiết này cho thấy sự đánh giá tác phẩm “Chaconne” không chỉ ở Bell, người trực tiếp biểu diễn tác phẩm hoặc tác giả bài PS mà ngay cả một nhà soạn nhạc tên tuổi cách nay hơn một thế kỉ cũng không tiếc lời ca tụng tác phẩm này qua hai câu trích dẫn đắt giá như sau: “*On one stave, for a small instrument, the man writes a whole world of the deepest thoughts and most powerfull feelings*” và “*If I imagined that I could have created, even conceived the piece, I am quite certain that the excess of excitement and earth – shattering experience would have driven me out of my mind*”. (“Trên một khuôn nhạc, dành cho một nhạc cụ nhỏ, tác giả đã viết ra toàn bộ thế giới tư tưởng sâu sắc nhất và những cảm xúc mạnh mẽ nhất” và “nếu tôi tưởng tượng rằng mình đã có thể sáng tác, thậm chí trình bày tác phẩm đó thì tôi hoàn toàn chắc chắn rằng sự kích động vượt mức và sự trải nghiệm phi thường đã có thể làm tôi điên đảo”).

Nhìn chung, đây là một đoạn văn phản ánh nhiều cảm xúc nhưng bình diện Đánh giá vẫn giữ vị thế ưu tiên khi có đến 11 trong tổng số 23 chi tiết được thẩm định và phần lớn trong số 11 chi tiết này đều có kí hiệu tích cực với tttđ đa dạng đánh giá bttđ là tác phẩm “Chaconne”.

3.4.2 Phạm trù Thang độ và Thoả hiệp trong ngôn ngữ PS trên báo tiếng Anh

3.4.2.1 Phạm trù Thang độ

Để làm sáng tỏ phạm trù này, dưới đây, chúng ta tiến hành phân tích đoạn 9 PS “*Pearls before Breakfast*”. Các chi tiết chỉ Thang độ được in đậm.

+VD47A: Phân tích đoạn 9 của PS “*Pearls Before Breakfast*” qua phạm trù Thang độ:

+BELL ENDS “AVE MARIA” TO ANOTHER THUNDEROUS SILENCE, plays Manuel Ponce's sentimental “Estrellita,” then a piece by Jules

*Massenet, and then begins a Bach gavotte, a **joyful, frolicsome, lyrical** dance. It's got an Old World delicacy to it; you can imagine it entertaining bewigged dancers at a Versailles ball, or -- in a lute, fiddle and fife version -- the boot-kicking peasants of a Pieter Bruegel painting.*

*Watching the video weeks later, Bell finds himself **mystified** by one thing only. He understands why he's not drawing a crowd, in the rush of a morning workday. But: "I'm surprised at the number of people who don't pay attention at all, **as if I'm invisible**. Because, you know what? I'm makin' **a lot of noise!**"*

*He is. You don't need to know music at all to appreciate the simple fact that there's a guy there, playing a violin that's throwing out **a whole bucket of sound**; at times, Bell's bowing is **so intricate** that you seem to be hearing two instruments playing in harmony. So those **head-forward, quick-stepping** passersby are a **remarkable** phenomenon.*

*Bell wonders whether their inattention may be **deliberate**: If you don't take visible note of the musician, you don't have to feel **guilty** about not forking over money; you're not **complicit** in a rip-off.*

*It may be true, but no one gave that explanation. People just said they were busy, had other things on their mind. Some who were on cellphones spoke **louder** as they passed Bell, to compete with that **infernal** racket.*

And then there was Calvin Myint. Myint works for the General Services Administration. He got to the top of the escalator, turned right and headed out a door to the street. A few hours later, he had no memory that there had been a musician anywhere in sight.

"Where was he, in relation to me?"

*"About **four feet away**."*

"Oh."

*There's nothing **wrong** with Myint's hearing. He had buds in his ear. He was listening to his iPod.*

*For many of us, the explosion in technology has **perversely limited**, not expanded, our exposure to new experiences. Increasingly, we get our news*

from sources that think as we already do. And with iPods, we hear what we already know; we program our own playlists.

*The song that Calvin Myint was listening to was "Just Like Heaven," by the British rock band The Cure. It's a **terrific song, actually**. The meaning is a **little** opaque, and the Web is filled with **earnest** efforts to deconstruct it. Many are **far-fetched**, but some are **right on point**: It's about a **tragic emotional disconnect**. A man has found the woman of his dreams but can't express the depth of his feeling for her until she's gone. It's about failing to see the beauty of what's **plainly** in front of your eyes.*

Nhân xét:

Nhìn chung, có trên 30 chi tiết thuộc phạm trù Thang độ được thẩm định trong đoạn văn nêu trên. Tác giả đã vận dụng các lập thức và biện pháp dưới đây:

+ thunderous silence, infernal racket, terrific song.

+ louder, earnest efforts.

+ perversely limited.

+ a whole bucket of sound

+ four feet away

+ mystified, deliberate, guilty, complicit, right, plainly.

+ joyful, frollicsome, lyrical dance, those head-forward, quick-stepping passersby

+ weeks later, in front of your eyes.

Tóm lại, tác giả đã sử dụng ngôn ngữ thang độ khá phong phú. Các thang độ này phần nào đã tăng cường được tính tích cực cũng như tiêu cực đối với các hành vi của nhân vật trong đoạn văn trên.

3.4.2.2 Phạm trù Thoả hiệp

Nhận xét đầu tiên ở phần này là hai BPCB - Biện giải (*Justifier*) và Nghị luận (*Argumentation*) - trong mô hình cấu trúc PS của Conley, D [54] (đã được đề cập ở Giảm đồ 1.5) có thể được xem là các biện pháp để tạo cầu nối giữa

người viết và người đọc. Nói một cách khác, hai BPCB này rõ ràng hiện thực hóa ý nghĩa liên nhân tức là tạo sự đồng cảm giữa người viết và người đọc. Chúng ta có thể mạnh dạn nói rằng đó là những công cụ để Thoả hiệp. Để chứng minh cho nhận định này chúng ta thử quan sát các đoạn trong PS “*Pearls Before Breakfast*”. Hầu như xuyên suốt tác phẩm, các công cụ Thoả hiệp được biểu đạt ở khắp nơi, cụ thể là các trích đoạn sau đây:

+ **VD48A:** *Each passerby had a quick choice to make, one familiar to commuters in any urban area where the occasional street performer is part of the cityscape: Do you stop and listen? Do you hurry past with a blend of guilt and irritation, aware of your cupidity but annoyed by the unbidden demand on your time and your wallet? Do you throw in a buck, just to be polite? Does your decision change if he's really bad? What if he's really good? Do you have time for beauty? Shouldn't you? What's the moral mathematics of the moment?*

(Mọi khách bộ hành phải lựa chọn nhanh, một phương tiện giao thông quen thuộc ở bất kì khu vực nội ô nào, nơi người nghệ sĩ chuyên nghiệp giả dạng một nghệ sĩ đường phố không chuyên, là một phần của cảnh quan đô thị: Bạn có dừng lại và lắng nghe? Bạn vội vàng bước qua với một cảm giác trộn lẫn giữa phạm tội và bực mình, lưu ý tới sự tham lam nhưng bực bội vì nhu cầu gượng ép về thời gian và chiếc ví của mình? Bạn ném vào hộp một đôla chỉ vì lịch sự? Quyết định của bạn thay đổi nếu người diễn quá dở? Thế còn như ông ta hay thật thì sao? Bạn có thời gian cho cái đẹp không? Không nên à? Bài toán về đạo đức của thời điểm đó là gì?)

+ **VD49A:** *Leonard Slatkin, music director of the National Symphony Orchestra, was asked the same question. What did he think would occur, hypothetically, if one of the world's great violinists had performed incognito before a traveling rush-hour audience of 1,000-odd people?*

(Leonard Slatkin, giám đốc âm nhạc của dàn nhạc giao hưởng quốc gia, đã được chất vấn cùng với câu hỏi. Ông ta đã nghĩ điều gì sẽ xảy ra, theo giả thiết, nếu một trong những nghệ sĩ vĩ cầm tên tuổi của thế giới cải trang để biểu diễn trước khoảng 1000 khán giả tất bật trong giờ cao điểm?)

+ **VD50A:** *"Let's assume," Slatkin said, "that he is not recognized and just taken for granted as a street musician . . . Still, I don't think that if he's really good, he's going to go unnoticed. He'd get a larger audience in Europe . . . but, okay, out of 1,000 people, my guess is there might be 35 or 40 who will recognize the quality for what it is. Maybe 75 to 100 will stop and spend some time listening."*

(“Chúng ta hãy giả dụ,” Slatkin nói, “là ông ta không bị phát hiện và được cho là một nhạc sĩ đường phố... Tuy nhiên, tôi nghĩ là nếu không thật sự có tài thì ông ta sẽ không được ai chú ý. Ông ta có thể có một lượng khán giả nhiều hơn ở châu Âu... nhưng, à trên 1000 người, mà dự đoán của tôi là có lẽ chỉ có 35 hoặc 40 người sẽ hiểu được giá trị của những gì được trình diễn. Có lẽ 75 đến 100 người sẽ dừng bước và dành ít thời gian lắng nghe”.)

+ **VD51A:** *A onetime child prodigy, at 39 Joshua Bell has arrived as an internationally acclaimed virtuoso. Three days before he appeared at the Metro station, Bell had filled the house at Boston's stately Symphony Hall, where merely pretty good seats went for \$100. Two weeks later, at the Music Center at Strathmore, in North Bethesda, he would play to a standing-room-only audience so respectful of his artistry that they stifled their coughs until the silence between movements. But on that Friday in January, Joshua Bell was just another mendicant, competing for the attention of busy people on their way to work.*

(Là đứa trẻ phi thường của một thời, ở tuổi 39 Joshua Bell đã được thế giới thừa nhận là một nghệ sĩ bậc thầy. Ba ngày trước khi xuất hiện tại nhà ga xe điện ngầm, Bell đã có mặt tại sảnh đường dành cho âm nhạc thính phòng của Tiểu bang tại TP Boston, nơi hầu như chỗ ngồi tốt là 100 đôla mỗi vé. Hai tuần sau, tại Trung tâm âm nhạc ở Strathmore, Bắc Bethesda, ông đã biểu diễn trước một cử tọa trong phòng đứng, tôn trọng tài năng của ông đến nỗi khán giả phải nhịn ho chờ đến lúc yên lặng giữa các tấu khúc mới bật ra. Nhưng vào ngày thứ Sáu tháng Giêng đó, Joshua Bell chỉ là một kẻ hành khất khác hẳn, tranh thủ sự chú ý của những con người bận rộn trên đường đi làm mà thôi.)

+ **VD51A:** *If Bell's encomium to "Chaconne" seems overly effusive, consider this from the 19th-century composer Johannes Brahms, in a letter to Clara Schumann: "On one stave, for a small instrument, the man writes a whole world of the deepest thoughts and most powerful feelings. If I imagined that I could have created, even conceived the piece, I am quite certain that the excess of excitement and earth-shattering experience would have driven me out of my mind."*

(Nếu sự tán tụng của Bell dành cho tác phẩm “Chaconne” dường như quá mức bình thường thì hãy cân nhắc sự tán tụng của nhà soạn nhạc Johannes Brahms từ thế kỷ 19 trong một bức thư gửi cho Clara Schumann: “Trên một khuông nhạc, dành cho một nhạc cụ nhỏ, tác giả đã viết ra toàn bộ thế giới tư tưởng sâu sắc nhất và những cảm xúc mạnh mẽ nhất. Nếu tôi tưởng tượng rằng mình đã có thể sáng tác, thậm chí trình bày tác phẩm đó thì tôi hoàn toàn chắc chắn rằng sự kích động vượt mức và sự trải nghiệm phi thường đã có thể làm tôi điên đảo”)

+ **VD52A:** *It was all videotaped by a hidden camera. You can play the recording once or 15 times, and it never gets any easier to watch. Try speeding it up, and it becomes one of those herky-jerky World War I-era silent newsreels. The people scurry by in comical little hops and starts, cups of coffee in their hands, cellphones at their ears, ID tags slapping at their bellies, a grim danse macabre to indifference, inertia and the dingy, gray rush of modernity.*

(Cuộc biểu diễn được một máy quay phim giấu kín thu hình. Bạn có thể xem lại những gì đã thu 1 hoặc 15 lần và không có gì khó khăn khi quan sát. Thử tăng tốc và nó trở nên giật giật như những phim thời sự câm thời kì chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Con người gập gáp trong những điệu bộ, đi đứng hài hước với tách cà phê trong tay, điện thoại di động gắn tai, thẻ nhận dạng lủng lẳng trước bụng như một vũ điệu của người chết. Cho đến sự lạnh lùng, đầy quán tính và máy móc, vội vã đến độ vô hồn của tính hiện đại.)

+ **VD53A:** *It's an old epistemological debate, older, actually, than the koan about the tree in the forest. Plato weighed in on it, and philosophers for*

two millennia afterward: What is beauty? Is it a measurable fact (Gottfried Leibniz), or merely an opinion (David Hume), or is it a little of each, colored by the immediate state of mind of the observer (Immanuel Kant)?

We'll go with Kant, because he's obviously right, and because he brings us pretty directly to Joshua Bell, sitting there in a hotel restaurant, picking at his breakfast, wryly trying to figure out what the hell had just happened back there at the Metro.

(Đó là một cuộc tranh luận đã cũ về tri thức luận, thật sự cũ hơn thuyết công an (Koan) về cây trong rừng. Plato đã cân nhắc điều đó và các triết gia trong hai thiên niên kỷ sau cũng không ngừng đặt câu hỏi: Cái đẹp là gì? Nó có phải là một sự thật đo lường được (Gottfried Leibniz) hay chỉ là một khái niệm (David Hume) hoặc là một phần của cái đẹp được trạng thái tinh thần tức thì của người quan sát tô màu mà thôi (Immanuel Kant).)

Chúng ta sẽ cùng đồng hành với Kant bởi vì rõ ràng là ông ấy đúng và cũng vì ông đưa chúng ta gần như trực tiếp đến với Joshua Bell, đang ngồi tại nhà hàng trong khách sạn, nhấm nháp bữa điểm tâm, đang cố gắng tính toán một cách hài hước những gì đã diễn ra tại ga xe điện ngầm.)

+ **VD54A:** *Playing the violin looks all-consuming, mentally and physically, but Bell says that for him the mechanics of it are partly second nature, cemented by practice and muscle memory: It's like a juggler, he says, who can keep those balls in play while interacting with a crowd. What he's mostly thinking about as he plays, Bell says, is capturing emotion as a narrative: "When you play a violin piece, you are a storyteller, and you're telling a story."*

(Biểu diễn vĩ cầm có vẻ hao mòn cả tinh thần lẫn thể lực nhưng Bell nói rằng đối với ông cơ chế đó là bản chất thứ hai, đã được ổn định bằng luyện tập và kí ức cơ bắp: giống như một người tung hứng, ông nói, vừa giữ các quả bóng trong lúc biểu diễn trong khi vẫn tương tác với đám đông. Anh ta chủ yếu nghĩ gì khi đang biểu diễn, Bell nói, là nắm bắt cảm xúc như một bài kí sự:

“Khi bạn biểu diễn một tác phẩm dành cho vĩ cầm tức bạn là một người kể chuyện và bạn đang thuật lại một câu chuyện”.)

+ **VD55A:** *“Let's say I took one of our more abstract masterpieces, say an Ellsworth Kelly, and removed it from its frame, marched it down the 52 steps that people walk up to get to the National Gallery, past the giant columns, and brought it into a restaurant. It's a \$5 million painting. And it's one of those restaurants where there are pieces of original art for sale, by some industrious kids from the Corcoran School, and I hang that Kelly on the wall with a price tag of \$150. No one is going to notice it. An art curator might look up and say: 'Hey, that looks a little like an Ellsworth Kelly. Please pass the salt.’”*

(“Thí dụ, tôi lấy một trong những kiệt tác trừu tượng của chúng ta như của Ellsworth Kelly, và tháo nó ra khỏi bộ khung, đưa nó xuống khỏi 52 bậc thềm mà người ta phải bước lên để đến Nhà triển lãm quốc gia, đi qua những chiếc cột đồ sộ và mang nó vào một nhà hàng. Đó là một bức tranh có giá 5 triệu đôla. Và đó là một trong những nhà hàng có tác phẩm đặc sắc được bày bán, của một số họa sĩ mới vào nghề vừa tốt nghiệp trường Corcoran và tôi treo bức tranh của Kelly lên một bức tường với giá 150 đôla. Sẽ không ai chú ý tới bức tranh cả. Một nhà quản lý nghệ thuật có thể ngược nhìn và nói: “Này, bức tranh đó trông giống của Ellsworth Kelly. Làm ơn chuyển cho lọ muối.”)

+ **VD56A:** *Kant said the same thing. He took beauty seriously: In his Critique of Aesthetic Judgment, Kant argued that one's ability to appreciate beauty is related to one's ability to make moral judgments. But there was a caveat. Paul Guyer of the University of Pennsylvania, one of America's most prominent Kantian scholars, says the 18th-century German philosopher felt that to properly appreciate beauty, the viewing conditions must be optimal.*

(Kant đã có ý kiến tương tự. Ông đã nhận định về cái đẹp một cách nghiêm túc: Trong tác phẩm “Phê bình về việc đánh giá mỹ học”, Kant lập luận rằng năng lực cảm thụ cái đẹp của con người có liên quan đến khả năng đánh giá đạo đức. Nhưng đã có một sự cảnh báo. Paul Guyer của trường Đại học Pennsylvania, một trong những học giả theo trường phái Kant nổi bật nhất của

nước Mỹ, nói rằng triết gia Đức thế kỷ 18 đã cảm thấy rằng để cảm thụ cái đẹp một cách đúng mực thì các điều kiện để thưởng ngoạn phải là tối ưu.)

+ **VD57A:** *For many of us, the explosion in technology has perversely limited, not expanded, our exposure to new experiences. Increasingly, we get our news from sources that think as we already do. And with iPods, we hear what we already know; we program our own playlists.*

The song that Calvin Myint was listening to was "Just Like Heaven," by the British rock band The Cure. It's a terrific song, actually. The meaning is a little opaque, and the Web is filled with earnest efforts to deconstruct it. Many are far-fetched, but some are right on point: It's about a tragic emotional disconnect. A man has found the woman of his dreams but can't express the depth of his feeling for her until she's gone. It's about failing to see the beauty of what's plainly in front of your eyes.

(Đối với nhiều người chúng ta, sự bùng nổ của công nghệ đã giới hạn một cách tai ác, kìm chế sự phát triển, sự tiếp cận của chúng ta với các trải nghiệm mới. Ngày càng gia tăng sự việc chúng ta nhận tin từ những nguồn tin như thể chúng ta đã biết rồi. Và với iPod, chúng ta nghe những gì chúng ta đã biết; chúng ta lập trình các danh mục phải nghe cho chính mình.

Bài hát mà Calvin Myint đã nghe là “Just Like Heaven” của ban nhạc rock người Anh “The Cure”. Đó là một bài hát tuyệt vời thật sự. Hơi tối nghĩa và trang web thì đầy những nỗ lực báo trước để phê phán nó. Nhiều thứ đã được thổi phồng, nhưng một số lại đúng ở điểm: Đó là một sự gián đoạn cảm xúc có tính bi kịch. Một người đàn ông đã tìm thấy người phụ nữ trong mộng của mình nhưng không thể diễn đạt chiều sâu cảm xúc của mình cho cô ấy hiểu đến khi cô ta ra đi. Bài hát nói về việc không thấy cái đẹp của những điều bình dị ở ngay trước mắt bạn.)

Nhận xét:

Trên đây chỉ là một số trích đoạn tiêu biểu trong PS “*Pearls Before Breakfast*” được chuyển ngữ sang tiếng Việt để dễ nhận xét. Có thể nói rằng những trích đoạn nêu trên hoàn toàn tranh thủ được sự đồng cảm của người đọc

qua từng tình huống, sự kiện, nhân vật trong tác phẩm. Cũng có thể nói rằng ngoài những biện pháp thông thường như: *tác động, tăng cường tình thái, đo lường* và *phán xét* thì hai BPCB – *Biện giải, Nghị luận* – cũng là những công cụ vô cùng hữu hiệu trong việc tạo sự thoả hiệp giữa người viết và người đọc trong ngôn ngữ PS trên báo Tiếng Anh.

3.5. Tiểu kết

Qua khảo sát dữ liệu và phân tích mẫu nhận thấy giữa thể loại PS trên báo tiếng Anh và tiếng Việt có những điểm tương đồng và dị biệt về mặt cấu trúc và ngôn ngữ như sau:

3.5.1 Về mặt cấu trúc

+ Tương đồng

- Tương đồng đầu tiên là thể loại PS trên báo tiếng Anh và tiếng Việt đều có đặc trưng tuyến tính, tức là trong đó khẳng định điều trước tiên được gọi là chủ đề của văn bản và kế tiếp chủ đề được phát triển bằng các chi tiết quan yếu ở những đoạn sau thông qua các BPCB như miêu tả, nghị luận, trích dẫn...

- Thứ hai, PS đều được xem là “*thể loại trần thuật*” kết hợp hai yếu tố: thông tin về sự kiện khách quan và quan điểm chủ kiến của tác giả.

- Thứ ba, bố cục và cấu trúc của một văn bản PS trên báo tiếng Anh và tiếng Việt là rất giống nhau. Cả hai cùng có 5 thành phần cơ bản là: tiêu đề, dẫn đề, nhập đề, thân bài và kết luận. Ngoài ra, các phương tiện chuyên biệt để biểu đạt nội dung một văn bản PS được tượng trưng bằng mô hình bánh xe Wheel-O-Rama của Conley, D. [54] tùy mức độ sử dụng nhiều ít của từng tác giả nhưng nhìn chung là cũng rất giống nhau.

- Thứ tư, “*cái tôi trần thuật*” theo cách nói của giới nghiên cứu ở Việt Nam, tức là những ý kiến, nhận định chủ quan của tác giả khi phân tích, nghị luận, miêu tả... một vấn đề theo chủ kiến của mình rất giống với cái gọi là phương tiện “*độc thoại nội tâm*” của các tác giả Anh – Mỹ.

+ Dị biệt

- Dị biệt trước tiên là sự phân loại PS của nhiều tác giả Anh – Mỹ là rất khác với các nhà nghiên cứu Việt Nam. Trong khi một số tác giả phương Tây, trong đó có Conley, D. [54] đã chia thể loại PS lên đến 14 tiểu thể loại thì các tác giả Việt Nam chỉ chia PS thành 2 tiểu thể loại là PS và PS điều tra (Đức Dũng [6], Dương Xuân Sơn [39], Trần Quang [33]). Quan điểm về PS ở phương Tây có lẽ gần với quan niệm rộng hơn, tức “*nhóm thể kí*” ở Việt Nam hơn. Qua khảo sát có thể thấy các tiểu thể loại PS trên báo tiếng Anh như *investigative, human-interest, first-person*, và *New Journalism features* (Phóng sự điều tra, câu chuyện liên quan đến con người, phóng sự ngôi thứ nhất và phóng sự tân báo chí) tương đồng với thể loại PS điều tra trên báo tiếng Việt. 10 tiểu thể loại còn lại không được xem là PS, cùng lắm thì chúng có thể được xem là tương đồng với thể kí nói chung của Việt Nam mà thôi.

- Dị biệt thứ hai là việc sử dụng các biện pháp tu từ. PS tiếng Anh áp dụng nhiều biện pháp tu từ sinh động hơn PS trên báo tiếng Việt. Đặc biệt các câu hỏi tu từ cũng như các câu hỏi có trọng tâm được các tác giả Anh – Mỹ sử dụng nhuần nhuyễn làm người đọc luôn phải tỉnh táo, băn khoăn và cùng với tác giả luôn suy nghĩ để tìm ra lời giải cho vấn đề tác giả đặt ra. Loại câu hỏi này rất hiếm khi được các tác giả người Việt vận dụng.

- Dị biệt thứ ba là các tác giả Anh – Mỹ thường sử dụng hai BPCB là Biện giải và Nghị luận để làm công cụ Thỏa hiệp giữa người viết và người đọc.

Nhìn chung, về mặt vĩ mô, cấu trúc thể loại PS trên báo tiếng Anh và báo tiếng Việt đều vận dụng giản đồ bánh xe Wheel-O-Rama của Conley, D. tức các yếu tố then chốt (các phương tiện chuyên biệt) của một văn bản PS đều được các tác giả hai nước cùng vận dụng tuy mức độ nhiều, ít có khác nhau.

Tuy nhiên, một điều cần nói ở đây là mô hình bánh xe Wheel-O-Rama của Conley, D chỉ là một mô hình tham khảo được dùng làm phương tiện để phân tích – so sánh các nguồn tư liệu chứ chưa phải là một mô hình mẫu mực là vì thực tế cho thấy các văn bản PS của các tác giả Anh – Mỹ và tác giả Việt Nam còn phong phú hơn chính các BPCB theo mô hình của Conley, D. Cụ thể là các biện pháp: Nghị luận (*argumentation*), đối thoại (*conversation*), thuật sự

(*narration*) và miêu tả (*description*) trong thực tế được các tác giả PS ở cả hai cộng đồng báo chí luôn vận dụng thì lại không thấy đề cập trong mô hình của Conley, D. Một điểm cần phải đề cập nữa là chi tiết đoạn tóm lược (*Summary Paragraph*) trong mô hình của Conley, D. được tác giả xem như một công cụ chuyển mạch để liên kết, tức là tóm lược phần trình bày trước đó để chuyển sang phần sau, xem ra không được hợp lý nếu so với quan điểm của Dunlevy, M. [56] khi ông cho rằng “*summary*” là một BPCB thay cho miêu tả (*description*). Thực tế, qua khảo sát tư liệu chúng tôi thấy rằng quan điểm của Dunlevy là hoàn toàn chính xác khi các tác giả PS người Việt hầu như không vận dụng biện pháp miêu tả mà chỉ vận dụng biện pháp “*summary*” để trần thuật các sự kiện tại hiện trường nhằm cung cấp cho người đọc một bức tranh có đôi nét chấm phá, ít chi tiết hơn rất nhiều so với một bức tranh nhiều chi tiết được các tác giả tiếng Anh “*vẽ*” bằng công cụ miêu tả.

3.5.2 Về mặt ngôn ngữ

+ Những điểm tương đồng

- Thứ nhất là tính văn học trong PS được cả các tác giả người Việt Nam và Anh – Mỹ thừa nhận, sử dụng và cùng được xem là một vũ khí sắc bén để làm tăng tính hấp dẫn của thể loại này.

- Thứ hai là cả hai CĐBC thuộc hai trường phái báo chí khác nhau đều vận dụng một cách nhuần nhuyễn BKTĐ trong các tác phẩm của mình.

+ Những điểm dị biệt

- Thứ nhất là trong khi các tác giả Anh – Mỹ vận dụng nhiều *phương tiện miêu tả* thì các tác giả Việt lại dùng *phương tiện tóm lược* để đưa người đọc tiếp cận với “*hiện trường*” của cốt chuyện. Tất nhiên, miêu tả làm cho người đọc có cảm giác là mình được chứng kiến tận mắt sự việc. Còn tóm lược chỉ là một lối tường thuật giản đơn, người đọc chỉ được “*nghe kể lại một cách tóm tắt*” chứ không “*thấy*” được các chi tiết của sự kiện. Hiệu quả tất yếu sẽ khác nhau: sự kiện được miêu tả sinh động hơn được tóm lược.

- Thứ hai là ngôn ngữ PS tiếng Anh phong phú hơn, đa dạng, trong khi ngôn ngữ của các tác giả Việt Nam khá đơn điệu, sáo mòn, chưa biểu đạt được phong cách của vùng miền, của nhân vật mà nặng tính áp đặt như gán ngôn ngữ của tác giả cho nhân vật dẫn đến cốt chuyện thiếu hẳn đi tính trung thực, từ đó hiệu quả thuyết phục kém.

- Thứ ba là độ dài của câu trong văn bản PS viết bằng tiếng Anh nhìn chung ngắn hơn PS trên báo Việt: bình quân 18.7 từ/ câu so với 27.8 từ/ câu.

- Thứ tư là hai BPCB – Biện giải, Nghị luận – được các tác giả Anh – Mỹ sử dụng như những công cụ hữu hiệu trong việc tạo sự thoả hiệp giữa người viết và người đọc.

PHẦN KẾT LUẬN

Khi đối chiếu với các câu hỏi mà cũng là mục tiêu nghiên cứu của luận án trong phần mở đầu, chúng ta có thể đi đến kết luận như sau:

NHỮNG ĐIỂM TƯƠNG ĐỒNG

1. Về hình thức - cấu trúc

1.1 Tin Quốc tế ở hai trường phái báo chí có 2 (hai) điểm tương đồng về cấu trúc. Đó là:

+ *Tương đồng đầu tiên*, có thể nói rằng giản đồ siêu cấu trúc của van Dijk, T. A. [126] thể hiện được *một không gian ba chiều* qua *bối cảnh* (gồm *hậu cảnh, chu cảnh* và *tiền cảnh*) và *một chuỗi thời gian có ba thì rõ rệt* qua *lịch sử - tiền sử* (quá khứ); *các tình huống* (hiện tại); *các triển vọng/ dự báo* (tương lai). Các yếu tố không gian và thời gian này không tách biệt mà quan hệ, hòa quyện vào nhau và được các yếu tố *kết luận, bình giá* bổ sung. Sau đó, chúng được cô gọn, tóm tắt trong phạm trù *tóm lược* như một quy trình ngược hoặc xuôi. Theo giản đồ của van Dijk, T.A. [126] là tất cả sự kiện quan trọng trong một mẫu tin được tóm lược và đưa lên trước. Còn mô hình mẫu tin theo quỹ đạo của White, P.R.R. [130] cũng chỉ là một sự kế thừa và phát triển mô hình của van Dijk mà thôi. Cái mới, lạ ở đây là *mô hình quỹ đạo* có tính cô đúc và dễ nhớ. Có thể nói mô hình của van Dijk, T. [126] *nặng tính tri nhận* trong khi mô hình của White, P.R.R. [130] *nặng tính thực tế và hiện đại hơn*. Nhìn chung, cả hai mô hình không hề mâu thuẫn với nhau mà lại bổ sung cho nhau.

Điều đặc biệt là qua khảo sát, tác giả luận án nhận thấy hầu như toàn bộ 150 TQT trên báo tiếng Việt và 150 TQT trên báo tiếng Anh thì người viết cùng sử dụng chung một mô hình cấu trúc như đã nêu trên. Các cấu trúc theo chủ đề, tính quan yếu, việc vận dụng các phạm trù của chủ đề để tương thích với sự kiện tin... trên báo tiếng Việt và báo tiếng Anh nói chung là rất giống nhau.

+ *Tương đồng thứ hai*, trong việc vận dụng phạm trù Thái độ bao gồm các giá trị Tác động, Phán xét và Đánh giá ở hai đội ngũ làm báo là sự khen – chê ở các góc độ xã hội, đạo đức.

1.2 Phóng Sự ở hai trường phái báo chí có 5 (năm) điểm tương đồng. Đó là:

+ *Tương đồng đầu tiên* là thể loại PS trên cả hai nền báo chí cùng có đặc trưng tuyến tính, tức là trong đó khẳng định điều trước tiên được gọi là chủ đề của văn bản và kế tiếp chủ đề được phát triển bằng các chi tiết quan yếu ở những đoạn sau thông qua các BPCB như *miêu tả, nghị luận, trích dẫn...*

+ *Tương đồng thứ hai* là PS cùng được xem là “*thể loại trần thuật*” kết hợp hai yếu tố: thông tin về sự kiện khách quan và quan điểm chủ kiến của tác giả.

+ *Tương đồng thứ ba* là bố cục và cấu trúc của một văn bản PS trên báo tiếng Việt và tiếng Anh rất giống nhau. Cả hai cùng có 5 thành phần cơ bản là *tiêu đề, dẫn đề, nhập đề, thân bài và kết luận*.

+ *Tương đồng thứ tư* là các phương tiện chuyên biệt để biểu đạt nội dung một văn bản PS được trưng trưng bằng mô hình bánh xe Wheel-O-Rama của Conley, D. [54] tùy mức độ sử dụng nhiều ít của từng tác giả nhưng nhìn chung là cũng rất giống nhau.

+ *Tương đồng thứ năm* là “*Cái tôi trần thuật*” của tác giả PS trên báo tiếng Việt, tức là những ý kiến, nhận định chủ quan của tác giả khi phân tích, nghị luận, miêu tả... một vấn đề theo chủ kiến của mình cũng tương tự như phương tiện “*độc thoại nội tâm*” của các tác giả trên báo tiếng Anh.

2. Về mặt nội dung - ngôn ngữ

2.1 Tin Quốc tế có 3 (ba) điểm tương đồng:

+ *Tương đồng thứ nhất* ở phạm trù Thái độ (Tác động, Phán xét và Đánh giá) cả hai CĐBC tiếng Việt và tiếng Anh là sự khen –chê ở các góc độ xã hội, đạo đức...

+ *Tương đồng thứ hai* ở phạm trù Thang độ, thể hiện được sự chùng mực, liều lượng vừa phải trong ngôn ngữ được biểu đạt ở cả hai cộng đồng báo chí tiếng Việt và tiếng Anh.

+ *Tương đồng thứ ba* ở phạm trù Thỏa hiệp, cả hai CĐBC cùng vận dụng các biện pháp tu từ giống nhau trong việc biểu đạt các ý nghĩa liên nhân.

2.2 Phóng sự có 2 (hai) điểm tương đồng:

+ *Tương đồng thứ nhất* là tính văn học trong PS được cả hai đội ngũ tác giả tiếng Việt và tiếng Anh thừa nhận, sử dụng và cùng được xem là một công cụ sắc bén để làm tăng tính hấp dẫn của thể loại.

+ *Tương đồng thứ hai* là cả hai đội ngũ thuộc hai CĐBC khác nhau đều vận dụng BKTĐ một cách nhuần nhuyễn trong các tác phẩm của mình.

NHỮNG ĐIỂM DỊ BIỆT

1. Về cấu trúc

1.1 Tin Quốc tế có 3 (ba) điểm dị biệt:

Xét về góc độ định lượng thì TQT của hai trường phái báo chí có nhiều khu biệt khá rõ ràng, thể hiện ở:

+ *Dị biệt thứ nhất* là thông tin về *chu cảnh* trên báo tiếng Anh rộng hơn, bao quát hơn nhất là các chủ đề *lịch sử, tiền sự, tác động/ảnh hưởng, dự báo, các phản hồi bằng lời...* được thể hiện phong phú hơn, thường xuyên hơn. Qua các thông tin này người đọc có được một chu cảnh bao quát, nhiều chiều; có được một cảm giác thật hơn, sống động hơn và khách quan hơn. Trái lại, các chi tiết trên các mẫu tin TQT trên báo tiếng Việt thường ít hơn, các phạm trù về *chu cảnh* thường là đơn điệu, không cung cấp được cho người đọc cái nhìn toàn cục.

+ *Dị biệt thứ hai* là cấu trúc của mẫu TQT trên báo tiếng Anh do chứa đựng quá nhiều chi tiết nên đối với người đọc trình độ thấp sẽ dễ thấy rối rắm, phức tạp. Trong khi đó cấu trúc của báo tiếng Việt, ngược lại, do có ít chi tiết nên thể hiện được tính cô đọng, dễ nhớ hơn, dễ tái hiện hơn.

Mẫu TQT trên báo tiếng Anh thường được phân thành nhiều đoạn hơn và mỗi đoạn chỉ tập trung cho một chi tiết/ sự kiện. Trái lại, TQT trên báo tiếng Việt thường được phân đoạn ít hơn, tức là mỗi đoạn dài hơn chứa nhiều chi tiết/ sự kiện hơn.

+ *Dị biệt thứ ba* là một mẫu TQT trên báo tiếng Anh thường là công trình tổng hợp của nhiều người chưa kể sự đóng góp của ban biên tập trong khi tin tiếng Việt thường là sự dịch lại từ báo nước ngoài hoặc là một công trình tổng hợp do một cá nhân phụ trách.

1.2 Phóng Sự có 4 (bốn) điểm dị biệt:

+ *Dị biệt trước tiên* là sự phân loại. Trong khi một số tác giả phương Tây trong đó có Conley, D.[54] đã phân chia thể loại PS lên đến 14 tiểu thể loại thì các tác giả Việt Nam lại xem PS chỉ vồn vẹn có hai tiểu thể loại là PS và Phóng sự điều tra. Quan điểm về thể loại PS của các tác giả phương Tây có lẽ gần với “*thể ký*” của Việt Nam hơn. Qua khảo sát có thể thấy các tiểu thể loại PS trên báo Mỹ như *Investigative, Human-interest, First-person, và New Journalism Features* (Phóng sự điều tra, Câu chuyện liên quan đến con người, Phóng sự ngôi thứ nhất và Phóng sự Tân báo chí) là tương đồng với thể loại PSĐT trên báo tiếng Việt. Số còn lại là 10 tiểu loại (đã dẫn ở 3.3.2) không được xem là thuộc thể loại PS trên báo tiếng Việt, cùng lắm thì chúng có thể được xem là tương đồng với thể ký nói chung của Việt Nam mà thôi.

+ *Dị biệt thứ hai* là việc sử dụng các biện pháp tu từ. PS Mỹ áp dụng nhiều biện pháp tu từ sinh động hơn PS Việt. Đặc biệt là các câu hỏi tu từ cũng như các câu hỏi có trọng tâm được các tác giả Mỹ sử dụng nhuần nhuyễn làm người đọc luôn phải tỉnh táo, băn khoăn và cùng với tác giả luôn suy nghĩ để tìm ra lời giải cho vấn đề tác giả đặt ra. Loại câu hỏi này rất hiếm khi được các tác giả Việt vận dụng.

+ *Dị biệt thứ ba* là các tác giả trên báo tiếng Anh thường sử dụng hai BPCB là *Biện giải* và *Nghị luận* để làm công cụ *Thỏa hiệp tiềm ẩn* giữa người viết và người đọc. Trái lại, các tác giả người Việt cũng sử dụng hai BPCB này nhưng *có tính hiển ngôn hơn* nên mặc dù có cùng tác dụng nhưng tính nghệ thuật lại không cao.

+ *Dị biệt thứ tư* là về mặt vĩ mô, cấu trúc thể loại PS trên báo tiếng Anh và báo tiếng Việt đều vận dụng giản đồ bánh xe Wheel-O-Rama của Conley, D. [54]. Tức là các yếu tố then chốt - BPCB của một văn bản PS - đều được các

tác giả hai nước cùng vận dụng tuy mức độ nhiều, ít có khác nhau. Một điều cần nói ở đây là mô hình bánh xe Wheel-O-Rama của Conley, D. [54] chỉ là một mô hình tham khảo được dùng làm phương tiện để phân tích – so sánh các nguồn tư liệu chứ chưa phải là một mô hình mẫu mực là vì thực tế cho thấy các văn bản PS của các tác giả Mỹ – Việt còn phong phú hơn chính các BPCB theo mô hình của Conley, D [54]. Cụ thể là các biện pháp Nghị luận (*argumentation*), đối thoại (*conversation*), thuật sự (*narration*) và miêu tả (*description*)... trong thực tế được các tác giả PS ở cả hai trường phái báo chí luôn vận dụng thì lại không thấy đề cập đến trong mô hình của Conley, D. Ngoài ra, một điểm cần phải đề cập nữa là chi tiết đoạn tóm lược (*Summary Paragraph*) trong mô hình của Conley, D. được tác giả xem như một công cụ chuyển mạch để liên kết tức là tóm lược phần trình bày trước đó để chuyển sang phần sau, xem ra không được hợp lý nếu so với quan điểm của Dunlevy, M.[56] khi ông cho rằng “*summary*” là một BPCB thay cho miêu tả (*description*). Thực tế cho thấy rằng quan điểm của Dunlevy, M [56] là hoàn toàn chính xác khi các tác giả PS người Việt hầu như không vận dụng biện pháp này mà chỉ vận dụng biện pháp “*summary*” để trần thuật các sự kiện tại hiện trường nhằm cung cấp cho người đọc một bức tranh có đôi nét chấm phá, ít chi tiết hơn rất nhiều so với một bức tranh nhiều chi tiết được các tác giả trên báo tiếng Anh “*vẽ*” bằng công cụ miêu tả.

2. Dị biệt về mặt nội dung - ngôn ngữ

2.1 Tin Quốc Tế có 3 (ba) điểm dị biệt:

+ *Dị biệt về ý thức hệ và quan điểm chính trị* rõ ràng là được biểu đạt rất khác nhau: lực lượng viết TQT trên báo tiếng Anh có một thái độ khách quan hơn tức là nhận xét mọi vấn đề ở cả hai mặt tích cực cũng như tiêu cực của mọi bttđ trong khi lực lượng viết TQT người Việt chỉ đề cập đến khía cạnh tích cực và bỏ qua hoặc đề cập rất hạn chế đến các hành động tiêu cực của những nhân vật đã thành danh trong hệ thống XHCN nói chung.

+ *Dị biệt về phạm trù Thang độ* thể hiện ở chỗ vốn từ vựng của tiếng Anh phong phú hơn, nhiều màu sắc hơn so với nguồn từ vựng tiếng Việt nên các từ ngữ chỉ Thang độ trong tiếng Anh đa dạng hơn.

+ *Dị biệt về phạm trù Thỏa hiệp* trên báo tiếng Việt thể hiện ở công cụ *đồng hóa* được sử dụng một cách chủ yếu để tường thuật các câu nói của các nhân vật trong phạm trù Thỏa hiệp. Trong khi các tác giả trên báo tiếng Anh *dùng nhiều câu trực tiếp hơn*.

2.2 Phóng Sự có 3 (ba) điểm dị biệt:

+ *Dị biệt thứ nhất* là ngôn ngữ PS trên báo tiếng Anh *phong phú hơn, đa dạng hơn thể hiện được chiều sâu tri thức của tác giả trên nhiều lĩnh vực khác nhau* trong khi ngôn ngữ của các tác giả trên báo tiếng Việt *còn khá đơn điệu, sáo mòn, chưa biểu đạt được phong cách của vùng, miền, của nhân vật mà nặng tính áp đặt như gán ngôn ngữ của tác giả cho nhân vật dẫn đến cốt chuyện thiếu hẳn đi tính trung thực, từ đó hiệu quả thuyết phục cũng kém đi*.

+ *Dị biệt thứ hai* là độ dài của câu PS trên báo tiếng Anh nói chung là ngắn hơn trên báo tiếng Việt, bình quân 18,7 từ/ câu so với 27,8 từ/ câu.

+ *Dị biệt thứ ba* là hai BPCB – *Biện giải, Nghị luận* – được các tác giả PS trên báo Tiếng Anh sử dụng *như những công cụ liên nhân nhưng mang tính tiềm ẩn* trong việc tạo sự thỏa hiệp giữa người viết và người đọc. Trái lại, CDBC tiếng Việt cũng sử dụng hai biện pháp này nhưng *có tính hiển ngôn hơn*, mặc dù cũng tạo được một số hiệu quả nhất định trong ý nghĩa liên nhân nhưng biểu hiện tính nghệ thuật không cao.

Do đó, BKTĐ do một nhóm học giả đứng đầu là Martin, J.R [110] phát triển trên nền tảng NHCNHT của Halliday, M.K.A. [70], [71], [73], [74], [75], [76], [77], [78], [79], [80] có thể được áp dụng một cách rộng rãi để phân tích các diễn ngôn trong TQT cũng như PS trên báo tiếng Việt và nó hoàn toàn cho phép chúng ta so sánh trên bình diện liên nhân giữa hai ngôn ngữ.

Việc sử dụng BKTĐ bao gồm các phạm trù Thái độ (Tác động, Phán xét, Đánh giá), Thỏa hiệp và Thang độ làm công cụ phân tích văn bản kết hợp với

bình diện kinh nghiệm và liên nhân có thể làm sáng tỏ hơn các đặc điểm về ngôn ngữ của thể loại TQT và PS ở cả hai ngôn ngữ nói chung.

Những đặc điểm giống nhau về cấu trúc thể loại và ngôn ngữ trong lượng giá ở TQT cũng như PS cho thấy rằng thuyết phân tích thể loại là chính xác khi các văn bản có thể loại giống nhau sẽ có mô hình cấu trúc giống nhau do các đặc trưng chế định của thể loại. Về mặt ngôn ngữ và tu từ tiềm năng cũng vậy. Khi đã có cùng mục đích như nhau, ví dụ: như người viết tin cần có sự chia sẻ, đồng tình cũng như các tác giả PS cần chuyển tải và san sẻ những vấn đề đa dạng của cuộc sống đến người đọc thì các tác giả ấy tất phải có sự tranh thủ, tìm kiếm sự đồng tình, đồng quan điểm qua các phạm trù thỏa hiệp; bày tỏ thái độ; đánh giá cái hay, cái đẹp; chê trách cái xấu, cái dở; phán xét cái thiện – cái ác... thì rõ ràng các công cụ của BKTĐ là vô cùng đặc lực nhất là các biện pháp tu từ. Mặc dù sự thật, tính khách quan bao giờ cũng là những phạm trù mang tính quyết định đối với giá trị của tin, của PS nhưng không thể phủ định vai trò của tu từ trong hai thể loại này được. Với biện pháp tu từ khéo léo, hợp lý thì giá trị của sự thật, của tính khách quan trong các văn bản báo chí càng được nâng cao.

Tóm lại, những điều giống nhau giữa hai trường phái báo chí như cấu trúc và một số điểm về mặt ngôn ngữ chẳng hạn là một xu thế toàn cầu tất yếu. Những gì mới, tiến bộ sẽ được dung nạp và phát triển rộng rãi còn tất nhiên những khác biệt nhất là về mặt ngôn ngữ là thuộc chiều sâu văn hóa. Không thể cứ cho rằng vốn ngôn ngữ của mình còn nghèo, còn hạn chế thì cứ bỏ sung... nhưng bỏ sung bằng cách nào thì còn là một vấn đề không dễ dàng có lời đáp.

ĐỀ XUẤT HƯỚNG NGHIÊN CỨU TRONG TƯƠNG LAI

Như đã trình bày trong luận án, đây là một công trình nghiên cứu lấy cấu trúc thể loại và ngôn ngữ trong TQT và PS sử dụng BKTĐ làm công cụ đo lường. Tuy nhiên, đây chỉ mới là bước đầu BKTĐ được dùng làm làm cơ sở phân tích ngôn ngữ báo chí qua bình diện liên nhân ở hai thể loại cơ bản của báo tiếng Việt và tiếng Anh mà thôi. Hạn chế của chúng tôi là vẫn chưa xác lập và hệ thống được kho từ vựng dùng để thẩm định loại tin chính trị và PS được

đề cập trên báo chí tiếng Việt và tiếng Anh. Thiết nghĩ với những công trình nghiên cứu chuyên sâu về ngôn ngữ lượng giá qua BKTĐ và sự trợ giúp của máy tính chúng tôi sẽ sớm hình thành được nguồn ngữ liệu (*corpus*) thuộc lĩnh vực này và sẽ đóng góp phần nhỏ bé của mình cho ngành ngôn ngữ học trong một tương lai không xa.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

- **“Lịch sử nghiên cứu lý luận về báo chí ở phương Tây”** Tập san Khoa học Xã hội – Nhân văn, số 44 - tháng 9/2008.

- **“Cấu trúc tiểu thể loại TQT qua dữ liệu trên báo trực tuyến Hoa Kỳ”** Tạp chí Khoa học Xã hội, Viện Phát Triển Bền Vững Vùng Nam bộ, số 127 – tháng 3/2009.

- **“Tìm hiểu cấu trúc thể loại Phóng sự qua dữ liệu trên báo trực tuyến tiếng Anh”**, Tập san Khoa học Xã hội – Nhân văn số 47 – tháng 6/2009.

- **“Xu thế toàn cầu hóa trong diễn ngôn của một số phương tiện truyền thông đại chúng Hoa Kỳ: hiện tượng lịch sử, nguyên nhân và hệ quả”**. Tạp chí Khoa học Xã hội, Viện Phát Triển Bền Vững Vùng Nam bộ, số 4 (140) – 2010.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. TIẾNG VIỆT

1. **Vũ Thị Phương Anh (2002)**, *Xác định độ khó của văn bản (Readability) và việc kiểm tra ngôn ngữ*, Tập san Khoa học Xã hội & Nhân văn số 20.
2. **Diệp Quang Ban (2005)**, *Văn bản và liên kết trong tiếng Việt*, Giáo dục, Hà Nội.
3. **Nguyễn Đức Dân (2007)**, *Ngôn ngữ báo chí – Những vấn đề cơ bản*, Giáo dục, TP HCM.
4. **Đức Dũng (1996)**, *Các thể ký báo chí*, VHTT, Hà Nội.
5. **Đức Dũng (2003)**, *Ký văn học và ký báo chí*, VHTT, Hà Nội.
6. **Hà Minh Đức (chủ biên) (1997)**, *Báo chí, những vấn đề lý luận và thực tiễn*, ĐHQG HN, Hà Nội.
7. **Hà Minh Đức (2000)**, *Cơ sở lý luận báo chí – Đặc tính chung và phong cách*, ĐHQG HN, Hà Nội.
8. **Phạm Hữu Đức (2008)** *Đặc điểm Ngôn Ngữ của văn bản tin Tiếng Việt so sánh với văn bản tin Tiếng Anh*, Luận án Tiến sĩ ngữ văn, Đại học KHXH & NV, ĐHQG TP HCM.
9. **Vũ Quang Hào (2001)**, *Ngôn ngữ báo chí*, ĐHQG HN, Hà Nội.
10. **Nguyễn Thị Thu Hiền (2008)**, *Cấu trúc Đề - Thuyết trong văn bản tin tiếng Anh và tiếng Việt*, Luận án Tiến sĩ ngữ văn, ĐHKHXH&NV, ĐHQG TP HCM.
11. **Nguyễn Hòa (1999)**, *Phân tích diễn ngôn về chính trị - xã hội trên tư liệu báo chí tiếng Anh và tiếng Việt hiện đại*, Luận án Tiến sĩ ngữ văn, ĐHQGHN.
12. **Nguyễn Hòa (2009)**, *Phân tích diễn ngôn phê phán – lý luận và phương pháp*, ĐHQGHN, Hà nội.
13. **Đỗ Quang Hưng (2001)**, *Lịch sử báo chí Việt Nam*, ĐHQGHN, Hà Nội.
14. **Phạm Thành Hưng (2001)**, *Thuật ngữ báo chí – Truyền thông*, ĐHQG HN, Hà Nội.

15. **Nguyễn Thị Thanh Hương (2003)**, *Đối chiếu ngôn ngữ phóng sự trong báo in tiếng Anh và tiếng Việt*, Luận án tiến sĩ ngữ văn, ĐH KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội.
16. **Đinh Văn Hùng (2007)**, *Các thể loại Báo chí - Thông tấn*, ĐHQGHN, Hà Nội.
17. **Nguyễn Tri Niên (2004)**, *Ngôn ngữ báo chí*, Khoa học xã hội, Hà Nội
18. **Nguyễn Vạn Phú (1999)**, *Tiếng Anh lý thú – Những điều tinh tế trong tiếng Anh qua ngôn ngữ kinh doanh và ngôn ngữ báo chí*, TPHCM, TPHCM.
19. **Phan Quang (2001)**, *Về diện mạo báo chí Việt Nam*, Chính trị quốc gia, Hà Nội.
20. **Phan Quang (2005)**, *Nghề văn nghiệp báo*, Thông tấn, Hà Nội.
21. **Trần Quang (2005)**, *Các thể loại báo chí chính luận*, ĐHQG HN, Hà Nội.
22. **Trần Quang (2005)**, *Kỹ thuật viết tin*, ĐHQG HN, Hà Nội.
23. **Trương Quang Phú (2002)**, *Để hiểu được CÁI BÓNG BẦY, CÁI HÀI HƯỚC trong ngôn ngữ báo chí Anh – Mỹ*, ĐHQG, TPHCM.
24. **Trịnh Sâm (2001)**, *Tiêu đề văn bản tiếng Việt*, Giáo dục, TP. HCM.
25. **Trịnh Sâm (2008)**, *Đặc điểm ngôn ngữ báo chí nhìn từ hoạt động báo chí ở TP.HCM*, Ngôn ngữ & Đời sống số 12 (158) 2008 – Hà Nội.
26. **Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hùng & Trần Quang (2004)**, *Cơ sở lý luận báo chí truyền thông*, ĐHQGHN, Hà Nội.
27. **Dương Xuân Sơn (2004)**, *Các thể loại báo chí chính luận nghệ thuật*, ĐHQG HN, Hà Nội.
28. **Dương Xuân Sơn (2008)**, *Vai trò của báo in Việt Nam trong thời kỳ đổi mới trong quá trình giao lưu, tiếp nhận và hội nhập văn hóa quốc tế*.
<http://www.hids.hochiminhcity.gov.vn/Hoithao/VNHOC/TB4/son.pdf>
29. **Trần Ngọc Thêm (2000)**, *Hệ thống liên kết các văn bản tiếng Việt*, Giáo dục, TP. HCM.

30. **Hoàng Văn Vân (2004)**, *Dẫn luận ngữ pháp chức năng* (bản dịch) ĐHQGHN, Hà Nội.
31. **Hoàng Văn Vân (2002)**, *Ngữ pháp kinh nghiệm của cú tiếng Việt mô tả theo quan điểm chức năng hệ thống*, KHXH, Hà Nội.
32. **Nhiều dịch giả (2007)**, *Nhà báo hiện đại (dịch từ nguyên tác News Reporting and Writing – The Missouri Group)*, NXB Trẻ, TP.HCM.
33. **Nhiều tác giả (2005)**, *Thể loại báo chí*, ĐHQG, TP.HCM.
34. **Hội Nhà báo Thành phố Hà Nội (2004)**, *Sơ thảo lịch sử báo chí Hà Nội*, Chính trị quốc gia, Hà Nội

B. TIẾNG ANH

36. **Bakhtin, M. (1981)**, *The Dialogical Imagination*, M. Holquist, , C. Emerson & M. Holquist, (trans.), University of Texas Press, Austin
37. **Bell, A. (1991)**, *The Language of News Media*, , Blackwell., Oxford.
38. **Bell, A. (1998)**, *The Discourse Structure of News Stories*, in *Approaches to Media Discourse*, Bell, A. & Garrett, P. (eds.), Blackwell, Oxford.
39. **Berkenkotter, C. & Huckin, T.M. (1993)**, *Rethinking of Genre from a socio-cognitive Perspectives*, *written communication 10* (475-509).
40. **Berkenkotter, C. & Huckin, T.M. (eds) (1995)**. *Genre Knowledge in Disciplinary Communication: cognition (culture/ power*. Hillsdale Erlbaum, N.J).
41. **Bhatia,V.K. (1993)**, *Analysing Genre: Language Use in Professional Settings*, Burnt Mill, Longman, London.
42. **Biber, D. (1988)**, *Variation Across Speech and Writing*, Cambridge University Press, Cambridge.
43. **Biber, D. & Finegan, E. (1989)**, *Styles of Stance in English: Lexical and Grammatical Marking of Evidentiality and Affect*, Text 1: 93-124.
44. **Bird, E. & R. Dardenne (1988)**, *Myth, Chronicle And Story – Exploring the Narrative Quality of News*, J.W. Carey, Sage Publications, California.
45. **Bleyer, W.G. (1919)**, *How to write Special Feature Articles*. The

Riverside Press, Mass.

46. **Briggs, C. & Bauman, R. (1992)**, *Genre, Intertextuality, and Social Power*, *Journal of Linguistics Anthology* 2, no.2 (131-172).
47. **Channell, J. (1994)**, *Vague Language*, Oxford University Press, Oxford
48. **Charnley, M.V. (1965)**, *Reporting*, Hold, Richart & Winston, Inc, NewYork.
49. **Christie, F. & Martin, J.R. (1991), J.R. (eds) (1997)**, *Genre and Institutions – Social Processes in the Workplace and School*, Cassell, London.
50. **Clark, C., P.Dew & T. Pinch (2003)**, *Managing prospect affiliation and rapport in real-life sale encounters*, *Discourse Studies* 5.1. 5- 32.
51. **Coffin, C. (1997)**, *Constructing and Giving Value to the Past: an Investigation into Second School History*, in *Genre and Institutions – Social Processes in the Workplace and School*, Christie, F. & Martin, J.R (1991), J.R. (eds), Cassell, London.
52. **Coffin, C. (1997), C. & O’ Halloran, K. (2005)**, *Finding the Global Groove: Theorizing and Analyzing Dynamic Reader Positioning Using APPRAISAL, corpus and a Concordancer*, *Critical Discourse Studies* 2 (2), 143 – 163.
53. **Coffin, C. (1997), C & O’ Halloran, K. – (2006)**, *The Role of Appraisal and Corpora in Detecting Covert Evaluation*, *Functions of language* 13(1), 77- 110.
54. **Conley, D. (1997)**, *The Daily Miracle – An Introduction to Journalism*, Oxford University Press, Melbourne.
55. **Coulthard, M. (1994)**, 'On Analysing and Evaluating Text', in *Advances in Written Text Analysis*, Coulthard, M. (ed.), Routledge, London.
56. **Dunlevy, M. (1988)**, *Feature Writing*, Deakin University Press, Victoria.
57. **Eggins, S. & Slade, D. (1997)**, *Analysing Casual Conversation*, Cassell, London.
58. **Eng, P. & Hodson, J. (2001)**, *Reporting and Writing News – A Basic*

- Handbook*, The Indochina Media Memorial Foundation, Bangkok, Thailand
59. **Ericson, R.V. & Baranek, P.M. (1991)**, *Representing Order: Crime, Law and Justice in the News Media*, Open University Press, Milton Keynes.
 60. **Evans, H. (1972)**, *Newsman's English*, Heinemann, Oxford.
 61. **Fairclough, N. (1989)**, *Language and Power*, Longman, London.
 62. **Fairclough, N. (1992)**, *Discourse and Social Change*, Polity Press, Cambridge.
 63. **Fairclough, N. (1995)**, *Media Discourse*, Edward Arnold, London.
 64. **Fishman, M. (1980)**, *Manufacturing the News*, University of Texas Press, Austin.
 65. **Fowler, R. (2005)**, *Language in the News*, Routledge, New York.
 66. **Friedlander, E.J. & J. Lee. (1988)**, *Feature Writing for Newspapers and Magazines: The Pursuit of Excellence*, Harper & Row, New York.
 67. **Fuller, G. (1995)**, *Engaging Cultures: Negotiating Discourse in Popular Science*, Ph.D Thesis, University of Sydney, Sydney.
 68. **Fuller, G. (1998)**, *Cultivating Science: Negotiating Discourse in the Popular Texts of Stephen Jay Gould*, in *Reading Science - Critical and Functional Perspectives on Discourses of Science*, Martin, J.R (1991), J.R. & Veel, R. (eds), Routledge, London.
 69. **Guijarro, A.J.M. (2010)**, *A Multimodal Analysis of the Tale of Peter Rabbit within the Interpersonal Metafunction* in *Journal of the Spanish Association of Anglo – American Studies*.32.1: 123- 140 ISSN 0210 – 6124.
 70. **Halliday, M.A.K. (1967)**, *Intonation and Grammar in British English*, Mouton, The Hague.
 71. **Halliday, M.A.K. (1973)**, *Explorations in the Functions of Language*, Edward Arnold, London.
 72. **Halliday, M.A.K. & Hasan, R. (1976)**, *Cohesion in English*, Longman,

London.

73. **Halliday, M.A.K. (1978)**, *Language As a Social Semiotic: The Social Interpretation of Language and Meaning*, Edward Arnold, London.
74. **Halliday, M.A.K. (1979)**, *Modes of Meaning and Modes of Expression: Types of Grammatical Structure, and their Determination by Different Semantic Functions, in Function and Context in Linguistics Analysis: Essays Offered to William Haas*, Allerton, D.J., Carney, E., & Holcroft, E. (eds), Cambridge University Press: 57-79, Cambridge.
75. **Halliday, M.A.K. (1991)**, *Towards Probabilistic Interpretations, in Functional and Systemic Linguistics. Approaches and Uses*, Ventola, E. (ed.), Mouton, The Hague.
76. **Halliday, M.A.K. (1994)**, *An Introduction to Functional Grammar*, Edward Arnold, London.
77. **Halliday, M.A.K. (1998)**, *Things and Relations: Regrammaticising Experience As Technical Knowledge, in Reading Science. Critical and Functional Perspectives on Discourses of Science*, Martin, J.R (1991), J.R. & Veal, R. (eds), Routledge, London.
78. **Halliday, M.A.K. & Hasan, R. (1985)**, *Language, Context and Text: Aspects of Language in a Socio-Semiotic Perspective*, Deakin University Press, Geelong.
79. **Halliday, M.A.K. & Matthiessen, C. (1999)**, *Construing Experience Through Meaning: a language – based Approach to Cognition*. Continuum, London.
80. **Halliday, M.A.K (2004)**, *An Introduction to Functional grammar, revised by Cliristian M.I.M. Matthiesen, C. [1993], C. [1993]*, Edward Arnold, London.
81. **Hoang Van Van (2006)**, *Introducing Discourse Analysis*, Giáo Dục, Hà Nội.
82. **Hood, S. (2004)**, *Appraising Research: Taking a stance in academic writing, A Ph.D thesis*, Faculty of Education, University of Technology,

Sydney.

83. **Hough, S. (1984)**, *News writing*, Houghton Mifflin, Boston.
84. **Iedema, R., S. Feez, and White, P.R.R. (1994)**, *Media Literacy, Disadvantaged Schools Program*, NSW Department of School Education, Sydney.
85. **Kinneavy, J.L. (1971)**, *A Theory of Discourse: the Aims of Discourse*, Englewood Cliffs, NJ., Prentice-Hall International., NJ.
86. **Korner, H. (2000)**, *Negotiating Authority: The Logo genesis of Dialogue in Common Law Judgments, unpublished Ph.D dissertation*, Linguistics Department, University of Sydney, Sydney.
87. **Kress, G. (1986)**, *Language in the Media: the Construction of the Domains of Public and Private*, *Media, Culture and Society* 8: 395-419.
88. **Kress, G. & Theo van Leeuwan (2006)**, *Reading Images. The Grammar of Visual Design*, 2nd edition, Routledge, London.
89. **Labov, W. (1972)**, *The Transformation of Narrative Syntax*, in *Language in the Inner City: Studies in Black English Vernacular*, Labov, W. (ed.), University of Pennsylvania Press, Philadelphia.
90. **Labov, W. (1981)**, *Speech Actions And Reactions in Personal Narrative*, in *Analysing Discourse: Text and Talk*, Tannen, D. (ed.), GURT: 219-47.
91. **Labov, W. (1984)**, *Intensity*, in *Meaning, Form and Use in Context: Linguistic Applications*, Schifffrin, D. (ed.), Georgetown University Press, Washington D.C
92. **Labov, W. & Waletzky, J. (1967)**, *Narrative Analysis*, in *Essays on the Verbal and Visual Arts (Proceedings of the 1966 Spring Meeting of the American Ethnological Society)*, Helm, J. (ed.), University of Washington Press: 12-44, Seattle.
93. **Lakoff, G. (1973)**, *Hedges: A study in meaning criteria and the logic of fuzzy concepts*, *Proceeding of the Chicago linguistics Society* 8: 183-228.
94. **Land, F.M. (1995)**, *Awakening the Right Brain in Feature writing*, *Journalism & Mass Comm. Educator*, Autumn (p.53).

95. **Lemke, J.L. (1998)**, *Resourcer for attitudinal meaning: evaluative orientation in Text Semantics, Functions of language 5.1.* 33-56.
96. **MacDougall, C.D. (1982)**, *Interpretative Reporting, 8th ed.*, Macmillan Publishing Co, New York.
97. **Machin, D. & Van Leeuwen, T. (2007)**, *Global Media Discourse*, Routledge, London & New York.
98. **Macken-Horarik, M. and Martin, J.R. (eds), (2003)**, *Text, Special Issue – Negotiating Heteroglossia: Social Perspectives on Evaluation*, Mouton de Gruyter. Vol. 23, 2003, Berlin & New York.
99. **Marshall, C., Adendorff, R. & de Klerk, V. (2009)**, *The role of APPRAISAL in the NRF Rating system: An Analysis of Judgement and Appreciaton in Peer Reviewer’s Reports – South African linguistics and Applied language studies 27(4)*, 391-412.
100. **Martin, J.R. & Plum, G.A. (1997)**, *Construing Experience: Some Story Genres, Journal of Narrative and Life History.*
101. **Martin, J.R. (1991)**, *Intrinsic Functionality: Implications for Contextual Theory*, *Social Semiotics* 1 (1): 99-162.
102. **Martin, J.R. (1992)**, *English Text, System and Structure*, John Benjamins Publishing Company, Philadelphia/Amsterdam.
103. **Martin, J.R. (1995a)**, *Interpersonal Meaning, Persuasion, and Public Discourse: Packing Semiotic Punch*, *Australian Journal of Linguistics* 15: 3-67.
104. **Martin, J.R. (1995b)**, *Reading Positions/Positioning Readers: JUDGEMENT in English, Prospect: a Journal of Australian TESOL* 10 (2): 27-37.
105. **Martin, J.R. (1995c)**, *Text and Clause: Fractal Resonance*, *Text* 15 (1): 5-42.
106. **Martin, J.R. (1996)**, *Types of Structure: Deconstructing Notions of Constituency in Clause and Text, in Computational and Coversational Discourse: Burning Issues - an Interdisciplinary Account*, vol. 151, Hovy,

- E.H. & Scott, D.R. (eds), (NATO Advanced Science Institute Series F - Computer and Systems Science: 39-66.) Heidelberg, Springer.
107. **Martin, J.R. (1997)**, *Analysing Genre: Functional Parameters*, in *Genres and Institutions: Social Processes in the Workplace and School*, Christie, F. & Martin, J.R. (1991), (eds), Cassell: 3-39, London.
108. **Martin, J.R.** in press: *Beyond Exchange: APPRAISAL Systems in English*, in *Evaluation in Text*, Hunston, S. & Thompson, G. (eds), OUP, Oxford.
109. **Martin, J.R. & D. Rose, (2003)**, *Working with Discourse: Meaning Beyond the Clause*, Continuum, London.
110. **Martin, J.R. & White, P.R.R. (2005)**, *The Language of Evaluation: Appraisal in English*, Palgrave Macmillan, Hampshire-New York.
111. **Matthiessen, C. & Thompson, S.A. (1988)**, *The Structure of Discourse and Subordination*, in *Clause Combining in Grammar and Discourse*, Haiman, J. & Thompson, S.A. (eds), Benjamins: 275-329., Amsterdam.
112. **Matthiessen, C. (1993)**, *Register in the Round: Diversity in a Unified Theory of Analysis*, in *Register Analysis - Theory and Practice*, Ghadessy, M. (ed.), Pinter Publishers, London.
113. **Matthiessen, C. (1995)**, *Lexicogrammatical Cartography : English Systems*, *International Language Sciences*, Tokyo.
114. **Mencher, M. (1994)**, *News Reporting & Writing*, Brown & Bench Mark, Iowa.
115. **Miller, D. (2004)**, ... *to meet our common challenge: ENGAGEMENT strategies of alignment and alienation in current US international discourse* www.grammatics.com/appraisal/millerD/millerD-textus.pdf
116. **Miller, D. (2002)**, *Multiple judicial opinions as specialized sites of engagement: conflicting paradigms of valuation and legitimation in Bush v. Gore 2000*, in M. Gotti, D. Heller e M. Dossena (eds), *Conflict and Negotiation in Specialized Texts*,: Peter Lang, Linguistic Insights Series, 2002, pp. 119 – 141, Bern

117. **Mohan, T. et al (1997)**, *Communicating! Theory and Practice*, Hartcourt Brace & Company, NSW.
118. **O'Toole, M. (1999)**, *Engaging with Art. A New way of looking at Paintings*, Murdoch University, Perth.
119. **Rajan, N. (2005)**, *Practising Journalism*, SAGE publications, New Delhi, California & London.
120. **Rothery, J. & Stenglin, M. (2000)**, *Interpreting Literature: The Role of APPRAISAL. In Researching Language in Schools and Functional Linguistic Perspectives*, Unsworth, L. (ed.), Cassell, London.
121. **Swales, J.M. (1981)**, *Aspects of Article Introductions, in Aston ESP Research Project No.1*, Language Studies Unit, University of Aston, Birmingham.
122. **Swales, J.M. (1990)**, *Genre Analysis*, Cambridge University Press, Cambridge.
123. **The Missouri Group (2005)**, *News Reporting and Writing*, Freeman and Worth Publishing, Boston, Massachusetts.
124. **Trew, T. (1979a)**, *Theory and Ideology at Work, in Language and Control*, Fowler. R (2005), R., Hodge, B., Kress, G., & Trew, T. (eds), Routledge & Kegan Paul, London.
125. **Trew, T. (1979b)**, *What the Papers Say: Linguistic Variation and Ideological Difference, in Language and Control*, Fowler. R (2005), R. (ed.), Routledge & Kegan Paul., London.
126. **Van Dijk, T.A. (1988a)**, *News Analysis*, Lawrence Erlbaum Associates, NJ.
127. **Van Dijk, T.A. (1988)**, *News As Discourse*, Hillsdale, Lawrence Erlbaum Associates, NJ.
128. **Van Leeuwen, T. (1987)**, *Generic Strategies in Press Journalism, Australian Review of Applied Linguistics 10 (2): 199-220.*
129. **White, P.R.R. (1997)**, *Death, Disruption and the Moral Order: the Narrative Impulse in Mass-Media Hard News Reporting, in Genres and*

- Institutions: Social Processes in the Workplace and School*, Christie, F. & Martin, J.R. (1991), J.R. (eds.), Cassell: 101-133, London.
130. **White, P.R.R. (1998)**, *Telling Media Tales: the News Story As Rhetoric*. Unpublished Ph.D Dissertation, www.grammatics.com/appraisal.
131. **White, P.R.R. (2000)**, *Dialogue and Inter-Subjectivity: Reinterpreting the Semantics of Modality and Hedging*, in *Working With Dialog*, Coulthard, M., Cotterill, J., & Rock, F. (eds), Neimeyer.
132. **White, P.R.R. (2006)**, *Evaluative Semantics and Ideological Positioning in Journalistic Discourse*, in *Image and Ideology in the Mass Media*, Lassen, I. (ed.), , John Benjamins: 45 – 73, Amsterdam/ Philadelphia.
133. **Wolfe, T. & Johnson, E.W. (eds) (1975)**, *The New Journalism* ,Picador, London
134. <http://encyclopedia.thefreedictionary.com>

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: THUẬT NGỮ ĐỐI CHIẾU VIỆT - ANH ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG LUẬN ÁN

Ánh xạ	mapping
Báo khổ nhỏ	tabloid
Báo khổ to	broadsheet
Bị thẩm định	appraised
Biểu chứng	evidentiality
(Tính) biểu thái	attitudinal (adj)
(Biểu thái) lượng giá	attitudinal evaluation
(Biểu thái) lời văn	attitudinal inscription
(Biểu thái) dấu hiệu	attitudinal token
Bình giá	evaluation
Bộ khung thẩm định	appraisal framework
Cá nhân biểu đạt	interlocutor
Cá thể, hiện dạng	token
Các thành phần tin tức cần thiết	essential news elements
Cái tôi trần thuật	narrative ego
Chi tiết hóa	elaboration
Cấu hình theo ngữ cảnh	contextual configuration
Cấu trúc hình tháp	pyramid structure
Chia tách, phân rẽ	convergence
Chiều phân cực	polarity
Chu cảnh góc độ	circumstance of Angle
Chu cảnh hóa	contextualization
Chu cảnh phương thức	circumstance of Manner
Chu cảnh vấn đề	circumstance of Matter
Chú đề	theme
Chủ quan	subjective (adj); subjectivity (n)
Chủ thể tác động / tác thể	agent / agency
Chuỗi cú phát ngôn	verbal sequence of clauses
Chuỗi hành động	activity – sequence

Chuyện bịa	yarn
Chuyện kể	recount
Chuyện ngụ ngôn	exemplum
Chương trình trong trường khuyết tật	Disadvantaged School Program
Chứng thực	endorsement
Chối bỏ, phủ định	Disclaim
Có chủ kiến	opinionated (adj)
Công bố	Proclaim
Công cụ biện giải	justifier
Công cụ kết luận	closer
Cục bộ hóa	localization
Cung ứng	offer
Cực đại hóa	maximization
Dạng hình tháp ngược	inverted pyramid form
Danh từ chính tố	head noun
Dẫn nhập/ dẫn đề	lead
Dấu hiệu biểu thái	attitudinal token
Dị ngữ/ Tuyển dị ngữ	heteroglossia
Diễn đạt kép	double-layered interpretation
Diễn tố	actant
(Tính) Đa dạng thuộc tuyển dị ngữ	heteroglossic diversity
(Sự) Đa dạng của thương thuyết bằng dị ngữ	negotiating heteroglossic diversity
Đề cương	synopsis
Đa tuyến tương cận	heterogeneity
Đánh giá / lượng giá	evaluation / appreciation
Đề ngữ vĩ mô	macro theme
Đề xuất	proposed (adj)
Điều tính biểu thái	attitudinal prosodies
Diễn mẫu	prototypicality (n)
Điều tính biểu thái	attitudinal prosodies
Định khu (không gian)	topological view
Đoạn tóm lược	summary paragraph

Độc thoại nội tâm	interior monologue
Đồng hóa	assimilation
Đồng thể loại	genre agnation
Đồng tình	concur(v)
Đồng tình bằng thương thảo	negotiation agreement
Đơn tuyến	monoglossic
Giá trị đánh thếp	sharpening value
Giai thoại	anecdote
Giật gân (tính/ kẻ gây)	sensational/ sensationalist
Giọng điệu bình luận viên	commentator voice
Giọng điệu đặc phái viên	correspondent voice
Giọng điệu phóng viên	reporter voice
Giọng điệu tác giả	authorial voice
Giới thiệu	intro
Giữ khoảng cách	distancing
Hạ danh	hyponym; subordinate
Góc độ	angle
Hạ danh	hyponym; subordinate
Hàm ý	connotation
Hành thể / người hoạt động	actor
Hành thể bị tác động	affected actor
Kết cấu ngôn bản	texture
Kết quả	consequence
Khả hữu	probability
Khả năng	capacity
Khách quan	objective (adj); objectivity (n)
Không khí diễn ngôn	tenor
Khơi gợi	evoking
Kích động	provoking
Kiểu nói rào đón	hedging
Lập thức	formulation
Liên nhân (thuộc / về)	interpersonal
(Sự) lệch chuẩn	deviation

(Sự) lượng giá mang tính biểu thái	attitudinal evaluation
Lời văn biểu thái	attitudinal inscription
Lý thuyết thẩm định	appraisal theory
Lực	force
Lý thuyết thẩm định	appraisal theory
Mất đi ý nghĩa của từ vựng	delexicalized (adj)
Mệnh đề	proposition
Mệnh đề ngoại dẫn	extra - proposition
Mệnh đề nội tại	intra -proposition
Miêu tả	description
Nặc danh / vô danh	anonymous (adj)
Năng diễn	usuality (n)
Nghịch lại, phản...	counter- (prefix)
Ngoại tại hóa	externalized (adj)
Ngôn ngữ mơ hồ	vague language
Ngữ cảnh thuộc tuyến đơn ngữ	monoglossic context
Ngữ học chức năng hệ thống	systemic functional linguistics
Ngữ nghĩa diễn ngôn	discourse semantic
Ngữ nghĩa lượng giá	evaluative semantic
Ngữ pháp thẩm định	appraisal grammar
Nhân quả	cause – and – effect
Phán xét	judgement
Phản ứng về mặt cảm xúc	emotional reaction / response
Phản ứng bằng lời	verbal reaction
Phân loại tổ	classifier
Phân tích diễn ngôn có phê phán	critical discourse analysis
Phép tắc / khuôn phép	propriety
Phụ ngữ	adjunct
Phương tiện và quy trình	medium and process
Quá trình nội tâm	mental process
Quan điểm định khu	topological view
Quan điểm của tin	news point
Quan hệ định ngữ	attributive relation

Qui kết	attribution
Qui trình / quá trình	process
Suy luận biểu thái	attitudinal inference
Sự kiện chính	main event
Tác cách	agentive
Tác động	affect
Tác thể chủ động	agent
Tác thể thẩm định	appraisal agent / appraiser
Tác tử tăng cường	intensifier / booster / amplifier
Thái độ	attitude
Tham tố	participant
Thẩm định	appraisal
Thành phần làm tăng nghĩa	intensifier
Thang độ	graduation; scalability
(Tính) thang độ cao	up-scaling
(Tính) thang độ thấp	down-scaling
Thiên lệch	inclination
Thỏa hiệp	engagement
Thông tin hạt nhân	nucleus information
Thông tin ngoại dẫn	extra vocalization
Thông tin nội tại	intra vocalization
Thông tin vệ tinh	satellite information
Thuật ngữ có nhiều giá trị	value-laden term
Thuật sự	narration
Thức	mode
Thức tuyên bố khẳng định	positive declarative
Thượng danh	hyperonym; superordinate
Tiềm năng	potentiality
Tiêu đề	headline
Tiêu điểm	focus
Tiểu hệ thống ngữ nghĩa	semantic sub-system
Tiền sự	previous event
Tin nóng / tin cứng	hard news

Tính bị tác động	affectedness
Tính ngữ	epithet
Tính ngữ có tiền bổ ngữ tăng cường	intensifying premodifying epithet
Tình thái tri nhận	epistemic modality
Tuyên bố	pronounce
Tóm lược	summary
Tóm tắt	abstract
Trạng thái bình thường	normality
Trích dẫn	quotation
Trình bày	exposition
Trình tự	procedure
Trường	field
Tuân thủ do thương thảo	negotiation compliance
Tự sự học	narratology
Tu từ tiềm năng	potential rhetoric
Từ vựng diễn đạt thiếu trung lập	non-neutral expressive vocabulary
Từ vựng hóa	lexicalization
Tường thuật	report
Tường thuật qua dịch vụ điện báo	wire service report
Tuyển dị ngữ	heterogloss
Văn bản (tính)	textual (adj)
Vị thể loại	micro genre
Vị thế biểu thái	attitudinal position
Vị thế liên chủ quan	intersubjective positioning
Vị thế ý thức hệ	ideological positioning
Vô nhân xưng	impersonal (adj)
Xác thực (dt)	factuality (n); factual (adj)

Phụ lục 2: Động đất tại Haiti: hơn 100.000 người có thể đã thiệt mạng

(TNO,
14/01/2010)

(TNO) Tính đến sáng nay (14.1, giờ VN, ngày 13.1 giờ địa phương), hơn 100.000 người có thể đã thiệt mạng trong trận động đất mạnh 7 độ Richter xảy ra tại Haiti hôm 12.1.

Theo hãng tin AFP, nhiều thi thể nạn nhân nằm vương vãi khắp đường phố ở thủ đô Port-au-Prince của Haiti trong khi hàng ngàn người khác hiện vẫn còn bị chôn vùi dưới đồng đổ nát của các tòa nhà, trường học, khách sạn và bệnh viện bị đổ sập.

Phóng viên hãng tin AFP kể lại rằng nhiều nạn nhân nằm dưới các đồng đổ nát đã kêu cứu trong tuyệt vọng và thủ đô Port-au-Prince “gần như bị động đất tàn phá hoàn toàn”.

Trong cảnh hoang tàn đó, một số người bị thương nằm vất vưởng trên chiếc xe tải trong khi những người may mắn thoát chết trong bộ dạng thiểu não đi lang thang khắp đường phố đã tan hoang sau động đất.

Đây đó, người ta có thể thấy những người cứu hộ dùng tay không cào bới dưới đồng đổ nát của bệnh viện, tòa nhà.. trong tuyệt vọng.

Hiện rất khó tính được con số thiệt mạng chính xác là bao nhiêu nhưng Thủ tướng Jean-Max Bellerive của Haiti phát biểu trên đài CNN rằng con số cuối cùng có thể lên hơn 100.000 người. Trước đó, cũng phát biểu trên đài CNN, Tổng thống Rene Preval cho hay 50.000 người có thể đã thiệt mạng và hàng ngàn người bị mất tích.

Có thể hình dung cảnh tang thương do động đất ở Haiti qua lời kể của Tổng thống Preval. Ông buồn bã nói: “Tòa nhà Quốc hội đã bị đổ sập. Văn phòng thuế sập. Trường học sập. Bệnh viện cũng bị sập...”

Phụ lục 3: Nhật sửa sách Giáo Khoa Lịch Sử

(TTO, 07/01/2008)

TT – Hãng Kyodo đưa tin Bộ Giáo dục Nhật thông báo vừa nêu yêu cầu các nhà xuất bản đưa thông tin về việc quan đội có liên quan đến vụ người dân tự sát qui mô lớn trong trận đánh ở Okinawa năm 1945, chỉ vài tháng trước khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

Có thể coi đây là một bước tiến lớn trong quan điểm của Nhật đối với các vấn đề lịch sử.

Có khoảng 200.000 người gồm lính và thường dân đã thiệt mạng trong trận Okinawa, được coi là một trong những trận quyết định làm suy giảm nhanh chóng khả năng phòng thủ của quân đội Nhật.

Theo tờ International Herald Tribune, người dân ở đây đã bị binh lính Nhật tuyên truyền rằng họ sẽ bị giết khi quân đội Mỹ ập vào, do đó cách tốt nhất là hãy tự sát. Hãng tin AP trích lời các nhà lịch sử cho rằng có ít nhất 500 dân thường vì nghe theo các tuyên truyền đã tự sát và giết cả gia đình mình để tránh bị lính mỹ bắt giữ.

Dưới thời chính quyền của thủ tướng Shinzo Abe, chính khách theo khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa, hồi tháng tư, Bộ Giáo dục Nhật đã tuyên bố sẽ xóa bỏ các thông tin liên quan đến quân đội trong sách giáo khoa. Vụ việc dẫn đến phản ứng dữ dội của người dân ở đảo Okinawa. Khoảng 100.000 người đã tham gia cuộc biểu tình phản đối vào tháng mười vừa qua khiến các nhà giáo dục phải thay đổi quan điểm của mình

Tuy vậy, Bộ Giáo dục Nhật từ chối đưa lại bản gốc của một số sách trước đó có nói quân đội "ép buộc" hoặc "cưỡng bách" người dân ở đây phải tự sát. Thay vào đó họ dùng cách mềm mại hơn là "có liên quan". Chưa thật sự hài lòng nhưng thị trường Okinawa Hirokazu Nakaima thừa nhận: "Bộ Giáo dục đã có những nhìn nhận đáng kể về vấn đề này". Nội dung mới của cuốn sách sẽ được đưa vào chương trình trung học năm 2008.

Nội dung sách lịch sử của Nhật từ lâu đã là nguyên nhân căng thẳng giữa Nhật với Trung Quốc và Hàn Quốc, những nước buộc Nhật cố tình né tránh và che giấu quá khứ trong thời kỳ quân phiệt như vụ thảm sát ở Nam Kinh, việc bắt buộc phụ nữ Triều Tiên phục vụ trong chiến tranh... Năm 2005 từng có liên tiếp nhiều cuộc biểu tình lớn chống Nhật ở cả Trung Quốc và Hàn Quốc phản đối việc nước này ra sách giáo khoa lịch sử mới trong đó có những thông tin không chính xác về các cuộc chiến tranh Trung Quốc - Nhật, việc xâm lược Triều Tiên năm 1910, vụ thảm sát Nam Kinh 1937... Ngay trong nước Nhật, vấn đề sách giáo khoa lịch sử cũng là vấn đề gây chia rẽ. Hiện Hội Cải cách sách lịch sử Nhật gồm những nhà dân tộc chủ nghĩa vẫn đang vận động để sách giáo khoa không đề cập các tội ác trong chiến tranh của quân đội.

Trên trang web của mình, hội này chỉ trích Bộ Giáo dục đã "nhượng bộ trước những áp lực chính trị và đưa ra những nhìn nhận lịch sử một chiều". Nhưng ông Kishore Mahbubani - hiệu trưởng Trường Chính sách công Lý Quang Diệu thuộc Đại học Quốc gia Singapore (NUS) - cho rằng chỉ bằng cách nhìn nhận lại lịch sử, Nhật mới có thể xây dựng được lòng tin từ các nước láng giềng.

Phụ lục 4: “Cựu Tổng thống Indonesia Suharto hấp hối”

(TTO, 12/01/2008)

TT - Cựu tổng thống Indonesia Suharto đã hấp hối khi rơi vào tình trạng hôn mê sâu với một loạt cơ quan nội tạng có vấn đề. Đến khoảng 5g chiều 11-1, Muhammad Munawar - bác sĩ chăm sóc ông - đã ra thông báo cho biết: "ông đang trong tình trạng nguy kịch... và chúng tôi không rõ có thể giữ cho ông sống được bao lâu".

Phó tổng thống Indonesia Jusuf Kalla cũng tới bệnh viện vào tối 11-1 trong khi người thân gia đình ông đã đến bên giường bệnh, cầu nguyện và đọc kinh Koran cho ông.

Trong suốt 87 năm của cuộc đời (1921-2008), tướng Suharto được biết nhiều với suốt hơn ba thập niên (1967-1998) là người lãnh đạo ở đất nước vạn đảo. Là nhà lãnh đạo mạnh mẽ, quyết đoán, ông Suharto đã có vai trò rất lớn giúp đặt nền móng cho đất nước Indonesia hiện đại. Đất nước từng được coi ở bên bờ sụp đổ về kinh tế năm 1965 đã trở thành một trong những con hổ kinh

tê của châu Á. Trong phần lớn suốt hơn 30 năm cầm quyền của ông, các vấn đề nhạy cảm như sắc tộc, đoàn kết dân tộc đều được giải quyết ôn hoà. Có thể coi đó là những công lao lớn của ông Suharto đối với đất nước vạn đảo Indonesia.

Tuy vậy, bên cạnh thành công đó, Indonesia dưới thời cầm quyền của ông cũng là đất nước tham nhũng nhiều nhất trên thế giới, bản thân ông được Tổ chức Minh bạch quốc tế coi là nhân vật "ăn tiền" vào hàng kỷ lục với số tiền bị chiếm đoạt ước tính đến 15-35 tỉ USD. Trong thời kỳ đầu nắm quyền, chính sách đàn áp cứng rắn của ông khiến hàng trăm ngàn người thiệt mạng, người gốc Hoa bị phân biệt đối xử. Ngoài ra đến nửa cuối cuộc đời, xu thế gia đình trị, chính quyền chuyên chế và tham nhũng của ông đã gây nhiều bất bình trong xã hội nước này. Uy quyền của ông suy giảm nhanh chóng sau cuộc khủng hoảng tài chính châu Á 1997-1998 khiến đời sống của người dân ảnh hưởng nghiêm trọng. Ông Suharto buộc phải từ chức sau một loạt cuộc biểu tình qui mô lớn vào năm 1998. Năm 1999, tạp chí [Time](#) ước tính tài sản của gia đình Suharto lên đến 15 tỉ USD. Các nỗ lực quản thúc và tìm cách đưa ông ra pháp luật trong năm 2000 và 2002 sau đó đều thất bại bởi lý do sức khoẻ.

Kể từ khi từ chức, bản thân ông Suharto sống im lặng, khép mình trong dinh thự riêng của gia đình tại thủ đô Jakarta. Không xuất hiện trước quần chúng, nhiều người gặp nói ông "tự trừng phạt" bản thân về những sai lầm trong quá trình cầm quyền của mình

Phụ lục 5: Nước Mỹ trong cuộc chiến kinh tế

(TNO, 20/01/2008)

Không phải chiến tranh Iraq, không phải vấn đề Iran và cũng không phải bài toán về di dân, nước Mỹ hiện đang vật lộn để chống chọi với suy thoái kinh tế. Sau khi Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Ben Bernanke vào tuần trước phát biểu rằng bức tranh kinh tế Mỹ trong năm 2008 đã trở nên ảm đạm hơn, nhiều tập đoàn kinh tế hùng mạnh đã “phụ họa” bằng những con số thua lỗ khổng lồ.

Hãng tin BBC dẫn báo cáo của Citigroup cho biết tập đoàn tài chính – ngân hàng này lỗ tới 9,83 tỉ USD trong 3 tháng cuối năm 2007, với nguyên nhân chính là do các khoản nợ xấu trong lĩnh vực cho vay mua địa ốc đã lên tới 18,1 tỉ USD. Tiếp đó, Tập đoàn tài chính Merrill Lynch công bố khoản lỗ 7,8 tỉ USD trong 12 tháng của năm 2007, đối nghịch hoàn toàn so với khoản lãi ròng 7,5 tỉ USD của năm 2006.

Citigroup và Merrill Lynch chỉ là hai trong số nhiều đại gia nước Mỹ chịu cảnh thất bát trong một năm mà cơn khủng hoảng trên thị trường tín dụng địa ốc ở mức vô cùng tồi tệ. Thật dễ hiểu khi Hiệp hội Ngôn ngữ Mỹ đã bình chọn “sub-prime” là từ nổi bật nhất của năm 2007. “Sub-prime” có nghĩa là “không đạt mức lý tưởng”, là thuật ngữ được dùng để chỉ các khoản cho vay, đặc biệt là vay thế chấp để mua nhà, mà đối tượng vay là người có mức điểm tín dụng không đáng tin cậy.

Những nét chấm phá trên cho thấy kinh tế Mỹ đang ở giai đoạn rất khó khăn, hay nói cách khác, nguy cơ suy thoái đang cận kề. Để kích thích nền kinh tế, Cục Dự trữ Liên bang đã giảm lãi suất cơ bản tới 3 lần kể từ mùa hè năm ngoái, trong đó lần gần nhất là vào tháng 12.2007, khi mức lãi suất giảm xuống còn 4,25%.

Trong suốt tuần qua, các ứng viên tổng thống Mỹ cũng nêu cao khẩu hiệu về kinh tế để làm “vũ khí chủ lực” cho chiến dịch tranh cử của mình. Cùng lúc, giới lãnh

đạo Mỹ đã tập trung toàn lực vào “cuộc chiến” nhằm vực dậy nền kinh tế trước nguy cơ suy thoái. Trong phiên điều trần trước Quốc hội hôm 17.1, Chủ tịch Bernanke nói rằng cần khoản ngân sách 150 tỉ USD để vực dậy nền kinh tế đang chao đảo sau cơn bạo bệnh mang tên “tín dụng địa ốc”. Tổng thống George W. Bush sau đó một ngày đã đề nghị khoản ngân sách phát triển tương đương 1% GDP (hay từ 145-150 tỉ USD) để thúc đẩy nền kinh tế. Khoản ngân sách này sẽ bao gồm chính sách ưu đãi thuế cho doanh nghiệp và miễn giảm thuế cho người dân, theo Hãng tin AP. Ông Bush gọi đây là “một mũi tiêm vào cánh tay để giữ cho nền kinh tế Mỹ được khỏe mạnh”. Ông cũng hối thúc các nhà lập pháp thông qua ngân sách “càng sớm càng tốt” bởi “chúng ta không còn thời gian để lãng phí nữa”.

Có một cuộc tranh cãi về tiêu tiết, nhưng đề nghị của ông Bush đã được nhiều nghị sĩ cả Cộng hòa lẫn Dân chủ ủng hộ. Vì thế, “liều thuốc tăng lực” dường như sẽ sớm được tiêm. Tuy nhiên, tác dụng của nó như thế nào là điều khó nói, bởi theo nhiều nhà phân tích, “liều thuốc” 150 tỉ USD là quá nhỏ so với nền kinh tế khổng lồ của cường quốc số 1 thế giới.

Câu chuyện ở Mỹ cũng là vấn đề được cả thế giới quan tâm trong những ngày này, bởi mỗi cơn “nhức đầu số mủi” của nền kinh tế Mỹ đều có ảnh hưởng lớn tới kinh tế toàn cầu.

Phụ lục 6: Independence Is Proclaimed By Kosovo

Serbia Condemns Break; U.S. Recognition Expected

By Peter Finn

Washington Post Foreign Service

Monday, February 18, 2008

PRISTINA, Kosovo, Feb. 17 -- A new state emerged from the long and bloody unraveling of Yugoslavia when the Serbian province of Kosovo declared independence on Sunday. Its ethnic Albanian leaders promised to embrace Kosovo's embittered Serb minority and forge a multiethnic, democratic nation.

"From today onwards, Kosovo is proud, independent and free," Prime Minister Hashim Thaci said in an address to parliament.

The move was immediately condemned by Serbia and its ally Russia. But the United States is expected to quickly recognize the new state, as is most of the European Union, in return for an agreement by Kosovo's leaders to submit to European Union supervision.

Serbian Prime Minister Vojislav Kostunica said his country, which regards Kosovo as the cradle of its civilization and home to some of its most treasured Orthodox churches and monasteries, would never recognize the unilateral declaration.

"For as long as the Serbian nation exists, Kosovo will remain Serbia," Kostunica said in a nationally televised address from Belgrade, Serbia's capital. "We do not recognize the forced creation of a state within our territory."

Russia appears determined to prevent Kosovo from obtaining U.N. membership and took part in a closed-door emergency session of the U.N. Security Council on Sunday. "We expect the U.N. Mission in Kosovo and NATO-led Kosovo Force to take immediate action to fulfill their mandates . . . including voiding the decisions of

the Pristina local government and adopting severe administrative measures against them," the Russian Foreign Ministry said in a statement.

Russia also says that recognition of the province's independence could spark violent separatism elsewhere in the world, including in the Caucasus, where several conflicts simmer. Some European Union countries, including Spain, have expressed similar concerns.

Russian-backed separatist leaders of two enclaves in Georgia -- Abkhazia and South Ossetia -- released statements Sunday saying that they would soon seek recognition of their independence, citing Kosovo as a precedent.

The United Nations has administered Kosovo since 1999, when the NATO military alliance bombed Yugoslavia to force then-President Slobodan Milosevic to withdraw his forces from the province of 2 million. Milosevic's government was accused of waging a vicious campaign, including ethnic cleansing, to suppress an insurgency led by Thaci.

But the NATO troops that moved into Kosovo after 78 days of airstrikes have since become guards around sealed Serb enclaves, home to 120,000 people. At a Serb monastery in Pec, called Peja by ethnic Albanians, Italian troops protect the holy site, which is surrounded by a massive new wall to shield elderly nuns from stone-throwing and other abuse by passing ethnic Albanians.

"We don't have eye contact with them anymore, so things are better," said one Serb woman at the church, who declined to give her name.

Thaci, other leaders and the local media have urged their compatriots to celebrate independence "with dignity" and to avoid inflaming the Serb population. "The past should not be forgotten, but it belongs to the past and should be forgiven," the newspaper Koha Ditore said, referring to the brutalities inflicted on the ethnic Albanian population by Serb forces in the 1990s. Singers invited to perform at a celebratory concert Sunday night had to submit their lyrics to authorities to make sure there were no overly patriotic anthems on their song lists, according to Eliza Hoxha, a pop star in Kosovo.

"They want us to sing about love," Hoxha said, "and I think that's a good thing."

The streets of Pristina were thronged Sunday with crowds carrying the traditional flag of ethnic Albanians, a black eagle on a red background. But the trappings of independence will include a new flag that is not associated with any ethnic group. Ethnic Albanians make up 90 percent of Kosovo's population.

American flags were also plentiful on the streets of Pristina on Sunday, a recognition of the leading role the United States took in the 1999 bombing campaign and in the move toward independence.

President Bush, while expressing support for Kosovo's internationally supervised independence, tried to ease Serb concerns and vowed to help prevent violence in the ethnically torn region.

"On Kosovo, our position is that its status must be resolved in order for the Balkans to be stable," Bush said during a session with reporters on a trip to Tanzania.

Bush avoided a direct answer when asked whether the United States would recognize Kosovo, but he noted his past support for a plan formulated under former Finnish president Martti Ahtisaari that calls for supervised independence.

"We are heartened by the fact that the Kosovo government has clearly proclaimed its willingness and its desire to support Serbian rights in Kosovo," he said. "We also believe it's in Serbia's interests to be aligned with Europe, and the Serbian people can know that they have a friend in America."

Kostunica harshly criticized the U.S. role in steering Kosovo toward Sunday's declaration.

"The president of the United States, who is responsible for this violence, as well as his European followers, will be inscribed in the history of Serbia with black letters, but also in the history of international law on which the world's order is based," Kostunica said.

The U.S. Embassy in Belgrade was stoned later Sunday, and grenades exploded in the ethnically divided city of Mitrovica in northern Kosovo.

At a special session of Kosovo's parliament Sunday, 109 legislators supported the declaration of independence through a show of hands. But 11 minority legislators, including Serbs, boycotted the vote.

Shortly after the declaration was announced, crowds along the newly pedestrian Mother Teresa Street erupted with shouts and tears of joy, and the streets crackled with fireworks and occasional gunshots.

"I'm 80 and I've waited all my life for this day," said Nezim Bajrakiari, who traveled to Pristina from his home near the Macedonian border to take part in the celebration. "I can die today."

Dance and drum folk bands, dressed in traditional costumes, snaked through streets adorned with posters of fallen ethnic Albanian fighters. Many of the country's current leaders are former members of the Kosovo Liberation Army, a guerrilla force that challenged Serb rule in the 1990s.

"We are a new country now," said Orenc Nimani, 35, pulling out his trumpet for an impromptu concert on a street corner where vendors sold T-shirts celebrating Kosovo as the world's 193rd state. "We are your neighbors now."

Phụ lục 7: Pakistani opposition leader bhutto killed in suicide attack on campaign rally (Lato)

RAWALPINDI, Pakistan (AP) -- Pakistan opposition leader Benazir Bhutto was assassinated Thursday in a suicide attack. Her death threw the campaign for critical Jan. 8 parliamentary elections into chaos and stoked fears of mass protests and violence across the nuclear-armed nation, an important U.S. ally in the war on terrorism.

At least 20 others were also killed in the attack on a campaign rally where the 54-year-old Bhutto had just spoken.

Her supporters erupted in anger and grief after her death, attacking police and burning tires and election campaign posters in several cities. At the hospital where she died, some smashed glass and wailed, chanting slogans against President Pervez Musharraf. Musharraf blamed Islamic extremists for Bhutto's death and said he would redouble his efforts to fight them.

"This is the work of those terrorists with whom we are engaged in war," he said in a nationally televised speech. "I have been saying that the nation faces the greatest

threats from these terrorists. ... We will not rest until we eliminate these terrorists and root them out."

Musharraf convened an emergency meeting with his senior staff, where they were expected to discuss whether to postpone the elections, an official at the Interior Ministry said, speaking on condition of anonymity because of the sensitivity of the talks.

The attacker struck just minutes after Bhutto addressed thousands of supporters in the garrison city of Rawalpindi, 8 miles south of Islamabad. She was shot in the neck and chest by the attacker, who then blew himself up, said Rehman Malik, Bhutto's security adviser.

Sardar Qamar Hayyat, a leader from Bhutto's party, said he was standing about 10 yard away from her vehicle at the time of the attack.

"She was inside the vehicle and was coming out from the gate after addressing the rally when some of the youths started chanting slogans in her favor. Then I saw a smiling Bhutto emerging from the vehicle's roof and responding to their slogans," he said.

"Then I saw a thin, young man jumping toward her vehicle from the back and opening fire. Moments later, I saw her speeding vehicle going away," he added.

Bhutto was rushed to the hospital and taken into emergency surgery. She died about an hour after the attack.

"At 6:16 p.m., she expired," said Wasif Ali Khan, a member of Bhutto's party who was at Rawalpindi General Hospital.

"The surgeons confirmed that she has been martyred," Bhutto's lawyer Babar Awan said.

Bhutto's supporters at the hospital exploded in anger, smashing the glass door at the main entrance of the emergency unit. Others burst into tears. One man with a flag of Bhutto's Pakistan People's Party tied around his head was beating his chest.

"I saw her with my own eyes sitting in a vehicle after addressing the rally. Then, I heard an explosion," Tahir Mahmood, 55, said sobbing. "I am in shock. I cannot believe that she is dead."

Many chanted slogans against Musharraf, accusing him of complicity in her killing.

"We repeatedly informed the government to provide her proper security and appropriate equipment ... but they paid no heed to our requests," Malik said.

As news of her death spread, angry supporters took to the streets.

In Karachi, shop owners quickly closed their businesses as protesters set tires on fire

on the roads, torched several vehicles and burned a gas station, said Fayyaz Leghri, a local police official. Gunmen shot and wounded two police officers, he said.

In Rawalpindi, the site of the attack, Bhutto's supporters burned election posters from the ruling party and attacked police, who fled from the scene. Violence also broke out in Lahore, Multan, Peshawar and many other parts of Pakistan, where Bhutto's supporters set fire to a bus, pelted stones at shops and blocked city roads.

Musharraf, who announced three days of mourning for Bhutto, urged calm.

"I want to appeal to the nation to remain peaceful and exercise restraint," he said. Nawaz Sharif, another former premier and opposition leader, arrived at the hospital and sat silently next to Bhutto's body.

"Benazir Bhutto was also my sister, and I will be with you to take the revenge for her death," he said. "Don't feel alone. I am with you. We will take the revenge on the rulers."

Speaking to the BBC, Sharif also questioned whether to hold the elections.

"I think perhaps none of us is inclined to think of the elections," he said. "We would have to sit down and take a very serious look at the current situation together with the People's Party and see what we have to do in the coming days."

Hours earlier, four people were killed at a rally for Sharif when his supporters clashed with backers of Musharraf near Rawalpindi.

Bhutto's death will leave a void at the top of her party, the largest political group in the country, as it heads into the elections. It also fueled fears that the crucial vote could descend into violence.

Pakistan is considered a vital U.S. ally in the fight against al-Qaida and other Islamic extremists including the Taliban. Osama bin Laden and his inner circle are believed to be hiding in lawless northwest Pakistan along the border with Afghanistan.

In Washington, the State Department condemned the attack.

"It demonstrates that there are still those in Pakistan who want to subvert reconciliation and efforts to advance democracy," deputy spokesman Tom Casey said.

The United States has for months been encouraging Musharraf to reach an accommodation with the opposition, particularly Bhutto, who was seen as having a wide base of support in Pakistan. Her party had been widely expected to do well in next month's elections.

Pakistan was just emerging from another crisis after Musharraf declared a state of emergency on Nov. 3, and used sweeping powers to round up thousands of his opponents and fire Supreme Court justices. He ended emergency rule Dec. 15 and subsequently relinquished his role as army chief, a key opposition demand. Bhutto

had been an outspoken critic of Musharraf's imposition of emergency rule.

Educated at Harvard and Oxford universities, Bhutto served twice as Pakistan's prime minister between 1988 and 1996.

Her father was Zulfikar Ali Bhutto, scion of a wealthy landowning family in southern Pakistan and founder of the populist Pakistan People's Party. The elder Bhutto was president and then prime minister of Pakistan before his ouster in a 1977 military coup. Two years later, he was executed by the government of Gen. Zia-ul Haq after being convicted of engineering the murder of a political opponent.

Bhutto had returned to Pakistan from an eight-year exile on Oct. 18. On the same day, she narrowly escaped injury when her homecoming parade in Karachi was targeted in a suicide attack that killed more than 140 people.

Islamic militants linked to al-Qaida and the Taliban hated Bhutto for her close ties to the Americans and support for the war on terrorism. A local Taliban leader reportedly threatened to greet Bhutto's return to the country with suicide bombings.

At the scene of Thursday's bombing, an Associated Press reporter saw body parts and flesh scattered at the back gate of the Liaqat Bagh park, where Bhutto had spoken. He counted about 20 bodies, including police, and could see many other wounded people.

Police cordoned off the street with white and red tape, and rescuers rushed to put victims in ambulances as people wailed nearby.

The clothing of some victims was shredded and people put party flags over their bodies. Police caps and shoes littered the asphalt.

Hundreds of riot police had manned security checkpoints around the venue. It was Bhutto's first public meeting in Rawalpindi since she came back to the country.

In November, Bhutto had also planned a rally in the city, but Musharraf forced her to cancel it, citing security fears.

In recent weeks, suicide bombers have repeatedly targeted security forces in Rawalpindi, where Musharraf stays and the Pakistan army has its headquarters.

Phụ lục 8: Taiwan Stakes Its Claim on Disputed Isle

Philippines Raises Protest

By Jane Rickards

Special to The Washington Post

Sunday, February 3, 2008

TAIPEI, Taiwan, Feb. 2 -- Taiwanese President Chen Shui-bian inaugurated a runway on one of the disputed Spratly Islands on Saturday and

insisted the archipelago belongs to Taiwan despite claims by [China](#) and several other Asian countries.

Chen's one-day round-trip voyage was designed to dramatize Taiwan's claim to the string of islands with the kind of gesture for which he has become famous during more than seven years as leader of this self-ruled island. Disregarding other countries' assertions, he declared the island he visited, Taiping Dao, "an intrinsic part of our territory," according to a statement from his office.

"From the beginning, we have had our brothers in the military and coastal patrol stationed here, and we have in succession set up relevant atmospheric, humanitarian and ecological testing facilities, occupying and administering this island for half a century," he added.

The Spratly Islands, more than 100 rocky islets, reefs and atolls in the South China Sea, are claimed in full or in part by China, Taiwan, Vietnam, Malaysia, the Philippines and Brunei. They are surrounded by rich fishing grounds and potential oil and gas deposits.

Chen's gesture drew an immediate protest from the Philippines. The Philippine foreign secretary, Alberto Romulo, said his nation expressed "serious concern" and called the inauguration ceremony "lamentable."

"It is unfortunate that Taiwan is resorting to what may be considered as irresponsible political posturing that could be of no possible advantage to the peace-loving Taiwanese people," Romulo said in a statement.

Andrew Yang, secretary general of the Chinese Council of Advanced Policy Studies in Taipei, said Chen's trip to the islands was designed as a "political message." He said Chen was asserting leadership after his Democratic Progressive Party suffered a humiliating loss in legislative elections three weeks ago, a defeat many observers said was encouraged by his confrontational style.

"He is trying to emphasize that he is fully in control," Yang said.

Chen wanted to land on Pratas Island, which is also claimed by China, but was unable to do so because of poor weather, according to a statement from his office.

Phụ lục 9: “Fidel Castro Resigns as Cuba’s President”

(NYTO, 20/02/2008)

MEXICO CITY — [Fidel Castro](#) stepped down Tuesday morning as the president of [Cuba](#) after a long illness. The announcement was made in a letter to the nation written by Mr. Castro and published early Tuesday morning on the Web site of Granma, the official publication of the Cuban Communist Party.

The resignation ends one of the longest tenures as one of the most all-powerful communist heads of state in the world.

In late July 2006, Mr. Castro, who is 81, handed over power temporarily to his brother, [Raúl Castro](#), 76, and a few younger cabinet ministers, after an acute infection in his colon forced him to undergo emergency surgery. Despite numerous operations, he has never fully recovered but has remained active in running government affairs from behind the scenes.

Now, just days before the national assembly is to meet to select a new head of state, Mr. Castro resigned permanently, and signaled his willingness to let a younger generation assume power. He said his failing health made it impossible to return as president.

“I will not aspire to neither will I accept — I repeat I will not aspire to neither will I accept — the position of President of the Council of State and Commander in chief,” he wrote in the letter.

He added: “It would betray my conscience to occupy a responsibility that requires mobility and the total commitment that I am not in the physical condition to offer.”

President Bush, traveling in Rwanda on a tour of African nations, greeted the news by saying that the resignation should be the beginning a democratic transition in Cuba that should lead to free elections. “The United States will help the people of Cuba realize the blessings of liberty,” he said.

Mr. Bush called for Cuba to release political prisoners and to begin building “institutions necessary for democracy that eventually will lead to free and fair elections.”

But the announcement puts Raúl Castro in position to be anointed as the Cuban head of state when the National Assembly meets on Sunday, cementing the power structure that has run the country since Mr. Castro fell ill.

However, Mr. Castro’s unexpected announcement left it unclear what role other high-level government ministers — among them the vice president, Carlos Lage Davila, and the foreign minister, Felipe Perez Roque — would play in the new government.

Mr. Castro also made it clear he is not fading into the sunset but pledged to continue to be a force in Cuban politics through his writings, just as he has over the last year and a half. “I am not saying goodbye to you,” he wrote. “I only wish to fight as a soldier of ideas.”

That statement raised the possibility little would change after Sunday’s vote, that Cuba will continue to be ruled in essence by two presidents, with Raúl Castro on stage while Fidel Castro lurks in the wings. At times over the last year and a half, the current government has seemed paralyzed when the two men disagree. In

Washington, [John D. Negroponte](#), deputy secretary of state, said it was unlikely that the United States would lift its trade embargo on Cuba, Reuters reported.

For his part, Mr. Castro has sent several signals in recent months that it was time for a younger generation to take the helm. He said in December, for example, “My primary duty is not to weld myself to offices, much less obstruct the path of younger people.”

In Tuesday’s letter, he expressed confidence that the country would be in good hands with a government composed of elements of “the old guard” and “others who were very young when the first stage of the revolution began.”

Mr. Castro asserted he declined to step down earlier to avoid dealing a blow to the Cuban government before “the people” were ready for a traumatic change “in the middle of the battle” with the United States over control of the country’s future. “To prepare the people for my absence, psychologically and politically, was my first obligation after so many years of struggle,” he said.

The charismatic Cuban leader seized power in January 1959 after waging a guerrilla war against the then-dictator Fulgencio Batista, promising to restore the Cuban constitution and hold elections.

But he soon turned his back on those democratic ideals, embraced a totalitarian brand of communism and allied the island with the Soviet Union. He brought the world to the brink of nuclear war in the fall of 1962, when he allowed Russia to build missile launching sites just 90 miles off the American shores. He weathered an American-backed invasion and used Cuban troops to stir up revolutions in Africa and Latin America.

Those actions earned him the permanent enmity of Washington and led the United States to impose decades of economic sanctions that Mr. Castro and his followers maintain have crippled Cuba’s economy and have kept their socialist experiment from succeeding completely.

The sanctions also proved handy to Mr. Castro politically. He cast every problem Cuba faced as part of a larger struggle against the United States and blamed the abject poverty of the island on the “imperialists” to the north.

For good or ill, Mr. Castro is without a doubt the most important leader to emerge from Latin America since the wars of independence of the early 19th century, not only reshaping Cuban society but providing inspiration for leftists across Latin America and in other parts of the world.

His record has been a mix of great social achievements, but a dismal economic performance that has mired most Cubans in poverty. He succeeded in establishing universal health care, providing free education through college and largely rooting out racism.

But he never broke the island's dependence on commodities like sugar, tobacco and nickel, nor did he succeed in industrializing the nation so that Cuba could compete in the world market with durable goods. Since the fall of the Soviet Union and the end of its aid to the island, Cuba has limped along economically, relying mostly on tourism and money sent home from exiles to get hard currency. Yet Mr. Castro's willingness to stand up to the United States and break free of American influence, even if it meant allying Cuba with another superpower, has been an inspiration to many Latin Americans, among them the new crop of left-leaning heads of state like [Hugo Chavez](#) of Venezuela, [Evo Morales](#) of Bolivia, and [Luiz Inácio Lula da Silva](#) of Brazil..

Though he never restored democracy and has ruled with absolute power, in the minds of many Latin Americans, he stood in stark contrast to right-wing dictators like the one he overthrew, who often put the interests of business leaders and the foreign policy goals of Washington above the interests of their poorest constituents. Whether Mr. Castro's remaking of Cuban society will survive the current transition remains to be seen. Some experts note Raúl Castro is more pragmatic and willing to admit mistakes than his brother. He has given signals he might try to follow the Chinese example of state-sponsored capitalism.

Others predict that, without Fidel Castro's charismatic leadership, the government will have to make fundamental changes to the economy or face a rising tide of unrest among rank-and-file Cubans.

Phụ lục 10: Stores Hint at Change Under New Castro”.

(NYTO, 02/05/2008)

HAVANA — Can a rice maker possibly be revolutionary?

1. There they were, piled up one atop another, Chinese-made rice makers selling for **\$70** each. Beside them, sleek DVD players. Across the well-stocked electronics store were computers and televisions and other household appliances that President [Raúl Castro](#) **recently** decreed ought to be made **available** to average Cubans, or **at least** those who **could afford** them.

2. Since finally succeeding his **ailing** 81-year-old brother, Fidel, in February, Mr. Castro, 76, who appeared before **hundreds of thousands** of Cubans at a May Day rally on Thursday here in the capital, has been **busy** with a flurry of changes. In the **last eight weeks** he has also opened access to cellphones, lifted the ban on Cubans using tourist hotels and granted farmers the right to manage unused land for profit.

3. **More** is on the horizon, government officials say, like easing **restrictions** on traveling abroad and the **possibility** of allowing Cubans to buy and sell their own cars, and perhaps even their homes. Each of these changes may be **microscopic** in contrast to the **outsized** problems facing [Cuba](#). But taken together, they are shaking up this **stoic, time-warped** place.

4. Just **how far** Mr. Castro will be willing to tinker with the country his brother left him and what, if anything, he is using as his playbook nobody knows for sure. Mikhail Gorbachev's attempts to reinvigorate the **ailing** Soviet system led to its **collapse** and its **abandonment** of Cuba. **More inspiring** is the mix of consumerism and pragmatic authoritarian politics that energized growth and reinforced Communist Party rule in China and Vietnam.

5. China is now Cuba's **second largest** trading partner, and Vietnam is one of the **first** countries that Mr. Castro has said he will visit. Leaders from both countries visited over the last year and had sessions with both Castro brothers. Cuba analysts say that Raúl Castro, as the **longtime** defense minister, has maintained **close** ties to both countries' militaries and has **close** aides who know the countries well.

6. "This is the Asia model," said Robert Pastor, a professor of international relations at American University. "Still, the signals he has sent are **so faint** and **so tentative** that it's **not at all clear** where he wants to take Cuba or where Cuba will go."

7. Marifeli Pérez-Stable, vice president for democratic governance at the Inter-American Dialogue, said: "He's never going to say. I'm not sure he even knows it. But he is following China, and **even more so** Vietnam," meaning that Mr. Castro was hewing to a **more go-slow** approach.

8. As in those countries, **economic** freedom is one thing, and **political** liberty something else. On the latter, Cuba's government has given every sign that it is intent on holding the line.

9. But Mr. Castro's early tinkering has already laid bare an **uncomfortable**, and **potentially destabilizing**, reality in a country that for 50 years has been run as one of the world's **most rigid** socialist systems: that some Cubans are **far better off than** others, whether because of remittances from relatives abroad, ties to the ruling class or unauthorized money-making ventures on the side.

10. For now, his government seems willing to accept those disparities, tolerating the notion of class differences while continuing to cling to a Cuban vision of socialism that includes food subsidies, free education and health care for all, Mr. Castro's backers in the government say.

11. Whether that approach will satisfy Cubans, who are quickly becoming **more aware** of their relative consumer deprivation, is another question. A rice maker alone costs **more than three times** the **average monthly** state salary here. Conversations on the street, away from the lines of people buying what is **newly available** to them, reveal discontent.

12. Javier, a 25-year-old computer programmer, has made up his mind to leave Cuba for California **as soon as** he can. "Come on, these changes are only in favor of a **very tiny** part of the population," he said, sitting along a coastal wall and staring into the ocean. "We, who get up early in the morning to get the bus, we, who have sacrificed ourselves, we can't afford all this," he added. "I'd love to go to a fancy

hotel with my girlfriend for a night or two. But, hey, I **simply can't**. I couldn't afford it, even in my dreams."

13. **Even** for those who can, it is a journey into another world that was all but **off** limits just weeks ago. The other day, a young woman struggled for 20 minutes to get into a Havana hotel room, jamming her key card in the slot haphazardly and shoving the door with all her might. She could be excused, though, since it was her first time using such a contraption. In her case, her foreign boyfriend paid the **\$175-a-night bill**.

14. "Different classes have always existed but they are **more visible** now," explained María Ileana Faguaga, a Havana-based anthropologist who specializes in Cuba's struggling black population. "Now you just look at who has a cellphone."

15. A taxi driver barreling along the seaside Malecón, who like **most** Cuban workers is paid by the state, pulled out a Nokia from his pocket this week. "This one has a camera and Bluetooth," he said, boasting that he was one of the **first** in line when Mr. Castro recently ended the restrictions.

16. "What do you think of the Sony Ericsson?" the driver asked, explaining that he was thinking of an upgrade at some point. He was full of questions. Is it true Motorola is struggling? Would the [iPhone](#) work in Cuba?

17. Mr. Castro's model, what the state-run newspaper has called "**more perfect socialism**," appears to be a Cuba with a **greater** correlation between the work one puts in and the resulting reward.

18. One of Mr. Castro's **most far-reaching** moves may be his announcement giving farmers the right to manage unused land for profit. Cuba spent \$1.4 billion importing food last year and, as a result of rising [food prices](#), will spend \$1.9 billion this year to get **20 percent less** food, which officials call an **untenable** situation.

19. Scrapping the longstanding practice of dictating planting decisions from Havana, the government will allow **more local** control, officials say, and hopefully home-grown food.

20. But what about nonfarmers? Would Mr. Castro be willing to expand on his older brother's experiment allowing some private restaurants and rooming houses to operate? What about permitting private auto mechanics, hairdressers and tutors, all of whom exist in Cuba but on the sly?

21. Washington has dismissed the measures as falling **far short of the kind** of structural changes needed in Cuba. "I see it as **somewhat sad** that after 49 years of shortages and suffering and repression people are now allowed to buy a rice cooker," said Carlos Gutierrez, the secretary of commerce, whose family fled Havana in 1960 when he was 6. "Our read is that these are tactical moves designed to buy some time."

22. When it comes to truly loosening the political elite's grip on power, in fact, Mr. Castro has not ceded **much** ground. He has encouraged Cubans to come forward with their critiques of the way things are functioning, although he insists that the **proper** way to do so is through Communist Party channels.

23. When a group of women whose relatives had been jailed held a demonstration outside Mr. Castro's office recently, a team of **stern-faced** female officers showed up to haul the so-called ladies in white away.

24. "When difficulties are **greater, more** order and discipline will be required," Mr. Castro told party leaders recently, announcing that he would convene the first party congress in a dozen years in the **last half** of 2009. "For that, it is **vital** to strengthen institutions."

25. Mr. Castro commuted the death sentences for an **undetermined** number of prisoners this week, although the move was dismissed as a **half** measure by activists who want an end to persecutions of people who speak out against the government.

26. "Things are changing but everything is continuing the same," said Elizardo Sánchez, an activist whose Cuban Human Rights and National Reconciliation Commission sees **little** substantive difference between the **hard-line** governments of the two Castro brothers.

27. Even if Mr. Castro aims to imitate Chinese-style reforms, there is no guarantee he will succeed. In the early days of China's move away from **strict** socialist central planning, [Deng Xiaoping](#) dismantled Mao's cult of personality, allowing a measure of political relaxation that signaled a shift in official attitudes.

28. "Is it **possible** for Raúl Castro to move beyond the cult of personality of his brother Fidel, who is in the same league with Mao?" asked Michael Green, a former Bush administration Asia specialist who is now at the Center for Strategic and International Studies in Washington. Cuba **could** turn out to be **more** like North Korea, Mr. Green said, which undertook market-oriented reforms in 2002 that brought **little** change in the grim conditions there.

29. There is still plenty of anxiety in Cuba as well. One woman who gave her name **only** as Iris bought a Nokia phone with the help of her Italian boyfriend but now has no money to buy cards for airtime. When she does, she feels guilty that the money **could** go to feeding her son. What she wants **even more than** any consumer item is a **well-paying** job that would allow her to afford them, she said

Phụ lục 11: Đòi hát rong – Kỳ 2: “Đòi không bến đậu”

TT - Trời vừa tờ mờ sáng, khi chợ quê vẫn còn im ắng thì anh em trong đoàn cải lương Cao Văn Lầu đã thức giấc bởi những cơn gió lạnh từ sông thốc lên. Vài người vẫn chưa hết mệt, ráng cuộn mình trong chiếc võng ngủ nường.

Lúc này tôi mới có cơ hội nhìn kỹ chiếc tàu, ngồn ngang võng treo như mạng nhện. Chiếc tàu bé tẹo, hơn năm chục cái võng mắc chéo nhau. Đêm qua họ đã ngủ như thế sau một ngày di chuyển mệt nhoài.

Ăn bụi, ngủ đình

Khi tiếng xuống máy râm ran trên sông thì cũng là lúc anh em bắt đầu lao vào công việc chuẩn bị cho đêm diễn đầu tiên. Trưởng đoàn Khuru Minh Chiến chạy ngược chạy xuôi liên hệ sân bãi, chỗ ở cho anh chị em trong đoàn. Số còn lại người dựng sân khấu, người lên xe máy đi thuê ghe vác loa luôn lách trong các kênh rạch để mời chào. Tiếng loa như xé tan sự bình yên của xóm nghèo bấy lâu: "Đoàn cải lương Cao Văn Lầu hân hạnh được giới thiệu đến quý bà con và cô bác vở cải lương Uy quyền và tội ác, với sự góp mặt của nhiều diễn viên tên tuổi, trẻ đẹp... Giá vé người lớn 10.000 đồng, trẻ em 5.000 đồng... Hân hạnh được phục vụ quý bà con!"

Do nhà dân chật nên một số anh em trong đoàn phải vào nhờ ngôi chùa gần đó để tắm rửa. Nhìn anh chị em thất thế xách đồ đi xin nhà dân ở tạm, anh Chiến không kìm được xúc động: "Thấy anh em ăn ở thế này nhiều khi tôi chảy nước mắt, nhưng chẳng có cách nào khác. Lấy tiền đâu ra thuê nhà nghỉ! Ngày thì nằm tạm bợ nhà dân, quán xá, tối lại thức để diễn. Vì thế nhiều anh em đã kiệt sức, đổ bệnh sau những ngày dài theo gánh hát".

Chuyện ngủ đã thế, chuyện ăn của anh em nghệ sĩ còn cơ cực hơn. Bữa cơm trưa dọn ra chỉ có mớ rau xào và vài con cá lỏng tong. Anh Hải đầu bếp nói như phân bua: "Cả đoàn 40 người nhưng tiền chợ chưa đến 300.000 đồng cho hai bữa ăn chính thì làm sao ăn ngon được. Giá cả lên vùn vụt, với mỗi phần ăn chỉ độ 3.500 đồng thì chỉ mong no bụng là mừng lắm rồi". Khi tôi hỏi bữa tối sau khi diễn thì anh chỉ cười buồn: "Diễn xong ai có tiền ăn tạm tô bún dầm bụng, nhiều khi hết tiền đành nhìn đói qua đêm. Lắm lúc anh em chịu không được phải đốt đuốc tìm bắt cóc nhái nấu chén cháo lớt dĩa".

Quay qua những diễn viên trẻ mới vào nghề, anh Chiến nói: "Phần lớn anh em đều xuất thân từ quê nghèo nên cũng dễ thích nghi. Trên sân khấu nhìn như tiểu thư, công tử chứ ngoài đời nhiều anh em tay chân còn chưa nhả phèn, gầy đét. Mà không gầy sao được, ăn ngủ như thế không gầy mới lạ!". Nói rồi anh nhắc nhở mấy cô diễn viên trẻ: "Mấy con làm ơn ít đi lại giùm chú, bà con thấy diễn viên ốm thế này thì không bán được vé đâu. Xem lại phục trang, đũa nào xuống ký thì nhớ mặc thêm đồ đệm vô nhé". Anh nhìn tôi cười đầy chua chát!

Lên đường trong đêm

Khi sân khấu, âm thanh và ánh sáng đã đâu vào đó thì trời đổ mưa trái mùa. Cả đoàn ngồi lo lắng. Anh Chiến buồn bã: "Làm nghề này như làm nông vậy, thuận trời thì sống, còn gặp mưa trái mùa thì thua trắng tay. Nhiều đêm diễn gần xong thì trời đổ mưa, đành phải xin lỗi bà con rồi đêm mai diễn lại". Cũng may hôm đó trời thương, cơn mưa chỉ ào qua chớp nhoáng, cả đoàn thở phào nhẹ nhõm.

Bữa cơm chiều của anh em bắt đầu từ 4 giờ. Chiếc tàu không đủ cho cả đoàn ăn cùng lượt, đành phải chia thành từng tốp ngồi xôm ăn vội vàng theo ca.

Đúng 6h, anh em diễn viên có mặt đầy đủ để chuẩn bị hóa trang. Bàn hóa trang được dựng tạm chênh vênh trên bãi sinh kế con rạch sau sân khấu. Mùi sinh lầy, mùi bùn bốc lên ngọt ngạt, vậy mà dường như chẳng ai thèm để ý, tất cả đều chú tâm vào đường son nét vẽ cho toàn vẹn nhân vật tối nay. Dưới bàn hóa trang muỗi bay vo ve, tiếng đập muỗi bém bép liên hồi. Kép Võ Văn Phong kể: "Bữa nay còn đỡ, chứ mấy

năm về trước xứ này muối bay đặc như ong. Lắm khi anh em phải chui vô màn để hóa trang. Tui còn nhớ có lần đóng vai một nhân vật phải chết, nằm bất động trên sân khấu cả nửa giờ. Muối cắn không chịu được nên đưa tay đập, khán giả cười quá trời".

Nói là đoàn cải lương nhưng trên loa phóng thanh mời chào bà con đến xem chỉ toàn là những bản nhạc trẻ. Dường như hiểu được ý tôi, anh Chiến tâm sự: "Gọi là đoàn cải lương nhưng cũng phải độn thêm ca nhạc. Nửa tiếng đầu là ca nhạc tạp kỹ, sau đó mới đến tuồng. Mà cải lương bây giờ ít khi dám ca đủ sáu câu lăm, chỉ 2-3 câu thôi. Vậy mà kiếm khán giả còn đở con mắt". Đêm diễn của diễn viên ở quê nghèo không tràn ngập hoa như phố thị, họa hoàn lắm mới được một vài tràng pháo tay cổ vũ. Hơn 11 giờ đêm buổi biểu diễn mới xong. Ai nấy mệt nhỏi lúi về hậu đài tẩy trang. Tổng thu của cả đêm chưa đến 3 triệu đồng, trừ mọi chi phí mỗi diễn viên được bồi dưỡng gần 20.000 đồng.

Tôi cùng kếp Vĩnh Sơn và một số anh em nữa không chịu được đói nên đánh liều bước vô một quán ăn. Sau khi ăn mỗi người một tô mì gói với mấy lát thịt bò mỏng, cô chủ quán tính tiền: "Mỗi tô 14.000 đồng!". Thấy tôi sững người, Vĩnh Sơn cười buồn: "Khổ thế đấy anh ạ, có ai biết nghệ sĩ hát rong nghèo mạt rệp đâu. Họ cứ tưởng anh em giàu có lắm nên lúc nào cũng bị chém với giá vip!". Vậy là sau một đêm diễn, anh em chỉ đủ tiền ăn tô mì gói cho bữa tối và ly cà phê cho bữa sớm mai.

Sau khi xem xét tình hình, trưởng đoàn Minh Chiến quyết định rút quân trong đêm. Anh lý giải: "Chúng ta đi lệch con nước rồi, hôm nay bà con đang bận xô vuông, khán giả ít là phải". Lệnh "tổng động viên", anh em hậu đài, diễn viên lại lục tục cùng nhau khuôn vác sân khấu, cảnh trí, phục trang xuống tàu. Khi mọi thứ xong xuôi cũng vừa lúc đồng hồ chỉ đúng 2 giờ sáng.

Tàu nhỏ neo, cả đoàn lại lầm lũi lên đường trong bóng đêm đặc quánh. Tiếng ai đó thở dài: "Con tàu đêm về còn có bến đỗ, còn đòi nghệ sĩ cải lương thì cứ long đong hoài!". Trên mũi tàu, mấy anh diễn viên trẻ cất tiếng ca như gửi vào đêm nỗi niềm của đời hát rong: "Tôi như một bóng chim đơn giữa hoàng hôn giá lạnh, một gói hành trang dải dầu mưa nắng nên không muốn chờ tình ai cho nặng cánh phiêu... bông...".

Phụ lục 12: “ Hà Khẩu, đặng sau sự bình yên” của Lê Nga

(TNO, 23/10/2007) **qua giá trị Tác Động**

Thời gian gần đây không ít thanh thiếu niên chỉ vì một chút mâu thuẫn nhỏ mà sẵn sàng xách mã tấu đi “hỏi thăm sức khỏe” đối phương, dẫn đến cảnh tù tội. Trả lời trước tòa, không ít bị cáo khai "hàng" được mua từ Trung Quốc và biên giới phía Bắc.

Rời Tân Thanh, Lạng Sơn, chúng tôi làm một chuyến đi ngược lên Lào Cai sang Hà Khẩu (Trung Quốc), vùng đất được mệnh danh là lòng chảo của những thứ hàng "nóng". Một điều dễ dàng nhận ra đối với du khách: đây là một cửa khẩu khá yên bình, nơi mà người Việt và người Trung Quốc sống chan hòa, vui vẻ cùng nhau buôn bán rất sầm uất.

Song suy nghĩ đó phải xem lại khi bước vào tòa nhà 3 tầng nằm giữa khu thương mại, mỗi tầng rộng chừng 1.000m² được người dân vùng biên đặt tên là chợ "dao, kiếm". Ở tầng trệt có thể thấy ngay những gian hàng nối tiếp nhau, bày bán như kiểu chợ Bến Thành (TP.HCM). Hàng hóa trưng bày ở đây toàn là "hàng" cho các tay anh chị và thuốc kích thích. Đủ loại mã tấu, kiếm, búa rìu được "phơi" công khai chứ không lén lút như ở Tân Thanh. Trong ngoài các gian hàng, những lưỡi dao sắc treo lủng lẳng với một màu trắng toát lạnh lùng khiến người xem đôi khi phải chùn tay khi chạm phải. Nhưng đó mới chỉ là đồ trưng bày, hàng "kiêng" dạng có nhiều hoa văn để treo trang trí trong nhà (mà lúc cần có thể trở thành... hung khí). Còn "hàng" dành cho dân chơi chuyên nghiệp được cất trong kho, khi có khách hỏi chủ cửa hàng mới lấy đem ra.

Một thanh niên bán hàng ở đây cho biết, khu chợ này của người Việt thuê buôn bán là chính. Một người ăn nên làm ra kéo thêm họ hàng qua phụ việc. Khách hàng chủ yếu cũng là người Việt, và đông đúc nhất lại là dân Sài Gòn qua đây (!). Chúng tôi thử tiếp xúc với một chủ cửa hàng ở đây hỏi mua hàng "thật", cô bán hàng xinh như hoa lồi ra hàng loạt thứ từ dao lê, mã tấu, dùi cui đến cả súng điện tiếp thị ngay tại chỗ. Thấy chúng tôi do dự sợ không đem qua được cửa khẩu, cô trấn an: "Về Lào Cai vô tư luôn! Cho địa chỉ khách sạn đi, em sẽ cho người giao tận nơi. Lấy tiền sau". Chúng tôi đặt vấn đề chuyển hàng vào Sài Gòn, cô bán hàng quả quyết: "Chuyện nhỏ! Tuần này em đã gửi vào trong ấy 6 chuyến hàng rồi đấy. Cứ đặt tiền cọc làm tin, 8 đến 10 ngày sau hàng vào đến nơi giao nốt". Để thuyết phục, cô tiết lộ: "Tụi em đóng thùng gửi kèm theo mấy xe trái cây, qua cái một hà. Nếu không tin cứ cho địa chỉ, giao hàng đến nơi nhận tiền một thể". Tiếp đó, cô chỉ vào tủ kính trưng các hộp thuốc trên đó vẽ hình ảnh tươi mát của các cô gái nói: "Mua thuốc kích thích đi, nam nữ đều có. Mua hàng này không ai bắt, đem về vô tư. Trong đó dùng cực nhiều luôn".

Loại hàng được tiêu thụ mạnh nhất là bình xịt hơi cay. Bình xịt nhỏ, giống như bình xịt khử mùi cho giày dép, với giá 120 ngàn đồng/bình, nhưng nếu người phải cũng ngất như chơi. Một loại hàng khác cũng được xếp vào loại "hot" là dùi cui điện. Dùi cui cũng có nhiều loại. Dùi cui 3 khác, đứng xa nửa thước vẫn có tác dụng. Một loại khác cũng được mua bán nhiều là dùi cui có luôn cả bình xịt hơi cay. Giá của các loại này được chào bán từ 300 đến 1,5 triệu đồng/cây (tùy loại). Đáng sợ nhất là súng điện. Thoạt trông như một khẩu súng ngắn có 3 viên đạn chứa trong một cái hộp nhỏ như hộp diêm. Theo quảng cáo, chúng bắn xa được chừng 6 mét. "Trúng một phát là ngất luôn", người bán hàng tiếp thị, "chỉ 3 triệu thôi, rẻ bèo!". Một khách hàng người Việt mua hàng ở chợ kể chuyện, loại dùi cui điện ba khác tác dụng rất ghê gớm: "Tôi có thằng bạn, đang đi đường thì có một bày trâu chắn ngang đường, bóp còi mãi nó vẫn không chịu tránh đường cho đi. Tức mình, nó rút dùi cui điện bấm một phát, con trâu nằm lăn quay".

Ngày nay, phương tiện đi lại dễ dàng. Từ Hà Nội chỉ cần leo lên một chuyến xe lửa ngủ một đêm thức dậy là đến ngay Lào Cai. Vài bước chân là qua được Trung Quốc. Vì vậy, lượng khách đổ về Hà Khẩu ngày càng nhiều. Vào những ngày cao điểm, một hướng dẫn viên du lịch cho biết, có khoảng 2.000 người qua cửa khẩu Lào Cai để đến Hà Khẩu "shopping" và không ai thống kê được bao nhiêu người trong số đó đã đặt chân đến ngôi chợ này để giao dịch, mua bán hàng "nóng". Chỉ biết rằng các chủ hàng ngày càng "phát" lên, còn hàng "nóng" bằng nhiều ngã đường đang từng ngày chảy qua biên giới vào Việt Nam. Số hung khí nguy hiểm này được sử dụng để tự vệ hay để gây án thì chúng ta đã quá rõ.

Phụ lục 13: “Trở lại Phong Nha - Kẻ Bàng (Kỳ 1)” của Phương Hoa

(TTO, 12/03/2008)

Động Phong Nha: Càng khám phá, càng bất ngờ

TT - 14 năm trước, tôi đến Phong Nha - Kẻ Bàng trong một buổi chiều tắt nắng, cảnh quan trông thật hoang vu. Ngày ấy tôi theo chân đoàn thám hiểm hỗn hợp gồm các nhà khoa học VN (Đại học Quốc gia Hà Nội) và Hội Hang động Hoàng gia Anh (BCRA) thực hiện chuyến thám hiểm thứ ba khám phá hệ thống hang động Phong Nha - Kẻ Bàng. Một chuyến đi với những công bố gây sững sốt đối với thế giới. Những người tiên phong

Thật ra không phải đợi đến những năm 1990 khi chuyến thám hiểm đầu tiên của BCRA được mở ra, hệ thống hang động Phong Nha mới được đưa ra ánh sáng. Mà từ xa xưa, người Việt đã biết đến động Phong Nha qua hình chạm khắc trên cửa đình của triều Nguyễn trong đại nội Huế. Từ năm 1824, vua Minh Mạng đã sắc phong động Phong Nha là "Diệu ứng chi thần", và Cadriere - nhà thám hiểm người Pháp - đã từng thốt lên rằng "Đông Dương đệ nhất động". Từ năm 1924, nhà thám hiểm người Anh Barton sau khi khảo sát Phong Nha đã cho rằng hang Phong Nha có thể sánh ngang với các hang động nổi tiếng trên thế giới như Cuevas del Drach (Tây Ban Nha) hay Padirac (Pháp) về vẻ đẹp kỳ vĩ...

Một buổi chiều năm 1994 ở trụ sở UBND xã Sơn Trạch (huyện Bố Trạch, Quảng Bình), tiến sĩ Howard Limbert, trưởng đoàn BCRA, cho biết: "Sau hai chuyến thám hiểm trước (1990 và 1992), chúng tôi không chỉ xác định động Phong Nha dài đến 7.729m, mà còn phát hiện thêm hàng chục hang động khác như hang Vòm dài đến 13.969m, hang Rục Cà Ròn dài 2.800m..."

Đặc biệt, trong chuyến thám hiểm này, động Phong Nha đã được các nhà khoa học BCRA đánh giá là hang động nước đẹp nhất thế giới theo bảy tiêu chuẩn quốc tế: hang nước dài nhất; cửa hang cao và đẹp nhất; bãi đá, cát rộng và đẹp nhất; hồ ngầm đẹp nhất; hang khô rộng, đẹp nhất; thạch nhũ trắng lệt nhất; dòng sông ngầm dài nhất.

Vẫn còn nhớ như in sau khi các nhà thám hiểm BCRA công bố chiều dài động Phong Nha, tôi đã cùng các anh ở khu bảo tồn thiên nhiên Phong Nha - Kẻ Bàng chống thuyền vào khảo sát hang, khi đến hơn 3km, chúng tôi đã phải dừng lại vì bức tường đá cao vút chặn lại. Đó chỉ mới là nửa chặng đường của con sông ngầm trong động, vì các nhà khoa học Anh đã phải dùng các thiết bị chuyên dụng lặn xuống vượt qua bức tường đá này để công bố động Phong Nha dài đến hơn 7km!

Bất tận với kỳ quan

Cứ sau mỗi chuyến thám hiểm của BCRA, những khám phá mới về Phong Nha - Kẻ Bàng lại được công bố với nhiều bất ngờ hơn. Tôi vẫn còn nhớ khi được các nhà khoa học BCRA tặng những bức ảnh mà họ chụp bằng phương tiện hiện đại nhất (đó là lần đầu tiên động Phong Nha được đưa ra ánh sáng với "chân dung" thật của nó sau hàng triệu năm nằm trong bóng tối hang động), tiến sĩ H. Limbert nói: "Đây chỉ mới là một phần rất nhỏ chân dung của Phong Nha mà thôi".

Tính đến năm 2007, các nhà thám hiểm - khoa học Việt - Anh đã công bố với thế giới một con số hoàn toàn khác xa 18 năm trước (thời điểm chuyến thám hiểm đầu tiên được tiến hành): 300 hang động lớn nhỏ tồn tại trong khu vực Phong Nha - Kẻ Bàng với những giá trị hàng đầu thế giới: hệ thống sông ngầm dài nhất; cửa hang cao và rộng nhất; bờ cát rộng và đẹp nhất; thạch nhũ đẹp nhất.

Giáo sư Nguyễn Quang Mỹ (Đại học Quốc gia Hà Nội), người có hơn 40 năm khám phá hang động VN và thế giới, bảo: "Tôi về hưu trên giấy tờ, nhưng dòng máu của tôi vẫn dành cho những chuyến khám phá hang động VN, bởi sự khám phá ấy là vô tận". Thật hiếm có ai say mê hang động như ông, cả tuổi xuân của ông đã dành cho những chuyến du thám "ngủ trối mình" trên những vách núi cheo leo Lạng Sơn, Cao Bằng, Sơn La... và những năm tháng sống cô độc để "thấp lửa cho bóng tối hang động" Phong Nha - Kẻ Bàng. Và nay khi ông đã về hưu, niềm vui lớn nhất của ông là tin cậu con trai theo nghiệp của ông, như ông nói vui "cha sắp ra khỏi hang, con lại vào hang".

Giáo sư Nguyễn Quang Mỹ đã từng tham gia các đoàn thám hiểm quốc tế khảo sát nhiều hang động lớn trên thế giới ở Nga, Mỹ, Canada... Ông nói: "Nếu so sánh mức độ vĩ đại thì Phong Nha - Kẻ Bàng không thể sánh với hang Gió của Mỹ dài đến 530km, hay hang Ease Gill của Anh dài đến 52km, nhưng chính các nhà hang động thế giới tôi gặp họ luôn nói rằng không nơi đâu hang động lại kỳ ảo, huyền bí và rực rỡ như Phong Nha - Kẻ Bàng, đó là niềm tự hào của thiên nhiên VN. Họ càng khám phá, càng bất ngờ. Với Phong Nha - Kẻ Bàng, những chuyến khám phá gần như bất tận".

Phụ lục 14: “Săn hàng “Sách đỏ” của Hà Tiên

(SGGP, 11/12/2007)

Bà Nga, chủ một quầy hàng lưu niệm chuyên kinh doanh vỏ ốc các loại tại chợ Đầm (Nha Trang) bật mí: “Ốc anh vũ hiện là đại ca của mấy thằng này. Có người sẵn sàng trả 5 triệu đồng cho cái vỏ của nó, nhưng chịu”. Bà chị chào hàng: “Hay chú em “quạt” thằng này đi. Hàng Sách đỏ nên dân Tây kết lắm đó”.

Trào lưu sưu tầm vỏ ốc, đặc biệt là vỏ các loài ốc quý hiếm nằm trong Sách đỏ Việt Nam đang là một của du khách trong và ngoài nước khi đến Nha Trang. Chiều lòng thương mến, những binh đoàn thợ lặn đã ra sức ruồng bỏ đám tinh binh của long vương giao cho các quầy hàng lưu niệm theo đơn đặt hàng từ trước. Hoạt động săn bắt, mua bán hàng Sách đỏ diễn ra công khai từ lâu nhưng các cơ quan chức năng tỉnh Khánh Hòa vẫn đứng ngoài cuộc. Truy lùng vỏ ốc anh vũ

Chị Bích Kiều, cư dân TP biển ở đường Phương Sài (Nha Trang) vốn đam mê hoạt động lặn biển cho biết: “Mười năm trước, tôi vẫn còn thấy ốc anh vũ. Đây là loài có xúc tua, ăn tạp, có lớp vỏ ngoài màu trắng vân nâu, bên trong phủ lớp xà cừ rất đẹp.

Loài này ban ngày sống dưới đáy biển sâu, đêm nổi lên mặt nước tìm thức ăn”.

Chỉ tay về phía biển, chị chép miệng, giọng tiếc rẻ: “Con ốc còn sống người ta sẵn sàng trả giá 5.000 đô, riêng cái vỏ cũng gần cả chục triệu đồng. Giá cả thượng lưu vậy nên nó bị săn dữ lắm! Bây giờ biển cạn ốc anh vũ rồi”.

Trải qua 400-500 triệu năm dâu bể, theo Sách đỏ Việt Nam, ốc anh vũ là loài động vật nhuyễn thể cổ xưa rất có ý nghĩa về mặt khoa học, vì hóa thạch của chúng là một trong những chỉ tiêu để xác định tuổi địa tầng. Do có mặt cắt vỏ đẹp và quý hiếm nên vỏ ốc còn có giá trị mỹ nghệ và sưu tập. Chính vì vậy mà vỏ ốc rất đắt giá.

Ông Nguyễn B., một người chuyên sưu tập vỏ ốc khẳng định: “Dân sưu tập gọi ốc anh vũ là hóa thạch sống. Để có nó trong bộ sưu tập, tôi đã phải đặt hàng dân lặn và mấy ông bà chủ các quầy hàng mỹ nghệ ở chợ Đầm nhưng đã 3 năm rồi vẫn chưa được”.

Có được “hóa thạch sống” là ước mơ lớn của dân sưu tập vỏ ốc tại Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới. Khô nổi phạm vi phân bố của loài này rất hẹp. Tại Việt Nam, chỉ có thể tìm thấy ốc anh vũ tại Khánh Hòa và Vũng Tàu. Ông B. quả quyết ngư trường Vũng Tàu bị phùng thợ lặn “quần nát nước” từ lâu nên hóa thạch sống bị tiệt giống nơi cả rồi. Riêng vùng vịnh Nha Trang do nằm trong số một trong 20 vịnh biển đẹp nhất thế giới, được bảo vệ nghiêm ngặt nên dân sưu tập tin rằng ốc anh vũ vẫn còn. “Bởi vậy mọi tầm ngắm đều chĩa vào TP biển là vậy”.

Quần nát trung tâm bán hàng lưu niệm từ ốc biển tại chợ Đầm đến khu vực cảng Cầu Đá (chỗ gần Viện Hải Dương học Nha Trang, phường Vĩnh Nguyên) nhưng chúng tôi vẫn không lần được tông tích “hóa thạch sống”. Giữa lúc hết hy vọng thì tôi được Hải, một hướng dẫn viên tự do “chuyên đi khách Tây” mách nước số điện thoại 093 522... Hải cam đoan: “Cứ alô. Đảm bảo ông sẽ không thất vọng. Thành công nhớ gửi tôi chút ít, gọi là tiền chi điếm”.

Nói liên lạc với đầu dây bên kia, tôi được một người đàn ông giới thiệu tên Lê Nhất Sinh xác nhận: “Đúng, tôi hiện có 10 cặp ốc anh vũ. Một cặp giá 16 triệu”. Sinh bật mí: “Anh có biết anh Vũ ở cà phê Trung Nguyên không, ảnh cũng từng mua của tôi đó, nên anh không ngại dỏm!?”.

Lần theo tin nhắn “Anh đến cáp treo phía tay phải có trạm gác. Anh hỏi bảo vệ nhà bác Biên, ngôi nhà mái ngói màu tím”, chúng tôi lập tức đến. Thế nhưng, sau nhiều lần réo gọi, vẫn không thấy Sinh xuất hiện. Ốc anh vũ là mặt hàng quốc cấm và có lẽ do đánh hơi những khả nghi của 2 ông khách sộp nên Sinh đã ... tẩu vi thượng sách?! Công khai bán hàng quốc cấm!

Từ hành trình săn lùng “hóa thạch sống”, chúng tôi phát hiện hoạt động kinh doanh vỏ các loài ốc nằm trong Sách đỏ Việt Nam diễn ra rầm rộ. Hàng cấm được bày bán nhiều và loạn xạ đến độ các ông bà chủ cam đoan “Muốn bao nhiêu cũng có”. Tại chợ Đầm, chúng tôi bắt gặp một cặp khách Tây rời quầy hàng mỹ nghệ T.N với gương mặt rạng ngời hạnh phúc vì tậu được một cặp ốc kim khô đỏ to đùng. Đút tờ trăm đô vào túi, bà chủ hân hoan: “Dân phương Tây hay có sở thích sưu tầm. Kim khô đỏ là loại “hàng hiếm” chỉ có ở Khánh Hòa nên họ rất kết”.

Để khẳng định mình không nói dóc, bà chị lôi trong tủ kính một xấp giấy photocopy “lý lịch” của các loài ốc được sao từ Sách đỏ Việt Nam, rồi chìa cho “thượng đế” xem. Tờ giấy được photocopy từ trang 379 của Sách đỏ. Nội dung nói “... ốc kim khôi phân bố ở Khánh Hòa. Tuyệt đối cấm săn bắt”.

Khi cảm nhận được độ ép phê từ khách hàng tương lai, bà chị mới hé lộ “mấy bản đó là do dân sưu tập đưa cho chị, dặn nếu có hàng đúng vậy thì alo”. Thấy tôi không mặn mà kim khôi đỏ và các loài như trai ngọc môi vàng, ốc tù và, ốc sứ cũng vốn là thành viên của Sách đỏ, bà chị thả tuyệt chiêu: “Cung sinh năm mấy?”. “1983”. Sau câu trả lời của khách, bà chị lẩm nhẩm rồi bất ngờ vỗ đùi cái đét, reo to: “Tám ba là tuổi con heo. Hay em lấy con ốc heo này vừa đẹp vừa hợp tuổi nè. Ốc Sách đỏ đó nghen. Chỉ Khánh Hòa với Quảng Ngãi mới có nó thôi đó! Đúng 200.000 đồng, miễn trả giá”.

Tại các quầy hàng mỹ nghệ khác, chúng tôi cũng bắt gặp cảnh trưng bày, chào bán công khai đám tinh binh của long vương đang được pháp luật bảo vệ. Tại khu vực Cầu Đá, nạn mua bán càng ác liệt hơn bởi theo bỏ nhỏ của chị Bích Kiều, đây là đầu mối cung cấp “hàng” cho các quầy hàng lưu niệm tại chợ Đầm và khắp TP Nha Trang.

Thật ấn tượng khi được chiêm ngưỡng kho vỏ ốc toàn dạng quý hiếm tại các cửa hàng mỹ nghệ ở đường Trần Phú - Cầu Đá”. Một bà chủ ngoài 50, dáng người phốp pháp liền thoảng tiếp thị: “Tùy độ quý hiếm mà giá cả có khác nhau. Có con bằng ngón tay cái nhưng giá năm sáu trăm ngàn đồng, trong khi nhiều con bự hơn hàng chục lần, giá chỉ vài chục. Em lấy ốc nga đỏ nghen. Loài này dân Tây lùng mua về để gắn lên nón đấy. Một con giá năm chục... Hay em lấy thàng tai bò (còn gọi là ốc tai tượng – Sách đỏ Việt Nam). 10 đô một con thôi hà!”. Thấy tôi do dự, bà này tặc lưỡi: “Bây giờ mà không mua mai một có tiền tậu cũng hỏng có đâu. Loài này, Viện Hải Dương học đang đặt hàng chị mấy thùng. Chuyên gia còn bó tay phải nhờ chị, chứng tỏ thàng tai bò này nay mai lên con sốt đấy”.

Hôm đó là ngày cuối tuần nên du khách tập trung tại khu vực Cầu Đá để tham quan Viện Hải Dương học, đi cáp treo, thăm các đảo rất đông. Hoạt động giao dịch san hô, vỏ ốc các loại vì thế cũng rất nhộn nhịp. Những món hàng Sách đỏ liên tục được các ông bà chủ cho vào bao trao tay “thượng đế”, đồng nghĩa với nỗi đau của biển ngày một tăng thêm. Với đà này, e rằng trong tương lai gần, vịnh Nha Trang rồi cũng sẽ cất bài ca... “ốc khóc!”.

Phụ lục 15: “Cạn rồi, đá quý Lục Yên” của Trường Sơn- Cẩm Linh

(TNO, 06/04/2008)

(Các chi tiết chỉ Thang Độ được in đậm)

Kì I: Ruby bán cân

Từng được coi là "**thủ phủ đá quý**" của Việt Nam một thời, đến nay vùng mỏ Lục Yên (Yên Bái) đang **dần** cạn kiệt tài nguyên bởi sự khai thác **quá mức** của con người.

Chợ đá quý

Điều đặc biệt là ở chợ đá, cảnh mua bán diễn ra **khá nhẹ nhàng** chứ không **"chợ búa"** một chút nào. Không hề có **cảnh tranh giành** hay **núu kéo khách**. Người bán kẻ mua đều **nhẹ nhàng, thoải mái**. Các loại đá được đặt ngay trên mặt bàn mà không cần phải che đậy hay bảo vệ gì. Tại chợ đá Lục Yên, khách có thể **thoải mái** lấy đá lên xem xét, mặc cả; không thích có thể sang hàng **bên cạnh** mua mà không sợ bị lờm nguýt, càu nhàu. Chị Nguyệt, chủ một sạp hàng tại chợ cho biết phần lớn những người mua bán ở chợ đã **nhăn mặt nhau**, biết nhau đến **cả chục năm nay** nên mua bán rất **nhẹ nhàng**. "Chuyện giành khách là **tối kỵ** vì lơ mơ là **để** bị tầy chay hết đường làm ăn. Ở chợ **hầu như không có** chuyện trộm cắp vì có người lạ là chúng tôi biết ngay. Trước cũng từng có vụ ăn cắp nhưng bị phát hiện và kẻ cắp lĩnh một trận **nhừ tử** nên bây giờ mua bán ở chợ **an toàn lắm...**", chị Nguyệt nói.

Qua rồi thời hoàng kim

Khoảng 8 giờ hơn chợ đã **khá đông**. Ở góc chợ **khoảng** 6, 7 phụ nữ đang tùm tùm ngồi nói chuyện **quanh** hai chiếc bàn, trên có đặt chiếc cân đồng hồ. Tại quầy hàng này **chỉ** giao dịch **duy nhất loại đá "mắt tôm"** tính bằng kí. Chóc chóc có người mang hàng đến, hàng được đặt lên cân.

Ngoài những thành viên có **thâm niên** đã **nhăn mặt nhau**, nhiều lúc chợ đá quý cũng xuất hiện những vị khách vắng lai, đôi lúc có cả khách nước ngoài đến mua đá. Và đây chính là miếng **mồi ngon** cho những kẻ làm đá **đỏm**. Từ vài năm trở lại đây, tại chợ đá Lục Yên đã xuất hiện **công nghệ đổi màu đá**, tức là từ những viên đá **kém phẩm chất** qua quá trình xử lý kỹ thuật, thợ đá sẽ làm cho những viên đá này nhìn bên ngoài hết như những viên đá **đắt tiền**. **Nhiều người không sành** đã bị lừa bởi chiêu này. "Thực ra ở chợ hầu hết đã buôn bán với nhau **cả chục năm**, lại toàn là người **nhiều kinh nghiệm** nên bình thường không hề có hàng **đỏm**. Nhưng khi có khách lạ, đặc biệt là **khách nước ngoài** là hàng **đỏm** được tuôn ra **rất nhanh**. Khách mua nếu ham đá **to, đẹp** mà lại **rẻ tiền** thì chắc chắn sẽ bị lừa", chị Dung, một người buôn bán **tại chợ** kể.

Theo anh Hiệp, một người đã có **thâm niên** theo nghề buôn bán đá **gần hai chục năm**, cho biết trong **khoảng dăm năm** trở lại đây, ở Lục Yên hầu như không xuất hiện những viên đá có **giá trị lớn** mà chỉ có những viên có giá **"tầm trăm triệu" đở lại**. "Thực ra giá đá quý thì cũng **vô cùng** vì chẳng ai định giá được. Có viên, dân đào đãi tìm được đem bán ra các cửa hàng được **vài chục triệu** nhưng cũng viên đá đó được đẩy lại cho các "sếp đá" **lớn** với giá **cả tỉ đồng** cũng là chuyện **bình thường**", anh Hiệp cho biết.

Trên thực tế những viên đá được đem ra giao dịch tại chợ đá quý Lục Yên có giá cao **nhất** cũng chỉ vào **khoảng 5 - 7 triệu đồng**, những viên đá có giá **hàng chục** hay **hàng trăm triệu** đồng hầu như chỉ được người bán đem đến giao dịch tại các cửa hàng hoặc bán trực tiếp cho các **"sếp đá" lớn** và từ đó được đưa đi Hà Nội, Sài Gòn hoặc nước ngoài. Còn chợ đá quý Lục Yên chỉ được coi như **nơi chủ yếu** để gặp gỡ, trao đổi thông tin cho **những vụ làm ăn ngầm** mà chỉ khi hàng đi xuôi rồi người ta **mới loáng thoáng** biết chuyện.

"**Thời hoàng kim** của chợ đá quý Lục Yên cách đây đã **lâu rồi**, hồi những năm 90 thế kỷ trước, mỗi phiên chợ đá tập trung **hàng trăm** người mua bán **tấp nập**. Lúc ấy nhiều người đi chợ giắt lưng **hàng chục**, thậm chí **cả trăm triệu đồng** là chuyện **bình thường**. Bây giờ thì như các chú thấy đây, **thưa thớt** lắm rồi", anh Vinh, chủ một hiệu com bình dân **ngay gần** khu chợ đá quý nói."

Phụ lục 16: Pearls Before Breakfast

Can one of the nation's great musicians cut through the fog of a D.C. rush hour? Let's find out.

By Gene Weingarten

Washington Post Staff Writer

Sunday, April 8, 2007

Nhập đề :HE EMERGED FROM THE METRO AT THE L'ENFANT PLAZA STATION AND POSITIONED HIMSELF AGAINST A WALL BESIDE A TRASH BASKET. By most measures, he was nondescript: a youngish white man in jeans, a long-sleeved T-shirt and a Washington Nationals baseball cap. From a small case, he removed a violin. Placing the open case at his feet, he shrewdly threw in a few dollars and pocket change as seed money, swiveled it to face pedestrian traffic, and began to play.

It was 7:51 a.m. on Friday, January 12, the middle of the morning rush hour. In the next 43 minutes, as the violinist performed six classical pieces, 1,097 people passed by. Almost all of them were on the way to work, which meant, for almost all of them, a government job. L'Enfant Plaza is at the nucleus of federal Washington, and these were mostly mid-level bureaucrats with those indeterminate, oddly fungible titles: policy analyst, project manager, budget officer, specialist, facilitator, consultant.

Each passerby had a quick choice to make, one familiar to commuters in any urban area where the occasional street performer is part of the cityscape: Do you stop and listen? Do you hurry past with a blend of guilt and irritation, aware of your cupidity but annoyed by the unbidden demand on your time and your wallet? Do you throw in a buck, just to be polite? Does your decision change if he's really bad? What if he's really good? Do you have time for beauty? Shouldn't you? What's the moral mathematics of the moment?

On that Friday in January, those private questions would be answered in an unusually public way. No one knew it, but the fiddler standing against a bare wall outside the Metro in an indoor arcade at the top of the escalators was one of the finest classical musicians in the world, playing some of the most elegant music ever written on one of the most valuable violins ever made. His performance was arranged by The Washington Post as an experiment in context, perception and priorities -- as well as an unblinking assessment of public taste: In a banal setting at an inconvenient time, would beauty transcend?

The musician did not play popular tunes whose familiarity alone might have drawn interest. That was not the test. These were masterpieces that have endured for centuries on their brilliance alone, soaring music befitting the grandeur of cathedrals and concert halls.

The acoustics proved surprisingly kind. Though the arcade is of utilitarian design, a buffer between the Metro escalator and the outdoors, it somehow caught the sound and bounced it back round and resonant. The violin is an instrument that is said to be much like the human voice, and in this musician's masterly hands, it sobbed and laughed and sang -- ecstatic, sorrowful, importuning, adoring, flirtatious, castigating, playful, romancing, merry, triumphal, sumptuous.
So, what do you think happened?

Doan 1:HANG ON, WE'LL GET YOU SOME EXPERT HELP.

Leonard Slatkin, music director of the National Symphony Orchestra, was asked the same question. What did he think would occur, hypothetically, if one of the world's great violinists had performed incognito before a traveling rush-hour audience of 1,000-odd people?

"Let's assume," Slatkin said, "that he is not recognized and just taken for granted as a street musician . . . Still, I don't think that if he's really good, he's going to go unnoticed. He'd get a larger audience in Europe . . . but, okay, out of 1,000 people, my guess is there might be 35 or 40 who will recognize the quality for what it is. Maybe 75 to 100 will stop and spend some time listening."

So, a crowd would gather?

"Oh, yes."

And how much will he make?

"About \$150."

Thanks, Maestro. As it happens, this is not hypothetical. It really happened.

"How'd I do?"

We'll tell you in a minute.

"Well, who was the musician?"

Joshua Bell.

Doan 2:"NO!!!"

A onetime child prodigy, at 39 Joshua Bell has arrived as an internationally acclaimed virtuoso. Three days before he appeared at the Metro station, Bell had filled the house at Boston's stately Symphony Hall, where merely pretty good seats went for \$100. Two weeks later, at the Music Center at Strathmore, in North Bethesda, he would play to a standing-room-only audience so respectful of his artistry that they stifled their coughs until the silence between movements. But on that Friday in January, Joshua Bell was just another mendicant, competing for the attention of busy people on their way to work.

Bell was first pitched this idea shortly before Christmas, over coffee at a sandwich shop on Capitol Hill. A New Yorker, he was in town to perform at the Library of Congress and to visit the library's vaults to examine an unusual treasure: an 18th-century violin that once belonged to the great Austrian-born virtuoso and composer Fritz Kreisler. The curators invited Bell to play it; good sound, still.

"Here's what I'm thinking," Bell confided, as he sipped his coffee. "I'm thinking that I could do a tour where I'd play Kreisler's music . . ."

He smiled.

". . . on Kreisler's violin."

It was a snazzy, sequined idea -- part inspiration and part gimmick -- and it was typical of Bell, who has unapologetically embraced showmanship even as his concert career has become more and more august. He's soloed with the finest orchestras here and abroad, but he's also appeared on "Sesame Street," done late-night talk TV and performed in feature films. That was Bell playing the soundtrack on the 1998 movie "The Red Violin." (He body-doubled, too, playing to a naked Greta Scacchi.) As composer John Corigliano accepted the Oscar for Best Original Dramatic Score, he credited Bell, who, he said, "plays like a god."

When Bell was asked if he'd be willing to don street clothes and perform at rush hour, he said:

"Uh, a stunt?"

Well, yes. A stunt. Would he think it . . . unseemly?

Bell drained his cup.

"Sounds like fun," he said.

Bell's a heartthrob. Tall and handsome, he's got a Donny Osmond-like dose of the cutes, and, onstage, cute elides into hott. When he performs, he is usually the only man under the lights who is not in white tie and tails -- he walks out to a standing O, looking like Zorro, in black pants and an untucked black dress shirt, shirttail dangling. That cute Beatles-style mop top is also a strategic asset: Because his technique is full of body -- athletic and passionate -- he's almost dancing with the instrument, and his hair flies.

He's single and straight, a fact not lost on some of his fans. In Boston, as he performed Max Bruch's dour Violin Concerto in G Minor, the very few young women in the audience nearly disappeared in the deep sea of silver heads. But seemingly every single one of them -- a distillate of the young and pretty -- coalesced at the stage door after the performance, seeking an autograph. It's like that always, with Bell.

Bell's been accepting over-the-top accolades since puberty: Interview magazine once said his playing "does nothing less than tell human beings why they bother to live." He's learned to field these things graciously, with a bashful duck of the head and a modified "pshaw."

For this incognito performance, Bell had only one condition for participating. The event had been described to him as a test of whether, in an incongruous context, ordinary people would recognize genius. His condition: "I'm not comfortable if you call this genius." "Genius" is an overused word, he said: It can be applied to some of the composers whose work he plays, but not to him. His skills are largely interpretive, he said, and to imply otherwise would be unseemly and inaccurate.

It was an interesting request, and under the circumstances, one that will be honored. The word will not again appear in this article.

It would be breaking no rules, however, to note that the term in question, particularly as applied in the field of music, refers to a congenital brilliance -- an elite, innate, preternatural ability that manifests itself early, and often in dramatic fashion.

One biographically intriguing fact about Bell is that he got his first music lessons when he was a 4-year-old in Bloomington, Ind. His parents, both psychologists, decided formal training might be a good idea after they saw that their son had strung rubber bands across his dresser drawers and was replicating classical tunes by ear, moving drawers in and out to vary the pitch.

Doan 3: TO GET TO THE METRO FROM HIS HOTEL, a distance of three blocks, Bell took a taxi. He's neither lame nor lazy: He did it for his violin.

Bell always performs on the same instrument, and he ruled out using another for this gig. Called the Gibson ex Huberman, it was handcrafted in 1713 by Antonio Stradivari during the Italian master's "golden period," toward the end of his career, when he had access to the finest spruce, maple and willow, and when his technique had been refined to perfection.

"Our knowledge of acoustics is still incomplete," Bell said, "but he, he just . . . knew."

Bell doesn't mention Stradivari by name. Just "he." When the violinist shows his Strad to people, he holds the instrument gingerly by its neck, resting it on a knee. "He made this to perfect thickness at all parts," Bell says, pivoting it. "If you shaved off a millimeter of wood at any point, it would totally imbalance the sound." No violins sound as wonderful as Strads from the 1710s, still.

The front of Bell's violin is in nearly perfect condition, with a deep, rich grain and luster. The back is a mess, its dark reddish finish bleeding away into a flatter, lighter shade and finally, in one section, to bare wood.

"This has never been refinished," Bell said. "That's his original varnish. People attribute aspects of the sound to the varnish. Each maker had his own secret formula." Stradivari is thought to have made his from an ingeniously balanced cocktail of honey, egg whites and gum arabic from sub-Saharan trees.

Like the instrument in "The Red Violin," this one has a past filled with mystery and malice. Twice, it was stolen from its illustrious prior owner, the Polish virtuoso Bronislaw Huberman. The first time, in 1919, it disappeared from Huberman's hotel room in Vienna but was quickly returned. The second time, nearly 20 years later, it was pinched from his dressing room in Carnegie Hall. He never got it back. It was not until 1985 that the thief -- a minor New York violinist -- made a deathbed confession to his wife, and produced the instrument.

Bell bought it a few years ago. He had to sell his own Strad and borrow much of the rest. The price tag was reported to be about \$3.5 million.

All of which is a long explanation for why, in the early morning chill of a day in January, Josh Bell took a three-block cab ride to the Orange Line, and rode one stop to L'Enfant.

Doan 4: AS METRO STATIONS GO, L'ENFANT PLAZA IS MORE PLEBEIAN THAN MOST. Even before you arrive, it gets no respect. Metro conductors never seem to get it right: "Leh-fahn." "Layfont." "El'phant."

At the top of the escalators are a shoeshine stand and a busy kiosk that sells newspapers, lottery tickets and a wallfull of magazines with titles such as Mammazons and Girls of Barely Legal. The skin mags move, but it's that lottery ticket dispenser that stays the busiest, with customers queuing up for Daily 6 lotto and Powerball and the ultimate suckers' bait, those pamphlets that sell random number combinations purporting to be "hot." They sell briskly. There's also a quick-check machine to slide in your lotto ticket, post-drawing, to see if you've won. Beneath it is a forlorn pile of crumpled slips.

On Friday, January 12, the people waiting in the lottery line looking for a long shot would get a lucky break -- a free, close-up ticket to a concert by one of the world's most famous musicians -- but only if they were of a mind to take note.

Bell decided to begin with "Chaconne" from Johann Sebastian Bach's Partita No. 2 in D Minor. Bell calls it "not just one of the greatest pieces of music ever written, but one of the greatest achievements of any man in history. It's a spiritually powerful piece, emotionally powerful, structurally perfect. Plus, it was written for a solo violin, so I won't be cheating with some half-assed version."

Bell didn't say it, but Bach's "Chaconne" is also considered one of the most difficult violin pieces to master. Many try; few succeed. It's exhaustingly long -- 14 minutes -- and consists entirely of a single, succinct musical progression repeated in dozens of variations to create a dauntingly complex architecture of sound. Composed around 1720, on the eve of the European Enlightenment, it is said to be a celebration of the breadth of human possibility.

If Bell's encomium to "Chaconne" seems overly effusive, consider this from the 19th-century composer Johannes Brahms, in a letter to Clara Schumann: "On one stave, for a small instrument, the man writes a whole world of the deepest thoughts and most powerful feelings. If I imagined that I could have created, even conceived the piece, I am quite certain that the excess of excitement and earth-shattering experience would have driven me out of my mind."

So, that's the piece Bell started with.

He'd clearly meant it when he promised not to cheap out this performance: He played with acrobatic enthusiasm, his body leaning into the music and arching on tiptoes at the high notes. The sound was nearly symphonic, carrying to all parts of the homely arcade as the pedestrian traffic filed past.

Three minutes went by before something happened. Sixty-three people had already passed when, finally, there was a breakthrough of sorts. A middle-age man altered his gait for a split second, turning his head to notice that there seemed to be some guy playing music. Yes, the man kept walking, but it was something. A half-minute later, Bell got his first donation. A woman threw in a buck and scooted off. It was not until six minutes into the performance that someone actually stood against a wall, and listened.

Things never got much better. In the three-quarters of an hour that Joshua Bell played, seven people stopped what they were doing to hang around and take in the performance, at least for a minute. Twenty-seven gave money, most of them on the run -- for a total of \$32 and change. That leaves the 1,070 people who hurried by, oblivious, many only three feet away, few even turning to look. No, Mr. Slatkin, there was never a crowd, not even for a second.

It was all videotaped by a hidden camera. You can play the recording once or 15 times, and it never gets any easier to watch. Try speeding it up, and it becomes one of those herky-jerky World War I-era silent newsreels. The people scurry by in comical little hops and starts, cups of coffee in their hands, cellphones at their ears, ID tags slapping at their bellies, a grim danse macabre to indifference, inertia and the dingy, gray rush of modernity.

Even at this accelerated pace, though, the fiddler's movements remain fluid and graceful; he seems so apart from his audience -- unseen, unheard, otherworldly -- that you find yourself thinking that he's not really there. A ghost.

Only then do you see it: He is the one who is real. They are the ghosts.

Doan 5: IF A GREAT MUSICIAN PLAYS GREAT MUSIC BUT NO ONE HEARS
... WAS HE REALLY ANY GOOD?

It's an old epistemological debate, older, actually, than the koan about the tree in the forest. Plato weighed in on it, and philosophers for two millennia afterward: What is beauty? Is it a measurable fact (Gottfried Leibniz), or merely an opinion (David Hume), or is it a little of each, colored by the immediate state of mind of the observer (Immanuel Kant)?

We'll go with Kant, because he's obviously right, and because he brings us pretty directly to Joshua Bell, sitting there in a hotel restaurant, picking at his breakfast, wryly trying to figure out what the hell had just happened back there at the Metro.

"At the beginning," Bell says, "I was just concentrating on playing the music. I wasn't really watching what was happening around me . . ."

Playing the violin looks all-consuming, mentally and physically, but Bell says that for him the mechanics of it are partly second nature, cemented by practice and muscle memory: It's like a juggler, he says, who can keep those balls in play while interacting with a crowd. What he's mostly thinking about as he plays, Bell says, is capturing emotion as a narrative: "When you play a violin piece, you are a storyteller, and you're telling a story."

With "Chaconne," the opening is filled with a building sense of awe. That kept him busy for a while. Eventually, though, he began to steal a sidelong glance.

"It was a strange feeling, that people were actually, ah . . ."

The word doesn't come easily.

". . . ignoring me."

Bell is laughing. It's at himself.

"At a music hall, I'll get upset if someone coughs or if someone's cellphone goes off. But here, my expectations quickly diminished. I started to appreciate any acknowledgment, even a slight glance up. I was oddly grateful when someone threw in a dollar instead of change." This is from a man whose talents can command \$1,000 a minute.

Before he began, Bell hadn't known what to expect. What he does know is that, for some reason, he was nervous.

"It wasn't exactly stage fright, but there were butterflies," he says. "I was stressing a little."

Bell has played, literally, before crowned heads of Europe. Why the anxiety at the Washington Metro?

"When you play for ticket-holders," Bell explains, "you are already validated. I have no sense that I need to be accepted. I'm already accepted. Here, there was this thought: What if they don't like me? What if they resent my presence . . ."

He was, in short, art without a frame. Which, it turns out, may have a lot to do with what happened -- or, more precisely, what didn't happen -- on January 12.

Doan 6: MARK LEITHAUSER HAS HELD IN HIS HANDS MORE GREAT WORKS OF ART THAN ANY KING OR POPE OR MEDICI EVER DID. A senior curator at the National Gallery, he oversees the framing of the paintings. Leithauser thinks he has some idea of what happened at that Metro station.

"Let's say I took one of our more abstract masterpieces, say an Ellsworth Kelly, and removed it from its frame, marched it down the 52 steps that people walk up to get to the National Gallery, past the giant columns, and brought it into a restaurant. It's a \$5 million painting. And it's one of those restaurants where there are pieces of original art for sale, by some industrious kids from the Corcoran School, and I hang that Kelly on the wall with a price tag of \$150. No one is going to notice it. An art

curator might look up and say: 'Hey, that looks a little like an Ellsworth Kelly. Please pass the salt.'

Leithauser's point is that we shouldn't be too ready to label the Metro passersby unsophisticated boobs. Context matters.

Kant said the same thing. He took beauty seriously: In his Critique of Aesthetic Judgment, Kant argued that one's ability to appreciate beauty is related to one's ability to make moral judgments. But there was a caveat. Paul Guyer of the University of Pennsylvania, one of America's most prominent Kantian scholars, says the 18th-century German philosopher felt that to properly appreciate beauty, the viewing conditions must be optimal.

"Optimal," Guyer said, "doesn't mean heading to work, focusing on your report to the boss, maybe your shoes don't fit right."

So, if Kant had been at the Metro watching as Joshua Bell play to a thousand unimpressed passersby?

"He would have inferred about them," Guyer said, "absolutely nothing."

And that's that.

Except it isn't. To really understand what happened, you have to rewind that video and play it back from the beginning, from the moment Bell's bow first touched the strings.

White guy, khakis, leather jacket, briefcase. Early 30s. John David Mortensen is on the final leg of his daily bus-to-Metro commute from Reston. He's heading up the escalator. It's a long ride -- 1 minute and 15 seconds if you don't walk. So, like most everyone who passes Bell this day, Mortensen gets a good earful of music before he has his first look at the musician. Like most of them, he notes that it sounds pretty good. But like very few of them, when he gets to the top, he doesn't race past as though Bell were some nuisance to be avoided. Mortensen is that first person to stop, that guy at the six-minute mark.

It's not that he has nothing else to do. He's a project manager for an international program at the Department of Energy; on this day, Mortensen has to participate in a monthly budget exercise, not the most exciting part of his job: "You review the past month's expenditures," he says, "forecast spending for the next month, if you have X dollars, where will it go, that sort of thing."

On the video, you can see Mortensen get off the escalator and look around. He locates the violinist, stops, walks away but then is drawn back. He checks the time on his cellphone -- he's three minutes early for work -- then settles against a wall to listen.

Mortensen doesn't know classical music at all; classic rock is as close as he comes. But there's something about what he's hearing that he really likes.

As it happens, he's arrived at the moment that Bell slides into the second section of "Chaconne." ("It's the point," Bell says, "where it moves from a darker, minor key into a major key. There's a religious, exalted feeling to it.") The violinist's bow begins to dance; the music becomes upbeat, playful, theatrical, big.

Mortensen doesn't know about major or minor keys: "Whatever it was," he says, "it made me feel at peace."

So, for the first time in his life, Mortensen lingers to listen to a street musician. He stays his allotted three minutes as 94 more people pass briskly by. When he leaves to help plan contingency budgets for the Department of Energy, there's another first. For the first time in his life, not quite knowing what had just happened but sensing it was special, John David Mortensen gives a street musician money.

Doan 7: THERE ARE SIX MOMENTS IN THE VIDEO THAT BELL FINDS PARTICULARLY PAINFUL TO RELIVE: "The awkward times," he calls them. It's what happens right after each piece ends: nothing. The music stops. The same people who hadn't noticed him playing don't notice that he has finished. No applause, no acknowledgment. So Bell just saws out a small, nervous chord -- the embarrassed musician's equivalent of, "Er, okay, moving right along . . ." -- and begins the next piece.

After "Chaconne," it is Franz Schubert's "Ave Maria," which surprised some music critics when it debuted in 1825: Schubert seldom showed religious feeling in his compositions, yet "Ave Maria" is a breathtaking work of adoration of the Virgin Mary. What was with the sudden piety? Schubert dryly answered: "I think this is due to the fact that I never forced devotion in myself and never compose hymns or prayers of that kind unless it overcomes me unawares; but then it is usually the right and true devotion." This musical prayer became among the most familiar and enduring religious pieces in history.

A couple of minutes into it, something revealing happens. A woman and her preschooler emerge from the escalator. The woman is walking briskly and, therefore, so is the child. She's got his hand.

"I had a time crunch," recalls Sheron Parker, an IT director for a federal agency. "I had an 8:30 training class, and first I had to rush Evvie off to his teacher, then rush back to work, then to the training facility in the basement." Evvie is her son, Evan. Evan is 3.

You can see Evan clearly on the video. He's the cute black kid in the parka who keeps twisting around to look at Joshua Bell, as he is being propelled toward the door.

"There was a musician," Parker says, "and my son was intrigued. He wanted to pull over and listen, but I was rushed for time."

So Parker does what she has to do. She deftly moves her body between Evan's and Bell's, cutting off her son's line of sight. As they exit the arcade, Evan can still be seen craning to look. When Parker is told what she walked out on, she laughs. "Evan is very smart!"

The poet Billy Collins once laughingly observed that all babies are born with a knowledge of poetry, because the lub-dub of the mother's heart is in iambic meter. Then, Collins said, life slowly starts to choke the poetry out of us. It may be true with music, too.

There was no ethnic or demographic pattern to distinguish the people who stayed to watch Bell, or the ones who gave money, from that vast majority who hurried on past, unheeding. Whites, blacks and Asians, young and old, men and women, were represented in all three groups. But the behavior of one demographic remained absolutely consistent. Every single time a child walked past, he or she tried to stop and watch. And every single time, a parent scooted the kid away.

Doan 8: IF THERE WAS ONE PERSON ON THAT DAY WHO WAS TOO BUSY TO PAY ATTENTION TO THE VIOLINIST, it was George Tindley. Tindley wasn't hurrying to get to work. He was at work.

The glass doors through which most people exit the L'Enfant station lead into an indoor shopping mall, from which there are exits to the street and elevators to office buildings. The first store in the mall is an Au Bon Pain, the croissant and coffee shop where Tindley, in his 40s, works in a white uniform busing the tables, restocking the

salt and pepper packets, taking out the garbage. Tindley labors under the watchful eye of his bosses, and he's supposed to be hopping, and he was.

But every minute or so, as though drawn by something not entirely within his control, Tindley would walk to the very edge of the Au Bon Pain property, keeping his toes inside the line, still on the job. Then he'd lean forward, as far out into the hallway as he could, watching the fiddler on the other side of the glass doors. The foot traffic was steady, so the doors were usually open. The sound came through pretty well.

"You could tell in one second that this guy was good, that he was clearly a professional," Tindley says. He plays the guitar, loves the sound of strings, and has no respect for a certain kind of musician.

"Most people, they play music; they don't feel it," Tindley says. "Well, that man was feeling it. That man was moving. Moving into the sound."

A hundred feet away, across the arcade, was the lottery line, sometimes five or six people long. They had a much better view of Bell than Tindley did, if they had just turned around. But no one did. Not in the entire 43 minutes. They just shuffled forward toward that machine spitting out numbers. Eyes on the prize.

J.T. Tillman was in that line. A computer specialist for the Department of Housing and Urban Development, he remembers every single number he played that day -- 10 of them, \$2 apiece, for a total of \$20. He doesn't recall what the violinist was playing, though. He says it sounded like generic classical music, the kind the ship's band was playing in "Titanic," before the iceberg.

"I didn't think nothing of it," Tillman says, "just a guy trying to make a couple of bucks." Tillman would have given him one or two, he said, but he spent all his cash on lotto.

When he is told that he stiffed one of the best musicians in the world, he laughs.

"Is he ever going to play around here again?"

"Yeah, but you're going to have to pay a lot to hear him."

"Damn."

Tillman didn't win the lottery, either.

Doan 9: BELL ENDS "AVE MARIA" TO ANOTHER THUNDEROUS SILENCE, plays Manuel Ponce's sentimental "Estrellita," then a piece by Jules Massenet, and then begins a Bach gavotte, a joyful, frolicsome, lyrical dance. It's got an Old World delicacy to it; you can imagine it entertaining bewigged dancers at a Versailles ball, or -- in a lute, fiddle and fife version -- the boot-kicking peasants of a Pieter Bruegel painting.

Watching the video weeks later, Bell finds himself mystified by one thing only. He understands why he's not drawing a crowd, in the rush of a morning workday. But: "I'm surprised at the number of people who don't pay attention at all, as if I'm invisible. Because, you know what? I'm makin' a lot of noise!"

He is. You don't need to know music at all to appreciate the simple fact that there's a guy there, playing a violin that's throwing out a whole bucket of sound; at times, Bell's bowing is so intricate that you seem to be hearing two instruments playing in harmony. So those head-forward, quick-stepping passersby are a remarkable phenomenon.

Bell wonders whether their inattention may be deliberate: If you don't take visible note of the musician, you don't have to feel guilty about not forking over money; you're not complicit in a rip-off.

It may be true, but no one gave that explanation. People just said they were busy, had other things on their mind. Some who were on cellphones spoke louder as they passed Bell, to compete with that infernal racket.

And then there was Calvin Myint. Myint works for the General Services Administration. He got to the top of the escalator, turned right and headed out a door to the street. A few hours later, he had no memory that there had been a musician anywhere in sight.

"Where was he, in relation to me?"

"About four feet away."

"Oh."

There's nothing wrong with Myint's hearing. He had buds in his ear. He was listening to his iPod.

For many of us, the explosion in technology has perversely limited, not expanded, our exposure to new experiences. Increasingly, we get our news from sources that think as we already do. And with iPods, we hear what we already know; we program our own playlists.

The song that Calvin Myint was listening to was "Just Like Heaven," by the British rock band The Cure. It's a terrific song, actually. The meaning is a little opaque, and the Web is filled with earnest efforts to deconstruct it. Many are far-fetched, but some are right on point: It's about a tragic emotional disconnect. A man has found the woman of his dreams but can't express the depth of his feeling for her until she's gone. It's about failing to see the beauty of what's plainly in front of your eyes.

Doan 10: "YES, I SAW THE VIOLINIST," Jackie Hessian says, "but nothing about him struck me as much of anything."

You couldn't tell that by watching her. Hessian was one of those people who gave Bell a long, hard look before walking on. It turns out that she wasn't noticing the music at all.

"I really didn't hear that much," she said. "I was just trying to figure out what he was doing there, how does this work for him, can he make much money, would it be better to start with some money in the case, or for it to be empty, so people feel sorry for you? I was analyzing it financially."

What do you do, Jackie?

"I'm a lawyer in labor relations with the United States Postal Service. I just negotiated a national contract."

THE BEST SEATS IN THE HOUSE WERE UPHOLSTERED. In the balcony, more or less. On that day, for \$5, you'd get a lot more than just a nice shine on your shoes.

Only one person occupied one of those seats when Bell played. Terence Holmes is a consultant for the Department of Transportation, and he liked the music just fine, but it was really about a shoeshine: "My father told me never to wear a suit with your shoes not cleaned and shined."

Holmes wears suits often, so he is up in that perch a lot, and he's got a good relationship with the shoeshine lady. Holmes is a good tipper and a good talker, which is a skill that came in handy that day. The shoeshine lady was upset about something, and the music got her more upset. She complained, Holmes said, that the music was too loud, and he tried to calm her down.

Edna Souza is from Brazil. She's been shining shoes at L'Enfant Plaza for six years, and she's had her fill of street musicians there; when they play, she can't hear her customers, and that's bad for business. So she fights.

Souza points to the dividing line between the Metro property, at the top of the escalator, and the arcade, which is under control of the management company that runs the mall. Sometimes, Souza says, a musician will stand on the Metro side, sometimes on the mall side. Either way, she's got him. On her speed dial, she has phone numbers for both the mall cops and the Metro cops. The musicians seldom last long.

What about Joshua Bell?

He was too loud, too, Souza says. Then she looks down at her rag, sniffs. She hates to say anything positive about these damned musicians, but: "He was pretty good, that guy. It was the first time I didn't call the police."

Souza was surprised to learn he was a famous musician, but not that people rushed blindly by him. That, she said, was predictable. "If something like this happened in Brazil, everyone would stand around to see. Not here."

Souza nods sourly toward a spot near the top of the escalator: "Couple of years ago, a homeless guy died right there. He just lay down there and died. The police came, an ambulance came, and no one even stopped to see or slowed down to look. "People walk up the escalator, they look straight ahead. Mind your own business, eyes forward. Everyone is stressed. Do you know what I mean?"

Doan 11: What is this life if, full of care,
We have no time to stand and stare.
-- from "Leisure," by W.H. Davies

Let's say Kant is right. Let's accept that we can't look at what happened on January 12 and make any judgment whatever about people's sophistication or their ability to appreciate beauty. But what about their ability to appreciate life?

We're busy. Americans have been busy, as a people, since at least 1831, when a young French sociologist named Alexis de Tocqueville visited the States and found himself impressed, bemused and slightly dismayed at the degree to which people were driven, to the exclusion of everything else, by hard work and the accumulation of wealth.

Not much has changed. Pop in a DVD of "Koyaanisqatsi," the wordless, darkly brilliant, avant-garde 1982 film about the frenetic speed of modern life. Backed by the minimalist music of Philip Glass, director Godfrey Reggio takes film clips of Americans going about their daily business, but speeds them up until they resemble assembly-line machines, robots marching lockstep to nowhere. Now look at the video from L'Enfant Plaza, in fast-forward. The Philip Glass soundtrack fits it perfectly.

"Koyaanisqatsi" is a Hopi word. It means "life out of balance."

In his 2003 book, *Timeless Beauty: In the Arts and Everyday Life*, British author John Lane writes about the loss of the appreciation for beauty in the modern world. The experiment at L'Enfant Plaza may be symptomatic of that, he said -- not because people didn't have the capacity to understand beauty, but because it was irrelevant to them.

"This is about having the wrong priorities," Lane said.

If we can't take the time out of our lives to stay a moment and listen to one of the best musicians on Earth play some of the best music ever written; if the surge of

modern life so overpowers us that we are deaf and blind to something like that -- then what else are we missing?

That's what the Welsh poet W.H. Davies meant in 1911 when he published those two lines that begin this section. They made him famous. The thought was simple, even primitive, but somehow no one had put it quite that way before.

Of course, Davies had an advantage -- an advantage of perception. He wasn't a tradesman or a laborer or a bureaucrat or a consultant or a policy analyst or a labor lawyer or a program manager. He was a hobo.

Doan 12:THE CULTURAL HERO OF THE DAY ARRIVED AT L'ENFANT PLAZA PRETTY LATE, in the unprepossessing figure of one John Picarello, a smallish man with a baldish head.

Picarello hit the top of the escalator just after Bell began his final piece, a reprise of "Chaconne." In the video, you see Picarello stop dead in his tracks, locate the source of the music, and then retreat to the other end of the arcade. He takes up a position past the shoeshine stand, across from that lottery line, and he will not budge for the next nine minutes.

Like all the passersby interviewed for this article, Picarello was stopped by a reporter after he left the building, and was asked for his phone number. Like everyone, he was told only that this was to be an article about commuting. When he was called later in the day, like everyone else, he was first asked if anything unusual had happened to him on his trip into work. Of the more than 40 people contacted, Picarello was the only one who immediately mentioned the violinist.

"There was a musician playing at the top of the escalator at L'Enfant Plaza."

Haven't you seen musicians there before?

"Not like this one."

What do you mean?

"This was a superb violinist. I've never heard anyone of that caliber. He was technically proficient, with very good phrasing. He had a good fiddle, too, with a big, lush sound. I walked a distance away, to hear him. I didn't want to be intrusive on his space."

Really?

"Really. It was that kind of experience. It was a treat, just a brilliant, incredible way to start the day."

Picarello knows classical music. He is a fan of Joshua Bell but didn't recognize him; he hadn't seen a recent photo, and besides, for most of the time Picarello was pretty far away. But he knew this was not a run-of-the-mill guy out there, performing. On the video, you can see Picarello look around him now and then, almost bewildered.

"Yeah, other people just were not getting it. It just wasn't registering. That was baffling to me."

When Picarello was growing up in New York, he studied violin seriously, intending to be a concert musician. But he gave it up at 18, when he decided he'd never be good enough to make it pay. Life does that to you sometimes. Sometimes, you have to do the prudent thing. So he went into another line of work. He's a supervisor at the U.S. Postal Service. Doesn't play the violin much, anymore.

When he left, Picarello says, "I humbly threw in \$5." It was humble: You can actually see that on the video. Picarello walks up, barely looking at Bell, and tosses in

the money. Then, as if embarrassed, he quickly walks away from the man he once wanted to be.

Does he have regrets about how things worked out?

The postal supervisor considers this.

"No. If you love something but choose not to do it professionally, it's not a waste. Because, you know, you still have it. You have it forever."

Doan 13: BELL THINKS HE DID HIS BEST WORK OF THE DAY IN THOSE FINAL FEW MINUTES, in the second "Chaconne." And that also was the first time more than one person at a time was listening. As Picarello stood in the back, Janice Olu arrived and took up a position a few feet away from Bell. Olu, a public trust officer with HUD, also played the violin as a kid. She didn't know the name of the piece she was hearing, but she knew the man playing it has a gift.

Olu was on a coffee break and stayed as long as she dared. As she turned to go, she whispered to the stranger next to her, "I really don't want to leave." The stranger standing next to her happened to be working for The Washington Post.

In preparing for this event, editors at The Post Magazine discussed how to deal with likely outcomes. The most widely held assumption was that there could well be a problem with crowd control: In a demographic as sophisticated as Washington, the thinking went, several people would surely recognize Bell. Nervous "what-if" scenarios abounded. As people gathered, what if others stopped just to see what the attraction was? Word would spread through the crowd. Cameras would flash. More people flock to the scene; rush-hour pedestrian traffic backs up; tempers flare; the National Guard is called; tear gas, rubber bullets, etc.

As it happens, exactly one person recognized Bell, and she didn't arrive until near the very end. For Stacy Furukawa, a demographer at the Commerce Department, there was no doubt. She doesn't know much about classical music, but she had been in the audience three weeks earlier, at Bell's free concert at the Library of Congress. And here he was, the international virtuoso, sawing away, begging for money. She had no idea what the heck was going on, but whatever it was, she wasn't about to miss it.

Furukawa positioned herself 10 feet away from Bell, front row, center. She had a huge grin on her face. The grin, and Furukawa, remained planted in that spot until the end.

"It was the most astonishing thing I've ever seen in Washington," Furukawa says. "Joshua Bell was standing there playing at rush hour, and people were not stopping, and not even looking, and some were flipping quarters at him! Quarters! I wouldn't do that to anybody. I was thinking, Omigosh, what kind of a city do I live in that this could happen?"

Kết luận: When it was over, Furukawa introduced herself to Bell, and tossed in a twenty. Not counting that -- it was tainted by recognition -- the final haul for his 43 minutes of playing was \$32.17. Yes, some people gave pennies.

"Actually," Bell said with a laugh, "that's not so bad, considering. That's 40 bucks an hour. I could make an okay living doing this, and I wouldn't have to pay an agent."

These days, at L'Enfant Plaza, lotto ticket sales remain brisk. Musicians still show up from time to time, and they still tick off Edna Souza. Joshua Bell's latest album, "The Voice of the Violin," has received the usual critical acclaim. ("Delicate urgency." "Masterful intimacy." "Unfailingly exquisite." "A musical summit." ". . . will make your heart thump and weep at the same time.")

Bell headed off on a concert tour of European capitals. But he is back in the States this week. He has to be. On Tuesday, he will be accepting the Avery Fisher prize, recognizing the Flop of L'Enfant Plaza as the best classical musician in America.

Phụ lục 17: “Những hạt trai trước bữa điêm tâm”

(bản dịch phụ lục 16)

Một trong những nhạc sĩ lỗi lạc của quốc gia có thể băng qua sương mù vào giờ cao điêm tại thủ đô Washington D.C không? Chúng ta hãy cùng khám phá.

Nhập đề: Ông ta từ đường xe điện ngằm ngoi lên tại Thương Xá L'Enfant đứng tựa lưng vào tường, cạnh một thùng rác. Thật khó lòng miêu tả ông ta thật chính xác: một người da trắng còn trẻ với quần jean, áo pull dài tay và chiếc mũ mềm của đội bóng chày quốc gia Washington. Ông ta lấy từ chiếc hộp nhỏ ra một cây vĩ cầm rồi đặt nó dưới chân. Ông ta lẹ làng ném vào đó một vài đồng đôla và tiền lẻ làm “hạt giống”, xoay chiếc hộp hướng về phía khách bộ hành và bắt đầu biểu diễn.

Lúc ấy là 7 giờ 51 phút sáng thứ Sáu, ngày 12 tháng Giêng, giữa giờ cao điêm buổi sáng. 43 phút tiếp theo trong khi nhạc sĩ vĩ cầm chơi sáu tác phẩm cổ điển thì có 1097 khách bộ hành qua lại. Họ đang trên đường đi làm, có nghĩa là đối với hầu hết mọi người, một công việc của nhà nước. Thương Xá L'Enfant Plaza nằm ở trung tâm Washington thuộc liên bang và hầu hết trong số họ là các viên chức bàn giấy với các chức danh khó xác định, khó thay thế: nhà phân tích chính sách, giám đốc dự án, viên chức ngân sách, chuyên viên, nhà cải cách, tư vấn.

Mọi khách bộ hành phải lựa chọn nhanh, một phương tiện giao thông quen thuộc ở bất kỳ khu vực nội ô nào, nơi người nghệ sĩ chuyên nghiệp giả dạng một nghệ sĩ đường phố không chuyên là một phần của cảnh quan đô thị: Bạn có dừng lại và lắng nghe? Bạn vội vàng bước qua với một cảm giác trộn lẫn giữa phạm tội và bực mình, lưu ý tới sự tham lam nhưng bực bội vì nhu cầu gượng ép về thời gian và chiếc ví của mình? Bạn ném vào hộp một đôla chỉ vì lịch sự? Quyết định của bạn thay đổi nếu người diễn quá dở? Thế còn như ông ta hay thật thì sao? Bạn có thời gian cho cái đẹp không? Không nên à? Bài toán về đạo đức của thời điêm đó là gì?

Vào ngày thứ Sáu tháng Giêng, những câu hỏi riêng tư đó đã được giải đáp bằng một phương cách công khai bất thường. Không ai biết phương cách đó ngoài người chơi vĩ cầm đứng tựa bức tường trần trụi bên ngoài nhà ga xe điện ngằm trong một lối đi có mái vòm trên bậc cuối của những chiếc thang cuốn là một trong những nhạc sĩ cổ điển tinh tế nhất thế giới, chơi một số bản nhạc tao nhã nhất được viết ra cho một trong những chiếc vĩ cầm có giá trị nhất. Cuộc diễn tấu của nhạc sĩ đã được báo Washington Post xếp đặt như một cuộc thí nghiệm trong bối cảnh, cảm nhận và các ưu tiên – cũng như một sự đánh giá cẩn thận về thị hiếu của công chúng: Trong một bối cảnh tầm thường vào một thời điêm không thuận tiện liệu cái đẹp có vượt lên được không?

Nhạc sĩ đã không chơi các giai điệu phổ biến mà sự quen thuộc tự nó có thể thu hút sự quan tâm. Đó không phải là một cuộc kiểm tra. Đó là những kiệt tác đã được thử thách qua hàng thế kỷ chỉ nhờ ở sự xuất sắc của tác phẩm, âm nhạc đỉnh cao phù hợp

với dáng vẻ nguy nga, đường bệ của các đại giáo đường hoặc đại sảnh dành cho hòa nhạc.

Âm học đã chứng minh một hiệu ứng đáng kinh ngạc. Dù mái vòm là một loại thiết kế thiết thực, một vật đệm giữa thang cuốn của nhà ga xe điện ngầm với không gian bên ngoài, bằng cách nào đó vẫn giữ được âm thanh, làm âm thanh bật lên và vang rền. Vĩ cầm là một nhạc cụ được cho là rất giống với giọng nói con người, và trong đôi bàn tay bậc thầy của người nhạc sĩ, nó sụt sùi, cười cợt và lạc quan – đắm đuối, đau buồn, tha thiết, van nài, tán tỉnh, ai oán, khô hài, lãng mạn, cao hứng, hoan lạc, xa hoa...

Như vậy, bạn nghĩ điều gì đã xảy ra?

Đoạn 1:Chờ đã, chúng tôi sẽ giúp bạn đôi điều về chuyên môn. Leonard Slatkin, giám đốc âm nhạc của dàn nhạc giao hưởng quốc gia, đã được chất vấn cùng với câu hỏi. Ông ta đã nghĩ điều gì sẽ xảy ra, theo giả thiết, nếu một trong những nghệ sĩ vĩ cầm tên tuổi của thế giới cải trang để biểu diễn trước khoảng 1000 khán giả tất bật trong giờ cao điểm?

“Chúng ta hãy giả dụ,” Slatkin nói, “là ông ta không bị phát hiện và được cho là một nhạc sĩ đường phố... Tuy nhiên, tôi nghĩ là nếu không thật sự có tài thì ông ta sẽ không được ai chú ý. Ông ta có thể có một lượng khán giả nhiều hơn ở châu Âu... nhưng, ở trên 1000 người, mà dự đoán của tôi là có lẽ chỉ có 35 hoặc 40 người sẽ hiểu được giá trị của những gì được trình diễn. Có lẽ 75 đến 100 người sẽ dừng bước và dành ít thời gian lắng nghe”.

- Thế thì, một đám đông sẽ tập trung?
- “Ồ, vâng”
- Và nhạc sĩ sẽ kiếm được bao nhiêu tiền?
- “Khoảng 150 đôla”
- Cảm ơn giáo sư. Khi sự việc xảy ra thì điều đó không còn là giả thiết nữa. Sự việc đã thật sự xảy ra.
- “Việc tôi đoán thế nào”
- Ít phút nữa chúng tôi sẽ kể cho ông nghe.
- “À, nhạc sĩ là ai thế?”
- Joshua Bell

Đoạn 2:“Không!!!”

Là đứa trẻ phi thường của một thời, ở tuổi 39 Joshua Bell đã được thế giới thừa nhận là một nghệ sĩ bậc thầy. Ba ngày trước khi xuất hiện tại nhà ga xe điện ngầm, Bell đã có mặt tại sảnh đường dành cho âm nhạc thính phòng của Tiểu bang tại TP Boston, nơi hầu như chỗ ngồi tốt là 100 đôla mỗi vé. Hai tuần sau, tại Trung tâm âm nhạc ở Strathmore, Bắc Bethesda, ông đã biểu diễn trước một cử tọa trong phòng đứng, tôn trọng tài năng của ông đến nỗi khán giả phải nhin ho chờ đến lúc yên lặng giữa các tấu khúc mới bật ra. Nhưng vào ngày thứ Sáu tháng Giêng đó, Joshua Bell chỉ là một kẻ hành khất khác hẳn, tranh thủ sự chú ý của những con người bận rộn trên đường đi làm mà thôi.

Bell đã lần đầu tiên bày tỏ ý tưởng này không bao lâu trước lễ giáng sinh trước một tách cà phê tại một quán bán bánh mì sandwich trên đồi Capitol. Là người New York, ông đã có mặt tại thành phố để biểu diễn tại Thư viện của Quốc hội và viếng thăm các mái vòm của Thư viện để khảo sát một báu vật hiếm hoi: chiếc đàn vĩ cầm thế kỷ 18 đã từng là vật sở hữu của nghệ sĩ và là nhà soạn nhạc bậc thầy người Áo Fritz Kreisler. Người phụ trách Thư viện đã mời Bell chơi thử chiếc đàn đó; và âm thanh tốt.

“Ồ đây tôi nghĩ gì”, Bell giải bày khi ông nhấm nháp tách cà phê của mình. “Tôi nghĩ rằng tôi đã có thể thực hiện một chuyển lưu diễn với âm nhạc của Kreisler”...

Ông mỉm cười.

“Bằng chiếc vĩ cầm của Kreisler”

Đó là một ý tưởng thời thượng, lịch thiệp – một phần do cảm hứng và một phần là sự độc đáo – và đó là một đặc điểm của Bell, người đã nắm bắt nghệ thuật quảng cáo một cách ngẫu nhiên cho dù sự nghiệp hòa tấu của ông ngày càng rực rỡ. Ông đã chơi độc tấu với nhiều dàn nhạc giao hưởng ở trong và ngoài nước và ông cũng đã xuất hiện trên “Phố Vững”, một chương trình được thực hiện trong buổi tọa đàm đêm khuya trên TV và biểu diễn trong các phim phóng sự. Đó là Bell đang chơi nhạc cho bộ phim năm 1988 “Chiếc vĩ cầm màu đỏ” (Ông cũng cuối gặp người biểu diễn trước một Greta Scacchi lỏa thể). Khi nhà soạn nhạc John Corigliano nhận giải Oscar về Điểm Kịch Tính Độc Đáo nhất, đã ca ngợi Bell, người mà ông nhận định “biểu diễn như một vị thần”.

Khi được hỏi liệu ông có sẵn sàng mặc y phục đường phố và biểu diễn vào giờ cao điểm, Bell nói:

- “Một người đóng thế à?”
- À, vâng. Một người đóng thế. Ông ta có nghĩ điều đó là khiêm nhã không? Bell hóp cạp tách cà phê.
- “Nghe vui đó”, ông nói.

Bell là một người đáng yêu, cao lớn và đẹp trai, phần nào giống Donny Osmond về sự duyên dáng và trên sân diễn duyên dáng được đọc lướt thành khác thường. Khi biểu diễn, ông ta thường là người duy nhất dưới ánh đèn không thắt nơ và mặc áo đuôi tôm trắng. Ông bước ra đến một chiếc bục hình chữ O, trông giống nhân vật Zorro trong chiếc quần đen và một chiếc sơ mi màu đen rù tay, phần áo sơ mi dưới thắt lưng đung đưa, lủng nhùng. Mớ tóc dày, ranh mãnh theo phong cách Beatles cũng là một tài sản có tính chiến lược: Bởi vì kỹ thuật của ông đầy tính hình thể – lực lưỡng và say mê – gần như ông nhảy múa với nhạc cụ và tóc ông bay bay.

Ông độc thân và thật thà, một sự thật không mất mát đối với một số người ái mộ ông. Ở Boston, khi ông biểu diễn tác phẩm Concerto nghiêm trang tông sol thau dành cho đàn vĩ cầm của Max Bruch, thì một số ít phụ nữ trẻ dưới hàng ghế khán giả hầu như biến mất trong biển tóc bạc. Nhưng dường như mọi người độc thân trong số họ –

tinh hoa của tuổi trẻ và nhan sắc – đã xếp hàng tại cửa sân khấu sau buổi diễn, tìm xin chữ ký. Điều đó luôn xảy ra với Bell.

Bell đã đón nhận những lời ca ngợi vượt cả đỉnh cao từ tuổi dậy thì; “Tạp chí phỏng vấn” đã có lần cho rằng việc biểu diễn của ông “không làm gì khác hơn là nói với loài người tại sao họ phải nhọc lòng để sống”. Ông đã học trả lời những điều này một cách đầy nhân ái bằng một cái đầu vệt rứt rề và một tiếng “xi” xác định.

Đối với cuộc biểu diễn cải trang này Bell chỉ có một điều kiện để tham gia. Sự kiện đã được miêu tả với ông như là một cuộc thử nghiệm liệu trong một bối cảnh không phù hợp thì những người bình thường có phát hiện được thiên tài không. Điều kiện của ông là: “Tôi không thoải mái nếu anh gọi đây là thiên tài”. “Thiên tài” là một từ bị lạm dụng, ông nói, từ này có thể được áp dụng cho một số nhà soạn nhạc, tác giả của những tác phẩm bạn đã biểu diễn chứ không phải dành cho bạn. Các kỹ năng của bạn có thể được diễn giải một cách rộng rãi, ông nói, và ngụ ý rằng từ ngữ thiên tài dùng ở đây là không phù hợp và không chính xác.

Đó là một yêu cầu thú vị và trong các tình huống con người sẽ được vinh danh. Thuật ngữ đó sẽ không xuất hiện trong bài báo này nữa.

Tuy nhiên, điều đó sẽ không phá vỡ quy tắc nào cả để lưu ý rằng thuật ngữ này trong câu hỏi, đặc biệt khi được áp dụng trong lĩnh vực âm nhạc, đề cập đến một tài năng bẩm sinh – một khả năng tinh tú, thiên phú, phi thường được bộc lộ từ rất sớm và thường trong một cung cách đầy kịch tính.

Một thực tế trong tiểu sử của Bell là ông đã nhận được những bài học âm nhạc đầu tiên khi lên 4 ở Bloomington, bang Indiana. Cha mẹ ông, cả hai là nhà tâm lý học, đã quyết định việc đào tạo chính thức có thể là một ý tưởng hay ho sau khi họ thấy con trai mình đã căng những sợi dây thun qua các ngăn kéo bàn trang điểm và lắng nghe các giai điệu cô diễn bằng tai, dời tới dời lui các ngăn kéo để thay đổi độ cao thấp của các giai điệu.

Đoạn 3: Để đi từ khách sạn đến nhà ga xe điện ngầm, một khoảng cách chỉ ba khối phố Bell đã dùng taxi. Được gọi là Gibson ex Huberman, cây đàn được Antonio Stradivari làm bằng thủ công vào năm 1713 trong “thời vàng son” của bậc thầy người Ý này, thời điểm cuối sự nghiệp khi ông đã tiếp cận được với gỗ vân sam, gỗ thích và gỗ liễu mịn màng nhất và khi kỹ thuật của ông đã được trau dồi đến độ hoàn thiện.

“Tri thức của chúng ta về âm học vẫn chưa đầy đủ” Bell nói “nhưng ông ấy, ông ấy... biết”.

Bell đã không đề cập đến Stradivari bằng tên, chỉ “ông ấy”. Khi người nhạc sĩ vĩ cầm khoe chiếc đàn của Strad với mọi người, ông đã thận trọng nắm giữ cổ đàn, đặt nó lên gối mình. “Ông ấy đã làm chiếc đàn có độ dày hoàn hảo ở tất cả các phần đàn”, Bell nói vừa xoay xoay chiếc đàn. “Nếu bạn cạo đi một milimét gỗ ở bất kỳ điểm nào thì toàn bộ âm thanh sẽ mất cân đối”. Tuy nhiên, không chiếc vĩ cầm nào tuyệt vời bằng những chiếc đàn Strads kể từ thập niên 1710.

Mặt trước chiếc vĩ cầm của Bell đang ở trong điều kiện gần như hoàn hảo với nhiều vân đậm nét và sáng bóng. Mặt sau chiếc đàn là một mớ hỗn độn, màu đỏ thẫm đã biến thành một màu mờ hơn, nhạt hơn và cuối cùng ở một phía chỉ còn là gỗ trơn.

“Chiếc đàn này chưa bao giờ được đánh bóng lại”, Bell nói, “Đây là vệc-ni nguyên xi của ông ấy. Người ta cho rằng đóng góp cho các yếu tố của âm thanh chính là vệc-ni. Mỗi nhà làm đàn có riêng công thức bí mật của mình”. Stradivari được cho là đã tạo ra những tiếng đàn của mình từ một hỗn hợp cân đối tài tình giữa mật ong, lòng trắng trứng và nhựa một số cây ở vùng hạ Sahara.

Giống như nhạc cụ trong phim “Chiếc vĩ cầm màu đỏ”, chiếc đàn này đã có một quá khứ đầy những bí ẩn. Hai lần, nó đã bị đánh cắp khỏi tay người chủ trước đầy tài năng, nhạc sĩ bậc thầy người Ba Lan Bronislaw Huberman. Lần thứ nhất, vào năm 1919, nó biến mất khỏi phòng khách sạn của Huberman ở Vienna nhưng nhanh chóng được thu hồi lại. Lần thứ hai, gần 20 năm sau, nó bị cuỗm khỏi phòng hóa trang của nhà hát Carnegie Hall. Chủ nhân đã không bao giờ nhận lại được chiếc đàn. Mãi cho đến năm 1985, tay trộm – một nhạc sĩ vĩ cầm hạng xoàng người New York – lúc lâm chung đã trời trần với vợ và đưa ra chiếc đàn ăn cắp.

Bell đã mua chiếc đàn cách đây ít năm. Ông đã phải bán chiếc đàn Strad của riêng mình và vay mượn phần lớn cho phần còn lại. Giá chiếc đàn nghe đâu khoảng ba triệu rưỡi đôla.

Tất cả những chi tiết đó là một sự giải thích dài dòng về lý do trong buổi sáng sớm giá lạnh của một ngày tháng Giêng. Joshua Bell đã ngồi một cuộc taxi để đi đoạn đường có độ dài bằng ba khối phố đến Orange Line và ngồi một mạch đến Thương Xá L’Enfant Plaza.

Đoạn 4: Trong số các nhà ga xe điện ngầm, thì Thương Xá L’Enfant Plaza là bình dân nhất. Thậm chí trước khi bạn đến nó cũng không nhận được sự tôn trọng nào. Các viên chức soát vé xe đường như không bao giờ gọi đúng tên nó: “Leh-fahn”, “Layfont”, “El’phant”.

Phía trên bậc cuối cùng của những chiếc thang cuốn là một quầy đánh giày và một ki-ốt bán rận bán báo, vé số và một bức tường treo đầy tạp chí với các tên như Mammazons và Girls of Barely Legal. Chỉ với một đồng nửa xu thì người bán vé số lại bận rộn với số khách đang xếp hàng chờ mua các loại vé Daily 6 lotto và Powerball với các môi nhử cực kỳ hấp dẫn là các tờ rời bán những con số kết hợp ngẫu nhiên có nghĩa là rất “hot”. Họ bán một cách nhanh chóng. Cũng có một máy kiểm tra nhanh để lướt qua tám vé số của bạn để xem bạn có trúng không. Bên dưới chiếc máy là một đồng quần lót phụ nữ nhàu nát bị vứt lộn xộn.

Vào ngày thứ Sáu, 12 tháng Giêng, những người đứng chờ trong hàng người mua vé số đang đoán mò có thể kiếm được một chút thư giãn miễn phí – một loại vé miễn phí, gần gũi với một cuộc hòa nhạc do một trong những nhạc sĩ nổi tiếng nhất thế giới thể hiện – nhưng chỉ với điều kiện là họ có đầu óc nhận xét.

Bell quyết định bắt đầu bằng nhạc phẩm “Chaconne” từ trích đoạn số 2 tông rê thứ của Johann Sebastian Bach. Bell đã gọi nó “không chỉ là một trong những tác

phẩm âm nhạc vĩ đại nhất từng được viết ra mà còn là một trong những thành tựu lớn lao nhất của con người trong lịch sử. Đó là một tác phẩm mạnh mẽ về tinh thần, mãnh liệt về cảm xúc, hoàn hảo về cấu trúc. Ngoài ra, nó còn được viết ra để độc tấu bằng vĩ cầm, cho nên tôi sẽ không ốm ờ với một phiên bản vớ vẩn nào khác”.

Bell không nói gì nhưng nhạc phẩm “Chaconne” của Bach cũng được xem là một tác phẩm dành cho vĩ cầm khó đạt đến độ hoàn hảo nhất. Có nhiều người thử nhưng chỉ một số ít thành công. Đó là một tác phẩm dài, hao tổn công sức – 14 phút – và chứa đựng hầu như trọn vẹn một tiến trình âm nhạc súc tích, đơn độc được lặp lại bằng hàng chục biến tấu để tạo ra một kiến trúc âm thanh phức hợp khó khăn. Được soạn ra khoảng năm 1720, vào lúc giao thừa của phong trào Khai sáng ở châu Âu, tác phẩm được cho là một sự ngợi ca tính quảng bác của khả năng con người.

Nếu sự tán tụng của Bell dành cho tác phẩm “Chaconne” dường như quá mức bình thường thì hãy cân nhắc sự tán tụng của nhà soạn nhạc Johannes Brahms từ thế kỷ 19 trong một bức thư gửi cho Clara Schumann: “Trên một khuôn nhạc, dành cho một nhạc cụ nhỏ, tác giả đã viết ra toàn bộ thế giới tư tưởng sâu sắc nhất và những cảm xúc mạnh mẽ nhất. Nếu tôi tưởng tượng rằng mình đã có thể sáng tác, thậm chí trình bày tác phẩm đó thì tôi hoàn toàn chắc chắn rằng sự kích động vượt mức và sự trải nghiệm phi thường đã có thể làm tôi điên đảo”

Bell đã bắt đầu biểu diễn với một tác phẩm như thế.

Ông đã rõ ràng có chủ ý khi hứa là sẽ không bán rẻ cuộc biểu diễn này: Ông đã biểu diễn bằng nhiệt tình của nghệ sĩ nhào lộn, thân thể ông tựa vào âm nhạc và uốn cong người trên những đầu ngón chân ở những nốt nhạc cao. Âm thanh nghe như là nhạc giao hưởng, vang vọng khắp khu nhà vòm khi khách bộ hành qua lại.

Ba phút trôi qua trước khi điều gì đó xảy ra. Sáu mươi ba người đã đi qua để rồi cuối cùng đã có một sự đột phá. Một người đàn ông trung niên đã chột thay đổi dáng đi trong một giây ngắn ngủi, quay đầu lưu ý đến sự kiện dường như có một gã nào đó đang chơi nhạc. Vâng, người đàn ông tiếp tục đi nhưng đó đã là một sự kiện.

Nửa phút sau, Bell nhận được số tiền bố thí đầu tiên. Một phụ nữ ném vào một đôla rồi quày quả bỏ đi. Phải đến sáu phút biểu diễn mới có một người thật sự đứng tựa lưng vào tường và lắng nghe.

Sự việc đã không tiến triển tốt đẹp. Trong gần ba phần tư giờ Joshua Bell biểu diễn có bảy người đã ngưng những việc đang làm để đi chậm lại và tiếp nhận cuộc biểu diễn ít ra trong một phút. Hai mươi bảy người cho tiền, hầu hết đang vội – với một tổng số là 32 đôla và một ít tiền lẻ. Số còn lại, 1070 người vội vã, thờ ơ, nhiều người chỉ cách nhạc sĩ không đầy một mét, chỉ có một ít quay nhìn.

Không, thưa ông Slatkin, không bao giờ có một đám đông vây quanh, thậm chí chỉ trong một giây.

Cuộc biểu diễn được một máy quay phim giấu kín thu hình. Bạn có thể xem lại những gì đã thu 1 hoặc 15 lần và không có gì khó khăn khi quan sát. Thử tăng tốc và nó trở nên giật giật như những phim thời sự cảm thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ

nhất. Con người gập gáp trong những điệu bộ, đi đứng hài hước với tách cà phê trong tay, điện thoại di động gắn tai, thể nhận dạng lưng lửng trước bụng như một vũ điệu của người chết. Cho đến sự lạnh lùng, đầy quán tính và máy móc, vội vã đến độ vô hồn của tính hiện đại.

Tuy nhiên, thậm chí ở nhịp độ tăng tốc này, các động tác của người nghệ sĩ vĩ cầm vẫn giữ được vẻ uyển chuyển và thanh lịch; ông ta dường như tách biệt hẳn với khán giả của mình – vô ảnh, vô thanh, thuộc một thế giới khác – tức là bạn tự suy nghĩ là ông ta không thật sự có mặt ở đó – một bóng ma.

Chỉ sau đó bạn sẽ thấy: ông ấy là một con người thật. Những kẻ còn lại là những bóng ma.

Đoạn 5: Nếu một nhạc sĩ tầm cỡ biểu diễn các tuyệt tác âm nhạc mà không ai nghe... thì ông ta có thật sự giỏi không?

Đó là một cuộc tranh luận đã cũ về tri thức luận, thật sự cũ hơn thuyết công an (Koan) về cây trong rừng. Plato đã cân nhắc điều đó và các triết gia trong hai thiên niên kỷ sau cũng không ngừng đặt câu hỏi: Cái đẹp là gì? Nó có phải là một sự thật đo lường được (Gottfried Leibniz) hay chỉ là một khái niệm (David Hume) hoặc là một phần của cái đẹp được trạng thái tinh thần tức thì của người quan sát tô màu mà thôi (Immanuel Kant).

Chúng ta sẽ cùng đồng hành với Kant bởi vì rõ ràng là ông ấy đúng và cũng vì ông đưa chúng ta gần như trực tiếp đến với Joshua Bell, đang ngồi tại nhà hàng trong khách sạn, nhấm nháp bữa điểm tâm, đang cố gắng tính toán một cách hài hước những gì đã diễn ra tại ga xe điện ngầm.

“Vào lúc bắt đầu”, Bell nói, “Tôi chỉ tập trung chơi nhạc. Tôi không thật sự quan sát những gì diễn ra quanh mình...”

Biểu diễn vĩ cầm có vẻ hao mòn cả tinh thần lẫn thể lực nhưng Bell nói rằng đối với ông cơ chế đó là bản chất thứ hai, đã được ổn định bằng luyện tập và ký ức cơ bắp: giống như một người tung hứng, ông nói, vừa giữ các quả bóng trong lúc biểu diễn trong khi vẫn tương tác với đám đông. Anh ta chủ yếu nghĩ gì khi đang biểu diễn, Bell nói, là nắm bắt cảm xúc như một bài ký sự: “Khi bạn biểu diễn một tác phẩm dành cho vĩ cầm tức bạn là một người kể chuyện và bạn đang thuật lại một câu chuyện”.

Với tác phẩm “Chaconne”, sự mở đầu đã đầy ắp cảm giác thán phục. Cảm giác đó đã làm ông một thoáng bận rộn. Tuy nhiên, cuối cùng ông đã bắt đầu liếc trộm.

“Đó là một cảm giác lạ lùng, người ta đã thật sự, à...”

Lời lẽ thốt ra thật không dễ dàng.

“... làm ngơ với tôi”

Bell cười vang. Tiếng cười đó chỉ có ở ông thôi.

“Tại một sảnh hòa nhạc, tôi sẽ nổi cáu nếu một ai đó phát ra tiếng ho hoặc điện thoại di động của ai đó reo vang. Nhưng ở đây, các mong đợi của tôi đã nhanh chóng thu hẹp lại. Tôi đã bắt đầu tri ân bất kỳ sự chú ý nào thậm chí là một cái khẽ liếc nhìn. Tôi đã hàm ơn một cách kỳ cục khi ai đó ném vào một đồng đôla thay vì tiền xu”. Đây là lời nói của một con người mà tài năng được đánh giá là có thể kiếm được đến 1000 đôla cho mỗi phút biểu diễn.

Trước khi ông bắt đầu, Bell đã không biết phải mong đợi điều gì. Những gì ông ta biết, vì một lý do nào đó, là sự hồi hộp.

“Đó không hẳn là một cảm giác sợ hãi sân khấu nhưng đã có những cảm giác nôn nao”, ông nói. “Tôi hơi căng thẳng một chút”.

Bell đã biểu diễn, nói một cách vắn vè, trước những cái đầu trí thức của châu Âu. Tại sao lại bức xúc tại ga xe điện ngầm Washington?

“Khi bạn biểu diễn trước những người mua vé,” Bell lý giải, “bạn đã được thẩm định giá trị rồi. Tôi không có cảm giác mình cần được thừa nhận. Tôi đã được thừa nhận rồi. Ở đây, lại xuất hiện ý tưởng: Nếu họ không thích tôi thì sao? Nếu họ bức bối với sự có mặt của tôi thì sao?”...

Theo ông, tóm lại, thì nghệ thuật không đóng khung. Điều đó, té ra, có thể còn phải bàn cãi nhiều với những gì đã xảy ra – hoặc, rõ ràng hơn, đã không xảy ra – vào ngày 12 tháng Giêng.

Đoạn 6: Mark Leithauser đã nắm giữ trong tay nhiều tác phẩm lớn về hội họa hơn bất kỳ vị vua hay giáo hoàng nào hoặc Medici. Là người quản lý kỳ cựu Nhà triển lãm quốc gia, ông đã thấy giá trị bộ khung của các bức tranh. Leithauser nghĩ ông có ý kiến về những gì đã xảy ra tại nhà ga xe điện ngầm đó.

“Thí dụ, tôi lấy một trong những kiệt tác trù tượng của chúng ta như của Ellsworth Kelly, và tháo nó ra khỏi bộ khung, đưa nó xuống khỏi 52 bậc thềm mà người ta phải bước lên để đến Nhà triển lãm quốc gia, đi qua những chiếc cột đồ sộ, và mang nó vào một nhà hàng. Đó là một bức tranh có giá 5 triệu đôla. Và đó là một trong những nhà hàng có tác phẩm đặc sắc được bày bán, của một số họa sĩ mới vào nghề vừa tốt nghiệp trường Corcoran và tôi treo bức tranh của Kelly lên một bức tường với giá 150 đôla. Sẽ không ai chú ý tới bức tranh cả. Một nhà quản lý nghệ thuật có thể ngược nhìn và nói: “Này, bức tranh đó trông giống của Ellsworth Kelly. Làm ơn chuyển cho lọ muối.”

Quan điểm của Leithauser là chúng ta không nên quá vội vã gán cho các khách bộ hành ở nhà ga xe điện ngầm là những kẻ ngốc nghếch, vô tâm. Vấn đề là ở bối cảnh.

Kant đã có ý kiến tương tự. Ông đã nhận định về cái đẹp một cách nghiêm túc: Trong tác phẩm “Phê bình về việc đánh giá mỹ học”, Kant lập luận rằng năng lực cảm thụ cái đẹp của con người có liên quan đến khả năng đánh giá đạo đức. Nhưng đã có một sự cảnh báo. Paul Guyer của trường Đại học Pennsylvania, một trong những học

giả theo trường phái Kant nổi bật nhất của nước Mỹ, nói rằng triết gia Đức thế kỷ 18 đã cảm thấy rằng để cảm thụ cái đẹp một cách đúng mực thì các điều kiện để thưởng ngoạn phải là tối ưu.

“Tối ưu”, Guyer nói, “không có nghĩa là hướng vào việc làm, tập trung vào báo cáo của bạn trước ông chủ mà có thể là đôi giày của bạn có vừa chân bạn không?”

Thế thì, nếu Kant đã có mặt tại nhà ga xe điện ngầm xem Joshua Bell biểu diễn cho một ngàn khách bộ hành không quan tâm thì sao?

- Có lẽ ông ta phải suy nghĩ lại về chuyện này”, Guyer nói, “chắc chắn là không có gì”

Và như thế đó.

Ngoại trừ nó không phải thế. Để thật sự hiểu những gì đã xảy ra, bạn phải trở cuộn băng video lại và xem từ đầu, từ lúc chiếc mã vĩ của Bell bắt đầu chạm vào dây đàn.

Gã đàn ông da trắng, quần kaki, áo khoác da, cặp đũa hồ sơ. Ngoài ba mươi tuổi, John David Mortensen đang rải những bước cuối cùng từ chiếc xe buýt chạy tuyến Reston đến ga xe điện ngầm. Anh ta ngược đầu lên đỉnh chiếc thang cuốn. Đó là một khoảng dài – 1 phút 15 giây nếu bạn không bước. Do đó, hầu như hết những người đi ngang Bell ngày hôm đó. Mortensen đã nghe được tiếng nhạc trước khi nhìn thấy nhạc sĩ. Cũng giống hầu hết khách bộ hành anh lưu ý rằng nhạc nghe khá hay. Nhưng giống rất ít người trong số họ, khi anh đến đỉnh chiếc thang cuốn anh đã không vội vã đi qua như thể Bell là một nỗi khó chịu phải tránh xa. Mortensen chính là người đầu tiên dừng lại ở phút thứ sáu.

Không phải anh ta không có việc gì để làm. Anh ta là một giám đốc dự án cho một chương trình quốc tế tại Bộ Năng lượng; vào hôm đó, Mortensen phải tham gia một công việc có liên quan đến ngân sách hàng tháng, không phải là công việc hào hứng nhất của mình. “Bạn xem lại các chỉ tiêu tháng trước”, anh ta nói, “dự báo chi tiêu cho tháng tiếp theo, nếu bạn có X đôla thì nó sẽ đi đâu, công việc đại loại như thế”.

Trên băng video, bạn có thể thấy Mortensen bước ra khỏi chiếc thang cuốn và nhìn quanh. Anh đã nhận ra vị trí của người chơi vĩ cầm, dừng lại, bước đi nhưng sau đó (dường như) bị lôi kéo lại. Anh ta kiểm tra giờ trên chiếc điện thoại di động – anh ta sớm ba phút – rồi đứng tựa vào tường để lắng nghe.

Mortensen không biết gì về nhạc cổ điển; nhạc rock cổ điển gần gũi với anh ta hơn. Nhưng có cái gì đó về những gì đang nghe làm anh ta ưa thích thật sự.

Khi sự việc diễn ra, anh ta đã đến vào lúc Bell đã bước vào phần hai của tác phẩm “Chaconne”. “Đó là điểm”, Bell nói, “nhạc chuyển dịch từ một giai điệu buồn, âm đậm sang một giai điệu hùng tráng. Có một tình cảm cao thượng mang tính tôn giáo trong đó”. Chiếc mã vĩ của người chơi vĩ cầm bắt đầu nhảy múa; âm nhạc trở nên lạc quan, vui tươi, sống động, tuyệt vời.

Mortensen không biết gì về tên các giai điệu là thứ hoặc trưởng: “Là gì đi nữa”, anh ta nói, “Nó cũng làm tôi cảm thấy yên bình”.

Thế đấy, lần đầu tiên trong đời, Mortensen nấn ná lắng nghe một nhạc sĩ đường phố. Anh ta đã nấn lại trong ba phút được phân bổ trong khi 94 người khác vội vã đi qua. Khi anh ta bỏ đi để lo công việc hạch toán ngân sách phụ thuộc của Bộ Năng lượng cũng xuất hiện một sự việc đầu tiên khác. Đó là lần đầu tiên trong đời, dù hoàn toàn không hiểu gì về những gì vừa mới xảy ra nhưng cảm giác đó là một sự kiện đặc biệt: John David Mortensen đã cho tiền một nghệ sĩ đường phố.

Đoạn 7: Có sáu thời điểm trong băng Video, Bell cảm thấy đặc biệt nhưc nhồi khi nhớ lại. “Những lần khó xử”, ông nhớ lại. Đó là những gì xảy ra ngay lúc mỗi tác phẩm kết thúc: không gì cả. Âm nhạc ngừng lại. Những con người đã không lưu ý đến việc ông đang biểu diễn cũng không lưu ý đến việc ông kết thúc. Không vỗ tay, không cảm tạ. Bell mới vừa cửa vào một hộp âm tinh tế – cũng như chính bản thân người nhạc sĩ đang bối rối “Ồ, được rồi, theo tình thế mà thôi...” – và bắt đầu chơi tác phẩm kế tiếp.

Sau tác phẩm “Chaconne” là tác phẩm “Ave Maria” của Franz Schubert đã làm ngạc nhiên một số nhà phê bình âm nhạc khi ra đời vào năm 1825: Schubert ít khi bày tỏ cảm xúc tôn giáo trong các tác phẩm của mình, tuy vậy, “Ave Maria” là một công trình tuyệt vời ca ngợi Đức mẹ đồng trinh Maria. Lòng mộ đạo đột ngột này là gì? Schubert đã trả lời một cách khô khan: “Tôi nghĩ rằng thật ra là tôi chưa bao giờ bị bắt buộc phải sùng bái tự thâm tâm mình và chưa bao giờ soạn ra những loại tụng ca hoặc nguyện ca như thế trừ phi nó vượt qua những điều bất ngờ nhưng giờ thì đó là sự sùng bái chân chính”. Bản nguyện ca này đã trở thành một trong những tác phẩm tôn giáo quen thuộc và lâu bền nhất trong lịch sử.

Hai phút trong băng video đã hé lộ đôi điều: Một người phụ nữ và đứa con chưa đến tuổi đi học của chị nhô lên từ thang cuốn. Người phụ nữ đang bước vội vã và tất nhiên đứa con cũng thế. Chị nắm tay cậu bé.

“Tôi có chút đắn đo”, Sheron Parker, giám đốc một cơ quan tin học liên bang, nhớ lại. “Tôi có một lớp đào tạo lúc 8 giờ 30 và trước hết là phải đưa Evvie đến thầy giáo của nó, sau đó quay vội lại để làm việc, để đến cơ sở đào tạo ở tầng hầm”.

Evvie là con trai chị, Evan – Evan lên ba.

Bạn có thể trông thấy Evan rõ ràng trên video. Đó là một cậu bé đen nhẻm lanh lợi trong chiếc áo đi mưa ngắn có mũ trùm đầu tiếp tục uốn mình để nhìn Joshua Bell ngay khi cậu bị lôi cuốn về phía cửa.

“Đã có một nhạc sĩ”, Parker nói, “và con trai tôi đã bị thu hút. Nó muốn đến đó để nghe nhưng tôi phải vội vì không có thời gian”.

Do đó, Parker đã làm những gì phải làm. Chị khéo léo len người giữa Evan và Bell, che khuất tầm nhìn của cậu con. Khi họ ra khỏi đường vòm, người ta vẫn còn thấy Evan nghenh cổ lên nhìn. Khi được cho biết vừa trải qua điều gì, Parker cười.

“Evan thông minh thật!”

Nhà thơ Billy Collins đã từng bật cười khi quan sát tất cả trẻ sơ sinh chào đời với bản năng thi ca bởi vì nhịp đập của quả tim người mẹ giống như nhịp thơ có hai âm tiết. Rồi, Collins nói, cuộc đời bắt đầu một cách chậm chạp làm thui chột khả năng thi ca trong chúng ta. Điều đó cũng có thể đúng với âm nhạc nữa.

Không có một khuôn mẫu nào về chủng tộc hoặc dân số để phân biệt những người nán lại xem Bell biểu diễn hoặc những người cho tiền từ đại đa số những con người vội vã đi qua một cách thờ ơ. Những con người da trắng, da đen và châu Á, trẻ và già, đàn ông và đàn bà tượng trưng cho ba nhóm. Nhưng cung cách ứng xử của một nét dân số học còn lại là điểm tuyệt đối nhất quán. Cứ mỗi lần một đứa bé đi qua thì cô bé hoặc cậu bé ấy cố dừng lại và xem. Và cứ mỗi lần như thế thì một bậc cha mẹ lại kéo đứa bé đi nơi khác.

Đoạn 8: Nếu có một người hâm ấy quá bận không chú ý đến người chơi vĩ cầm thì đó là George Tindley. Tindley đã không vội vã đến chỗ làm. Anh ta đã ở tại nơi làm việc.

Các cửa kính thông qua nhà ga L’Enfant dẫn đến một trung tâm mua sắm trong nhà, từ đó có những lối ra phố và các thang máy đưa đến các cao ốc văn phòng. Cửa hàng đầu tiên trong trung tâm mua sắm là “Au Bon Pain”, tiệm cà phê – bánh sừng bò nơi Tindley, ở tuổi trên 40, trong bộ đồng phục trắng, phục vụ bàn, bỏ sung các gói muối, tiêu, mang rác đi đổ... Tindley lao động dưới những con mắt quan sát của các chủ nhân và người ta cho là anh đang hi vọng và anh ta đã hi vọng.

Nhưng cứ mỗi phút không kiểm soát được mình thì Tindley lại đi ngay đến “Au Bon Pain”, giữ các ngón chân ngay trong lằn vạch chứng tỏ vẫn còn bận việc. Đoạn anh ta cúi người về phía trước, càng xa lối vào sảnh càng tốt, quan sát người nhạc sĩ vĩ cầm từ phía cửa kính bên kia. Khách bộ hành qua lại không ngớt nên cửa thường mở. Âm thanh xuyên qua khá tốt.

“Bạn có thể nói ngay rằng gã này giỏi và rõ ràng là chuyên nghiệp”, Tindley nói. Anh chơi guitar, yêu tiếng nhạc phát ra từ những sợi dây đàn và không trọng thị một loại nhạc sĩ nhất định nào đó.

“Hầu hết những người chơi nhạc không cảm thấy nó”, Tindley nói. “À, gã ấy có cảm nhận âm nhạc. Anh ta xúc động. Xúc động trong âm thanh”.

Bên kia đường vòm khoảng 30 mét là dòng người đang mua vé số, đôi khi có năm hoặc sáu người. Họ có chỗ để quan sát Bell tốt hơn chỗ của Tindley nếu họ chỉ cần quay đầu qua. Nhưng không ai làm thế cả. Hoàn toàn không trong toàn bộ 43 phút. Họ chỉ lê chân về phía trước, phía chiếc máy đang tuôn ra các chữ số. Mọi cặp mắt dán vào các giải thưởng.

J.T. Tillman đã ở trong hàng người đó. Là một chuyên viên máy tính của Bộ Phát triển Nhà và Đô thị, anh ta nhớ lại từng con số đã chơi hôm đó – 10 số, 2 đôla mỗi vé, tổng cộng 20 đôla. Tuy nhiên, anh ta lại không nhớ người chơi vĩ cầm đã

biểu diễn những gì. Anh ta nói nó nghe đại loại như âm nhạc cổ điển, loại mà dàn nhạc của con tàu đã chơi trong phim “Titanic” trước khi đụng phải băng sơn.

“Tôi không phải là không nghĩ gì về điều đó”, Tillman nói, “chỉ là một gã nào đó đang kiếm một vài đồng”. Tillman đáng lẽ đã cho gã ấy một hoặc hai đô, anh ta nói, nhưng đã trót tiêu hết số tiền mặt vào vé số rồi.

Khi được cho biết là đã keo kiệt với một trong những nhạc sĩ giỏi nhất thế giới, anh ta cười.

“Anh ta có biểu diễn quanh đây nữa không?”

“Có, nhưng anh sẽ phải trả nhiều tiền để được nghe đó”.

“Mẹ kiếp”

Tillman cũng không trúng giải xổ số nào.

Đoạn 9: Bell kết thúc bản “Ave Maria” bằng một sự im lặng sấp búng nỗ trước khi tiếp tục chơi bản nhạc ủy mị của Manuel Ponce, “Estrellita”, tiếp theo là một tác phẩm của Jules Massenet và rồi bắt đầu một điệu vũ nhạc của Bach, vừa vui tươi vừa dí dỏm. Có một sự tinh tế của thế giới cũ trong bản nhạc; bạn có thể tưởng tượng nó đang thực hiện chức năng thư giãn dành cho các vũ công mang tóc giả tại một sảnh đường ở Versailles, hoặc trong một phiên bản có đàn luyt, vĩ cầm và sáo – các nông nhân đang đá ùng trong một bức tranh của Pieter Bruegel.

Khi xem lại băng video mấy tuần sau, Bell tự mình phát hiện là đã làm mọi việc bí ẩn chỉ bằng một điều duy nhất. Ông hiểu tại sao mình không thu hút được đám đông trong giờ cao điểm của một buổi sáng lao động. Nhưng “Tôi ngạc nhiên về số người không mấy may chú ý như thể tôi là vô hình vậy – Bởi vì bạn biết không? Tôi đã gây ồn ào mà!”

Ông ta đã ở đó. Bạn không cần biết gì về âm nhạc để cảm nhận một sự thật đơn giản là có gã đàn ông ở đó, đang chơi một chiếc vĩ cầm, nhạc cụ đang tuôn tràn cả một lượng âm thanh không nhỏ, có những lúc động tác kéo vĩ của Bell phức tạp như thể bạn đang nghe cùng lúc hai nhạc cụ đang chơi hòa tấu. Thế mà nhiều khách bộ hành vẫn đầu cúi gằm về phía trước, chân sải bước vội vàng... là một hiện tượng đáng lưu ý.

Bell tự hỏi phải chăng sự vô tâm của họ là cố ý: Nếu bạn không chú ý đến sự hữu hình của người nhạc sĩ thì bạn sẽ phải cảm thấy tội lỗi về việc đào xới tiền, bạn sẽ không đồng lõa trong một vụ lừa đảo.

Điều đó có thể đúng nhưng không ai đưa ra lời giải thích. Người ta chỉ nói là họ bận, có những việc khác trong đầu. Một số người sử dụng điện thoại di động, nói to hơn khi họ đi qua mặt Bell để cạnh tranh với sự huyền ảo âm ã do ông tạo ra.

Và rồi có Calvin Myint. Myint làm việc cho Sở Hành chính dịch vụ tổng hợp. Anh ta đã lên đến đỉnh thang cuốn, quẹo phải và hướng ra cửa về phía đường phố. Một vài tiếng đồng hồ sau, anh ta không nhớ là đã có một nhạc sĩ đầu đó trong tầm mắt mình.

“Anh ta đã ở đâu, có liên quan gì đến tôi?”

“Chỉ cách anh khoảng một mét”.

“Ồ”.

Không có gì khiếm khuyết về thính giác của Myint. Anh ta có vật khác trong tai. Anh ta đang nghe iPod.

Đối với nhiều người chúng ta, sự bùng nổ của công nghệ đã giới hạn một cách tai ác, kìm chế sự phát triển, sự tiếp cận của chúng ta với các trải nghiệm mới. Ngày càng gia tăng sự việc chúng ta nhận tin từ những nguồn tin như thể chúng ta đã biết rồi. Và với iPod, chúng ta nghe những gì chúng ta đã biết; chúng ta lập trình các danh mục phải nghe cho chính mình.

Bài hát mà Calvin Myint đã nghe là “Just Like Heaven” của ban nhạc rock người Anh “The Cure”. Đó là một bài hát tuyệt vời thật sự. Hơi tối nghĩa và trang web thì đầy những nỗ lực báo trước để phê phán nó. Nhiều thứ đã được thổi phồng, nhưng một số lại đúng ở điểm: Đó là một sự gián đoạn cảm xúc có tính bi kịch. Một người đàn ông đã tìm thấy người phụ nữ trong mộng của mình nhưng không thể diễn đạt chiều sâu cảm xúc của mình cho cô ấy hiểu đến khi cô ta ra đi. Bài hát nói về việc không thấy cái đẹp của những điều bình dị ở ngay trước mắt bạn.

Đoạn 10: “Vâng, tôi đã thấy người chơi vĩ cầm”, Jackie Hessian nói “nhưng ông ta không có gì thu hút tôi nhiều cũng như bất cứ điều gì khác”.

Bạn không thể nói thế trước khi quan sát chị ta – Hessian là một trong những người đã dành cho Bell cái nhìn chăm chú, lâu lắc trước khi tiếp tục bước đi. Té ra chị ta không hề lưu ý đến âm nhạc.

“Tôi thật sự không nghe bản nhạc đó nhiều”, chị ta nói. “Tôi chỉ cố hình dung anh ta đang làm gì ở đó, anh ta giỏi đến mức nào, anh ta có thể kiếm được bao nhiêu tiền, có thể tốt hơn là bắt đầu bằng cách để sẵn một ít tiền trong hộp hoặc là để hộp trống không để người ta cảm thấy tội nghiệp cho bạn? Tôi đã phân tích điều đó về mặt tài chính.

“Chị làm gì, Jackie?”

“Tôi là một luật sư về quan hệ lao động tại Sở Bruu chính Hoa Kỳ. Tôi chỉ đàm phán hợp đồng có tầm cỡ quốc gia.”

Những chỗ ngồi tốt nhất trong nhà đã được bọc lót. Ít nhiều gì là ở hành lang. Ngày hôm đó, với 5 đôla, bạn mua được nhiều thứ hơn là vé bóng lộn trên đôi giày của mình.

Duy nhất có một người chiếm lĩnh một trong những chỗ ngồi đó khi Bell biểu diễn. Terence Holmes là một nhà tư vấn cho Bộ Vận tải và anh ta thích âm nhạc chỉ vì nó hay còn thật ra thì anh thích vẻ bóng lộn của giày hơn: “cha tôi đã bảo tôi là đừng bao giờ mặc một bộ com-lê với đôi giày không được đánh bóng”

Holmes mặc đồ com-lê thường xuyên, cho nên anh ta lệ thuộc vào bộ mã rất nhiều và anh ta có mối quan hệ tốt đẹp với người phụ nữ đánh giày. Holmes là một người cho tiền “boa” hào phóng và một người nói chuyện hay, một kỹ năng có sẵn trong tay ngày hôm đó. Người phụ nữ đánh giày đã bực mình về một điều gì đó và tiếng nhạc làm chị thêm cáu gắt. Chị phàn nàn, Holmes nói, rằng tiếng nhạc to quá và anh ta đã cố trấn an chị.

Edna Souza gốc Brazil. Chị đã đánh giày tại Thương Xá L’Enfant được sáu năm và chị đã thấy đầy đầy các nhạc sĩ đường phố; khi khách hàng trả tiền chị không nghe thấy và điều đó là tệ hại cho công việc. Cho nên chị chống.

Souza trở vào đường phân ranh giữa Nhà ga xe điện ngầm trên đỉnh của chiếc thang cuốn, và nhà vòm dưới sự kiểm soát của công ty quản lý đang điều hành Thương Xá. Đôi khi, Souza nói, một nhạc sĩ đứng bên phía nhà ga, thỉnh thoảng có người đứng bên kia Thương Xá - phía nào chị cũng đụng độ anh ta – bằng chiếc điện thoại tốc độ nhanh, chị có số điện thoại của cả hai phía: cảnh sát thương xá và cảnh sát xe điện ngầm. Các nhạc sĩ hiếm khi hiện diện được lâu dài.

Thế còn Joshua Bell?

Ông ta cũng rất ồn ào, Souza nói. Rồi chị nhìn xuống mớ vải vụn, khụt khịt. Chị ghét phải nói những gì tích cực về các nhạc sĩ chết giẫm đó, nhưng “Anh ta khá giỏi, gã đó. Đó là lần đầu tiên tôi đã không gọi cảnh sát”.

Souza đã ngạc nhiên khi biết ông ấy là một nhạc sĩ nổi tiếng nhưng người ta không mù quáng chạy đổ xô về phía ông. Chị nói như đoán “Nếu sự việc như vậy xảy ra ở Brazil thì mọi người sẽ đứng quanh để xem. Ở đây thì không”.

Souza chua chát hắt hàm về phía một điểm gần đỉnh thang cuốn: “Hai năm trước đây, một gã không nhà đã chết ngay chỗ đó. Anh ta chỉ nằm xuống và chết. Cảnh sát đến, một xe cứu thương đến và không một ai thậm chí dừng lại để xem hoặc đi chậm lại để xem.

“Người ta đi lên bằng thang cuốn, họ nhìn thẳng trước mặt. Quan tâm công việc của chính bạn, mắt nhìn thẳng. Ai cũng bị áp lực. Anh có hiểu những gì tôi nói không?”

Đoạn 11: Cuộc đời này là gì nếu đủ đầy chăm sóc,

(Vì) chúng ta không có thì giờ để đứng và nhìn

- trích “Leisure” của W. H. Davies

Hãy cho là Kant đúng đi. Hãy chấp nhận rằng chúng ta không thể nhìn vào những gì đã xảy ra vào ngày 12 tháng Giêng và phê phán bất cứ điều gì về sự giả tạo hoặc khả năng cảm thụ cái đẹp của con người. Thế còn khả năng cảm nhận cuộc đời?

Chúng ta bận rộn. Người Mỹ đã bận rộn, toàn bộ dân tộc bận rộn ít ra là từ năm 1831 khi một nhà xã hội học người Pháp trẻ tuổi có tên là Alexeis de Tocqueville đến viếng thăm nước Mỹ và tự thấy mình bị áp lực, sùng sốt và hơi choáng váng trước mức độ con người bị thôi thúc, bỏ qua mọi thứ khác và chỉ tập trung cho việc làm nặng nhọc và sự tích lũy của cải.

Đã không có gì thay đổi lắm. Nhạc pop trong một đĩa DVD có tựa đề “Koyaanisqatsi”, không lời, hay một cách sâu thẳm trong bộ phim theo trường phái tiên phong năm 1982 về tốc độ điên cuồng của đời sống hiện đại. Được âm nhạc của Philip Glass, một trường phái nhỏ, hậu thuẫn, đạo diễn Godfrey Reggio đã đưa clip phim của người Mỹ về công việc kinh doanh hằng ngày nhưng đã tăng tốc cho các clip để chúng giống như các cỗ máy sản xuất theo dây chuyền, các robot bước đi khệnh khạng không đến đâu cả. Giờ đây nhìn vào phim video được quay tại thương xá L’Enfant khi được cho chạy nhanh về phía trước. Âm thanh của Philip Glass hoàn toàn khớp với phim.

“Koyaanisqatsi” là một từ của người Hopi (một bộ lạc da đỏ ở Đông Nam Arizona. ND). Nó có nghĩa là cuộc sống mất cân đối.”

Trong quyển sách xuất bản năm 2003 “Timeless Beauty: In the Arts and Everyday Life” (Cái đẹp phi thời gian: trong nghệ thuật và cuộc sống thường nhật), tác giả người Anh John Lane đã viết về việc đánh mất sự cảm thụ cái đẹp trong thế giới hiện đại. Cuộc thử nghiệm tại thương xá L’Enfant có thể là một dấu hiệu của sự đánh mất đó, ông nói – không phải vì người ta không có năng lực cảm thụ cái đẹp mà là vì nó không quan yếu đối với họ.

“Đó là do có ưu tiên sai trái”, Lane nói.

Nếu chúng ta không thể dành thời gian cho cuộc sống để nán lại giây phút lắng nghe một trong những nhạc sĩ giỏi nhất trên hành tinh này biểu diễn một vài bản nhạc hay nhất từng được viết ra; nếu sự xô bồ của đời sống hiện đại đã khuất phục được chúng ta đến nỗi chúng ta trở thành điếc và đui trước một điều gì như thế – rồi chúng ta còn đánh mất điều gì khác nữa?

Đó là những gì thi sĩ xứ Wales W.H. Davies đã ngụ ý vào năm 1911 khi ông viết hai dòng thơ đã được dùng để mở đầu cho phần này. Hai dòng thơ đã làm cho tác giả của nó nổi tiếng. Tư tưởng bình dị thậm chí còn có vẻ sơ khai nhưng bằng cách nào đó chưa ai trước đó đã đặt đúng theo trật tự này.

Tất nhiên, Davies đã có một lợi thế – một lợi thế về sự hoàn hảo. Ông không phải là một thương nhân hoặc một người lao động hay một viên chức bàn giấy hoặc một nhà tư vấn hay một nhà phân tích chính sách hoặc một luật sư về lao động hay một nhà quản lý chương trình. Ông ta là một kẻ lang thang, bụi đời.

Đoạn 12: Nhân vật chính về văn hóa của ngày đó đã đến thương xá L’enfant tương đối muộn, trong dáng vẻ không được thiện cảm lắm là một John Picarello, con người nhỏ thó với cái đầu hói.

Picarello đã chạm đến đỉnh chiếc thang cuốn ngay khi Bell bắt đầu bản nhạc cuối cùng, một phần tấu lại của bản “Chaconne”. Trên phim video, bạn thấy Picarello đứng sững lại, định vị nguồn phát ra tiếng nhạc và sau đó lùi lại từ phía cuối nhà vòm. Anh ta chọn một vị trí qua khỏi quày đánh giầy, đối diện với hàng người mua vé số và anh ta đã không nhúc nhích trong suốt chín phút tiếp theo.

Giống như tất cả các khách bộ hành được phỏng vấn cho bài báo này, Picarello đã được một phóng viên chặn lại sau khi anh rời tòa nhà và được hỏi số điện thoại. Giống mọi người, anh ta chỉ được cho biết đây là một bài báo về việc đi lại đều đặn giữa hai điểm cố định. Sau đó, khi được gọi lại cùng ngày, cũng giống như mọi người khác, trước khi anh được hỏi liệu có gì bất thường đã xảy ra với mình trên đường đến nơi làm việc không. Trong số hơn 40 người được phỏng vấn, Picarello là người duy nhất đề cập tức thì đến người chơi vĩ cầm.

- “Có một nhạc sĩ đang chơi trên đỉnh chiếc thang cuốn tại thương xá L’Enfant”

- Anh đã không từng thấy các nhạc sĩ ở đó trước đây à?
- “Không giống người này”
- Anh ngụ ý gì?
- “Đó là một nghệ sĩ vĩ cầm tuyệt vời. Tôi chưa từng nghe ai có tầm cỡ như thế. Anh ta điều luyện về kỹ thuật với lối diễn rất hay. Anh ta cũng có một chiếc vĩ cầm tốt nữa, có âm thanh vang, say đắm. Tôi đi cách xa một quãng để nghe anh ta. Tôi không muốn chen vào không gian của anh ta”.
- Thật vậy à?
- “Thật vậy. Đó là kinh nghiệm. Đó là một điều thú vị, chỉ là một phương cách thông minh, khó tin để khởi đầu một ngày.”

Picarello hiểu âm nhạc cổ điển. Anh ta là một người ái mộ Joshua Bell nhưng đã không nhận ra ông ấy; anh ta đã không xem một tấm ảnh nào của ông ta thời gian gần đây và ngoài ra hầu hết thời gian Picarello sống xa nơi đây. Nhưng anh ta biết đây không phải là một gã tầm thường đang biểu diễn. Trên phim video, bạn có thể thấy Picarello nhìn quanh từng lúc hầu như ngơ ngác.

“À, những người khác chỉ không đến đó. Đó không phải là việc đăng ký. Điều đó làm tôi bối rối”.

Khi lớn lên ở New York, Picarello đã học vĩ cầm một cách nghiêm túc, dự định thành một nhạc sĩ hòa tấu. Nhưng anh đã từ bỏ vĩ cầm lúc 18 tuổi khi anh nhận ra là mình sẽ không bao giờ đủ năng lực. Đôi khi làm thể với bạn. Thỉnh thoảng bạn phải làm gì đó khôn ngoan. Cho nên anh ta đã tìm việc khác. Anh ta là một giám thị tại Sở Bưu chính Hoa Kỳ và không chơi vĩ cầm nữa.

Khi kết thúc cuộc phỏng vấn, Picarello nói, “Tôi đã khiêm tốn ủng hộ 5 đôla”. Đó là khiêm tốn: bạn có thể thật sự thấy điều đó trên video. Picarello bước lên, nhìn thẳng vào Bell và ném tiền vào hộp. Sau đó, dường như bối rối, anh đã nhanh chóng bước đi cách xa người đàn ông mà anh ta từng có lần ao ước được như thế.

Anh ta có hối hận về việc đổi hướng nghề nghiệp không?

Viên chức giám thị ngành bưu chính nghi ngờ về điều đó. “Không. Nếu bạn yêu thích một điều gì đó nhưng lại không làm việc đó một cách chuyên nghiệp thì đó cũng không phải là một sự lãng phí. Bởi vì, bạn biết đó, bạn vẫn có nó. Bạn có nó mãi mãi.”

Đoạn 13: Bell nghĩ rằng ông đã làm điều tốt đẹp nhất trong ngày là vào ít phút cuối cùng, với bản “Chaconne” thứ hai. Và đó cũng là lần đầu tiên có hơn một người lắng nghe cùng lúc. Khi Picarello đứng phía sau thì Janice Olu đến và chọn một vị trí chỉ cách Bell vài bước. Olu, một viên chức tin thác công lập làm việc cho công ty HUD, cũng chơi vĩ cầm khi còn bé. Chị đã không biết tên của bản nhạc chị đang nghe nhưng chị biết người đàn ông đang chơi bản nhạc đó là một tài năng.

Olu đang giờ giải lao với cà phê và nán lại bao lâu là tùy chị. Khi quay đi, chị thì thầm với một người lạ kế bên, “Tôi thật sự không muốn đi”. Người lạ đang đứng kế chị dường như đang làm việc cho báo “The Washington Post”

Trong việc chuẩn bị cho sự kiện này, các biên tập viên của tạp chí The Post Magazine đã bàn là làm thế nào để đối phó với các hậu quả có thể xảy ra. Giả thuyết có đông người đồng tình nhất là có thể gặp khó khăn trong việc kiểm soát đám đông: trong một dân số phức tạp như Washington, nhiều ý kiến cho là có không ít người chắc chắn sẽ nhận ra Bell. Các tình huống “Nếu vậy thì sao” được đặt ra nhan nhản. Khi có người tập trung, điều gì xảy ra nếu những người khác dừng lại chỉ để xem chuyện gì hấp dẫn thế? Lờn đồn sẽ lan ra qua đám đông. Máy ảnh sẽ lóe sáng. Nhiều người hơn sẽ bu quanh hiện trường, việc đi lại của khách bộ hành trong giờ cao điểm càng hậu thuẫn cho sự kiện, sự cáu kính sẽ bộc phát, vệ binh quốc gia được gọi đến; khói cay, đạn cao su...

Kết luận: Khi sự việc xảy ra, chính xác có một người nhận ra Bell và chị đến ngay khi phần biểu diễn gần kết thúc. Đối với Stacy Furukawa, một nhà dân số học tại Bộ thương mại, không nghi ngờ gì. Chị không biết nhiều về âm nhạc cổ điển nhưng chị đã ở trong số thính giả trước đó ba tuần tại buổi hòa nhạc miễn phí của Bell ở Thư viện Quốc hội. Và đó, chính ông ta, một nhạc sĩ quốc tế bậc thầy, đang cửa nhạc cụ để xin tiền, chị không biết điều quái quỉ gì đang diễn ra ở đó nhưng dù là gì đi nữa chị sẽ không bỏ lỡ sự kiện.

Furukawa chọn chỗ đứng cách Bell khoảng 3 mét ngay giữa hàng đầu, gương mặt chị có nụ cười phóng khoáng. Nụ cười đó và Furukawa vẫn giữ nguyên trên video cho đến hồi kết thúc.

“Đó là một điều kinh ngạc nhất mà tôi được thấy tại Washington”, Furukawa nói. “Joshua Bell đã đứng đó chơi nhạc trong giờ cao điểm và người ta đã không dừng lại và thậm chí không nhìn và một vài người còn búng những đồng 25 xu vào ông ta nữa. Những đồng 25 xu! Tôi chưa từng làm thế với bất kỳ ai. Tôi đã nghĩ “Ồi dào! Tôi đang sống trong một thành phố loại gì mà có thể xảy ra một điều như thế?”

Khi cuộc biểu diễn kết thúc, Furukawa tự giới thiệu mình với Bell và ném vào hộp 20 đôla. Không kể khoản tiền đó – nó đã làm hỏng buổi biểu diễn – thì số tiền

kiếm được cho 43 phút biểu diễn của Bell là 32 đô 17 xu. Vâng, một vài người đã cho tiền xu.

“Thật ra”, Bell cười, “không tệ lắm, nghĩ xem: 40 đô một giờ. Tôi có thể kiếm sống tạm ổn bằng cách làm này và tôi sẽ không phải trả lương cho người đại diện”.

Những ngày này, tại thương xá L’Enfant Plaza công việc bán vé số vẫn tất bật. Các nhạc sĩ đường phố thi thoảng vẫn có mặt và họ vẫn lánh xa Edna Souza. Album mới nhất của Joshua Bell “Voice of the Violin” đã nhận được những phê bình như thường lệ (“Sự khẩn cấp tế nhị”, “Sự gần gũi bậc thầy”, “Sự thấm thía khôn nguôi”, “Một đỉnh cao âm nhạc”... “Sẽ làm tim bạn đập và thốn thức”)

Bell đang trên đường lưu diễn ở các thủ đô châu Âu. Nhưng tuần này ông sẽ quay lại nước Mỹ. Ông phải có mặt. Vào thứ ba, ông sẽ nhận giải Avery Fisher thừa nhận kẻ thất bại tại thương xá L’Enfant Plaza là nhạc sĩ cổ điển tài năng nhất nước Mỹ.